

294.343 509 597

ĐC

CH 501 V

TRƯƠNG PHÚC NGUYÊN

(Tuyển chọn và hệ thống)

CHỖA

VIỆT NAM

**di tích lịch sử, văn hóa
cấp Quốc gia**



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

CHỮA
VIỆT NAM
di tích lịch sử, văn hóa
cấp Quốc gia

TRƯƠNG PHÚC NGUYỄN

(Tuyển chọn và hệ thống)

CHỮA
VIỆT NAM
di tích lịch sử, văn hóa
cấp Quốc gia

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

202118CIVL 001798

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI GIỚI THIỆU

Hiện nay chưa xác định được thời gian đạo Phật du nhập vào Việt Nam và khởi sự phát triển như thế nào? (Một nghiên cứu cho rằng đạo Phật vào Việt Nam trong khoảng thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ hai trước Công nguyên, đánh dấu bằng truyện "Nhất Dạ Trạch" trong tập Lĩnh Nam trích quái kể lại việc Chử Đồng Tử được học đạo Phật với một nhà sư tên là Phật Quang*) Nhưng những đóng góp của Phật giáo cho văn hóa, lịch sử Việt Nam tính từ thời kỳ Bắc thuộc (từ khởi nghĩa Hai Bà Trưng, năm 40-43 sau Công nguyên) xuyên suốt cho đến thời đại ngày nay thì đạo Phật đã gắn kết bền chặt trong sinh hoạt văn hóa đời thường và tâm thức của người dân Việt ta.

Thời nhà Đinh, nhà tiền Lê, nhà Lý, nhà Trần Phật giáo Việt Nam có ảnh hưởng lớn đến các Triều đại. Đã có nhiều vị cao tăng được triều đình trọng dụng như thiền sư Pháp Thuận, Khuông Việt, Vạn Hạnh, Minh Không, Pháp Loa, v.v. ra giúp tham chính và cố vấn, giúp chèo lái con thuyền đất nước trong những lúc khó khăn. Thời nhà Đinh, Đinh Tiên Hoàng để lập ra chức tăng thống và Tăng lục để đại diện cho Phật giáo với chính quyền.

Nhằm tôn vinh đạo Phật và ghi nhớ công ơn các Hòa thượng, ghi nhớ nhân dân đã có công xây dựng chùa ở khắp mọi miền tổ quốc, chúng tôi tổ chức biên soạn nội dung cuốn sách, tên gọi "Chùa Việt Nam – Di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia", với mục đích phục vụ bạn đọc hiểu thêm về lịch sử nguồn gốc các ngôi chùa ở xứ Việt, qua đó chúng ta biết xây dựng, vun đắp văn hóa truyền thống, văn hóa tâm linh ngày một tiến bộ hơn.

Chúng tôi sắp xếp các ngôi chùa theo tỉnh, thành phố (các tỉnh được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái), và trong quá trình biên soạn chúng tôi rất cố gắng đưa hết thông tin các ngôi chùa đã được xếp hạng di tích cấp Quốc gia vào đây, song chắc hẳn sẽ còn thiếu (như một số ngôi chùa chưa được liệt kê vào đây). Có dịp tái bản cuốn sách, chúng tôi sẽ bổ sung những thiếu sót kể trên để nội dung hoàn chỉnh hơn.

Quá trình hệ thống chúng tôi có tham khảo nhiều nguồn tư liệu (có dẫn nguồn) ở các trang website, nhân đây chúng tôi chân thành cảm ơn những người đi trước đã trình bày hệ tư tưởng giúp chúng tôi có dịp may tham khảo biên soạn cuốn sách này. Mọi thông tin góp ý về nội dung cũng như chế độ bản quyền xin liên hệ: Trung tâm Pháp Luật Sài Gòn Hà Nội, địa chỉ: 141/20 khu phố 3, phường Thạch Lộc, quận 12, TP.Hồ Chí Minh.

Chân thành cảm ơn và xin giới thiệu bạn đọc gần xa cuốn sách này!

TRUNG TÂM PHÁP LUẬT SÀI GÒN HÀ NỘI

* Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập 1, Nguyễn Lang, Nhà xuất bản văn học, 2014.

AN GIANG

CHÙA HANG

Chùa Hang, (còn được gọi *Phước Điền Tự*), tọa lạc nơi triền núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Chùa Hang đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 10 tháng 7 năm 1980.

Người sáng lập Phước Điền Tự là bà Lê Thị Thợ, sinh năm Mậu Dần (1818), làm nghề thợ may nên thường gọi là bà Thợ. Sau khi gặp cảnh đời ngang trái, bà đã từ bỏ cuộc sống đời thường tìm đến núi Sam vào chùa Tây An xin qui y với pháp danh Diệu Thiện. Tu được một thời gian, nhận thấy chùa Tây An đông người lui tới và bị chính quyền bấy giờ theo dõi nên bà đi lần về hướng tây gặp cái hang sâu yên tĩnh, vắng người, rậm rạp cây cối nên ở lại dựng am tu hành. Sau đó ít lâu, dân sùng đạo địa phương mến mộ công đức của bà nên góp công, góp của xây dựng thành ngôi chùa rộng lớn hơn và từ đó trở thành Phước Điền Tự, nhưng người ta vẫn thường gọi là chùa Hang.

Tương truyền trong hang sâu có cặp rắn rất lớn. Con xanh tên Thanh xà, con trắng tên Bạch xà. Nghe tiếng kinh kệ, hai con rắn bò lên và sau đó được bà Thợ thuần phục. Chúng không hại người mà đêm đêm còn đến nằm khoanh tròn sau lưng bà nghe kinh, ăn đồ chay cúng Phật và trông chừng thú dữ, kẻ gian, bảo vệ yên tĩnh chốn tu hành.

Hiện nay, để tránh nguy hiểm, hang được lấp kín chỉ còn lối đi vào sâu khoảng 10m, trông rất âm u, huyền bí. Từ chân núi đến chùa Hang là đường bậc thang vừa để dễ đi vừa tạo thêm nét đẹp giữa những khối đá chập chùng. Đoạn đường đủ để người ta đi một hơi rồi đứng lại hít thở không khí trong lành, ngược nhìn cảnh chùa cao vời vợi hay ngắm cảnh đồng bằng bao la bát ngát.

Trước chùa có hai ngôi bảo tháp màu sắc sặc sỡ, hài hòa, chạm khắc công phu, đứng uy nghi trên sườn núi. Phía dưới là bảo tháp của Hòa thượng Thích Huệ Thiện, vị sư trụ trì đời thứ hai. Phía trên là bảo tháp của bà Thợ. Trước bảo tháp của bà Thợ là mộ thầy Thông Phán, tức ông Nguyễn Ngọc Cang, người đóng góp rất nhiều cho đợt trùng tu lần đầu tiên. Chính giữa chùa thờ tượng Phật Thích Ca cùng với các vị Quan Âm, A Di Đà, Đại Thế Chí ở hai bên. Đặc biệt, phía trước là cây cột phướng đồ sộ cao hơn 20m. Dưới thềm chùa là hai tượng sư tử bằng xi-măng khá sinh động. Bên trái chùa là ngôi Tây lang và bên phải là Đông lang.

Chùa Hang là một trong những ngôi chùa có công trình nghệ thuật nguy nga và tráng lệ của mảnh đất An Giang.



Chùa Hang

<https://mytour.vn/location/1610-phuoc-dien-tu-chua-hang-chau-doc-an-giang.html>

CHÙA LINH SƠN

Chùa Linh Sơn còn được gọi là chùa Phật bốn tay núi Ba Thê, tọa lạc tại xã Vọng Thê, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Chùa Linh Sơn đã được công nhận là di tích *kiến trúc nghệ thuật* vào ngày 18 tháng 1 năm 1988, ngoài ra chùa Linh Sơn còn sở hữu kỷ lục: Tượng Phật bốn tay và hai tấm bia đá lâu năm và lớn nhất.

Nguyên thủy, tượng có màu đen của loại đá cổ, sau khi khai quật lên, người ta đắp thêm phần chân theo tư thế ngồi kiết già. Tượng đặt trong chánh điện giữa hai tấm bia đá chùa Linh Sơn. Chùa Linh Sơn nổi tiếng xây dựng vào năm 1913. Chùa nằm trên nền một gò đất cao, bên những đại thụ râm mát, dưới chân núi Ba Thê, trong khu di tích Nam Linh Sơn thuộc nền văn hóa Óc Eo.

Vào năm 1913, dân địa phương phát hiện một pho tượng Phật bốn tay ở tư thế đứng, cao 1,7 mét, chiều ngang hai đầu gối dài 1,16 mét, hai vai dài 0,8 mét nằm sâu trong lòng đất khoảng hai mét, tại khu vực dân cư gần chợ Ba Thê. Trước đó, người hành hương cũng đã tìm thấy hai tấm bia được làm bằng đá bùn có chiều cao khoảng 1,8m, dày khoảng 0,22 mét, khắc chữ cổ mà nhiều nhà nghiên cứu nói có thể là chữ viết của dân tộc Phù Nam xưa. Vì vậy, dân quanh vùng khi ấy đã dựng lên ngôi chùa đặt tên là Linh Sơn tự để tôn thờ tượng Phật và gìn giữ hai bia đá cổ.

Các nhà chuyên môn cho biết, tượng Phật bốn tay và hai tấm bia đá có niên đại vào khoảng từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ VI sau Công nguyên, mang mô típ mỹ thuật Bà-la-môn có nguồn gốc từ Ấn Độ tương tự tượng thờ Bà Chúa Xứ ở núi Sam (Châu Đốc). Nguyên thủy, tượng có màu đen của loại đá cổ, sau khi khai quật lên, người ta đắp thêm phần chân theo tư thế ngồi kiết già. Tượng đặt trong chánh điện giữa hai tấm bia đá chùa Linh Sơn nổi tiếng ấy, tay phải trên nắm lấy râu chuối, tay phải dưới cầm trái châu, tay trái trên cầm ấn A Di Đà, tay trái dưới nắm cái lỉnh.



Chùa Linh Sơn

<http://chuanoi-tieng.com/chua-noi-tieng-viet-nam/chua-linh-son-giang-noi-tieng-co-tuong-phat-va-bia-da-ky-luc/>

CHÙA BÀ LÊ (PHƯỚC HỘI TỰ)

Chùa Bà Lê ở xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chùa Bà Lê đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo quyết định số 235/VH-QĐ, ngày 12 tháng 12 năm 1986.

Chùa được bà Ông Thị Lê, một người Hoa ở Cái Tàu Thượng xây dựng vào năm 1897 nhằm có nơi cho nhiều người Hoa đến cúng viếng. Chùa ban đầu được xây dựng đơn sơ với cột tràm, tre lá, mái ngói âm dương. Đến năm 1900, Hòa thượng Quảng Đạt tiếp nhận chức vụ trụ trì và trùng tu lại ngôi chùa. Là một trí thức yêu nước, thầy Quảng Đạt đã dạy dỗ cho đệ tử là Hòa thượng Bửu Đồng sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng và động viên thầy tham gia hoạt động cách mạng vào năm 1930. Đến năm 1945, Hòa thượng Bửu Đồng được kết nạp Đảng, nhận công tác giao liên và nuôi chứa cán bộ. Năm 1945, chùa Bà Lê đã trở thành trụ sở Ủy ban Hành chính

kháng chiến. Cuộc Tổng tiến cử bầu Ủy ban Hành chính xã cũng được diễn ra tại chùa vào năm 1948. Từ năm 1960 – 1975, do chính quyền Mỹ - ngụy kiểm soát gắt gao nên lực lượng cách mạng phải hoạt động bí mật. Để qua mắt chính quyền tay sai, Hòa thượng Bửu Đồng đã xây dựng một căn phòng nhỏ là nơi nghỉ ngơi của cán bộ, để khi có lính đến khám xét, các cán bộ sẽ ẩn nấp phía sau một cái tủ vách đôi được che chắn rất cẩn thận. Bà Ngô Thị Lan, con của thầy Ngô Bửu Đồng, người đã phụ cha làm nhiệm vụ thời đó nhớ lại: “Cha tôi phải cực nhọc lắm mới bảo vệ được cán bộ. Bởi lính nghi ngờ chùa nuôi giấu cách mạng nên tiến hành khám xét mỗi ngày. Các cô chú được báo tin có lính đến đã nhanh chóng nấp phía sau tủ, đứng ép người vào khoảng không giữa vách tủ và bức tường rất chật hẹp. Ấy vậy mà có 7 đến 8 cô chú cùng ẩn nấp, có khi họ phải đứng trong đó suốt cả ngày và được tiếp tế bằng sữa và mì gói. Đến khi được ra khỏi thì bàn chân đã bị sưng mủp”.

Theo dõi thường xuyên nhưng không phát hiện những người hoạt động cách mạng nên năm 1969, viên xã trưởng đã bắt nhốt thầy Bửu Đồng. Trong suốt 14 tháng bị giam cầm và bị giải qua nhiều nhà tù với nhiều hình thức tra tấn dã man, thầy Bửu Đồng đã không khai nửa lời. Nhờ sự chở che của thầy mà hàng trăm cán bộ đã được bảo vệ an toàn. Đó chính là thế hệ của ông Nguyễn Văn Hơn, Nguyễn Văn Cửa, Lê Hồng Chư, Huỳnh Văn An, Lê Hồng Tợ, Lê Thị Nhan... đến những lớp thế hệ trẻ như Huỳnh Thị Hường, Lê Thị Pha, Nguyễn Hữu Lê, Lê Hồng Tươi, Ngô Thị Lan...

Trải qua giai đoạn chống Pháp và chống Mỹ, chùa Bà Lê đã không ít lần bị hư hỏng, có khi bị phá hỏng phần chánh điện, chỉ còn phần hậu tổ. Ông Ngô Hồng Lăng, con trai của thầy Bửu Đồng, người đã gắn bó với chùa từ năm 1954 đến nay chia sẻ: “Mỗi lần chùa bị hư hại, tôi đều cố gắng vận động bà con nhân dân, Phật tử chung tay đóng góp để xây dựng lại ngôi chùa cho khang trang, tươm tất. Nhờ vậy, mới bảo vệ được những giá trị kiến trúc và lịch sử của ngôi chùa để các thế hệ con cháu đời sau đến tham quan, chiêm bái”.

Hiện nay, khuôn viên chùa ngày được mở rộng, được trang trí với nhiều loại cây kiểng. Bên trong chùa gồm có 3 khu chính: Chánh điện, hậu tổ và nhà trú. Tại chánh điện, chùa thờ các Phật và các La hán. Còn gian hậu tổ, chùa để thờ các vị tổ, hòa thượng có công xây dựng chùa. Ngoài ra, chùa còn có bàn vong thờ liệt sĩ và người có công cách mạng của địa phương. Ngày nay, vào những ngày rằm lớn, người dân địa phương và Phật tử khắp nơi thường đến chùa cúng bái, đồng nhất là vào dịp lễ 30-4.



Chùa Bà Lê

<https://baoangiang.com.vn/chua-ba-le-noi-nuoi-giau-can-bo-cach-mang-qua-hai-thoi-ky-a40116.html>

CHÙA GIỒNG THÀNH

Chùa Giồng Thành (còn có tên là Long Hưng tự) ở khóm Long Hưng 2, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chùa Giồng Thành đã được xếp di tích lịch sử cấp quốc gia theo quyết định số 235-VH/QĐ, ngày 12 tháng 12 năm 1986.

Sở dĩ gọi là Giồng Thành vì chùa được xây dựng trên một giồng đất cao, vốn là thành lũy vào thời Nguyễn. Vào năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), khi Nguyễn Tấn Lâm và Nguyễn Công Trứ dẹp xong cuộc nổi

dậy của Lâm Sâm ở Trà Vinh, thì quân Xiêm lại đem binh thuyền sang đánh phá đất Việt. Vua bèn sai Nguyễn Tấn Lâm và Nguyễn Tri Phương giữ mặt Tiền Giang, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Công Nhân giữ mặt Hậu Giang, và cử thêm Lê Văn Đức đem binh phối hợp. Các vị tướng này chia thành ba mũi cùng tiến công, khiến quân Xiêm bị thua to, rút chạy về nước... Để bảo vệ bờ cõi lâu dài, vua nhà Nguyễn ban lệnh cho tướng sĩ đến vùng đất gần tiếp giáp biên giới, tức Tân Châu Đạo, chọn địa điểm đào (nơi đào lầy đất biến thành hào) và đắp thành một gò đất cao, xa trông như cái "giồng", để xây dựng một thành lũy. Thời Pháp thuộc, thành lũy bị sụp đổ, giồng đất trở nên hoang vu.

Năm 1875, hoà thượng Trần Minh Lý đứng ra dựng chùa bằng vật liệu tre lá đơn sơ. Sau có người phát tâm hiến đất và gạch ngói để trùng tu và mở rộng chùa. Đến năm 1927, hoà thượng Chánh Hườn - tục gọi hoà thượng Điền - đứng ra xin nhà cầm quyền Pháp cho đi quyên góp những người mộ đạo, để xây cất lại ngôi chùa. Năm 1970, hoà thượng Chôn Như cho trùng tu lại chùa theo kiến trúc kiểu Ấn Độ, khiến chùa có diện mạo như ngày nay.

Tại đây vào những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, tổ chức Kèo Vàng, Kèo Xanh của Phan Xích Long đã tập hợp thu hút người yêu nước chống Pháp. Chùa cũng là nơi mà cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã sinh sống một thời gian trước khi về Cao Lãnh. Trong thời kỳ 1954 - 1975, chùa Giồng Thành tiếp tục là cơ sở của tỉnh ủy Châu Đốc, huyện ủy Tân Châu và là điểm giao liên của Khu 8, Trung ương cục miền Nam. Đặc biệt nơi đây từng là chỗ trú ngụ an toàn cho các nhân vật lãnh đạo cấp cao của đảng Cộng sản như: Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt...

Chùa Giồng Thành nằm nép mình dưới những hàng cây cao tạo cho du khách một cảm giác yên bình khi bước vào khuôn viên. Nhìn từ bên ngoài, chùa mang dáng dấp kiến trúc Ấn Độ với mái tháp có hai tầng hình phễu, trang trí nhiều họa tiết hoa văn trang nhã. Chùa có lối kiến trúc tổng thể theo hình chữ Hỷ - 喜 với 3 gian: chánh điện, nhà giảng và hậu tổ. Hiện nay, chùa còn giữ được một hiện vật là giường ngủ của cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc và đã xây dựng nhà trưng bày những di tích lịch sử trong đó có một số hình ảnh liên quan đến cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hằng năm, vào các ngày rằm lớn như ngày rằm tháng Giêng, rằm tháng Bảy, rằm tháng Mười, thiện nam tín nữ địa phương và các nơi khác đến dâng hương rất đông. Ngày 19-05 được xem như ngày hội của nhà chùa với nhiều hoạt động mang tính chất văn hoá truyền thống đặc sắc để kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Chùa theo kiến trúc kiểu Ấn Độ

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=Ch%C3%B9a+Gi%E1%BB%93ng+Th%C3%A0nh&type=A0>

CHÙA HOÀ THẠCH

Chùa Hòa Thạch (*thường gọi là chùa Cây Mít*) ở ấp Tây Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Chùa Hòa Thạch đã được xếp di tích lịch sử cấp quốc gia theo quyết định số 983-VH/QĐ, ngày 04 tháng 08 năm 1992.

Hòa Thạch cổ tự do nhân dân thôn Nhơn Hòa (nay là xã Nhơn Hưng) xây dựng từ năm 1847, ban đầu rất đơn sơ bằng cây tạp, vách lá, mái tranh.

Theo một số vị cao niên trong làng kể lại, nơi đây toàn rừng rậm, cây cối mọc um tùm, và có rất nhiều gỗ mít. Thấy vậy, các vị sư mới dùng gỗ mít cất chùa và chạm khắc tượng để thờ cúng. Năm 1913, trong lúc chùa bị cháy người dân ở gần chùa cùng các vị tu hành kịp khiêng, vác các pho tượng ra khỏi chùa. Cho nên, nhà chùa mới giữ được các pho tượng gỗ quý đến ngày nay. Riêng pho tượng Ngọc Hoàng thì bị cháy nám, nay còn dấu tích để lại. Sau đó, ngôi chùa bị hỏa hoạn thiêu rụi.

Năm 1925, nhờ sự đóng góp của bà con trong vùng và Phật tử các nơi, chùa Hòa Thạch được xây dựng lại khang trang hơn.

Giống như các chùa khác ở Đồng bằng sông Cửu Long, chùa Hòa Thạch cũng được xây theo bố cục kiến trúc thống nhất. Chính diện chùa là ao Liên Trì được xây dựng vào năm 2009. Trên ao có lối đi dẫn đến tượng Phật Bà Quan Âm cưỡi rồng rất đẹp. Bên trái là đền thờ Phật Di Lặc, bên phải chùa là hai bảo tháp. Trong chính điện, chùa còn bảo tồn nhiều pho tượng cổ có giá trị nghệ thuật độc đáo.

Trước chùa Hòa Thạch hiện có một tấm bia tường niệm có hình quốc huy Việt Nam, ở giữa quốc huy là một tấm bảng ghi ngày tháng năm cụ Nguyễn Sinh Sắc đến chùa. Cụ thể như sau: "Hòa Thạch cổ tự (chùa Cây Mít) xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Nơi đây, từ năm 1921-1923, cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đến ở để hoạt động, truyền bá tinh thần yêu nước. Bia xây dựng tháng 12 năm 1989".

Hằng năm, vào những ngày 12 và 13 tháng 8 âm lịch, rất nhiều Phật tử tụ hội về đây để lễ bái, cầu nguyện cho những linh hồn quá cố được siêu sinh, cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa để nhân dân có được cuộc sống ấm no, sung túc và hạnh phúc.

Trở về quá khứ, năm 1911, Hòa thượng Huỳnh Hồng Diệp⁽¹⁾ ở chùa Mai Sơn, xã Xuân Tô, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc chuyển về Hòa Thạch làm trụ trì. Năm 1913, chùa bị cháy, nhân dân đóng góp để xây dựng lại chùa bằng danh mộc, vách ván, mái lợp ngói âm dương, cách nền cũ khoảng 40 m.

Năm 1925, hòa thượng Huỳnh Hồng Diệp cho xây dựng lại chùa khang trang như hiện nay, rộng 11,5 m, dài 40 m.

Về kiến trúc: chùa Hòa Thạch được xây dựng theo kiến trúc Phật giáo. Chùa là một khối hình chữ nhật, diện tích 11,5 m x 40 m, cao trên dưới 15 m. Có hai mái chính ở đằng trước và đằng sau, và hai mái bên, được dựng trên nền cao 0,5 m, các mái lan xuống thấp với các đầu đao ở bốn góc cong lên, nhìn tổng thể ngôi chùa giống như một đóa hoa khổng lồ đang độ nở.

Không gian kiến trúc ngôi chùa là sự tổng hợp của vạn vật với môi trường xung quanh như sân, hồ, vườn, thể hiện sự gần gũi với thiên nhiên. Hằng năm có rất nhiều Phật tử đến chùa để cầu nguyện. Đây cũng là nét văn hóa đặc trưng của người dân Nam Bộ. Ngoài giá trị lịch sử, chùa Hòa Thạch còn được biết đến bởi giá trị văn hóa độc đáo, đó là những giá trị kiến trúc tinh tế, tiêu biểu cho kiến trúc chùa tháp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhìn bên ngoài cứ tưởng tượng Phật làm bằng thạch cao. Chẳng ngờ các pho tượng được chạm khắc bằng gỗ, bởi giống hệt những bức tượng thạch cao, trông đẹp lộng lẫy. Nhưng khi lại gần và lấy ngón tay gõ vào thì mới biết đó chính là những pho tượng gỗ. Từ đó cho thấy, tài nghệ thuật chạm khắc thời bấy giờ rất công phu và điêu luyện.

⁽¹⁾ Tra cứu trong tài liệu Phật giáo không thấy có tên Hòa thượng Huỳnh Hồng Diệp và cũng không có pháp danh. Có tư liệu lại ghi: "Đại đức Thích Thiện Chiếu, Trụ trì chùa Cây Mít, cho biết chùa do Tổ sư Tiên Giác (tức Hòa thượng Thích Hải Tịnh) xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XIX. Ngày trước, Hòa thượng Thích Hải Tịnh đến núi Sam, ở lại chùa Tây An tu một thời gian, rồi ngao du đến vùng Bảy Núi. Khoảng năm 1850, Hòa thượng Thích Hải Tịnh dùng chân tại ấp Tây Hưng (xã Nhơn Hưng) xây dựng chùa Cây Mít với mục đích truyền giáo lý Phật pháp để răn dạy chúng sinh ăn ở hiền lành. Sau đó, hòa thượng tiếp tục đi giáo hóa nơi khác. Trong thời gian này, chùa Cây Mít không có người trông coi, các vị bổn đạo của chùa mới thỉnh Hòa thượng Thích Viên Minh về làm trụ trì... , tuy nhiên khi tra cứu về tiểu sử Tăng cang Tiên Giác – Hải Tịnh thì không thấy có phần nào nói về Hòa thượng Thích Hải Tịnh với chùa Cây Mít!

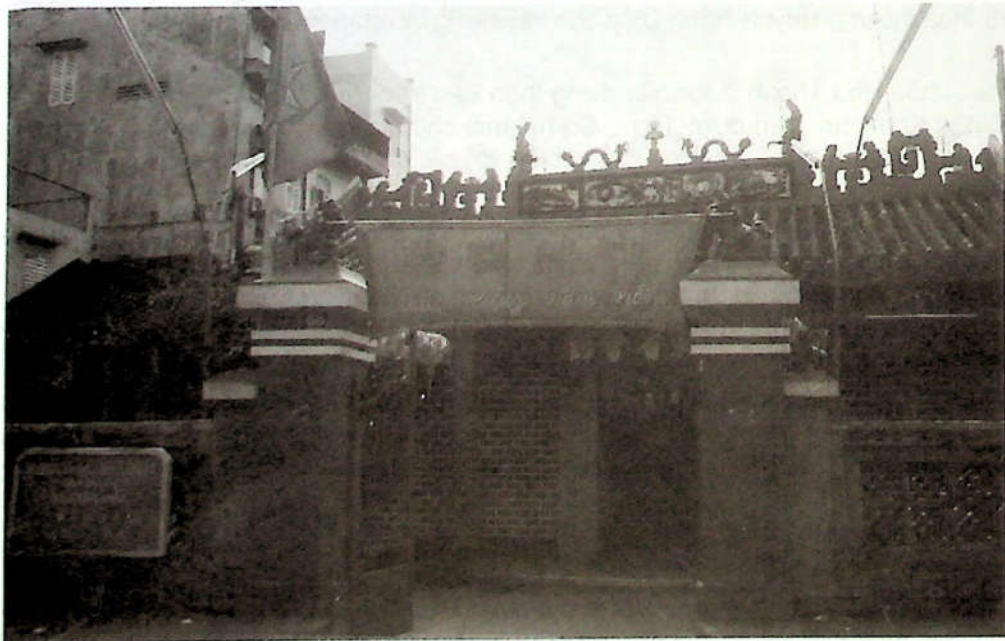


Chùa Hòa Thành năm 1990

<http://chuaxaloivn.com/thong-tin/hoa-thanh-co-tu/1122.html>

CHÙA ÔNG BẮC

Chùa Ông Bắc - tên chữ là Quảng Đông tỉnh hội quán (chữ Hán: 廣東省會館), ở đường Phạm Hồng Thái, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Chùa Ông Bắc đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia theo quyết định số 112-VH/QĐ, ngày 15 tháng 06 năm 1987.



Cổng chùa Ông Bắc

Chùa được xây dựng cách đây trên 100 năm bởi những người Hoa từ tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) để làm nơi hội họp, sinh hoạt. Đến năm Giáp Ngọ 1887, ông Quảng Thành Lợi và Hòa Mậu Xương là hai người

Hoa giàu có trong vùng, đứng ra vận động đồng hương và người dân tín ngưỡng đóng góp tiền của khởi công sửa chữa. Qua 4 năm xây dựng, đến năm Mậu Tuất 1891, chùa được hoàn thành và trở thành một công trình kiến trúc nghệ thuật đẹp và tiêu biểu của thành phố Long Xuyên.

Chùa có diện tích 400m², kiến trúc theo hình chữ Quốc (國). Mái chùa lợp ngói đại ống tráng men xanh, trên cạnh nóc chùa chạm khắc hình bát tiên, voi, rồng, phượng, cá... cùng những bức phù điêu, hoa văn cổ mang sắc thái nghệ thuật nhà Nguyễn pha lẫn kiến trúc nghệ thuật Trung Quốc. Khung bao cửa chính ra vào chùa được xây bằng những tảng đá xanh chạm khắc tinh xảo, tường gạch trát vôi, nền lát gạch hoa. Nội thất chùa có cấu trúc phong thủy, thoáng mát, trên đỉnh cao tứ giác có nhiều bức chạm trổ đẹp, hình tam cấp tượng trưng cho ba cõi: Thiên, Địa, Nhân.

Trong chùa có 3 khánh, một tủ thờ sơn son thiếp vàng, một chuông đồng, đỉnh đồng... Bên hông chùa còn có ba bia đá ghi bằng chữ Hán kể lại lịch sử xây dựng chùa. Người được thờ tại chính điện là Bắc Đế, bên trái thờ Thiên Hậu, bên phải thờ Quan Công. Ngoài ra Phật Thích Ca, Địa Tạng Bồ Tát, Ngọc Hoàng Thượng Đế ... cũng được thờ tại đây.

Tất cả tập hợp thành một bản sắc văn hóa của người Hoa đã hòa nhập lâu đời vào nền văn hóa Việt Nam. Chùa Ông Bắc góp thêm công trình nghệ thuật nguy nga và tráng lệ của mảnh đất An Giang.

<https://mytour.vn/location/1614-chua-ong-bac.html>

CHÙA TÂY AN

Chùa Tây An (còn được gọi là Chùa Tây An Núi Sam), tọa lạc tại ngã ba, dưới chân núi núi Sam, thuộc phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Ngôi chùa này đã được Bộ Văn hóa xếp hạng là di tích "kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia" theo quyết định số: 92/VH.QĐ ngày 10 tháng 07 năm 1980; và đã được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam chính thức công nhận đây là "ngôi chùa có kiến trúc kết hợp phong cách nghệ thuật Ấn Độ và kiến trúc cổ dân tộc đầu tiên tại Việt Nam".

Năm 1847, Tổng đốc An-Hà (An Giang và Hà Tiên) là Doãn Uẩn (1795-1850) vui mừng vì lập được đại công đánh đuổi được quân Xiêm La, bình định được Chân Lạp, nên đã cho xây dựng một ngôi chùa bằng tường gạch, nền cuốn đá xanh, mái lợp ngói; và đặt tên là Tây An tự với hàm ý trấn yên bờ cõi phía Tây.

Năm 1861, Hòa thượng Hoàng Ân (Nguyễn Nhất Thừa) cho trùng tu lại chính điện và hậu tổ. Năm 1958, Hòa thượng Thích Bửu Thọ (1893-1972) đứng ra vận động xây dựng mới ba ngôi cổ lâu, mặt chính và ngôi chính điện, nên chùa có diện mạo như ngày hôm nay.

Vị sư trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Nguyễn Văn Giác (1788-1875), pháp hiệu *Hải Tịnh*, tu theo phái Lâm Tế, nên có người còn gọi chùa Tây An là chùa Lâm Tế.

Cũng trong khoảng thời gian này (tức vào những năm 1850) ông Đoàn Minh Huyền (1807-1856), người sáng lập ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (1849) đến tu tại chùa, nên chùa càng nổi tiếng.

Các vị sư trụ trì chùa Tây An gồm: Hải Tịnh (thế danh Nguyễn Văn Giác), Hoàng Ân (thế danh Nguyễn Nhất Thừa), Huệ Quang (thế danh Nguyễn Trang Nghiêm), Thuận Hậu (thế danh Huỳnh Văn Đắc), Thiện Pháp (thế danh Ngô Văn Hòa), Thích Bửu Thọ (thế danh Nguyễn Thế Mật), Huệ Châu (thế danh Hồ Thạch Hùng), Định Long (thế danh Phạm Văn Trực), Huệ Kinh (thế danh Trần Văn Cung).

Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết về chùa Tây An như sau:

Chùa ở địa phận thôn Vĩnh Tế, huyện Tây Xuyên, nguyên tổng đốc Doãn Uẩn cho xây dựng năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Chùa đứng trên núi, mặt trước trông ra tỉnh thành, phía sau dựa vào vòm núi, tiếng người vắng lặng, cổ thụ âm u, cũng là một thắng cảnh thiên lâm vậy.

Chùa Tây An tọa lạc trên nền cao, thoáng rộng, trong khuôn viên có diện tích 15.000 m². Phía sau có núi Sam như bức bình phong nổi bật lên với màu xanh thẫm. Điểm ấn tượng nhất của chùa là mặt chính với ba ngôi cổ lâu nóc tròn hình củ hành, màu sắc sặc sỡ nhưng hài hòa.

Chùa cất theo lối chữ "tam", có kiến trúc kết hợp phong cách nghệ thuật Ấn Độ và kiến trúc cổ dân tộc Việt. Chùa được xây dựng với các vật liệu bền chắc như gạch ngói, xi măng. Nơi cổng tam quan là tượng Quan Âm Thị Kính, bên trong cổng là một sân chùa nhỏ có một cột phướn cao 16 m.

Mặt tiền chùa, ở giữa là tháp thờ Phật cao hai tầng. Tầng trên là tượng Phật đứng giữa lầu cao, đặt biệt ở giữa mặt tiền chùa là ngọn tháp được xây theo kiểu Menara Azan của các thánh đường Hồi giáo (Islam) với

mái vòm tròn, cao. Đây có lẽ là nét ảnh hưởng từ các kiểu kiến trúc của các làng Chăm Hồi giáo (Islam) mà cụ thể là thánh đường Mubarak, Châu Giang ở phía bên kia sông Hậu cách chùa Tây An không xa. Bốn cột tháp ở tầng dưới có các hộ pháp trấn giữ, phía trước có tượng hai con voi: bạch tượng và hắc tượng.

Chính điện là dãy nhà rộng, hai tầng mái, lợp ngói đại ống, cột gỗ căm xe, nền lát gạch bông. Hai bên là lầu chiêng và lầu trống hình tứ giác, trên đỉnh trang trí các tượng *tứ linh* (long, lân, qui, phụng) rất mỹ thuật. Đại hồng chung ở lầu chuông được tạo vào năm Tự Đức thứ 32 (1879).

Trong chính điện có khoảng 150 pho tượng lớn nhỏ: tượng Phật, Bồ tát, La hán, Bát bộ kim cương, Ngọc hoàng, Huỳnh đế, Thần nông v.v...Đa số tượng đều làm bằng danh mộc, chạm trổ công phu và mỹ thuật, tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc Việt Nam vào thế kỷ 19. Ngoài ra chùa còn có nhiều hoành phi và câu đối, màu sắc rực rỡ.



Chùa Tây An

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_T%C3%A2y_An

CHÙA PHI LAI

Chùa Phi Lai thuộc thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (chùa nằm đối diện chùa Tam Bửu, tổ đình của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, cách núi Tượng khoảng 200m về hướng Đông). Ngày 4/12/1997, chùa Phi Lai đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích Lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia, là nơi trưng bày tội ác của bọn diệt chủng với công luận trên toàn thế giới.

Chùa do Ngô Lợi cùng với tín đồ xây dựng vào ngày 19 tháng 1 năm 1877. Và giống như chùa Tam Bửu, chùa Phi Lai còn phải trùng tu vài lần vì bị thực dân Pháp đến đốt phá (*Đạo nạn*), mới có được diện mạo như ngày nay.

Trong những năm 1920, chùa này được Giáo hội Phật Giáo Việt Nam chọn làm nơi đào tạo tăng sinh để bố trí vào các chức vụ quan trọng của giáo hội. Đặc biệt đây là nơi sáng lập Hội " Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học".

Ngày 13/4/1978, bọn Pôn pốt bắt đầu tràn sang toàn biên giới Việt Nam - Cam Pu Chia mở màn cuộc thảm sát tàn khốc trong lịch sử loài người. Pháo của chúng bắn ào ạt sang xã Ba Chúc, Vĩnh Gia, An Nông, Lạc Quới Nhân dân quanh chùa phải chạy vào chùa Phi Lai để tránh đạn pháo, tổng số là trên 250 người. Tuy nhiên một trái pháo đã rơi xuống phía sau sân chùa, trúng vào dòng người đang ẩn náu làm hàng chục người dân thiệt mạng. Chưa dừng lại ở đời này, bọn diệt chủng tràn sang bắn giết người vô tội bất kể già, trẻ, gái, trai bằng những phương tiện giết người như gậy gộc, lưỡi lê, dao, kiếm và súng trường. Nhiều dân thường đã vào trú thân tại chùa với hy vọng bọn diệt chủng sẽ không lùng sục, giết người nơi cửa Phật. Trong đợt thảm sát này toàn xã Ba Chúc đã có hơn 3000 người dân bị giết, trong đó có trên 150 người bị giết chết tại khuôn viên nhà chùa Phi Lai.

Ngày 20/4/1978, quân Pôn-pốt tràn vào chùa Phi Lai, bắn bừa bãi vào hầm trú ẩn của nhân dân làm chết 50 người, những người sống sót chạy ra ngoài bị chúng bắn và dùng cây đập đầu chết rồi ném xuống những hố sâu, xác người nằm chất chồng quanh chùa khoảng 100 người.

Hiện nay chùa còn lưu giữ nguyên vẹn những vết máu của những người bị thương và căn hầm oan nghiệt đã cướp đi 39 sinh mạng người dân vô tội như những chứng tích của bọn sát nhân từ bên kia biên giới.



Chùa Phi Lai

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Phi_Lai

<https://phatgiao.org.vn/chua-phi-lai-va-nhung-ky-uc-kinh-hoang-d21878.html>

CHÙA TAM BỬU

Chùa Tam Bửu nép mình sát chân núi Tượng, tại thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Chùa Tam Bửu là 1 trong 4 di tích thuộc Cụm di tích kiến trúc, lịch sử cấp quốc gia được công nhận vào năm 1980 (chùa Tam Bửu, núi Tượng, chùa Phi Lai và Nhà mồ tập thể nạn nhân của bọn diệt chủng Polpot).

Chùa Tam Bửu do sư tổ Ngô Tư Lợi lập ra năm 1882. Tương truyền, ông đã dẫn hơn 400 hộ gia đình khắp Nam kỳ lục tỉnh lên núi Tượng khai hoang, lập ấp tạo thành thôn An Định. Cuối tháng Giêng năm Bính Tý 1876, ông khai sáng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa lấy bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương của Phật Thầy làm tổ, giữ từ ân, trọng hiếu nghĩa. Tín đồ khá đông mà toàn thể đều được dạy tôn thờ Phật đạo, dạy cư sĩ tại gia. Ông là người ghét Tây, mền những bậc trung lương ái quốc, nên trong bốn ân đó có ân Tổ quốc. Ông liên lạc với Quân Cơ Trần Văn Thành tham gia chống Pháp. Ông bất ngờ viên tịch vào năm Canh Dần 1890, trong lúc không đau ốm gì. Tương truyền xác ông được một mảnh hổ công vào giấu trong một hang núi và khô lại mà không hôi thối.

Chùa Tam Bửu nằm về phía Đông vách núi Tượng, cách chân núi hơn mười thước. Ban đầu, chùa được cất bằng cây lá đơn sơ và đã trải qua nhiều lần bị chiến tranh tàn phá. Theo tư liệu của tủ sách sưu khảo Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương do Hà Tân Dân biên soạn và một số vị cao đồ địa phương, thì đến năm 1885 chùa được tái thiết. Đến tháng 02-1888, khi chính quyền Pháp cho thôn An Định sáp nhập xã Ba Chúc (tỉnh Châu Đốc thời bấy giờ), chùa Tam Bửu mới được trùng tu khang trang. Tháng 04-1978, chùa lại bị tàn phá trong vụ thảm sát dã man tại Ba Chúc (Vụ thảm sát tại chùa Tam Bửu diễn ra vào ngày 17-04-1978, loạt pháo đầu tiên của bọn diệt chủng bắn trúng hậu liêu chùa Tam Bửu, một mảng tường sụp đổ. Những người trú nạn ở đây vừa bị thương, vừa bị tường đè kêu la thảm thiết, máu loang đầy nền chùa, 40 người chết, 20 người bị thương nằm chồng chất lên nhau. Sáng hôm sau, bọn chúng tràn vào chùa bắt hơn 800 người đang ẩn nấp nơi đây, cướp hết đồ đạc rồi chia theo nam nữ, đưa đi thảm sát tập thể. Nam bị đưa về cánh đồng Cầu Sắt Vĩnh Thông và giồng Ông Tượng. Nữ bị đưa về khu vực kinh Năm Xã. Trong chùa còn lại 4 người già yếu, bệnh tật

đi không được, chúng lội vào nhà khách bắn chết, sau đó đốt chùa. Trong số 800 người bị đưa đi có 2 người may mắn sống sót trở về là ông Nguyễn Văn Kinh và bà Nguyễn Ngọc Sương.)

Trải qua nhiều thăng trầm, ngày nay chùa Tam Bửu vẫn còn giữ được những nét kiến trúc cổ xưa với những mái ngói cũ có nóc chóp cao. Chùa tọa lạc trong khuôn viên rộng trên 3 ha. Ngoài ngôi chính điện còn có nhiều gian phụ như nhà khách, nhà tiếp tân, nhà bếp và nhà nghỉ có sức chứa hàng trăm người. Chùa hiện có khoảng 30 bàn thờ từ chính điện ra đến tận cột phương. Trong chính điện thờ Quan Thánh Đế Quân, Hội đồng Thượng Phật, Cửu huyền bá tánh, Thập vương, Hộ pháp, Chánh tăng, Phật vương, Phật thầy, Phật trùm... Tiền sảnh tạc 4 con rồng vào 4 trụ, gần cột phương thờ Thiên, Địa thân, Thổ trạch.

Trong chùa có một ngôi Long Đình cổ, được làm bằng gỗ cam đàn. Tương truyền, sau khi dựng xong chùa Tam Bửu, Ngô Lợi cho người lên núi Dài đốn cây cam đàn - một loại danh mộc - đem về đóng một ngôi thờ, gọi là Long Đình. Chính ông vẽ kiểu và cho kích thước, (chiều cao khoảng 3 m, bề ngang mỗi cạnh khoảng 2 m và 1,5 m). Ông rất coi trọng ngôi thờ này, tượng trưng cho một bề trên nào đó đang vắng mặt, mà tin đồ gọi là Đức Phật Vương. Ngày 21 tháng 4 năm Ất Dậu 1885, quân Pháp cùng cộng sự Trần Bá Lộc đánh chiếm núi Tượng lấy đi nhiều tài sản quý của chùa, trong đó có ngôi Long Đình, đem về Viện Bảo tàng Sài Gòn. Ban quản tự Tổ đình nhờ người đóng một ngôi Long Đình khác thay vào. Đến ngày 11-05-1977, chính quyền Việt Nam Cộng Hoà trao trả lại ngôi Long Đình cổ cho chùa. Ngôi Long Đình mới được dùng để thờ Đức Bổn Sư, tức Ngô Lợi, gọi là Khánh Tổ.

Hằng năm, ngoài các lễ thường có của đạo Phật, chùa Tam Bửu còn có nhiều lễ khác như:

- Đức Bổn Sư viên tịch (13-10 âm lịch)
- Rằm tháng bảy (Trai đàn)
- Cúng hội Chánh đản
- Đoan ngũ
- Giỗ tập thể...



Chùa Tam Bửu

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=Ch%C3%B9a+Tam+BB%ADu&type=A0>

CHÙA XÀ TÓN (XVAYTON)

Chùa Xà Tón (Xvayton) tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Ngày 12 tháng 12 năm 1986, chùa được Bộ Văn hóa ra quyết định số 235/VH-QĐ công nhận là một di tích kiến trúc nghệ

thuật cấp Quốc gia. Đầu năm 2006, *Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam* đã xác lập kỷ lục chùa Xà Tón là ngôi chùa lưu giữ nhiều nhất về sách kinh lá có tại Việt Nam.

Tương truyền, ngày xưa vùng này hầy còn hoang vu, rậm rạp, trên những nhánh cây cao lớn, từng đàn khỉ đeo nhau mà chuyền đi. Đến khi người dân đến đây sinh sống ngày một đông và xây dựng chùa, họ lấy ngay cảnh tượng vừa vui vừa lạ mắt này, đặt tên cho chùa là *Xvayton* với nghĩa Xvay là khỉ, ton là đeo, là niú kéo...Lâu dần, tên *Xvayton* biến âm thành *Xà Tón* cho dễ đọc.

Không biết chùa được xây dựng vào năm nào, chỉ nghe các sư sãi kể chùa Xà Tón đã có trên 200 năm.

Ban đầu, chùa được che dựng đơn sơ bằng lá và gỗ núi trên một nền đất thấp. Đến năm 1896, nhà chùa và nhân dân quanh vùng ra sức đào một cái hồ ở phía trước với diện tích 0.150 ha để lấy đất tôn cao nền chùa. Nền chùa đắp cao 1,8 m được xây bằng đá xanh, vôi, ô dước. Sau đó, chùa được khởi công xây dựng kiên cố bằng gạch ngói, cột bằng gỗ căm xe, qua hai năm công trình này mới hoàn thành và nó có diện mạo như ngày hôm nay.

Năm 1933, chùa Xà Tón có một lần sửa chữa nhỏ, cây kèo phía sau chính điện bị hư, Sãi cả Tà Um đã cho người thay bằng một cây kèo mới và xây thêm hai cây cột bê tông cốt sắt để phụ chống đỡ.

Giống như các chùa Khmer khác, chùa Xà Tón tuân theo một quy cách bố cục và kiến trúc thống nhất.

Chính điện chùa Xà Tón nằm ở trung tâm khu đất theo hướng Đông Tây, với nóc nhọn, hai mái cong gập lại. Trên nóc tháp chùa chính có cấu trúc *thần rắn Naga* nằm dài, tượng trưng cho sự đứng mãnh và bất diệt.

Mái chính điện lợp ngói được cấu trúc tam cấp, lợp ngói đỏ, xanh, vàng. Chung quanh ngôi chính điện là các tháp nhỏ, đẹp để dùng để lưu giữ hài cốt của các sư sãi ở chùa sau khi đã hỏa táng. Trên các đỉnh tháp nhỏ này được chạm hình *thần Bayon* bốn mặt, tức thần sáng tạo.

Bên trong chính điện rộng, có bốn hàng cột bằng gỗ căm xe, mỗi hàng bảy cây, nền chùa được lát gạch bông, tường gạch, vôi, ô dước.

Trên khắp các vách tường, phía trên, có vẽ nhiều tranh truyện cổ tích của Phật và các đệ tử. Ở một bên vách của nơi chính điện, có một tượng Phật lớn bằng xi măng ngời kiêu kiết già trên bệ cao và nhiều tượng nhỏ bằng bạc, bằng gỗ khá đặc sắc ở phía trước.

Bên ngoài chùa Xà Tón, phía trước có hồ lớn (*nơi đào để lấy đất tôn nền chùa*) trồng hoa sen, hoa súng. Đặc biệt ở phía bên trái ngoài những hàng dừa trĩu quả, còn có một tượng Phật lớn đang ngồi thiền định dưới bóng cây lăm vò có tuổi trên 100 năm, gốc khoảng mười người ôm, thân cao, cành lá xum xuê.

Theo truyền thống, chính điện của chùa là nơi hành lễ, thuyết pháp, còn nơi học, nơi ở của các vị sư là những dãy nhà khác, có phần nhỏ hơn nhưng cũng có hai *mái cong gập lại*, có nóc nhọn và hình tượng thần rắn Naga.



Cổng vào

Chùa Xà Tôn có những ngày lễ thường kỳ trong năm:

- Lễ: **Chol Chnam Thmay**: Lễ mừng năm mới, vào các ngày 13, 14, 15 tháng 4 dương lịch.
- Lễ **Pisat bo chia**: Lễ nhớ ơn Phật, kỷ niệm ngày Phật ra đời, vào ngày rằm tháng 4 âm lịch.
- Lễ **Chôl Neasa**: Lễ cấm cung, tức không cho các sư sãi ra khỏi chùa trong ba tháng, trừ trường hợp cha mẹ, thầy bệnh hoặc chính quyền cần đến, nhưng không được quá 7 ngày. Lễ bắt đầu từ ngày rằm tháng 6 âm lịch đến hết ngày rằm tháng 9 âm lịch.
- Lễ **Pha Chum Bênh**: tức lễ Đôn Ta (lễ ông bà, giống như lễ Thanh minh của dân tộc Kinh). Lễ kéo dài 15 ngày, từ ngày 1 đến ngày 15 tháng 10 dương lịch. Suốt những ngày này, người dân khmer mang bánh tét, hoa quả, cơm canh đến chùa cúng tế, để tỏ lòng biết ơn người quá cố và cầu an, cầu phúc cho gia đình...
- Lễ **Kà Thận**: Lễ sắm quần áo cho sư sãi, các vật dụng cho nhà chùa hoặc cho trường học trong làng.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_X%C3%A0_T%C3%B3n

NAM LINH SƠN TỰ

Nam Linh Sơn Tự thuộc thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ngày 12 tháng 2 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 39/2002/QĐ-BVHTT công nhận di tích Nam Linh Sơn Tự là Di tích quốc gia.

Trong các cuộc khai quật năm 1998 – 1999, các nhà khảo cổ đã tìm thấy 2 loại hình di tích văn hóa Óc Eo, đó là di tích kiến trúc và mộ táng. Về kiến trúc Nam Linh Sơn Tự có chiều dài khoảng 22m, rộng 17m trải dài trên một diện tích 200m chia thành nhiều ngăn lớn nhỏ, có sân trong và đường cong thoát nước gồm 1 hoặc 2 tầng được xây bằng gạch và đá. Những dấu vết đã tìm thấy của đường móng tiếp giáp sinh thổ ở độ sâu 2m so với mặt gò. Kiến trúc này có ít nhất là 2 giai đoạn xây dựng và sử dụng:

- Giai đoạn sớm (khoảng thế kỷ II sau công nguyên): Bên dưới chỉ còn lại mộ, được xây dựng bằng gạch. Cổ vật tìm thấy trong tầng văn hóa này là gốm mịn Óc Eo như: bát, vung, bình, chum, vàng...

- Giai đoạn muộn (khoảng thế kỷ VII sau công nguyên): Có dùng thêm đá để xây móng và vách ngăn. Trong tầng văn hóa này ngoài gốm mịn Óc Eo, còn xuất hiện ngói lợp và các loại gốm muộn khác, gốm thô thông dụng như: nồi nấu, đồ đựng, đồ đá.

Ngoài kiến trúc trên, năm 1999 các nhà khảo cổ còn phát hiện thêm toàn bộ phần chính của kiến trúc rộng 17,5m dài 20,5m, kiến trúc quay mặt về hướng Đông gồm các đường móng, vỉa bằng đá và gạch. Những vỉa này chia kiến trúc thành nhiều cấu trúc lớn nhỏ khác nhau gồm: sân, nền, sân, hành lang, bậc thềm, cống thoát nước.



Cổng chùa

Trong tầng văn hóa sâu nhất và xưa nhất của di tích kiến trúc đã phát hiện mộ chum cải táng. Chum được chôn trong lớp cát phân hủy từ đá hoa cương. Đây là lần đầu tiên các nhà khảo cổ đã phát hiện mộ chum trong một di chỉ Óc Eo.

Di tích Nam Linh Sơn Tự có niên đại từ thế kỷ I sau công nguyên và tiếp tục tồn tại cho đến thế kỷ VII thì tiêu vong và bị đất, cát chôn vùi. Kiến trúc này phản ánh một trình độ văn minh khá cao của dân cư cổ Phù Nam thuộc châu thổ sông Cửu Long nói chung và An Giang nói riêng hơn 10 thế kỷ trước.

http://www.dulichthoaison.com.vn/bai_viet/chi_tiet/di-tich-quoc-gia:-nam-linh-son.html

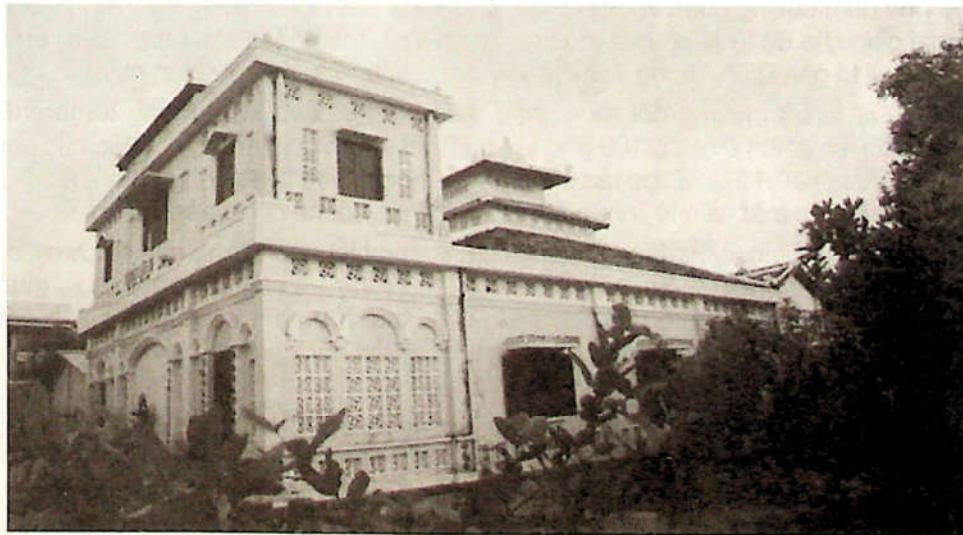
BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CHÙA PHƯỚC LÂM

Chùa Phước Lâm nằm trên con đường Nguyễn Bảo, phường 6, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Năm 1992 ngôi chùa Phước Lâm đã được xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia.

Chùa Phước Lâm có tổng diện tích trên 6000 m², được xây dựng vào năm 1886. Ngôi chùa cổ trước đây là dãy nhà 3 gian 2 chái, sườn kết cấu kiểu tứ tượng.- Một số tượng bài trí bên trong như A Di Đà, Hộ Pháp, Tiêu Diện bằng gỗ, ngoài ra đều là tranh vẽ. Sau năm 1956, ngôi chùa cũ bị phá bỏ, làm lại toàn bộ với diện tích mặt bằng được mở rộng. Trên nóc chùa, ba tháp chuông đã làm cho kiến trúc chùa Phước Lâm có nét riêng so với các ngôi chùa khác. Hàng chữ Phước Lâm Tự màu đỏ và năm trùng tu (1956) được ghi ở mặt trước. Từ cổng chùa có hai cửa vào chánh điện, trang trí mặt trước chùa khá công phu với việc cân gạch men, hoa văn màu sắc sỡ, hàng cột vuông và mái vòm cong ảnh hưởng kiến trúc Tây phương. Đặc biệt trước sân chùa còn hai cây cổ thụ: Cây ta-la vốn là quà tặng của Đại đức Narada ở Tích Lan mang sang vào năm 1968 và một gốc trầm sum suê cành lá, tạo bóng râm mát cho sân chùa. Lần trùng tu lớn năm 1993 làm cảnh quan chùa có phần thay đổi. Cổng tam quan từ ngoài vào đưa khách tham quan đến bên hông chùa để bước lên nhà Tổ. Có một hồ sen nhỏ ở bên trong sân chùa, dành đặt pho tượng Quan Âm Nam Hải cao 3m5, xây dựng đình trạm bốn mái trên đầu tượng. Bình Tịnh thủy được thiết kế cho nước tràn xuống tưới mát suốt ngày. Chánh điện được tu sửa lại, mái lợp ngói móc vào năm 1978. Nhà hậu tổ được làm mới lại hoàn toàn, nhưng vẫn theo kết cấu sườn mái bằng gỗ và kiểu cổ.

Chùa Phước Lâm hiện nay còn lưu giữ khá nhiều tượng phật, tượng quan âm có giá trị như pho tượng Quan Âm Nam Hải, Phật nhập Niết Bàn, tượng Chuẩn Đà bằng gỗ, đại hồng chung bằng đồng, ... , và đặc biệt là pho tượng cổ Visnu bằng đá – vị thần bảo tồn vũ trụ có từ thế kỷ VII rất quý hiếm. Qua nhiều lần trùng tu hiện nay chùa được chia làm 4 khu chính là Tam quan, chánh điện Phước Lâm tự, Tượng Phật Bà Quan Âm, khu nhà ở của tăng ni phật tự và vườn tháp. Không gian của chùa rất rộng rãi và thoáng đãng thu hút một lượng lớn du khách, tăng ni phật tử từ khắp nơi đến tham quan và tỏ lòng thành kính với Phật Tổ.



Chùa Phước Lâm – 2003

Với lối kiến trúc ảnh hưởng của phong cách Ấn Độ, cùng vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên, của lịch sử văn hóa thuần Việt cổ xưa, Phước Lâm tự hiện đang là một trong những điểm đến yêu thích hấp dẫn khách hành hương.

<http://www.bariavunglautourism.com.vn/w4584-phuoc-lam-tu.htm>

LINH SƠN CỔ TỰ



Cổng chùa

Chùa Linh Sơn tọa lạc tại địa chỉ 104, Hoàng Hoa Thám, phường 2, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (chùa cách Bãi Sau khoảng 500m). Chùa Linh Sơn đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 03/08/1991.

Linh Sơn cổ tự còn có tên gọi khác là chùa Phật Vàng (người Pháp gọi là Golden Buddha Statue) được khởi dựng trên sườn Núi Nhỏ từ những năm đầu của thế kỷ 20. Năm 1919, người Pháp xây dựng các công trình hoa tiêu và hải đăng phục vụ cho công cuộc chinh phục thuộc địa, buộc nhà chùa phải di dời xuống chân Núi Nhỏ.

Viện chủ Thích Minh Thường, nguyên hòa thượng trụ trì lâu năm ở Linh Sơn cổ tự kể rằng, ban đầu chùa được xây dựng bằng tre nứa, vách cốt, lợp ngói âm dương. Khoảng cuối những năm 40 của thế kỷ trước, hương chức Đình Thắng Tam cung thỉnh hòa thượng Thích Trí Tịnh về trụ trì và quản lý chùa. Sau này, hòa thượng Thích Trí Tịnh đảm đương chức vụ Phó Pháp chủ, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngài giao cho đệ tử là cố hòa thượng Thích Tịnh Viên (viên tịch năm 1995) trụ trì. Linh Sơn cổ tự được di chuyển về vị trí gần Đình Thắng Tam và xây dựng khang trang như hiện nay.

Hai bên cổng chùa là bức tượng đôi rồng châu theo phong cách lưỡng long tranh châu. Tiếp đến là những bậc tam cấp dẫn lên chính điện có 100 pho tượng Phật phết vàng. Trong đó, đặc sắc nhất là pho tượng Phật thờ trong chánh điện, cao 1,2m, được tạc bằng đá sa thạch, điêu khắc công phu, khéo léo với những chi tiết sống động, tạo nên khuôn mặt hiền từ, nhân ái của đức Phật, có thể coi là bảo vật.

Hòa thượng Thích Tịnh Định, hiện đang tu tập tại chùa, cho biết pho tượng này đã được các nhà khảo cổ thám định là tượng Phật của người Chăm, có niên đại từ thế kỷ thứ VII sau công nguyên. Nguồn gốc của pho tượng cũng vô cùng kỳ bí. Người ta kể rằng cách đây khoảng 100 năm có đoàn thuyền ghe chài từ miền Trung vào đánh bắt cá ở vùng biển Bãi Trước. Trong một lần lên núi kiếm củi, lấy nước ngọt, họ phát hiện 2 pho tượng Phật bằng đá trên sườn Núi Lớn, gần Bãi Dầu.

Dân địa phương biết tin vội kéo đến xem và cương quyết đòi giữ lại. Sau khi đàm phán với người dân địa phương, những người đánh cá miền Trung chấp nhận giao lại pho tượng lớn cho dân làng Thắng Tam rước về thờ ở Linh Sơn cổ tự, còn pho tượng nhỏ họ đem về miền Trung. Hiện nay pho tượng nhỏ được thờ tại một ngôi chùa ở huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Một pho tượng khác đáng chú ý cũng đang được thờ cúng ở Linh Sơn cổ tự là pho tượng Phật Di Lặc bằng đồng, được thỉnh về từ Nam Lào năm 1972.

Linh Sơn cổ tự chia thành nhiều không gian khác nhau, với kiến trúc cổ xưa, có nhiều tranh, tượng điêu khắc, chạm trổ tinh tế, mô tả các câu chuyện trong kinh Phật. Xen giữa những bức tượng Bồ Tát, La Hán đặt trong khuôn viên chùa là hồ sen và những cây hoa sứ đại thụ tỏa hương thơm dịu nhẹ. Hàng năm, chùa thường tổ chức các lễ cầu an, cầu siêu vào dịp Tết Nguyên đán, lễ hội Quan Âm, Đản sinh, lễ Vu Lan, lễ cúng siêu cho các vong linh thai nhi - ấu nhi đến năm 13 tuổi, lễ truyền tam quy ngũ giới.

<http://www.baobariavungtau.com.vn/noi-ay-que-nha/202002/linh-son-co-tu-ngoi-chua-co-noi-tieng-o-vung-tau-891627/index.htm>

THÍCH CA PHẬT ĐÀI

Thích Ca Phật Đài là ngôi chùa nổi tiếng Vũng Tàu tọa lạc ở số 608 đường Trần Phú, phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chùa Thích Ca Phật Đài đã được xếp di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia ngày 14/12/1989.

Trước đây, vùng núi này không có người sinh sống. Năm 1957, ông Lê Quang Vinh, một quan phủ thời Pháp thuộc, lên đây dựng chùa *Thiền Lâm* để tu hành.

Sách *Sổ tay hành hương đất phương Nam* cho biết vào giữa thập niên 40, Đại đức Narada Maha Thera cùng ông Lê Quang Vinh, Đốc Phủ sứ hồi hưu, viếng núi Lớn. Đại đức cho rằng đây là nơi thích nghi để lập một ngôi chùa. Đến năm 1957, ông Lê Quang Vinh xuất gia, pháp danh Giác Pháp, lên đây dựng chùa *Thiền Lâm* để tu hành.

Chùa Thiền Lâm đã được trùng tu vào năm 1961. Điện Phật được bài trí tôn nghiêm. Ở án thờ chính giữa tôn trí tượng đức Phật Thích Ca tọa thiền (cao 1,2m), một tượng đức Phật Thích Ca nhỏ phía trước. Hai bên thờ hai tượng đức Phật Thích Ca trì bình khát thực (cao 1,2m). Sách *Sổ tay hành hương đất phương Nam* (Sđd, trang 183) cho biết hai pho tượng hai bên là A Nan và Ca Diếp, nhưng chư Tăng của hệ phái Phật giáo Nam Tông thì cho biết đó là tượng đức Phật Thích Ca.

Đến năm 1961, Giáo hội Phật giáo Nguyên thủy đã nhận thấy khung cảnh thiên nhiên ở đây đẹp đẽ, vị trí lại thuận tiện cho khách hành hương đến chiêm bái nên đã vận động tín đồ Phật tử đóng góp tiền của xây dựng khu Thích Ca Phật đài Vũng Tàu tại đây. Lễ đặt viên đá đầu tiên được tiến hành tại Bảo tháp ngày 4 – 6 – 1961. Lễ khởi công xây dựng được tổ chức vào ngày 20 – 7 – 1961. Sau 19 tháng thi công, lễ khánh thành được tổ chức trọng thể vào hai ngày 09 và 10 – 3 – 1963 (tức ngày 14 và rằm tháng hai năm Quý Mão).

Theo tài liệu của nhà điêu khắc Phúc Điền, tên thật là Bùi Văn Thềm (thân phụ của ông là Bùi Quang Điền, một nghệ nhân đã tạc nhiều pho tượng ở các ngôi chùa cổ, được quý sư gọi là Tài công, tự là Cang) là người thực hiện pho tượng Kim Thân Phật Tổ ở Thích Ca Phật đài Vũng Tàu và ở chùa Long Sơn (Nha Trang), thì pho tượng đức Phật ở đây cao 6m, ngang 4m, bệ và tòa sen cao 7m (bệ hình bát giác tượng trưng cho Bát Chánh Đạo). Phần đầu được đúc tại cơ sở 267 đường Hùng Vương (kế chùa Tuyên Lâm, quận 6, TP. Hồ Chí Minh ngày nay).



Cổng chùa

<http://chuanoieng.com/chua-noi-tieng-viet-nam/chua-noi-tieng-mien-nam/thich-ca-phat-dai-chua-noi-tieng-vung-tau/>

NIẾT BÀN TỊNH XÁ

Chùa Niết Bàn Tịnh Xá nằm ở trung tâm Bãi Dứa, trên Núi Nhỏ thuộc thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Chùa Niết Bàn Tịnh Xá còn gọi là chùa "Phật Nằm", chùa đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 14/12/1989.

Chùa được khởi công xây dựng từ năm 1969 và khánh thành vào năm 1974 bằng tiền quyên góp của đồng bào phật tử. Thượng tọa Thích Thiện Huệ đại diện đứng ra lo toan việc xây dựng. Đây là một trong những ngôi chùa đẹp nhất ở Vũng Tàu với những đường nét kiến trúc hiện đại.

Ở phía trước chùa là một cột cờ cao 21m, được làm thành 42 bậc biểu tượng cho 42 trang kinh Phật đầu tiên được lưu truyền vào Việt Nam vào thế kỷ thứ 2. Cổng chùa có 4 chữ "NIẾT BÀN TỊNH XÁ" tức là nơi thanh cao nhất của đạo Phật.

Hai bên cổng chùa là 2 pho tượng "Thần Thiện" và "Thần Ác".

Khu điện thờ chính của chùa được bày trí thành một vườn hoa Sala theo cảnh Đức Phật nhập Niết Bàn. Nổi bật trong khu Chánh điện này là bức tượng "Phật Nằm", dài 12m tượng trưng cho "Thập Nhị Nhân Duyên" và được đặt lên bệ thờ cao 2,5m. Mặt ngoài của bệ thờ có đắp hình tượng các đồ đệ của Phật Thích Ca đang chứng kiến lúc Ngài nhập điện.

Phía trước chánh điện có một chiếc lư đồng với hình tượng bốn con vật Long, Lân, Qui, Phụng gọi chung là "Tứ Linh". Chiếc lư này là kết quả sau hơn hai năm lao động nghệ thuật miệt mài của một nghệ nhân ở tỉnh Bến Tre và đem tặng cho chùa năm 1971. Song song với lư ở hai bên là hai toà tháp cao khoảng 5m. Toà bên trái có tượng Phật A Di Đà, toà bên phải có tượng Phật Dược Sư.

Hậu điện dùng làm nơi thờ Phật Thích Ca và các vị tổ đã có công truyền bá Đạo Phật. Sau tượng Phật Thích Ca có treo một bức tranh vẽ hình "Đạt Ma Sư Tổ" là vị cao tăng đầu tiên truyền bá giáo lý nhà Phật Việt Nam. Pho tượng nghìn tay nghìn mắt biểu tượng thần thông phi thường của nhà Phật.

Tầng hai có chiếc thuyền rồng còn gọi là thuyền Bát Nhã dài 12m. Đó là thuyền Bát Nhã sẽ cứu vớt mọi người ra khỏi khổ ải rồi đưa đến chốn vĩnh cửu bất diệt.

Phía sau thuyền Bát Nhã là điện thờ Phật Quan Âm Bồ Tát. Tượng Phật được thể hiện theo hình dáng một phụ nữ hiền hoà đức độ, tay đổ bình nước cam lồ xuống để chữa bệnh cho dân chúng và làm cho cõi trần thêm sạch.



Chùa Niết Bàn Tịnh Xá

<http://www.vietnam-tourism.com/index.php/tourism/items/1380>

CHÙA DIỆU LINH

Chùa Diệu Linh thuộc địa phận thành phố Bà Rịa và huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, (chùa Diệu Linh nằm trong di tích Khu căn cứ Núi Dinh). Căn cứ Núi Dinh⁽¹⁾ đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 16/12/1993.

Chùa Diệu Linh nằm trên độ cao 160m, phía tây bắc. Nơi hoạt động của Thị ủy Bà Rịa 1972- 1975, là cơ sở cách mạng của địa phương nơi cung cấp lương thực của Thị ủy Bà Rịa trong 2 cuộc kháng chiến. Hiện nay chùa Diệu Linh bị bom làm đổ nát hoàn toàn, chỉ còn lại một chiếc tháp Tổ cao ba tầng làm bằng gạch xi măng, trang trí hình hoa sen và mây cách điệu; cùng nền nhà rộng 10 m, dài 30 m.



Chùa Diệu Linh

<http://baobariavungtau.com.vn/loi-ay-que-nha/202003/nui-dinh-son-thuy-huu-tinh-895212/>

CHÙA LONG BÀN

Chùa cổ Long Bàn còn gọi là chùa làng Long Điền, thuộc thôn Long Phước, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xưa thuộc Tổng An Phú Thượng, quận Long Điền). Chùa Long Bàn đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1991.

Truyền thuyết kể rằng, vùng đất Long Điền trước kia có 9 con rồng châu. Khu đất dựng ngôi chùa là phần cuối cùng của dãy núi Thùy Vân, có nhiều tảng đá tự nhiên phẳng như mặt bàn nên dân làng đặt tên là Long Bàn.

Có thể ngôi chùa được xây dựng sớm hơn, nhưng theo niên hiệu khắc trên xà ngang nhà giàng đường thì chùa Long Bàn được xây dựng vào năm Thiệu Trị thứ năm (Ất Ty 1845). Hai vị Hòa thượng Hải Chánh và Bảo Thanh là đệ tử của Hòa thượng Giác Ngộ trụ trì chùa Bát Nhã trên núi Long Sơn tỉnh Phú Yên vào trụ trì đầu tiên, được dân làng tôn làm vị tổ khai sơn của chùa.

⁽¹⁾ Theo Bảo tàng tỉnh, núi Dinh có vị thế chiến lược đặc biệt quan trọng, án ngữ phía Đông Sài Gòn và Quốc lộ 51. Trong suốt 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, núi Dinh được xem là cụm căn cứ cách mạng quan trọng, đã đào tạo, nuôi giấu hàng ngàn cán bộ phục vụ cho chiến trường Đông Nam Bộ. Tại đây, nhiều thế hệ cán bộ đã được học tập, trui rèn và trưởng thành trên con đường đấu tranh cách mạng. Trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, nhiều đơn vị quân giải phóng đã tập kết ở núi Dinh để tiến vào giải phóng tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
<http://www.bariavungtautourism.com.vn/diem-den-du-lich/di-tich-danh-thang/w4582-khu-can-cu-cach-mang-nui-dinh.htm>



Chùa Long Bàn tọa lạc trên một khu đất cao tương đối bằng phẳng rộng trên 3.000m². Trải qua hơn 160 năm nhưng chùa vẫn bảo tồn được gần như nguyên trạng. Chùa Long Bàn cất theo kiểu chữ Tam như những chùa xưa ở miền Nam, nhưng mặt tiền có kiến trúc mới với hai lầu chuông và lầu trống nhô cao hai bên. Cấu trúc chùa Long Bàn gồm ngôi nhà sàn, tiền giảng đường, chánh điện, hậu giảng đường.

Ngôi chánh điện có nhiều hoành phi, câu đối chạm trổ công phu, sơn son thiếp vàng. Gian giữa thờ Phật A Di Đà, Phật Thích Ca Mâu Ni, Quan Âm Thế Chí, Ngọc Hoàng, Di Lặc, Bồ Tát. Gian bên trái thờ vị sư Tổ Bồ Đề Đạt Ma, gian bên phải thờ Quan Thánh. Ngoài ra tại đây còn có bàn thờ La Hán và Thập điện Diêm Vương. Phía sau chánh điện là nhà thờ Tổ, thờ Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma và hai bài vị của Hòa thượng Hải Chánh và Bảo Thanh.

Long Bàn là một ngôi chùa thuộc phái Thiên Tông, dòng Lâm Tế. Lễ chùa hàng năm tính theo âm lịch gồm có Rằm tháng Giêng (lễ cúng Thượng Ngươn), ngày 8/4 lễ tắm Phật và 15/04 lễ Phật Đản. Ngày 28,29/4 (Húy kỵ). Rằm tháng 7 (lễ cúng Trung Ngươn), vu Lan báo hiếu. Rằm tháng 10 (Hạ Ngươn).

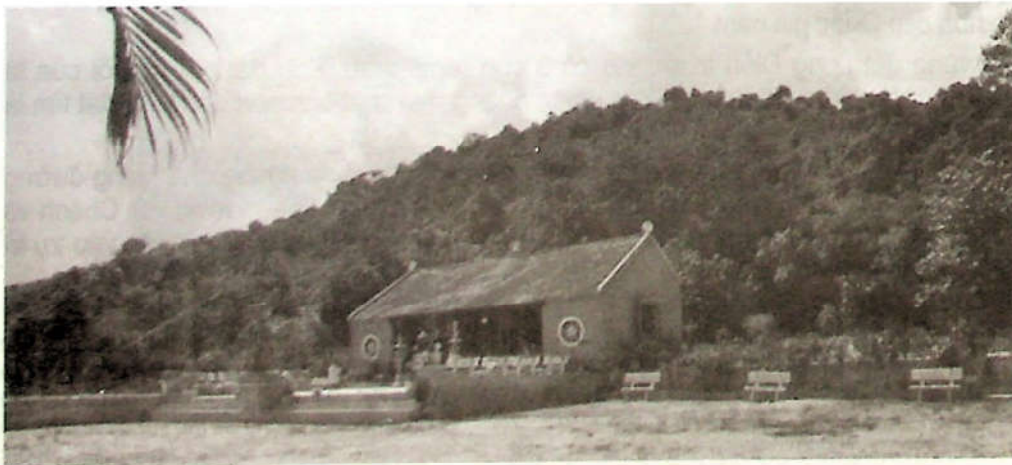
Chùa cổ Long Bàn mang phong cách kiến trúc Á Đông. Với bản tay tài hoa của các nghệ nhân xưa đã kiến tạo nên các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, chạm trổ tinh xảo như hệ thống bao lam chạm hình chim phụng, khám thờ chạm rồng phượng, hoành phi, câu đối, mang giá trị thẩm mỹ cao. Trong chùa hiện còn lưu giữ nhiều tượng Phật, Ngọc Hoàng, Quan Thánh, 18 vị La Hán bằng đồng và gỗ mít, 8 khuôn in kinh khắc chữ nổi trên gỗ, 1 đại hồng chung bằng đồng cao 1,2m có cùng niên đại cách đây trên 150 năm. Ngoài nét độc đáo về kiến trúc về điêu khắc, chùa tọa lạc nơi cảnh trí thiên nhiên đẹp, hài hòa.

BẮC GIANG

CHÙA AM VÃI

Chùa Am Vãi thuộc xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (trong sách *Đại Nam nhất thống chí* và *Lục Nam địa chí* (thời nhà Nguyễn) gọi là Am Ni tự).

Theo một số nhà khảo cổ học thì chùa Am Vãi lúc đầu là một ngôi chùa nhỏ. Đến thời Trần thì có sư nữ (Công chúa nhà Trần) tu hành ở đó. Bởi vậy, chùa mới có tên là Am Vãi (Vãi có nghĩa là nữ tu hành). Từ thời



Lê về sau, có lẽ chùa được xây dựng quy mô lớn hơn. Bố cục mặt bằng theo lối nội công, ngoại quốc trên diện tích chừng 2.500 mét vuông, gồm các tòa như tiền đường, tam bảo, hành lang, nhà tổ, nhà tăng... Song ngôi chùa này đã bị đổ nát, chỉ còn là phế tích do chiến tranh loạn lạc, thiếu sự tu bổ, tôn tạo... Từ năm

1990 trở lại đây, người dân Nam Dương (chủ yếu là dân làng Biêng) đã góp công, góp sức tu tạo lại chùa. Kê gùi vôi, người gùi cát, xi măng... cùng còm đùm, còm nắm từ làng lên núi để hưng công tạo dựng chùa.

Chùa Am Vãi tuy mới được tu bổ, tôn tạo vào những năm gần đây song vẫn mang dáng dấp của một ngôi chùa cổ. Các hiện vật còn lưu giữ được có một số bằng chất liệu đá (tháp đá, chân đá kê cột, tảng đá in dấu chân Phật), điều đó đã minh chứng sự tồn tại của chùa Am Vãi đã có từ lâu đời và được duy trì cho tới ngày nay.

Hội chùa cũng được người dân trong vùng mở lại vào ngày 23 tháng 3 âm lịch hằng năm và thu hút được đông đảo khách thập phương về dự.

<https://antamtour.vn/chua-am-vai-bac-giang-co-linh-thieng-khong>

CHÙA THƯỢNG LÂM

Chùa Thượng Lâm ở xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chùa Thượng Lâm đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

CHÙA SÀN

Chùa Sàn thuộc làng Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cụm đình, chùa Sàn đã được công nhận là di tích lịch sử văn hoá kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia năm 1994.

Đình Sàn thờ thánh Cao Sơn - Quý Minh và Minh Giang Đô thống, đều là những vị tướng của Vua Hùng, đã có công đánh giặc giữ nước, trừ tai diệt họa và đã được các triều đại phong kiến Lê - Nguyễn ban sắc phong thần. Hiện nay, trong hai hòm sắc của đình Sàn còn lưu giữ được nhiều đạo sắc phong với các niên hiệu như: Tự Đức lục niên; Tự Đức thập niên; Tự Đức tam thập Tam niên; Khải Định cửu niên; Duy Tân tam niên...



Qua cổng đình, bên phải là chùa Sàn, đây là ngôi chùa cổ, được xây dựng lần đầu vào năm 1775. Sau nhiều lần tu sửa, hiện tại ngôi chùa cùng khuôn viên khu di tích đã hoàn chỉnh và rất đẹp.

"Chùa Sàn hai bảy tháng hai, ai không đi hội cũng hoài tiếng thanh" – câu ca ấy nhắc nhở một lễ hội đáng nhớ, một truyền thống tốt đẹp của vùng đất này. Lễ hội sẽ có lễ Phật, lập đàn lễ đón cờ thập phương, cúng dâng Tam Bảo, Đức Ông, thập điện, lễ Tổ, lễ Mẫu.

<http://dulichbacgiang.gov.vn/diem-du-lich/vung-dat-con-nguoi-bac-giang/dinh-san-di-tich-kien-truc-nghe-thuat-dac-sac-142.html>

CHÙA KHÁM LẠNG

Chùa Khám Lạng ở xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chùa Khám Lạng được xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 53/QĐ-BVHTT ngày 2/8/1999.

Ngôi chùa tọa lạc ở thôn Bến nhìn ra sông Lục Nam và dãy núi Huyền Đình hùng vĩ. Đây là ngôi chùa cổ hiện còn lưu giữ được nhiều giá trị lịch sử văn hóa và giá trị kiến trúc nghệ thuật, trong chùa còn bảo lưu được một số tài liệu, hiện vật có giá trị, tiêu biểu nhất là chiếc hương án đá hoa sen thời Lê sơ.

Theo một số tài liệu, hương án đá mang dấu ấn thời Lê, tác phẩm nghệ thuật này được tạo từ nhiều khối đá xanh ghép lại thành khối lớn hình chữ nhật, dài 3,12m, rộng 1,4m, cao 1,2m chia ba phần chính, gồm: Bệ mặt, thân và đế. Trên đó phác họa nhiều đường nét hoa văn độc đáo hình rồng, cánh sen, hoa cúc, sóng nước...

Đặc biệt là có khắc dòng chữ Hán: “Thuận Thiên ngũ niên - Nhâm Tý niên” (tức là năm Nhâm Tý, niên hiệu Thuận Thiên thứ năm (đời vua Lê Thái Tổ - 1432). Nhìn tổng thể phần mặt bệ hương án như một tòa sen lớn. Tại Bắc Giang, ngoài chùa Cao chưa tìm thấy nơi nào có hương án độc đáo như vậy.

Được biết, chùa Cao là công trình kiến trúc nghệ thuật thời Trần, năm 1999 được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia. Năm 2013, Viện Khảo cổ học Việt Nam phối hợp cùng Bảo tàng tỉnh tổ chức khai quật và đã phát hiện nhiều di vật gồm: Gạch bia, gạch vuông trơn, ngói mũi sen đơn, ngói mũi lá, ngói bò... có niên đại từ thời Lý, Trần đến thời Lê, Nguyễn.

Ngoài ra, các nhà khảo cổ học còn phát hiện gốm trắng men cổ Việt Nam và Trung Quốc, đồ sành, đất nung với các loại hình bát, đĩa, chậu, bình vò, lư hương, chân đèn... có niên đại từ thế kỷ XII đến XIX.



Tổng thể hương án chùa Khâm Lạng

<http://vietlandmarks.com/module/groups/action/view/id/1324/album/173>

CHÙA BẢO AN

Chùa Bảo An (Minh Kính Tự) thuộc thôn Tè, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chùa Bảo An nằm trong Khu di tích và danh thắng Tây Yên, hệ thống di tích Tây Yên Tử cùng với Đông Yên Tử và Khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều tạo thành Quần thể di tích danh thắng Yên Tử đang được lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận là di sản thế giới vào năm 2017.

Chùa Bảo An được xây dựng từ thời Lê, năm 1710 đã được tu sửa. Văn tự trên bia đá “Hậu Phật bi ký” niên hiệu Cảnh Hưng thứ 46 (1785) cho biết: Năm Canh Dần (1710), nhà sư hưng công xây dựng Tiền đường, Thượng điện, cùng tạo dựng tượng A Di Đà toàn kim lộng lẫy, xây lại Tam quan, Nghi môn tề chỉnh. Năm Bính Thân (1776) sư 70 tuổi nhưng luôn quan tâm tới sự hưng thịnh của bản tự. Năm Ất Ty (1785) tháng 3, ngày 15 đạo tràng xây dựng bảo tháp cạnh chùa...

Trải qua hơn ba trăm năm, công trình đã qua nhiều lần sửa chữa, tôn tạo. Và hiện nay cơ bản mang nét kiến trúc thời Nguyễn thế kỷ XIX, một số pho tượng Phật, đồ thờ mang phong cách thời Lê thế kỷ XVIII. Là một trong những ngôi chùa cổ thuộc thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, chùa Bảo An thờ Tam Tổ Trúc Lâm: Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang.

Sử sách chép rằng, sau khi rời bỏ ngai vàng, vua Trần Nhân Tông lập ra thiên phái Trúc Lâm. Khi đó, Trần Nhân Tông đã chủ trương chuyển đạo Phật về gần dân, với quan niệm “Phật tức Tâm - Tâm tức Phật”. Ngoài những mùa kết hạ, vua Trần Nhân Tông còn về nhiều nơi để truyền đạo và đi vân du hoàng đạo. Cùng

với việc khẳng định vị trí vai trò của Thiền phái Trúc Lâm, thời Trần và các giai đoạn sau này trên các đỉnh núi cao thuộc địa phận Bắc Giang đã xuất hiện nhiều ngôi chùa cổ như: Am Vãi, Bình Long, Hồ Bắc, Mã Yên... Chùa Bảo An tuy xuất hiện muộn hơn (thời Lê) nhưng lại là sự tiếp nối liên tục cho sự hưng thịnh và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm ở Bắc Giang.

Là chùa cổ có cảnh đẹp, phía trước chùa, hai ngọn tháp gạch cổ, nơi yên nghỉ của sư tổ được tán lá của hai cây đại cổ thụ tỏa bóng mát.

Vườn chùa phủ màu xanh của lá, mùi hương hoa cỏ toả ngát bốn mùa. Nhiều cây cổ thụ trong khuôn viên chùa là minh chứng cho sự tồn tại và phát triển lâu đời của ngôi cổ tự này. Chùa Bảo An hiện có các hạng mục công trình: Toà Tam bảo, nhà Tổ, nhà Mẫu, nhà khách và 2 ngọn tháp gạch cổ, tất cả toạ lạc trên khuôn viên rộng 10.700m², quanh chùa được bao bọc bởi tường đá rêu phong cổ kính.

Toà Tiền đường và Phật điện có kết cấu liên hoàn theo kiểu chữ đình. Tiền đường 5 gian xây bit đốc, kết cấu kiến trúc vì mái gỗ lim, liên kết theo kiểu thượng con chồng, hạ kẻ đón, các cấu kiện chạm khắc hình hoa lá mang phong cách thời Nguyễn thế kỷ XIX. Toà Thượng điện 3 gian, khung liên kết gỗ đã ngả màu thời gian, trong bài trí đầy đủ hệ thống tượng Phật.

Nhà Tổ phía sau toà Tam bảo, đây là nơi bài trí tượng thờ Tam Tổ Trúc Lâm. Cả ba pho tượng được tạo tác đẹp quy chuẩn, tượng Trần Nhân Tông ngồi toạ thiền trên bệ gỗ ở giữa, hai gối mở rộng, tượng được sơn thếp phấn hồng. Tượng Pháp Loa ngồi trợ thủ bên trái, tượng Huyền Quang ngồi bên phải. Ngoài hệ thống tượng Phật đẹp, kiến trúc cổ kính, chùa Bảo An còn lưu giữ được một số đồ thờ và di sản Hán- Nôm đã tồn tại hàng trăm năm như: Lư hương, chuông đồng "Minh Kính tự chung", bia đá "Hậu Phật bi ký", tháp cổ....

Hàng năm, hội chùa được tổ chức ngày 18, 19, 20 tháng 3 Âm lịch với nhiều nghi lễ và trò chơi dân gian mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

<http://baobacgiang.com.vn/bg/dulichbg/tu-lieu-bac-giang/275176/ngoi-co-tu-tho-truc-lam-tam-to.html>

CHÙA PHÚC QUANG

Chùa Phúc Quang (hay còn gọi là Quang Phúc) thuộc xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chùa Phúc Quang nằm trong Cụm di tích Tiên Lục, gồm có:

Cây Dã Hương ngàn năm tuổi, đình Viễn Sơn, chùa Quang Phúc, đền Thánh Cả (đền Tiên Lục), đình Thuận Hoà). Cụm di tích Tiên Lục đã được Nhà nước công nhận là di tích Kiến trúc- Nghệ thuật cấp quốc gia năm 1989.

Văn bia tại đây cho biết chùa được thành lập từ mùa xuân năm Long Đức thứ ba (20-3-1734) dưới thời vua Lê Thuần Tông, bên cạnh một ngôi chùa cổ hơn do sư cụ Chiêu Chiêm kêu gọi nhân dân hợp sức xây dựng. Trải qua gần 300 năm tuổi, hiện nay chùa vẫn lưu giữ được chiếc chuông lớn có từ ngày đầu và khoảng 90 pho tượng Phật giáo quý giá. Tuy nhiên những mảng điêu khắc gỗ đá hầu như đã không còn nữa.

Trong suốt những năm tháng chiến tranh, mặc dù các xã xung quanh bị bom đạn oanh tạc đến xơ xác, riêng chùa Phúc Quang và xã Tiên Lục vẫn được bảo vệ an toàn. Nhân dân địa phương do đó càng tin chắc rằng chính ngôi chùa cổ đã trấn giữ vùng đất này, giúp họ an cư lạc nghiệp.

Theo dân kể, xưa kia có một vị vua mặc thường phục vi hành, vô tình đi qua ngôi chùa Phúc Quang. Vì trước đó có hiềm khích với đạo Phật nên vị vua này đã để lại lời nguyên: bất kỳ nhà sư nào cũng không được ở trong chùa này. Người dân nghĩ đó chỉ là câu nói buột miệng của vua nên không để tâm.

Cho đến sau này, có một thiền sư được giao đến trông nom chùa, nhưng vừa bước tới Tam Bảo đã bị rần rần nên sợ quá bỏ chùa. Những vị sư tiếp đó đến chùa chỉ ở được một thời gian rồi cũng phải ra đi. Dân chúng khi ấy mới nhớ đến vị vua lạ và bắt đầu lan truyền câu chuyện rần rần ứng nguyện lời nguyên cản bước các vị sư.

Chùa Phúc Quang gần đây phần lớn đã được trùng tu, nhìn chung vẫn mang dáng vẻ của nghệ thuật kiến



Ba pho tượng Tổ Trúc Lâm, chùa Bảo An (hàng trên cùng)

trúc thời Nguyễn. Chùa tọa lạc trên một gò đất thấp, mặt quay hướng nam nhìn ra một sân gạch rộng có những cây nhãn lâu năm, xa hơn là vườn cổ thụ. Bên tiền đường hữu là dãy nhà giải vũ 3 gian 2 dĩ, bên tả là mặt sau của ngôi đình làng cũng mới tu sửa.

Chùa được xây dựng với mặt bằng theo hình "nội Công ngoại Quốc". Tiền đường rộng 7 gian cửa bức bàn, hai bên thiêu hương có cặp tượng Hộ Pháp khá to. Thượng điện gồm đầy đủ những pho tượng Bắc Tông, ánh sáng chủ yếu lấy từ hai cửa ngách thông sang hai dãy hành lang nơi đặt các pho tượng La Hán và Bát bộ Kim Cương. Tất cả các tượng đều mới tô lại. Phía cuối hai hành lang nối liền tòa hậu đường làm theo kiểu hai tầng chồng diêm, có cầu thang dốc để lên gác chuông.



Chùa Phúc Quang

PL tổng hợp từ:

<https://vanhien.vn/news/chua-phuc-quang-bac-giang-49652>

<http://dulichbacgiang.gov.vn/diem-du-lich/di-tich-lich-su-van-hoa/cum-di-lich-tien-luc-89.html>

CHÙA ĐỒNG NGHIÊM



Lễ khai hội chùa Đồng Nghiêm (chùa Ké) năm 2019

Chùa Đồng Nghiêm (còn gọi là chùa Ké), ở phường Dĩnh Ké, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 5/2/1994 Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ VH-TT&DL) đã ký quyết định công nhận chùa Đồng Nghiêm là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

Chùa Đồng Nghiêm có mối quan hệ mật thiết với chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Yên Dũng). Bởi xưa kia vua Trần cho xây dựng chùa Vĩnh Nghiêm là trung tâm văn hoá Phật giáo thì đồng thời cho xây chùa Đồng Nghiêm để làm nơi nghỉ chân trước khi đến chùa Vĩnh Nghiêm tu tập. Nhưng trải qua sự tàn phá của chiến tranh, hầu như toàn bộ khu hệ thống nhà chùa và số tượng Phật đã bị phá huỷ. Tuy nhiên, những di tích và công trình còn lại vẫn cho

ta thấy quy mô to lớn và uy nghiêm của ngôi chùa. Đó là toà tam bảo, vườn tháp cùng sân chùa, hệ thống tượng Phật và bia đá. Đặc biệt, trước cửa chùa là hàng 5 cây tháp xây bằng gạch khá đồ sộ, trong đó có cả tháp của thiền sư Viên Thường.

Toà tam bảo chùa Đông Nghiêın hiện nay là một kiến trúc khung gỗ lim, mái lợp ngói, tường xây gạch, theo kiểu thức truyền thống: "Chuôi vồ" gồm hai gian thượng điện và 5 gian bái đường. Đây chính là trung tâm thờ tự của chùa. Theo sư thầy Thích Đàm Tuyên, Phó trụ trì chùa Đông Nghiêın: "Ngôi chùa này có từ lâu đời, khá linh thiêng nên thu hút đông đảo tăng ni, phật tử và du khách thập phương về chiêm bái".

Hệ thống tượng ở chùa Đông Nghiêın khá phong phú: Ở thượng điện gồm có tượng Tam thế ở trên cùng, rồi đến Adi dà, hai bên là Thế chí bồ tát và Phổ hiện bồ tát, tiếp đó là tượng Quan âm thị kính và Quan âm thiên thủ thiên nhãn ở hai bên. Hầu hết các pho tượng đều được tạc bằng gỗ, sơn son, thếp vàng lộng lẫy. Trong đó, tượng Tam thế, Adi dà và Phổ hiện bồ tát, Thế chí bồ tát là những pho tượng đẹp, trở thành những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc gỗ quý hiếm. Cùng đó là các đồ thờ quý hiếm như: Bình hương sứ, bát hương sứ, bình hương đá, mâm bồng và hệ thống bia đá...

<http://baobacgiang.com.vn/bg/tp-bac-giang/179820/chua-dong-nghiem-di-tich-lich-su-nghe-thuat-quoc-gia.html>

CHÙA HẢ

Chùa Hả ở xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chùa Hả và đình Hả là một cụm di tích nằm trong *Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế*. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 công nhận *Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế* là Di tích quốc gia đặc biệt.

Theo các nguồn tư liệu lịch sử, cụm di tích đình chùa Hả có lịch sử khởi dựng từ thời Lê (thế kỷ XVII). Khi ấy đình, chùa có quy mô to rộng, bệ thế gồm nhiều hạng mục công trình lớn nhỏ, bố cục theo lối "tiền Thần hậu Phật" (đình trước chùa sau) vốn đã quen thuộc với người dân Việt Nam trong tín ngưỡng thờ Thần, thờ Phật, về tổng thể, cụm di tích tọa lạc trên một khuôn viên rộng đẹp, thoáng đãng với rừng lim xanh ngát ở trên ngọn đồi Đình, thuộc địa phận làng Hả.

Đình Hả xưa còn có tên gọi khác là đình Phúc Thọ, phía trước đình gồm 1 tòa tiền tế 3 gian 2 chái. Qua sân gạch rộng là 2 dãy nhà tả vu, hữu vu 5 gian rộng. Tiếp đến là tòa đại đình 5 gian 2 dĩ gắn kết với tòa hậu cung 3 gian tạo thành bố cục hình chữ đinh. Nghệ thuật trang trí trong đình rất phong phú, đa dạng với các đề tài truyền thống như: Long ổ, cừu long tranh châu, tiên múa, vũ nữ cưỡi rồng và các đề tài dân gian như đấu vật, đánh đu, cướp cầu... Nằm ngay sau đình Hả là ngôi chùa Hả bệ thế gồm 1 tòa tiền đường 3 gian 2 chái to rộng, tiếp đến 1 dãy ống muống 3 gian nối với thượng điện cũng 3 gian 2 chái, tất cả có đao châu kẻ góc. Trong chùa bài trí hệ thống tượng phật đầy đủ theo quy chuẩn. Nghệ thuật chạm khắc, trang trí trên các cấu kiện gỗ thật phong phú với những đường nét tinh xảo.



Lễ hội

Tuy nhiên, trải qua binh lửa chiến tranh, cụm di tích cũ không còn nữa. Nguyên do là trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, để trả thù nhân dân làng Hả và nghĩa quân Yên Thế, giặc Pháp đã xua quân tàn phá xóm làng và chúng đã cho lính phá cả đình, chùa Hả đem về xây dựng đồn Luộc Hạ. Vì thế đình, chùa Hả đã bị phá hủy vào tháng 10 năm 1885. Không chịu để mất nơi thờ Thánh, thờ Phật tôn nghiêm của làng mình, nhân dân

làng Hà cùng các xã anh em đã chung lưng đấu cật dưới sự lãnh đạo của Đề Thám xây dựng lại đình, chùa làng mình ngay trên nền đất cũ vào năm 1894-1895 trở thành một công trình mới khang trang làm trung tâm sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân địa phương trong vùng.

Hằng năm vào ngày 15, 16 tháng Giêng, dân làng Hà lại tổ chức lễ hội thật trang nghiêm, long trọng tại trung tâm đình, chùa Hà để tưởng nhớ công lao to lớn của vị tướng tài áo vải Lương Văn Năm.

PL tổng hợp từ:

https://tanyen.bacgiang.gov.vn/en_GB/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/6uGI1TGL0i2d/content/-inh-chua-ha-xa-tan-trung
https://www.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tong-quan-bg/-/asset_publisher/dZDYQandSWgo/content/di-lich-cap-quoc-gia-ac-biet-nhung-ia-iem-khoi-nghia-yen-the?inheritRedirect=false

CHÙA THÔNG

Chùa Thông ở xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Chùa Thông nằm trong hệ thống *Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế*, đây là Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận năm 2012.

Ngôi chùa được xây dựng từ lâu đời và đã được tu sửa qua nhiều giai đoạn. Khoảng những năm 1901-1902 cùng với nhiều di tích khác trong vùng Yên Thế, chùa Thông được Đề Thám cho tu sửa thêm phần khang trang.

Khu di tích chùa Thông hiện nay gồm các hạng mục công trình: Khuôn viên vườn chùa, nhà Mẫu và khu chùa chính tất cả tọa lạc trên gò đồi có tổng diện tích: 3093 m². Ngôi chùa hiện nay có bình đồ kiến trúc kiểu chữ đinh gồm toà tiền đường ba gian nối với toà thượng điện hai gian. Phần liên kết vì mái toà tiền đường giống nhau kiểu chông rường giá chiêng truyền thống các cấu kiện kiến trúc không chạm khắc nhưng vẫn được màu thời gian cổ kính. Toà thượng điện có hai gian, phần liên kết vì mái kiểu vì giá chiêng kê chuyền, các cấu kiện kiến trúc không chạm khắc. Trong chùa bài trí hệ thống tượng Phật đầy đủ gồm 17 pho tượng và một số tài liệu, hiện vật, đồ thờ tự có giá trị như mâm bồng, bát hương, đài thờ cổ... có giá trị lịch sử và giá trị nghiên cứu khoa học.

Chùa Thông là nơi ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử gắn liền với khởi nghĩa Yên Thế, địa điểm nghĩa quân Yên Thế và thực dân Pháp họp ký hòa hoãn lần thứ nhất (1894-1897). Năm 1894, để có thời gian chuẩn bị và củng cố lực lượng Đề Thám đã tổ chức bắt sống tên Sét-nay chủ bút báo Tương lai xứ Bắc Kỳ và nhân viên đi theo Lô-gi-u, tập kích một chuyến xe lửa rồi rút về Phồn Xương. Việc bắt ông Sét-nay đã giáng một đòn mạnh vào dư luận. Bọn tư sản, chủ thầu đòi cứu bằng được. Trước tình thế đó thực dân Pháp đã nhờ giám mục Vê-lát-cô làm môi giới điều đình với nghĩa quân. Cuộc đàm đạo kéo dài trong 15 ngày tại chùa Thông, cuối cùng ngày 23 tháng 10 năm 1894, hai bên đi đến thoả thuận: Ngừng chiến, thả hai người Pháp với tiền chuộc là 15.000 frăng. Đề Thám cai quản 4 tổng: Mục Sơn, Yên Lễ, Nhã Nam, Hữu Thượng thu thuế ở đó trong 3 năm. Việc thương thuyết, điều đình tới ký hiệp ước tại chùa Thông nhiều tài liệu gọi đây là cuộc hoà hoãn lần thứ nhất giữa nghĩa quân Yên Thế và thực dân Pháp.

Chùa Thông là nơi tuyển nạp, luyện tập binh sỹ của nghĩa quân Yên Thế. Các thanh niên được tuyển dụng, đào tạo võ nghệ, sử dụng thành thạo vũ khí cung tên, nỏ, dao, kiếm... để cung cấp cho nghĩa quân. Cảnh chùa còn bãi tập trận của nghĩa quân Yên Thế. Đôi câu đối ở chùa còn ghi:

Phiên âm:

- Bảo Thông Đồng Lạc nghĩa quân tụ nghĩa binh cơ

Trọng đức chiêu hiền dũng mãnh kiên cường phủ đại nghĩa

Dịch nghĩa:

- Đồng Lạc, là nơi nghĩa quân tụ họp lĩnh binh cơ/Nơi đây trọng nghĩa, chiêu hiền được sự dũng mãnh kiên cường phủ nghĩa lớn.

Ngoài ra, chùa Thông còn là nơi Đề Thám hội kiến với cha đạo Vê-lát-cô là giám mục toà xứ Bắc Ninh trước đây đã đặt quan hệ mật thiết với người thủ lĩnh Yên Thế. Năm 1905, đang trong thời gian hoà hoãn, các nơi ngừng tiếng súng, Vê-lát-cô lên vùng Yên Thế thăm các họ Đạo, Đề Thám biết tin liền mang nghĩa quân đi đón ngang đường. Gặp Vê-lát-cô, Đề Thám mời vào chùa Thông nghỉ chân hội đàm. Sau đó Vê-lát-cô mời Đề Thám cùng lên đường về Nhã Nam và vô hình trung tên toà đại lý Nhã Nam La-côm-bơ buộc phải tiếp đón cụ Đề và nghĩa quân với nghi lễ thượng khách.

Chùa Thông là trung tâm sinh hoạt văn hoá tôn giáo nơi tổ chức lễ hội truyền thống của nhân dân địa phương, hội chùa Thông nằm trong không gian văn hóa chung của lễ hội vùng Phồn Xương-Yên Thế. Hằng

năm, vào mùa Xuân tháng Giêng, Hoàng Hoa Thám cho mở hội thi làm cỗ, làm bánh, thi thả đèn, thả cá, thả chim rất náo nhiệt. Để củng cố sức mạnh cho nghĩa quân, Đề Thám còn mở hội thi võ, đấu vật và bắn cung, bắn nỏ. Vào mùa thu Đề Thám lại cho mở hội cầu siêu, cho mời nhiều vị cao tăng đức độ đến hành lễ, tổ chức cuộc rước và kết thúc bằng lễ phóng ngư, phóng điều nói lên khát vọng tự do của nhân dân....Có thể nói cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo chính là biểu trưng rực rỡ của của tinh thần yêu nước, ý chí quật cường chống xâm lược của nhân dân ta.



Chùa Thông

http://www.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tong-quan-bg/-/asset_publisher/dZDYQandSWgo/content/di-tich-cap-quoc-gia-ac-biet-nhung-ia-iem-khoi-nghia-yen-the?inheritRedirect=false
<http://vielandmarks.com/module/groups/action/view/id/1633>

CHÙA LÈO

Chùa Lèo được gọi theo tên làng Lèo (xưa thuộc xã Hữu Xương, tổng Hữu Thượng, phủ Yên Thế), nay thuộc thôn Thành Chung, xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Chùa Lèo nằm trong hệ thống *Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế*, đây là Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận năm 2012.

Ngôi chùa được xây dựng từ thế kỷ XVI và được tu sửa qua nhiều giai đoạn. Kiến trúc chùa xây dựng bố cục với lối chữ Tam gồm nhà Bái Đường, nhà Chính Điện và Hậu Cung. Trong chùa có nhiều pho tượng: Tam Thế, A Di Đà, Văn Thủ, Phổ Hiền...

Thời kỳ khởi nghĩa Yên Thế những năm 1897-1909 chùa Lèo cùng nhiều các công trình văn hóa tôn giáo tín ngưỡng khác trong vùng được Đề Thám rất quan tâm cho tu bổ, tôn tạo làm nơi sinh hoạt văn hóa tôn giáo tín ngưỡng của nghĩa quân Yên Thế và nhân dân địa phương.

Chùa Lèo là trạm tiền tiêu, cơ sở qua lại quan trọng của nghĩa quân Đề Thám. Trong những lần giao tranh với nghĩa quân Yên Thế ở Hồ Chuối (1890-1891), làng Lèo và chùa Lèo là các chốt điểm đóng quân của Pháp để làm bàn đạp chỗ dựa tấn công vào đồn Hồ Chuối. Thời kỳ hòa hoãn lần thứ hai giữa nghĩa quân Yên Thế với thực dân Pháp (1897-1909) chùa Lèo vẫn giữ vai trò vị trí tiền tiêu, quan sát các bước xâm nhập của thực dân Pháp vào khu căn cứ Phồn Xương. Là điểm liên lạc thư từ, qua lại thường xuyên của nghĩa quân. Chùa cũng là nơi đón tiếp khách, tụ họp của những nghĩa quân yêu nước.

Ngoài ra, truyền thuyết về phong trào khởi nghĩa Yên Thế còn kể rằng, trước sự lúng túng bắt ráo riết của thực dân Pháp, nhà sư chùa Lèo đã lấy cái chết của mình thay cho Đề Thám để Đề Thám có cơ hội tiếp tục tổ chức chống Pháp.

Sau khởi nghĩa Yên Thế, cùng với thời gian chùa dần bị đổ nát, các tượng sứt hỏng. Năm 1996, chùa được nhân dân địa phương tu sửa lại. Từ năm 2007-2009, được sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm và chính quyền địa phương chùa đã được tu sửa một cách tổng thể chống xuống cấp trị giá gần bốn tỉ đồng. Năm 2011, địa phương xây dựng xong cổng Tam Quan trên nền cũ.

Hàng năm cứ vào ngày 15 tháng 3 dương lịch, nhân dân địa phương lại tưng bừng tổ chức lễ hội, nhằm tôn vinh những giá trị văn hoá dân tộc và tưởng nhớ vị thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám cùng tinh thần bất diệt của cuộc khởi nghĩa.



Chùa Lèo

<http://baobacgiang.com.vn/bg/van-hoa/123068/chua-leo--tram-tien-tieu-cua-nghia-quan-hoang-hoa-tham.html>

CHÙA KEM

Chùa Kẽm (hay còn gọi là Sùng Nham tự), (xưa xã Hương Tào, tổng Hương Tào, huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang), nay ở xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chùa Kẽm nằm trong hệ thống *Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế*, đây là Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận năm 2012.

Chùa Kẽm được xây dựng ở địa thế rất đẹp, ba mặt có núi chờ che ôm ấp tựa như cánh sen ôm lấy đài sen, kề bên có dòng suối nhỏ quanh co uốn khúc, phía trước xa xa là dòng sông Cầu xanh mát chảy qua. Tất cả tạo nên một cảnh sắc sơn thủy hữu tình.

Chùa Kẽm được khởi dựng vào năm Đinh Hợi (ước định là một trong các năm 1527, 1587, 1647). Vị sư Tổ hưng công xây dựng chùa là bà Hoàng Thị Tuế vốn theo dòng Thiên Phái Trúc Lâm Yên Tử do Giác



Chùa Kẽm

Hoàng Điều Ngự Trần Nhân Tông sáng lập. Đến đời vua Lê Hy Tông, nên hiệu Chính Hòa thứ 3 (1682), bà Nguyễn Thị Để, hiệu Diệu Nghiêm công đức tu bổ tòa Tiền đường, Thiêu hương và Thượng điện. Ngày 14 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), khởi công xây tháp Thanh Phong ở núi Đầu Sơn; dựng một tòa nhà cho sư Từ Hải soạn Kinh, một dãy ký túc xá đủ chỗ cho hàng trăm tăng, ni, Phật tử hằng năm về an cư kết hạ, tụng kinh niệm Phật. Năm Thành Thái thứ 18 (1906), sư trụ trì hiệu là Đàm Tích cùng các Phật tử hưng công trùng tu tòa Tiền đường và Thượng điện.

Chùa Kẽm hiện nay được tạo bởi năm hạng mục công trình chính: Tam Quan, Tam Bảo, Nhà Tổ, Vườn Tháp và Nhà

Mẫu. Các hạng mục công trình được tạo dựng theo lối kiến trúc cổ, đan xen phong cách kiến trúc thời Lê Trung Hưng (Thế kỷ thứ XVIII) và thời Nguyễn (thế kỷ XIX- XX).

Cùng Song tồn với kiến trúc cổ chùa Kem hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật quý như: Hệ thống tượng thờ, đồ thờ, di sản Hán Nôm (hoành phi, câu đối, bia đá...) có giá trị nghiên cứu lịch sử- văn hóa và mỹ thuật truyền thống dân tộc. Ngoài giá trị về kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên, chùa Kem còn là địa điểm ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Năm 1884, Nguyễn Cao, (tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, hiệu Trác Hiên, người làng Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh ngày nay) cùng nghĩa quân đã về đây xây dựng căn cứ chống thực dân Pháp. Đặc biệt trong giai đoạn 1906- 1908, Hoàng Hoa Thám cùng nghĩa quân Yên Thế đã về đóng quân trong khu vực chùa. Ông đã cho đắp lũy, làm nhà, tổ chức huấn luyện quân binh, xây dựng nơi đây thành căn cứ địa chống thực dân Pháp. Ngày nay, dấu tích đó vẫn còn như: Tường lũy, nền Nhà Quan, Giếng Quan, Cột cờ, Trạm Gác... Năm 1950, tại chùa Kem diễn ra cuộc họp Đại biểu quân sự liên xã Quang Trung- Yên Lư bàn kế hoạch chống càn. Năm 1951- 1952, chùa là địa điểm sơ cứu, nuôi dưỡng thương bệnh binh.

Lễ hội chùa Kem được tổ chức vào ngày 21 tháng 8 âm lịch hàng năm.

[http://tuyengiao.bacgiang.gov.vn/bantuyengiao/802/Chua-Kem-\(Sung-Nham-Tu\)-dia-chi-tam-linh-tren-con-duong-Tay-Yen-Tu.html](http://tuyengiao.bacgiang.gov.vn/bantuyengiao/802/Chua-Kem-(Sung-Nham-Tu)-dia-chi-tam-linh-tren-con-duong-Tay-Yen-Tu.html)

CHÙA NAM THIÊN

Chùa Nam Thiên (còn gọi là chùa Phố), chùa ở thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chùa Nam Thiên nằm trong hệ thống *Di tích lịch sử Những địa điểm Khởi nghĩa Yên Thế*, đây là Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận năm 2012 (Năm 1988 chùa Nam Thiên được công nhận là di tích lịch sử tiền cách mạng và di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia)

Di tích chùa Nam Thiên nằm bên đồi Phủ vốn được xây dựng năm 1882. Cổ xưa chùa thuộc làng Cầu. Khi làng Cầu bị giặc Cờ Đen triệt hạ cuối thế kỷ XIX, chùa do làng Chuông kiêm quản. Từ năm 1885 thực dân Pháp lập đồn Nhã Nam và đặt phủ lý tại đây thì chùa chuyển về phố. Nơi đây chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng liên quan mật thiết đến cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Trong những năm cuối thế kỷ XIX - nơi thực dân Pháp sử dụng làm đại bản doanh đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913). Do xây dựng phủ đường ở đây, thực dân Pháp đã cho xây dựng quanh khu vực chùa Phố các công trình như chợ, nhà kho của Sétnay (một đại địa chủ kiêm thầu khoán, chủ bút báo Tương lai xứ Bắc Kỳ), khu nhà của đốc tờ Zina và bãi tập của binh lính Pháp, Việt ở bên cạnh... Khu vực này cũng là nơi tập kết binh lính Pháp trước khi đánh vào làng Sặt (1889), Cao Thượng (1890), Hồ Chuối (1890-1891), phòng tuyến sông Sỏi (1892), Phồn Xương (1894 và 1909), nơi chứng kiến nhiều lần gặp gỡ giữa nghĩa quân Yên Thế với Pháp.



Chùa Nam Thiên

<https://dulichvietnam.com.vn/chua-nam-thien-don-bang-di-tich-lich-su-dac-biet.html>
https://www.bacgiang.gov.vn/chi-liet-tong-quan-bg/-/asset_publisher/dZDYQandSWgo/content/di-tich-cap-quoc-gia-ac-biet-nhung-ia-iem-khoi-nghia-yen-the?inheritRedirect=false

CHÙA BỔ ĐÀ

Chùa Bồ Đà tọa lạc trên ngọn núi Phượng Hoàng (Bồ Đà sơn), thuộc địa phận xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chùa Bồ Đà còn có tên gọi là chùa Quán Âm núi Bồ Đà hay Bồ Đà Sơn Quán Âm Tự, gọi tắt là chùa Bồ. Chùa Bồ Đà đã được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt năm 2016 (và năm 1992, chùa Bồ Đà được Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ VH-TT-DL) xếp hạng Di tích cấp quốc gia).



Chùa Bồ Đà được xây dựng từ thời nhà Lý và trùng tu, mở mang vào thời Lê Trung Hưng và các giai đoạn sau này.

Tương truyền, xưa có cặp vợ chồng tiều phu nghèo hiếm muộn con cái nên được Quan Thế Âm thương tình cứu giúp. Một ngày, người chồng đốn gốc thông già trên đỉnh núi thì bật ra 32 đồng tiền vàng, hỏi cao tăng thì mới biết đó là phép ứng hiện của Quán Âm Bồ Tát. Người tiều phu cầu khẩn rằng nếu sinh được con trai thì sẽ dựng chùa thờ. Điều ước được linh ứng, tiều phu bèn dựng chùa thờ Phật. Người dân trong vùng tìm về cầu linh hiển ứng nên gọi là chùa Quán Âm hay chùa ông Bồ.

Chùa Bồ Đà vừa là nơi thờ Phật, vừa là nơi tu tập của tăng, ni của Thiền phái Lâm Tế qua nhiều thế kỷ. Di tích này gồm chùa cổ Bồ Đà sơn, chùa chính Tứ Ân tự, am Tam Đức (xây dựng sau, vào thời Hậu Lê), vườn tháp và ao miếu.

Chùa Tứ Ân trong khu di tích được thiết kế theo lối kiến trúc đặc biệt kiểu "nội thông ngoại bế" với 16 khối kiến trúc liên hoàn nối thông nhau tạo thành hệ thống các tòa ngang dãy dọc, tạo vẻ u tịch, thanh vắng và huyền thoại.

Xung quanh chùa được trình tường đất cao từ 2 đến 3 m. Đây là nét kiến trúc độc đáo, đặc sắc không chỉ riêng trong tỉnh Bắc Giang mà các ngôi chùa truyền thống ở miền Bắc Việt Nam cũng rất hiếm thấy.

Chùa Bồ Đà hiện còn lưu giữ được vườn tháp đẹp và lớn nhất Việt Nam với gần 100 ngôi tháp. Vườn tháp (rộng 7.784 m²) được xây dựng theo những quy định riêng, rất chặt chẽ của thiền môn, chứa xá li, tro cốt nhục thân của hơn 1.200 vị tăng, ni.

Vườn tháp chùa Bồ Đà được xây dựng trong khoảng 300 năm. Mỗi ngôi tháp chứa xá li, tro cốt của 4-26 vị tăng, ni. Đặc biệt, ngôi tháp an táng 26 nhà sư là tháp mà tất cả các sư đều là anh em cùng sơn môn, cùng tu một thầy, khi sống gần bó với nhau nên khi qua đời vẫn muốn được nằm cạnh nhau.

Tháp mộ sư tăng trên đỉnh tháp bao giờ cũng gắn bình cam lộ đặt trên tòa sen. Trong khi tháp sư ni thì đỉnh tháp lại được gắn một búp sen. Nhờ đó du khách đến thăm cảnh chùa có thể biết được có bao nhiêu vị tăng, ni viên tịch và yên nghỉ ở chốn này.

Chùa Bồ Đà cũng đang lưu giữ một bảo vật quốc gia – đó là bộ ván kinh Phật cổ nhất Việt Nam được khắc trên gỗ thị (loại gỗ rất bền và nhẹ). Theo Thượng tọa Thích Tục Vinh, trụ trì nhà chùa, mộc bản được lưu giữ tại chùa Bồ Đà do các vị thiền sư phái Lâm Tế san khắc thời vua Lê Cảnh Hưng (1740-1786) và các giai đoạn sau này. Đến nay, mộc bản vẫn còn khá nguyên vẹn với gần 2 ngàn bản khắc bằng chữ Hán, chữ Nôm, chữ Phạn.

Trải qua gần 3 thế kỷ, mộc bản với gần 2.000 bản khắc bằng chữ Hán, chữ Nôm, chữ Phạn vẫn còn rất sắc nét, không hề bị mối mọt. Mỗi bản in trong kho mộc bản còn xứng đáng là tác phẩm đồ họa đẹp. Ngày 25-12-2017, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận "Mộc bản chùa Bồ Đà" là bảo vật quốc gia.

Lễ hội chùa Bồ Đà được tổ chức từ ngày 16 đến 18 tháng 2 âm lịch.

<https://www.tienphong.vn/ban-doc/ngam-ve-dep-huyen-bi-co-kinh-cua-ngoi-chua-ngan-tuoi-bo-da-1376354.tpo>

CHÙA VĨNH NGHIÊM

Chùa Vĩnh Nghiêm, còn được gọi là chùa Đức La, ở xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Năm 2015, chùa được Nhà nước Việt Nam công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

Chùa tọa lạc ở nơi có vị thế cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp với thế đất con quy ẩm thực, được thư tịch và tư liệu cổ ghi nhận là một danh lam cổ tự đứng đầu thiên hạ. Trong tấm bia khắc dựng ngày 04 tháng 09 năm 1606 ghi việc trùng tu Vĩnh Nghiêm có mô tả cảnh quan chùa như sau: “Chùa Vĩnh Nghiêm là một danh lam thắng tích. Trước mặt bên phải thì có Xương Giang, Đức Giang, chẽ nhánh hội vào Lục đầu giang mệnh môn uốn khúc đưa con thuyền từ bi cứu vớt chúng sinh.

Đằng sau mé phải có Phương Sơn, Lạng Sơn, Hình Sơn, Quả Sơn trập trùng, quanh co muôn lớp sánh với cảnh Phật Bồ đề. Trong chùa thì kim tượng Phật ngự ở chính giữa an tọa trên tòa sen. Ngọc nữ bên trên dâng trà thượng giới, phong cảnh nơi đây thật kỳ diệu”. Chùa nhìn ra ngã ba Phương Nhân - nơi hợp lưu của hai con sông là sông Thương và sông Lục Nam, vùng Cẩm Lý - cửa ngõ ra vào núi Yên Tử. Bên kia sông là vương phủ của Trần Hưng Đạo, đền Kiếp Bạc.

Giữ một vị trí địa lý tâm linh quan trọng, chính vì vậy mà suốt nhiều thập kỷ qua, nơi đây đã trở thành địa điểm dừng chân lý tưởng cho du khách trước khi vượt sông leo núi về với kinh đô của đất thánh Yên Tử. Dân gian vẫn truyền tụng câu ca:

“Ai qua Yên Tử, Quỳnh Lâm

Vĩnh Nghiêm chưa tới thiền tâm chưa đành”.

Chùa được xây dựng từ thế kỷ thứ XI dưới thời Vua Lý Thái Tổ (1010-1028) có tên là chùa Chúc Thánh (Chúc Thánh thiền tự). Theo bia tháp ghi lại, năm Thuận Thiên Nguyên Niên (1010), Vua Lý Thái Tổ cử hai quan trong triều là Nguyễn Đạo Thành và Phạm Hật thiết kế đồ án, lo việc kiến thiết 8 ngôi chùa, trong đó có chùa Vĩnh Nghiêm ngày nay.

Chùa được hoàn thành vào năm 1016, vị trụ trì đầu tiên là Thiền sư Vạn Hạnh, kế tiếp là các vị: Đạo An, Minh Tâm, Bảo Tánh và Huệ Quang. Đến thế kỷ XIII, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã cho sửa sang, trùng tu, tôn tạo lại, đổi tên là chùa Vĩnh Nghiêm (Vĩnh Nghiêm tự) với mong muốn ngôi chùa mãi mãi trường tồn, mãi mãi tôn nghiêm.

Chùa Vĩnh Nghiêm từ lâu đã được nhân dân ta nhìn nhận và tôn vinh là một trong những Trung tâm truyền bá Phật giáo của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thời Trần mang đậm bản sắc dân tộc, là nơi tổ chức và thành lập mô hình Phật giáo nhất tông trên cơ sở hợp nhất các thiền phái đã có trước đó và cũng là mô hình Giáo hội Phật giáo cho các tổ chức Giáo hội sau này.

Theo sử sách ghi lại, chùa Vĩnh Nghiêm là nơi cộ số lượng tăng, ni tham gia an cư kiết hạ rất đông và quần chúng phật tử đến nghe Pháp đại thừa khá lớn. Vì thế, chùa được xây dựng trong khuôn viên đất rộng, quy hoạch kiến trúc phải bảo đảm sự sinh hoạt cho từ chúng.

Nếu vào thời điểm nhà Lý, chùa ít người biết thì đến đời Trần, kể từ khi Trần Nhân Tông chính thức khai sáng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và chủ trương đưa đạo Phật vào đời thì chùa Vĩnh Nghiêm với chức năng là trung tâm hoằng pháp của thiền phái đã có tầm ảnh hưởng rộng lớn không chỉ trong giới thiền môn mà còn ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều giới, nhiều lĩnh vực, nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Cả ba vị Tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) đều lấy chùa Vĩnh Nghiêm làm trung tâm truyền bá Phật pháp của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, mà sau thời Trần nó vẫn tiếp tục phát triển theo dòng chảy của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Gần 800 năm qua, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã trải qua nhiều biến cố, gắn liền với những thăng trầm của lịch sử Việt Nam nhưng vẫn được duy trì và phát triển. Từ trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm, tư tưởng của dòng thiền này lan rộng khắp các miền trong cả nước và lan tỏa ra khu vực và trên thế giới.

Chùa Vĩnh Nghiêm chính là Thánh tích quan trọng bậc nhất của Phật giáo Việt Nam nói chung, của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nói riêng được coi là trường Đại học Phật giáo đầu tiên của Việt Nam và cũng được coi là chốn tổ Vĩnh Nghiêm, được các nhà nghiên cứu coi là “Bảo tàng Văn hóa Phật giáo Đại thừa”.

Trải qua gần một thiên niên kỷ với nhiều lần trùng tu, tôn tạo, công trình kiến trúc hiện nay của chùa Vĩnh Nghiêm là sản phẩm của hai triều đại Lê Trung Hưng và triều Nguyễn. Để đáp ứng nhu cầu thờ Phật và nơi đào tạo tăng đồ của cả nước, chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng với quy mô lớn. Các cụm kiến trúc được sắp

xếp trong một không gian hình chữ nhật, dàn trải theo một trục dọc và theo trật tự từ hướng Nam đến hướng Bắc thành năm tổ hợp kiến trúc chính: Tam quan, Tam bảo, Nhà Tổ đệ nhất, Gác chuông, Nhà Tổ đệ nhị.

Tam quan: Tam quan chùa Vĩnh Nghiêm là công trình kiến trúc gỗ xây theo lối chông diêm gồm 01 gian, 02 chái với 02 tầng 08 mái đao cong. Bờ nóc xây gạch phủ vữa, giữa đắp hình lưỡng long châu nguyệt, bờ dải xây gạch trát vữa, khúc nguyệt tạo hình nghệ châu, bờ guột xây gạch phủ vữa nối các đầu đao cong; ba cửa ra vào tượng trưng cho ba yếu tố Già - Hư - Không của đạo Phật, ba điều mà người tu thiền phải nắm vững. Qua chón Tam quan này nghĩa là đã bước vào cảnh thiên, tất sẽ được Phật độ để lòng tĩnh lặng, thanh thoát. Tòa kiến trúc này được phục dựng lại vào năm 1993-1994.

Tam bảo: Là tổ hợp ba công trình thờ Phật theo phái Đại thừa - một tông phái đặc trưng là thờ nhiều Phật, Bồ tát và hành giả, trong đó, thờ tượng Bồ tát là đặc trưng tiêu biểu của tông phái Đại thừa. Với cấu kiện kiến trúc gỗ gồm Tiền đường, Thiêu hương và Thượng điện, ba công trình này tạo thành một khối, bố cục mặt bằng theo kiểu chữ “công” với thiết kế khang trang, lối tàu bầy, đao lá, mái 4 đao, 8 kèo, kiểu con chông thượng tam hạ tứ.

Tòa ngoài cùng là tòa Tiền đường gồm 5 gian 2 chái; kết cấu các vì kèo theo kiểu kê chuyền, tiền kê hậu bẩy, giá chiêng con chông chạm khắc cầu kỳ. Nối giữa toàn Tiền đường với tòa Thượng điện là tòa Thiêu hương có 3 gian; kết cấu vì kèo theo lối kê chuyền. Tòa Thượng điện ở trong cùng gồm 3 gian, cũng làm theo lối kê chuyền kê moi, không chạm khắc mà bảo trơn đóng bèn chắc chắn.

Tòa Tam bảo lưu giữ 3 báu vật của chón Thiền môn là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Phật bảo ở đây là những pho tượng được để ở ngôi tôn quý, thờ phụng, hương hỏa quanh năm. Pháp bảo là các kinh sách bàn về việc nhà Phật. Tăng bảo là những người xuất gia tu hành chuyên tâm lo việc nhà Phật, là cầu nối giữa Phật và chúng sinh. Cả ba điều này đều được người dân giữ gìn, bảo quản với tinh thần chỉ làm thêm cho đẹp, cho tốt hơn chứ không lấy đi. Ai cũng tâm niệm rằng của Bụt mất một đền mười, vì vậy, nếu nhớ có ai vô ý lấy đi thì lòng tràn đay dứt lại đem về làm lễ hoàn lại, ăn năn hối lỗi cả đời.

Một điều rất đặc biệt được chú ý tại tòa Tam Bảo đó là nền đất nện được bảo lưu từ khá lâu đời mà không phải một ngôi chùa cổ Việt nào vẫn còn lưu giữ được. Nền đất nện trong giới nhà Phật có ý nghĩa là một chất liệu tiết nên sự hòa hợp âm dương.

Vào trong tòa Tam bảo ai ai cũng sẽ cảm nhận được nơi đây có không khí trong lành, mát mẻ khiến lòng thêm thanh tịnh. Sự bài trí hệ thống tượng Phật, hoành phi, câu đối, đồ thờ tự đã làm cho nơi đây thực sự tôn nghiêm, đúng với cảnh thiên, cảnh Phật. Du khách thập phương tới đây ai cũng kính cẩn nghiêng mình và tự thấp một nén hương trầm cúng dàng chư Phật để tỏ chút lòng thành, và nguyện đem chút sức lực, tài lực nhỏ nhoi của bản thân góp xây cảnh Phật, cảnh thiên ngày thêm đẹp hơn.

Nhà Tổ đệ Nhất: Đây là nơi thờ ba vị tổ sư của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông, Thiền sư Pháp Loa và Thiền sư Huyền Quang. Được bố cục mặt bằng theo lối chữ “công” mang nét đặc trưng kiến trúc thời Lê Trung Hưng (TK XVIII), gồm 3 gian 2 chái Tiền đường, 2 gian Ống muống và 1 gian 2 chái Hậu cung, lợp ngói mũi hài theo cấu trúc 4 mái; diện tích nền tuy không lớn nhưng khá bề thế, trang nghiêm.

Nhà Tổ đệ nhất được tạo tác với những bộ vì mái kết cấu gỗ theo lối kê chuyền giá chiêng, kê chuyền độc trụ, không có nhiều mảng điêu khắc hoa văn cầu kỳ mà hầu như bảo trơn đóng bèn, mộng thắt. Do có tòa nhà Tổ đệ nhất này nên chùa Vĩnh Nghiêm trở thành ngôi chùa cổ có kiến trúc giàu bản sắc Phật Việt nhất mà không có ngôi chùa nào cổ trong khu vực Bắc Bộ có được.

Ở Bắc Giang, các chùa có quy mô lớn thường xây nhà tổ sau tòa Tam bảo. Nhưng ngôi nhà tổ này của các chùa chỉ có tượng thờ vị tổ đầu tiên của chùa ấy, hoặc đắp chùa chỉ có tượng Bồ Đề Đạt ma để thờ chứ không có tượng Tam tổ Trúc lâm. Đây, chính là điều khác biệt mà chỉ có ở chùa Vĩnh Nghiêm chứ không giống các ngôi chùa khác trong tỉnh Bắc Giang nói riêng và vùng Đông Bắc Bắc Bộ nói chung.

Gác chuông: Là kiến trúc hai tầng ở sau nhà Tổ đệ nhất, có kiến trúc “thượng thu, hạ thách” mang phong cách thời Nguyễn (thế kỷ XIX). Tầng trên có sàn gỗ, giữa treo một quả chuông lớn được đúc năm Minh Mạng thứ 11 (1830) là nơi sớm chiều các sư tăng thỉnh chuông hồng pháp đạo Phật tới thập phương. Đây là một công trình có kiến trúc đẹp với đao tàu kê góc và sự kết hợp hài hòa giữa các chất liệu gỗ và gạch ngói.

Nhà Tổ đệ nhị: Tọa lạc phía sau Gác chuông, bố cục mặt bằng theo kiểu chữ “nhị”, gồm 11 gian Bái đường chạy song song với 3 gian hậu cung, nối với nhau bởi một máng xối là khoảng chày của mái sau tòa Bái đường với giọt chày mái trước tòa hậu cung. Đây là công trình thời Lê - Nguyễn, là nơi an trí tượng, bài vị hoặc ảnh thờ các vị tổ sư kế tiếp ba vị tổ sư khai sáng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Hành lang: dọc hai bên các tòa nêu trên là hai dãy hành lang, đây cũng là để du khách đến chùa ngồi nghỉ. Nơi đây, không đặt các tượng La Hán như chùa khác, đó cũng là nét khác biệt với các ngôi chùa cổ Việt ở Bắc Giang.

Có thể nhận thấy rằng, chùa Vĩnh Nghiêm mang đậm bản sắc văn hóa Phật Việt ở chỗ nơi đây đã dành riêng hai ngôi nhà thờ Tổ theo dòng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mà không có thờ tổ Bồ Đề Đạt ma. Hay như, theo bố cục kiến trúc của chùa cũng có thể hiểu rằng các tổ xưa theo đạo Phật nhưng vẫn coi trọng Phật giáo Ấn Độ và coi trọng Tông phái Đại thừa du nhập vào nước ta. Điều đó được thể hiện ở tòa Tiền đường - Tam bảo xây dựng ở ngôi đầu tiên, hướng ra khoảng không gian rộng lớn phía trước.

Như vậy, ở chùa Vĩnh Nghiêm tồn tại song song kiểu thức kiến trúc thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX, vừa mang lại tính chất đa dạng của công trình vừa là một ví dụ tốt cho việc nghiên cứu so sánh các giai đoạn kiến trúc cổ truyền Việt Nam. Hệ thống tượng Phật chùa Vĩnh Nghiêm tương đối hoàn chỉnh về hình thức, vị trí, thứ bậc, chức năng,... và đều là những tác phẩm điêu khắc đẹp trong kho tàng tượng Phật ở Việt Nam. Điều khắc tượng tròn ở chùa Vĩnh Nghiêm chiếm một vị trí đặc biệt về giá trị mỹ thuật tiêu biểu của thời Nguyễn.

Hệ thống tượng Phật rất lớn về số lượng, phong phú về thể dáng, tỷ lệ, đa dạng về hình thái biểu cảm. Nghệ thuật điêu khắc chuẩn mực cả về tỷ lệ tả chân theo lối ước lệ của tượng Phật. Giá trị lớn nhất về kiến trúc của chùa Vĩnh Nghiêm chính là ở cảnh quan không gian với vị trí phong thủy khá đẹp và ở sự kết nối liên hoàn các hạng mục công trình, tạo ra một mặt bằng dạng chùa trăm gian nguy nga, khẳng định vai trò một trung tâm Phật giáo thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.



Chùa Vĩnh Nghiêm được xây từ thời Vua Lý Thái Tổ.

BQL Di tích lịch sử - văn hóa huyện Yên Dũng, Bắc Giang
<http://thegioidisan.vn/vi/kham-pha-chua-vinh-nghiem.html>

CHÙA THỔ HÀ

Chùa Thổ Hà ở xã Vân Hà huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang. Chùa Thổ Hà có tên là Đuan Minh Tự, được nhà nước công nhận Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1996.

Niên biểu chính thức của chùa Thổ Hà chưa tìm thấy. Căn cứ dòng chữ ghi trên đôi rồng đá ở cửa chùa thì năm Giáp Thân 1580 đời nhà Mạc mua rồng đá, năm Canh Thân 1610 tu sửa lại. Đúng lý chùa phải làm trước khi mua rồng đá.



Chùa Thờ Hà

Chùa xây dựng theo kiểu nội công ngoại quốc, có quy mô lớn, bao gồm cổng tam quan, gác chuông và tiền đường. Tam quan chùa nằm sát sau đình. Qua Tam quan một quãng xa mới tới gác chuông (nay đã cháy), phía trước cửa chùa có hai sấu đá, bên phải là bia chùa hình vuông khắc chữ cả bốn mặt. Gác chuông và tiền đường được chạm trổ lồng lẩy với các đề tài rồng mây, hoa lá. Thời gian kháng chiến quả chuông to trong gác chuông được lấy để đúc vũ khí. Trong chùa có tượng Phật tổ Như Lai to lớn, tượng Phật bà Quan Âm ngồi trên tòa sen.

Từ tòa Tam bảo theo hai dãy hành lang vào tới Động Tiên, đó là một công trình kiến trúc hiếm có. Động tiên đã ghi lại đầy đủ hình ảnh Thích Ca từ lúc mới sinh ra, lúc trưởng thành và khi lìa bỏ kinh thành vào động tu hành đến đắc đạo. Tiếp theo đi qua sân rộng tới nhà Tổ, nơi đây thờ Sư Tổ và các vị sư đã trụ trì ở chùa này. Chùa Thờ Hà được Hội Phật giáo Việt Nam rất quan tâm, luôn luôn cử sư về trụ trì ở chùa này.

<https://vuonhoaphatgiao.com/tu-vien/cac-chua-trong-nuoc/cac-chua-o-bac-giang/chua-tho-ha-bac-giang/>
https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%95_H%C3%A0#:~:text=V%C4%83n%20ch%E1%BB%89%20%C3%A0ng%20Th%E1%BB%95%20H%C3%A0,c%C3%B2n%20c%C3%A1i%20n%E1%BB%81n%20nh%C3%A0%20c%C5%A9.

CHÙA AN HÀ

Chùa An Hà ở xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chùa Hà đã được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Là ngôi chùa cổ, với truyền thống lâu đời, người dân Làng Hà nói riêng và nhân dân An Hà nói chung, đã có ý thức gìn giữ và đẹp văn hóa truyền thống của quê hương mình. Nhân dân trong thôn, trong xã đã đồng lòng đóng góp kinh phí để tu bổ lại ngôi chùa, coi đó là nơi linh thiêng thành kính đối với các vị thần linh, đồng thời coi đó là biểu tượng văn hóa cao quý trong lòng mỗi người con đất An Hà.

Lễ hội Chùa Hà được tổ chức vào mùng 8 tháng Giêng (âl). Theo các cụ bô lão tại địa phương, lễ hội này chính một buổi họp của 4 vị thần từ 4 làng lân cận. Sáng mùng 8, các làng có nghề thờ thần sẽ làm lễ rước thần về tụ hội tại ngôi chùa chính ở Chùa Hà, Tại đây, các cụ lão ông lão bà sẽ làm lễ tế thần cầu mong cho mưa thuận gió hòa, cầu cho nhân dân có được cuộc sống no đủ, hạnh phúc. Sau đó, ban tổ chức sẽ có những trò chơi truyền thống như cướp cầu, đánh đu, múa rối, đi cầu kiều, Vật, thi hát quan họ,... Nhân dân trong vùng coi đây là dịp để nghỉ ngơi, thư giãn và chuẩn bị tinh thần bước vào một mùa vụ mới, một năm làm ăn thuận lợi mới.

Ngày nay, những nét đẹp truyền thống văn hóa đang dần dần bị mai một, nhưng chắc chắn với mỗi người con quê hương An Hà sẽ luôn khắc ghi và gìn giữ những giá trị của ông cha, để đưa quê hương An Hà ngày càng giàu đẹp mà vẫn không đánh mất đi bản sắc truyền thống của An Hà.

https://vi.wikipedia.org/wiki/An_H%C3%A0

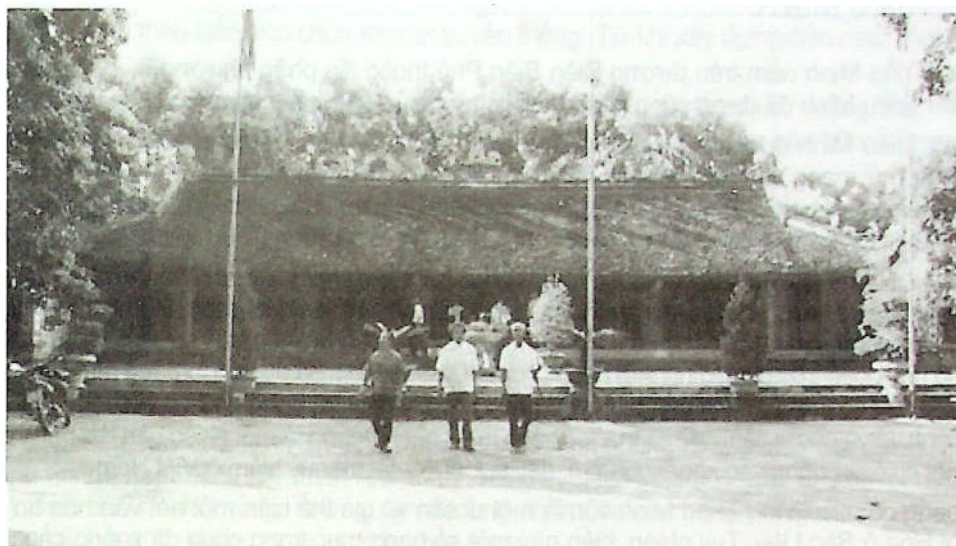
CHÙA QUANG MINH

Chùa Quang Minh ở xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chùa Quang Minh đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia năm 2001.

Chùa tọa lạc trên một gò đồi bằng phẳng, cao ráo, là một công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị. Trong

chùa, có nhiều hiện vật quý. Trong đó có 26 pho tượng Phật bản gỗ mít, sơn son thếp vàng rực rỡ. Ngoài ra còn có nhiều đồ tế tự cổ như chiếc khánh đồng đúc vào đầu đời Nguyễn.

Hội chùa tổ chức hằng năm từ ngày 9-11 tháng Giêng âm lịch.



Chùa Quang Minh, Bắc Giang

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?pid=NzBDOTA4MDg&key=Ch%C3%B9a+Quang+Minh>

CHÙA VỒNG

Chùa Vồng ở xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Quần thể di tích Cầu Vồng (trong đó có chùa Vồng) đã được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt.

Chùa Vồng được dựng cùng hướng với đình Vồng, kiến trúc theo kiểu chữ công () gồm tiền đường 5 gian 2 chái, 4 mái đao cong. Thiêu hương 4 gian nối với phật điện 3 gian 2 chái cũng 4 mái đao cong. Chùa vồng dựng sau ngôi đình Vồng tạo nên bố cục "Tiền thần



Tái hiện lễ tế ngựa

hậu Phật". Chùa được khởi dựng từ thời Lê và được tu dựng vào thời Nguyễn. Trong chùa các cấu kiện kiến trúc đều được làm bằng gỗ lim theo kiểu thức thượng con chông hạ kẻ chuyền. Nghệ thuật điêu khắc gỗ đơn giản thanh thoát. Khu nội thất phật điện được bài trí tương đối đầy đủ các pho tượng tam thế, tam tôn, thích ca sơ sinh... Phía trước chùa Vồng có cây hương đá và cây thị cổ thụ có tuổi cùng với thời gian khởi tạo ngôi chùa Vồng tạo nên khung cảnh thâm nghiêm cổ kính.

Hội Cầu Vồng là hội lớn trong vùng được tổ chức vào ngày 15 tháng Giêng.

<http://dulichbacgiang.gov.vn/diem-du-lich/le-hoi/khu-di-tich-dinh-vong-voi-le-hoi-truyen-thong-dac-sac-115.html>

BẠC LIÊU

CHÙA VĨNH TRIỀU MINH

Chùa Vĩnh Triều Minh nằm trên đường Điện Biên Phủ thuộc địa phận phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Chùa Vĩnh Triều Minh đã được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 2001.

Chùa Vĩnh Triều Minh được xây dựng năm Ất Sửu 1865. Đây là nơi thờ phụng các bậc tiền hiền đã có công khai phá và mở mang vùng đất này từ nhiều thế kỷ trước. Tuy không phải là nơi thờ Phật nhưng trước đây người dân quen gọi là chùa Vĩnh Hương, do người Minh Hương thành lập. Về sau, người địa phương gọi là chùa Minh, và hiện tên gọi chính thức là Thành hoàng cổ miếu Vĩnh Triều Minh. Nguồn gốc thờ Thành hoàng cũng là của người Minh Hương, thừa kế tín ngưỡng Thành hoàng ở Trung Quốc.

Chùa xoay mặt về hướng sông Bạc Liêu, cửa chính vào chùa được lắp ghép từ những cột đá xanh được chạm khắc rất công phu và tinh xảo hình ảnh rồng, hạc, mây... Toàn bộ kiến trúc chùa xây dựng theo hình chữ "Quốc", một mô hình kiến trúc cung đình thời Minh (Trung Quốc). Mái hiên được lợp bằng mái ngói âm dương ba lớp, các góc mái đều có trang trí hoa văn hình sóng uốn lượn. Ngoài ra, trong chùa còn chạm khắc các hoa văn như thú, cây cảnh, lá và các vị tiên... Phía trước khánh thờ Thành hoàng là một chiếc bàn dài bằng gỗ quý, chính giữa bàn để một chiếc lư đồng cao khoảng 70cm, đây là loại lư mắt tre quý hiếm ở Việt Nam...

Thành hoàng cổ miếu Vĩnh Triều Minh vốn là một di sản vô giá thể hiện một nét văn hóa tín ngưỡng độc đáo của người Hoa ở Bạc Liêu. Tuy nhiên, hiện nay một số hạng mục trong chùa đã xuống cấp, hư hỏng cần sớm được trùng tu, tôn tạo. Bảo vệ, phát huy giá trị của Thành hoàng cổ miếu cũng là cách để Bạc Liêu có thêm một điểm đến hấp dẫn cho du khách dừng chân.

Theo phong tục ở đây, thời gian tổ chức chánh lễ Thành hoàng đàn hàng năm thường kéo dài suốt 3 ngày đêm (24, 25 và 26/7 âm lịch) với các nghi lễ như: chiêm bái, cúng cô hồn và phát gạo...



Chùa Vĩnh Triều Minh

<http://www.baobaclieu.vn/du-lich/thanh-hoang-co-mieu-vinh-trieu-minh-noi-tho-tin-nguong-thanh-hoang-o-bac-lieu-5885.html>

CHÙA KRO PUM MEAN CHEY KOS THUM

Chùa Kro Pum Mean Chey Kos Thum nằm ở trung tâm ấp Kos Thum, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Năm 2006, chùa Kro Pum Mean Chey Kos Thum đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

Tên Kro Pum Mean Chey Kos Thum tạm dịch là chùa Hòn Đảo Lớn, ngoài ra chùa còn có tên dân gian là chùa Kos Thum (nhiều người đọc trệch đi là Cỏ Thum).

Chùa Kos Thum được khởi công xây dựng vào năm Nhâm Thìn 1832, Phật lịch 2376 do Đại đức Sơn Prum trụ trì. Các công trình kiến trúc chính của chùa gồm: Chánh điện; Phước xá; Trường học; Tăng xá và 7 ngôi tháp được thiết kế theo kiến trúc chùa Khmer truyền thống. Từ khi xây dựng đến nay, chùa đã trải qua 14 vị đại đức trụ trì.

Chùa Kos Thum là nơi ghi lại nhiều dấu ấn qua hai thời kỳ đoàn kết đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ từ năm 1930 - 1975. Chùa là căn cứ cách mạng vững chắc, nuôi giấu cán bộ cách mạng hoạt động, không ngừng cung cấp, đóng góp cho cách mạng cả người lẫn của cải vật chất.

Ngày 14-9-1945 diễn ra một cuộc biểu tình lớn của nhân dân các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, trong đó lực lượng sư sãi cũng tham gia, với khẩu hiệu "Pháp phải rút lui về nước, Việt Nam độc lập, Hồ Chí Minh muôn năm".

Sau đó, chùa được chọn làm Trung tâm huấn luyện quân sự Nguyễn Văn Tố. Biết được việc này, giặc Pháp đã cho máy bay dội bom bắn phá làm thiệt hại 80% cơ sở vật chất của chùa. Một số sư sãi đã hy sinh. Nhưng với lòng quyết tâm cao, hòa thượng Dư Hương cùng sư sãi và người dân trong vùng đã góp công, của tu sửa lại chùa để tiếp tục thờ cúng. Sau đó, chùa được chọn làm nơi tổ chức thành lập chính phủ cách mạng lâm thời Campuchia.

Từ năm 1945 đến 1954, xã Ninh Thạnh Lợi thuộc vùng giải phóng cách mạng (đã được Nhà nước công nhận là xã anh hùng), hoạt động rất quyết liệt, nên thường bị giặc Pháp cho máy bay dội bom bắn phá chùa, đốt xóm làng, đuổi dân ra khỏi vùng, nhưng sư sãi cùng nhân dân cương quyết đấu tranh đến cùng, nguyện sống chết cùng cách mạng, không rời bỏ quê hương xứ sở.

Sau năm 1954, Đảng rút vào chùa hoạt động bí mật, lấy chùa làm Trung tâm đấu tranh chính trị để đảm bảo an ninh cho chùa và nhân dân trong vùng. Qua nhiều trận càn quét thăm sát của chính quyền Ngô Đình Diệm, các cấp bộ Đảng và mặt trận đến chùa để bàn kế hoạch đấu tranh đòi thả những người bị bắt trước đó. Để bảo vệ lực lượng cách mạng, chùa đã xây nhiều tầng hầm bí mật bảo đảm cho cán bộ tở lui khi có biến động. Nhiều chiến sĩ bị thương đã được đưa đến đây cứu chữa và được tiếp tế rất tận tình.

Năm 1968 trong chiến dịch Mậu Thân, được sự động viên của Đảng, Đại đức (sau này là hòa thượng) Dư Hương đồng ý cho một số sư sãi thoát áo cà sa lên đường làm chiến sĩ cách mạng, nhiều người đã hy sinh anh dũng.

Trong quá trình đấu tranh chính trị chống khủng bố, đàn áp của giặc, chùa Kos Thum đã trở thành một cơ sở cách mạng vững chắc, là nơi tổ chức tuyên truyền vận động quần chúng tham gia các phong trào hoạt động cách mạng và nuôi chứa các đồng chí cán bộ mặt trận khu Tây Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Hơn nữa, chùa Kos Thum còn là một công trình kiến trúc nghệ thuật tôn giáo, nơi tu hành của sư sãi và sinh hoạt văn hóa dân gian của đồng bào Khmer.



Chùa Kro Pum Mean Chey Kos Thum

<http://toquoc.vn/bac-lieu-chua-kro-pum-mean-chey-kos-thum-99235412.htm>

BẮC NINH

CHÙA PHẬT TÍCH

Chùa Phật Tích (Phật Tích tự 佛跡寺) còn gọi là chùa Vạn Phúc (Vạn Phúc tự 萬福寺) là một ngôi chùa nằm ở sườn phía Nam núi Phật Tích (còn gọi núi Lạn Kha, non Tiên), xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Phật Tích được xếp hạng Di tích Lịch sử- Văn hóa tại Quyết định số 313/VH-VP, ngày 28 tháng 4 năm 1962 của Bộ Văn hóa và được Thủ tướng chính phủ ký và xếp hạng 62 Di tích quốc gia đặc biệt của Việt Nam.

Theo sách “Đại Việt Sử ký toàn thư và các di vật cổ tìm thấy ở khu vực chùa thì Vạn Phúc Tự được xây dựng vào năm Đinh Dậu niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ IV đời vua Lý Thánh Tông (1057). Chùa tựa vào núi, quay về hướng tây nam, nhìn ra sông Đuống lấp lánh ánh bạc.

Chùa Phật Tích nằm trên một địa bàn diễn ra sự gặp gỡ, giao thoa, hội nhập giữa Phật giáo Ấn Độ và tín ngưỡng dân gian Việt cổ từ đầu Công nguyên. Trên cơ sở đó hình thành trung tâm Phật giáo đầu tiên của đất nước, trung tâm Dâu – Luy Lâu.

Đến thời Lý, Phật giáo đã phát triển đến đỉnh cao trong lịch sử Phật giáo ở nước ta. Bắc Ninh và Phật Tích nói riêng, đều nằm trên quê hương nhà Lý, được vua Lý cho xây dựng nhiều chùa, tháp, phần nhiều là các đại danh lam. Phật Tích do đó cũng được xây dựng với quy mô to lớn.

Khác với một số chùa được xây dựng cùng thời, chùa Phật Tích được sự quan tâm đặc biệt của vương triều Lý và triều đại nhà Trần cũng như các triều đại sau này.

Theo văn bia “Vạn Phúc đại thiên tự bi” dựng năm 1686 thì: Vua thứ ba nhà Lý (tức vua Lý Thánh Tông) năm Long Thụy Thái Bình thứ IV (1057) cất lên cây tháp quý cao ngàn trượng, lại tạo pho tượng mình vàng cao 6 thước, cấp hơn trăm thửa ruộng, xây chùa hăm trăm gian. Trên đỉnh núi mở ra một toà nhà đá, bên trong điện tự nhiên sáng như ngọc lưu ly. Điện ấy đã rộng, lại to, sáng sủa và lớn. Trên bậc thềm đằng trước có bảy 10 con thú, phía sau có ao rông, góc cao vẽ chim phượng và sao Đẩu lấp lánh, lầu rông và cao, tay rông với tận trời cao...

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư” năm Tân Hợi niên hiệu Thần Vũ năm thứ III (1071) Lý Thánh Tông về thăm chùa Phật Tích và đã viết tặng nhà chùa chữ “Phật” dài 6 thước (khoảng 2,4m) rồi cho thợ khắc vào đá để ở núi Tiên Du. Ngày nay chữ “Phật” ngàn vàng không còn nữa.

Đến thế kỷ XIV dưới triều đại nhà Trần, Phật Tích vẫn là một ngôi chùa lớn, một đại danh lam thắng cảnh. Thời kỳ này Nho học đã được quan tâm do vậy các vua Trần đã cho xây dựng chùa Vạn Phúc, một thư viện lớn do danh nhân Trần Nhân Tông làm viện trưởng. Thư viện này còn gọi là cung Bảo Hoà, theo sử cũ năm Quý Hợi niên hiệu Xương Phù thứ XVIII (1383), Thượng hoàng Trần Nghệ Tông đến thăm cung Bảo Hoà và hỏi han bày tỏ về lịch sử, về thơ văn, về danh nhân, lương tướng...rồi cho chép thành sách, đặt tên là “Bảo Hoà dư bút” gồm 8 quyển; Năm sau, năm Giáp tý (1384), ông tổ chức cuộc thi thái học sinh (tức thi tiên sĩ) trên quy mô toàn quốc ở chùa Phật Tích.

Đến đời Lê – Trịnh (1623–1657) Đệ nhất cung tần của Thanh Đô vương Trịnh Tráng là Trần Thị Ngọc Am đã cho tu sửa lại chùa với quy mô kiến trúc điều khắc đẹp đẽ, nằm hài hoà với cảnh sắc thiên nhiên.

Chùa được xây dựng ở sườn núi phía nam, tọa lạc trên khu đất cao, bao gồm ba bậc nền thềm có kê bằng đá tảng dựng đứng như bức tường dài 58m, cao từ 3–5m, ở khoảng giữa tường là lối đi bằng đá rộng 5m có 80 bậc. Trước khi lên bậc cấp dẫn đến tầng nền thứ nhất ta bắt gặp một cái giếng đá tròn, nước rất trong. Tương truyền dưới đáy giếng có đầu rồng đá phun nước, giếng được che mát bởi cây đa cổ thụ. Hai đầu của con đường nhỏ dẫn lên chùa là hai ao hình chữ nhật.

Qua 30 bậc đá ta sẽ tới gác chuông (tam quan) dài 13m, rộng 11m dẫn khách lên chùa. Tới tầng nền thứ hai ta thấy chiều dài 30m của tầng này được kê đá tảng, chiều rộng của tầng nền thứ hai khoảng 70m và cách so với tầng nền thứ nhất là 5m. Đứng tại tầng nền thứ hai ta quan sát được hai phần, một phần là chùa, một phần là vườn chùa – nơi trước kia trồng hoa mẫu đơn để đầu xuân mở hội xem hoa, cũng ở nơi đây đã lưu truyền mối tình duyên trong truyền kỳ “Từ Thức gặp tiên”, ở giữa tầng nền là dấu tích của những toà nhà gồm 11 gian tiền đường, 3 gian thiêu hương, 5 gian thượng điện, 9 gian hậu cung, hai bên là hai dãy hành lang, mỗi bên 7 gian. Tất cả toà nhà này được bố trí theo kiểu “nội Công, ngoại Quốc”

Bên phải những toà nhà này là miếu Tiên chúa thờ Trần Ngọc Am. Miếu Tiên chúa còn để lại dấu vết trên móng kiểu chữ "Đình", lớp trước 4 gian ngang, lớp sau 4 gian dọc. Phía trước miếu có dựng một ngọn tháp Linh Quang xây năm Chính Hoà XX (1699).

Bên trái có dấu vết của nhà phương trường 5 gian và đằng trước là nhà tổ đệ nhất với 5 gian trước và 3 gian điện phía sau. Cũng tại tầng nền thứ 2 này người ta còn thấy tấm bia "Vạn Phúc Đại Thiên Tự Bi" dựng năm Chính Hoà VII (1686) đã bị gãy đôi, nay vẫn còn một nửa tấm bia lưu giữ ở chùa. Trong gian thương điện có thờ một pho tượng A Di Đà nổi trên toà sen. Các cột của thương điện được đặt trên các chân tảng bằng đá hình hộp vuông mỗi cạnh rộng 0,83m.

Tầng nền thứ ba được kê đá phẳng phiu như hai tầng dưới, lối đi lên giữa tầng nền hai và tầng nền ba bằng hai cửa nhỏ hai bên. Tại nền thứ ba này có một ao nhỏ hình chữ nhật có chiều dài 7m, rộng 5m, sâu 2,2m gọi là ao Ròng (Long Trì), bốn bờ ao được kê đá tảng, thẳng đứng với đáy ao. Đáy có thềm đá hình bán nguyệt đường kính 3,8m, chỗ nhô cao nhất là 1,9m ở mỗi bên nửa trên đá có chạm nổi một con rồng khá lớn, trên cạnh giữa chạm nổi hình sóng nước nhô cao (thủy ba) cho biết đây là ao thời Lý. Đường xuống ao Ròng có cầu thang bằng đá rộng 2m với 13 bậc. Phía trên cầu thang là toà nhà đá này còn dấu vết của nền nhà bằng đá hình chữ nhật dài 4,25m, rộng 3m.

Cũng tại nền thứ ba này là một vườn tháp được dựng bằng đá xanh và đất nung, cả vườn tháp có tới 32 ngọn tháp lớn nhỏ nằm chen vào núi đá nhấp nhô, một số tháp có ghi năm dựng và tên tháp như "Tháp Phổ Quang", dựng năm Cảnh Trị thứ II (1664) Tháp cao 4 tầng và cấu trúc tròn, khắc hình bát quái, ba mặt tháp chạm bày tượng Phật ngồi trên toà sen, "Tháp Viên Dung" dựng năm kỷ Mùi (1679) cao 4 tầng, mặt trước của tầng thứ hai chạm nổi hình tròn, trên có hình vuông để biểu thị trời tròn, đất vuông. "Tháp Hiển Quang" dựng năm Vĩnh Trị thứ V (1680). "Tháp Viên Quang" dựng năm Chính Hoà thứ V (1684) đều cao hai tầng.

"Tháp Bảo Nghiêm" dựng năm Chính Hoà thứ XIII (1692) với 4 tầng, mặt tháp có chạm tượng Phật ngồi trên toà sen và nhà sư đã ngồi nhập định, còn một số tháp như Viên Minh, Tông ý Bồ Đề đều không rõ năm dựng. Sườn núi bên Phật Tích còn một số hàng gạch nhỏ, mỗi cây tháp đều giữ xá lị của một vị hoà thượng đắc đạo. Với số lượng tháp ở Phật Tích đã chứng tỏ chùa Phật Tích là nơi có nhiều nhà tu hành về đây tu luyện.

Ngoài quy mô về không gian của chùa Phật Tích, du khách còn tìm thấy ở đây các công trình điêu khắc cổ đặc sắc về nghệ thuật tạo hình của dân tộc Việt, đó là tượng Phật A Di Đà bằng đá, chân tảng đá, tượng 10 con vật bằng đá có niên đại thời Lý. Có thể khẳng định những tác phẩm tượng thú có quy mô lớn và lâu đời nhất của nước ta chính là hàng tượng thú trước sân chùa Phật Tích.

Ngoài các tác phẩm điêu khắc nghệ thuật bằng đá thời Lý nói trên, chùa Phật Tích còn được biết đến qua một pho tượng không kém phần đặc sắc bởi hình thức thể hiện của pho tượng này, đó chính là pho tượng Chuyết Chuyết công sư tổ được bó cốt (xương) còn gọi là "Nhục thân Bồ tát". Đó chính là "Chân dung kết tủa của Thiền sư Lý Thiên Tô pháp danh Hải Trùng" hiệu Viên Văn, sinh năm 1590 ở quận Thanh Chương tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc), ông là học trò của vua Minh Thế Tông phong chi là Khuông Quốc Đại sư.

Thiền sư Chuyết Chuyết Lý Thiên Tô thuộc thế hệ 34 dòng Lâm Tế, mất vào rằm tháng bảy năm Giáp Thân (1644) thọ 55 tuổi tại chùa Phật Tích được vua Lê Chân Tông phong hiệu Minh Việt phổ giác quảng tế đại đức Thiền sư. Sau khi Thiền sư viên tịch, các tín đồ đã dùng dây để dựng khung xương theo thế ngồi thiền rồi tạo tượng phủ ngoài xương bằng chất bồi mà chủ yếu là sơn ta, vôi, mật cưa. Do thời gian và sự bảo quản không tốt nên pho tượng bị hư hại. Sau này pho tượng được phục hồi nguyên trạng với chiều cao 67,3em, nặng 10kg (từ ngày 12/01/1993 đến 01/05/1993).

Có thể nói, pho tượng Thiền sư Chuyết Chuyết Lý Thiên Tô là một trong ba pho tượng táng quý hiếm trên đất nước ta về nghệ thuật ướp xác, bó cốt, điêu khắc chân dung nhân vật lịch sử của người Việt.

Chùa Phật Tích tồn tại, trải qua biết bao biến động của lịch sử, của thời gian. Đến năm 1948 chùa bị phá hoại hoàn toàn, chỉ còn lại những công trình kiên trúc điêu khắc đá và một số các di tích khác như tượng người, chim, vườn tháp, ao ròng, bia Vạn Phúc đại thiên từ bi, pho tượng Thiền sư Chuyết Chuyết.

Năm 1958, để bảo vệ các di vật quý giá này, Bộ Văn hoá cho làm lại ba gian chùa nhỏ. Tuy để lại những di sản không nhiều nhưng rất độc đáo, những hiện vật vô cùng quý giá ấy đã chứng minh cho sự xuất hiện sớm và phát triển nhanh, mạnh mẽ, liên tục của một trong những trung tâm Phật giáo của nước ta. Đồng thời qua những hiện vật, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về trình độ văn minh, trình độ khoa học kỹ thuật của ông cha ta trước và công sức tài nghệ của những người thợ chạm khắc đá, kiến trúc xây dựng chùa. Chính những di sản văn hoá quý báu đó là tài liệu sống động, đầy sức thuyết phục trong hành trình về cội nguồn dân tộc nói chung và mỹ thuật chùa chiền nói riêng.

"Vạn Phúc Tự" nằm trong chốn bồng lai tiên cảnh gắn liền với những truyện dân gian "Tử Thức gặp Tiên", "Man Nương Tố Nữ", "Tiểu Phu Vương Chết"... đầy tình huyền thoại và lãng mạn càng tăng thêm tâm lý sùng kính của khách thập phương về văn cảnh chùa và lễ Phật.

Từ đó đến nay chùa đã từng bước được tu sửa lại vườn tháp, ao Ròng, bậc lên xuống chùa, xây mới 5 gian phía tây để làm nơi tiếp khách, dựng 4 toà nhà gồm: tam bảo, tiền đường, 2 nhà tổ, sửa 3 gian hậu đường... Tổng cộng, tới nay chùa có 22 gian. Đường dẫn tới chùa được trải nhựa, đường lên chùa là các đá tảng gồm 50 bậc, Chùa Phật Tích cũng đã mở lại hội "Khán hoa" (xem hoa) được tổ chức vào ngày mùng 4 tháng Giêng.



Chùa Phật Tích tồn tại, trải qua biết bao biến động của lịch sử, của thời gian

<http://bacninh.tintuc.vn/du-lich/tim-hieu-ve-chua-phat-tich-bac-ninh.html>
https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Ph%E1%BA%ADL_T%C3%ADch

CHÙA YÊN MÃN

Chùa Yên Mãn ở 215 Đường Thiên Đức, khu Yên Mãn, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Yên Mãn được xếp hạng là di tích Lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia - Quyết định số 154/QĐ, ngày 25/1/1991.

Chùa Yên Mãn được khởi dựng từ thời Lý, trải trường kỳ lịch sử đã nhiều lần được trùng tu tôn tạo. Thời Lê - Nguyễn chùa được xây dựng lại với quy mô lớn gồm nhiều công trình lớn nhỏ trong khuôn viên. Năm 2003 nhiều công trình của chùa được tu sửa lớn. Hiện tại năm 2019, chùa vẫn đang trong quá trình được tu sửa và tôn tạo một số hạng mục công trình.

Chùa Yên Mãn tọa lạc trên diện tích đất 3.111,6m², đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Di tích được bố trí ở trung tâm khu Yên Mãn xung quanh chùa giáp khu dân cư. Gần bên cạnh là đình làng tạo thành một quần thể di tích cổ kính thâm nghiêm.

Chùa Yên Mãn hiện có các công trình: Tam quan, Tiền đường, Thiêu hương, Thượng điện, nhà tổ nhà mẫu, hai dãy hành lang. Tiền đường gồm 3 gian, bộ khung gỗ, bộ vì nóc kiểu "con chông giá chiêng". Phần mái lợp ngói với các góc đao cong mềm mại. Cửa được mở ở 3 gian giữa hướng Tây. Xung quanh bên ngoài được bao bọc bởi các dãy hành lang chạy dọc xung quanh.

Giống như tất cả các ngôi chùa khác, chùa Yên Mãn được dựng lên từ lâu đời để thờ Phật, thờ Mẫu, thờ các vị tổ sư là trung tâm sinh hoạt tôn giáo đạo Phật của nhân dân địa phương.

<http://www.bacninh.gov.vn/web/phuongkinhbac/di-tich-lich-su>

CHÙA THƯỢNG ĐỒNG



Chùa Thượng Đồng

Chùa Thượng Đồng (Còn gọi là chùa Lãm) ở thôn Thượng Đồng, Xã Vạn An, Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Thượng Đồng được Bộ VH-TT cấp bằng công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật - Quyết định số 372-VH/QĐ ngày 10/03/1994.

Chùa Thượng Đồng được khởi dựng từ lâu đời, trùng tu vào thời Nguyễn và còn giữ được đến ngày nay; bảo lưu được hệ thống tượng Phật thời Nguyễn.

Chùa Thượng Đồng không những thờ Phật mà còn thờ Thần. Tòa tiền đường chính là nơi đặt hương án, ngai, bài vị, siêu đao bát bửu thờ Thần; tại đây còn đôi câu đối cổ phản ánh về việc thờ Thần, Phật như sau:

"Phật tự viên cương linh mãn tọa .

Thần từ y phả sắc hoà ban".

Giá trị nổi bật của đình, chùa Thượng Đồng là còn bảo lưu được hệ thống cổ vật như thần tích, sắc phong, bia đá, hoành phi, câu đối. Các đạo sắc phong của các triều vua phong tặng người được thờ có các niên đại như sau: Cảnh Hưng thứ 4 (1743), Cảnh Hưng 44 (1783), Tự Đức 3 (1850), 2 đạo Thiệu Trị 4 (1844), Minh Mệnh 2 (1821), Đồng Khánh 2 (1886), Duy Tân 3 (1909), Khải Định 6 (1911). Đặc biệt là tám bia đá của đình Thượng Đồng có tên là "Thượng đẳng tối linh" được dựng khắc năm Tự Đức 3 (1850) cho biết lai lịch bà Chúa Lãm và có thể tóm tắt như sau: Đức Vua Bà là người thôn Quả Cảm, sinh vào năm Thiên ứng Chính Bình thứ 4 (1235), dáng vẻ không trần tục, thái độ thật khác thường. Cha mẹ là người hiền lành nhân hậu, làm nghề nông và có thêm nghề buôn bán. Năm ông bà ngoài 30 tuổi mà chưa có con, nên đi cầu tự ở chùa và được mộng Quan Âm cho một đóa mây trắng, sau đó sinh ra Đức Bà. Từ nhỏ đến lớn, Đức Bà luôn là người hiền lành nhã nhặn và tài sắc hơn người. Vào đời vua Trần Anh Tông, một hôm theo mẹ đến Tràng An bán hàng. Giữa đường bỗng gặp xa giá của nhà vua đi qua. Hai mẹ con sợ hãi liền lấp vào một bụi cây ven đường. Bỗng viên quan hầu cận vua đến bên bụi cây nói rằng: "Nơi ấy hiện lên một đóa mây trắng, mắt trời đã soi báo, người nào trốn ở đây phải mau mau ra nhận lệnh". Mẹ con bà vội sửa áo quần để ra mắt nhà vua. Nhà vua thấy trước mặt là một cô gái đẹp tuyệt trần, liền xin mẹ già cho nàng về kinh, xuống chiếu cho mẹ hiền về quê phụng dưỡng. Đức Bà được nhà vua vô cùng yêu mến, cha mẹ được ban ân nhiều. Hầu hạ vua được 5 năm thì Đức Bà có mang. Nhà vua ban sắc là Hoàng phi đệ tam cung, ban cho 72 trang ấp làm bổng lộc riêng. Đức Bà đang mang thai thì bỗng mang bệnh nặng rồi mất. Nhà vua vô cùng thương tiếc, đích thân làm lễ và truy tặng Hoàng hậu, lệnh cho 72 trang ấp của Đức Bà phải thờ làm Phúc thần và cho quan trong

triều hộ tổng thi hài về an táng xây lăng tại địa đầu núi Hoàng Nghênh thuộc làng Quả Cảm (hiện nay lăng mộ vẫn còn).

Căn cứ theo văn bia đình làng Thượng Đồng thì 72 trang, ấp (làng, xã) trong vùng cửa sông Ngũ Huyện Khê phải thờ Đức Vua Bà làm Phúc Thần, trong đó có thôn Thượng Đồng. Mặt khác, tại thôn Thượng Đồng còn có truyền thuyết kể rằng: Xưa kia bởi Thượng Đồng có núi và các độc nước làm đường giao thông là nơi tập trung kho lương của Đức Vua Bà, các trang, ấp trong vùng là đất thực ấp phải tập trung lương thực về Thượng Đồng; cho nên núi được mang tên là "núi Lãm", làng mang tên là "làng Lãm", các cánh đồng xung quanh mang tên là đồng Thóc, đồng Gạo... Chính vì vậy, Thượng Đồng là nơi thờ phụng Đức Vua Bà được các triều vua ban sắc phong và được lập bia đá để ghi khắc lại sự tích người được thờ, còn dân gian truyền tụng nhau Thượng Đồng là nơi thờ Bà Chúa Lãm.

Việc thờ Đức Vua Bà còn được thể hiện ở lễ hội truyền thống: hàng năm cứ đến ngày 10 tháng giêng, dân làng lại tổ chức giỗ Vua Bà và đến ngày mùng 10 tháng 8 thì mở hội đình làng. Xưa kia, để mở hội đình đám, ngay từ mùng 9 làng tổ chức rước sắc phong từ ban thờ sắc ở chùa về đình để tế lễ. Ngày mùng 10 chính hội, hai ông Quan đám và các giáp trong làng phải rước cỗ chay ra đình để tế thần. Cỗ chay là các loại bánh, hoa quả của địa phương như oản, chè kho, bánh mật, hồng, chuối... Sau phần lễ là phần hội với nhiều trò dân gian vui chơi giải trí như tuồng, chèo, ảo thuật, vật, chọi gà, cờ... và đặc biệt là tục hát Quan họ.

<http://e-cadao.com/Tieuluan/ditich/dinhchuathuongdong.htm>
<http://www.bacninh.gov.vn/web/phuongvanan/di-tich-lich-su>

CHÙA TRÀ XUYỀN

Chùa Trà Xuyên ở khu Khúc Toại, Khúc Xuyên, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Trà Xuyên, ngày 12/02/1994, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch ban hành Quyết định số 295-QĐ/BT xếp hạng Chùa Trà Xuyên là di tích Kiến trúc - Nghệ thuật cấp quốc gia.

Chùa Trà Xuyên (còn được gọi là Nghinh Phúc tự) cùng chung khuôn viên với đình, phía trước là hồ, ao, đất canh tác, phía sau là sông Ngũ Huyện Khê. Chùa có 04 công trình chính: Tòa Tam Bảo, nhà Tổ, 02 dãy hành lang. Tòa Tam Bảo là sự liên kết của 2 tòa (Tiền đường 05 gian và Thượng điện 02 gian) sâu 6 m. Tòa nhà phía sau Tam Bảo quy mô 05 gian, 02 dãy hành lang. Các tòa có kiến trúc thượng chông rường, hạ kẻ bẩy. Nghệ thuật trang trí chủ yếu ở tòa Tam Bảo, trên bức cửa võng, bức cốn, câu đầu với rồng, mây hoa lá.

Chùa hưng tạo vào thời Lê, được trùng trùng nhiều lần vào thời Nguyễn. Hệ thống tượng phật phong phú, chất liệu gỗ, tạo tác đẹp, hầu hết có niên đại vào các thời Lê hoặc Nguyễn. Các cột đều gắn với các bức đại tự, hoành phi, câu đối. Hiện chùa còn lưu giữ được quả chuông đồng lớn "nghinh phúc tự chung" được đúc vào năm 1789 - thời Tây Sơn. Đây là một trong 04 quả chuông duy nhất ở huyện Yên Phong.

Hội chùa vào ngày 15 tháng Giêng (âm lịch) hàng năm (gần đây được tổ chức vào ngày mùng 05 cùng với hội đình).



Khuôn viên đình, chùa Trà Xuyên

<http://www.bacninh.gov.vn/web/phuongkhucxuyen/di-tich-lich-su>

CHÙA CÔ MỄ

Chùa Cô Mễ (Cổ Mễ tự) ở phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Cô Mễ đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

Chùa có tên chữ là "Cổ Mễ tự" được dựng vào thời Hậu Lê, đến thời Nguyễn (năm 1928) được dựng lại và bảo lưu đến ngày nay.

Tòa Tam Bảo của chùa hiện nay là kiến trúc của thời Nguyễn, còn giữ được khá nguyên vẹn, kiểu chữ đình gồm tiền đường 5 gian và thượng điện 3 gian đều được chạm khắc công phu các đề tài rồng mây hoa lá.



Chùa còn bảo lưu được một số cổ vật quý giá là tượng thờ trong đó đặc biệt có 3 pho tượng đá thời Mạc (thế kỷ XVI). Những đồ thờ tự ở đây như chuông đồng (được làm năm 1928 thời vua Minh Mạng), đại tự, câu đối... đều là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc.

<https://phatgiaio.org.vn/co-me-diem-sang-o-ngoi-chua-chua-co-su-tru-tri-d19873.html>

CHÙA ĐỘ XÁ



Chùa Độ Xá (còn gọi là Linh Quang tự)

Chùa Độ Xá (còn gọi là Linh Quang tự), ở phường Ninh Xá, thành Phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Độ Xá đã được công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia (quyết định số 138/QĐ).

Nằm gần Đình Độ Xá, được xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII. Chùa thờ Phật Tổ và các vị La Hán. Hiện nay, Chùa còn giữ các cổ vật như: Tượng Phật và những tấm bia hậu thời Lê – Nguyễn: Bia "hậu Phật" dựng khắc năm 1706 tạc chân dung Bà Nguyễn Phú Nhiên đã có công dựng chùa. Chùa Độ Xá còn bảo lưu được hệ thống tượng phật thời Nguyễn độc đáo.

<http://www.bacninh.gov.vn/web/phuong-ninh-xa/di-tich-lich-su>

CHÙA HỒNG PHÚC

Chùa Hồng Phúc ở khu Xuân Ổ A, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Chùa Hồng Phúc đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 21/01/1989.

Chùa Hồng Phúc còn gọi là chùa Xuân Ổ A, chùa Hồng Phúc tương truyền được khởi dựng từ thời Trần nằm ở khu bãi Hồ, phía Tây làng Xuân Ổ. Trải qua các triều đại phong kiến, chùa được trùng tu, sửa chữa nhiều lần với quy mô khang trang, rộng lớn có nhiều hạng mục kiến trúc như: tòa Tam bảo gồm 7 gian Tiền

đường, 3 gian Thượng điện, Gác chuông, Đài kính thiên và hai dãy hành lang mỗi bên 6 gian... Chùa nổi tiếng được mệnh danh là đại danh lam bậc nhất xứ Kinh Bắc vào giai đoạn thế kỷ XVI - XVII. Đến năm 1949, chùa bị giặc Pháp phá huỷ hoàn toàn. Năm 1995, nhân dân xây dựng lại ngôi chùa mới trên nền đất cũ, công trình kiến trúc chính là tòa tam bảo có mặt bằng hình chữ Đỉnh gồm 5 gian Tiền đường và 3 gian Thượng điện, khung nhà làm bằng gỗ, kết cấu vì kèo theo thể thức truyền thống, đục chạm "tứ linh", "tứ quý", hoa lá, vân mây cách điệu. Ngoài ra còn nhiều đơn nguyên kiến trúc khác là nhà tổ, nhà khách, nhà mẫu, gác chuông...

Giá trị nổi bật của chùa Hồng Phúc tập trung chủ yếu ở hệ thống cổ vật hiện còn lưu giữ tại di tích, tiêu biểu như: 5 pho tượng đá niên đại thời Mạc (thế kỷ XVI), 09 tấm bia đá dựng khắc vào các năm 1586, 1594, 1612, 1626, 1627, 1638, 1670, 1697, 1753, cây hương đá khắc năm 1652, chuông đồng đúc năm 1826... Trong đó đặc biệt giá trị nhất là tấm bia "Hồng Phúc tự hồng chung bi" khắc vào niên hiệu Đoan Thái 1 (1586) đời vua Mạc Mậu Hợp.

Tấm bia hiện được dựng bên dưới gác chuông phía trước nhà Tam bảo, bia cao 110cm, rộng 68cm, dày 17cm đặt trên lưng rùa. Trán bia mặt trước trang trí chạm nổi đề tài "lưỡng long châu nhật", mặt trời chính giữa hình tròn, mỗi bên có 5 đao lửa, đôi rồng châu dáng hình yên ngựa đặc trưng nghệ thuật thời Mạc. Trán bia mặt sau trang trí chạm nổi đề tài "phượng châu mặt nguyệt". Diềm bia phía trên trán, hai bên cạnh và phía dưới (giáp lưng rùa) cả hai mặt như nhau đều trang trí đề tài hoa cúc dây, cánh sen đứng gồm nhiều lớp xếp chồng nhau được tạc bằng kỹ thuật chạm nổi rất điêu luyện. Lòng bia khắc chữ Hán cả hai mặt (mặt trước 26 dòng, mặt sau 22 dòng) thể chữ chân phương còn khá rõ nét, tất cả khoảng trên 1500 chữ, tên bia mặt trước khắc kiểu chữ triện, mặt sau khắc kiểu chữ chân đều có chung tiêu đề là "Hồng Phúc tự hồng chung bi" nghĩa là (bia ghi chép việc đúc chuông chùa Hồng Phúc).

Nội dung văn bia phần đầu cho biết diễn biến quá trình đúc chuông chùa Hồng Phúc như sau: "...chùa Hồng Phúc ở xã Xuân Ổ, huyện Tiên Du là danh lam bậc nhất ở xứ Kinh Bắc, chùa có chuông nhưng do nạn binh đao mà bị phá huỷ... đến tháng 4 năm Diên Thành 6 (1583) Lễ bộ Tả thị lang Xuân sơn Bá Trần Cự Công cùng với các vị lớn nhỏ trong các giáp mua đồng đúc chuông. Ngày 18 tháng 2 năm Diên Thành 8 (1585) hoàn thành việc đúc chuông...", phần sau ghi chép toàn bộ tên họ những người cung đúc chuông, đứng đầu là Lễ bộ Tả thị lang, Xuân sơn Bá, tể tướng Lễ bộ Thượng thư, Xuân sơn Hầu Trần Cự Công (tức Tiến sĩ Trần Đạc Tiềm người làng Xuân Ổ đỗ khoa năm 1556). Bia khắc vào ngày 25 tháng 10 năm Đoan Thái 1 (1586), nội dung văn bia do Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Thượng thư, Hàn lâm viện thị độc, chường Hàn lâm viện sự, An thường Hầu Mai Công soạn (tức Tiến sĩ Mai Công (1530 - ?)).

Tấm bia "Hồng Phúc tự hồng chung bi" chứa đựng giá trị to lớn về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và mỹ thuật. Tấm bia góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật điêu khắc đá vào thời Mạc còn tồn tại ở tỉnh Bắc Ninh hiện nay. Đối với Tiến sĩ Mai Công bài văn bia này là di sản quý hiếm còn lại của một nhà khoa bảng tiêu biểu trong dòng họ Mai ở xã Đào Viên có tới 4 vị đỗ khoa nổi tiếng đất Kinh Bắc dưới triều Lê - Mạc. Văn bia còn cung cấp thêm nhiều thông tin chính xác về khoa danh, chức tước, địa vị của Tiến sĩ Mai Công và Tiến sĩ Trần Đạc Tiềm người làng Xuân Ổ vào giai đoạn cuối thế kỷ XVI.



Chùa Thượng Đổng

<http://www.baobacninh.com.vn/news/-/details/20182/chua-hong-phuc-va-tam-bia-thoi-mac-do-tien-si-mai-cong-soan>

CHÙA DẠM

Chùa Dạm (hay còn gọi là Thần Quang Tự) được xây dựng ven sườn núi phía Nam của dãy núi Dạm, thuộc địa bàn thôn Tự Thôn, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh. Chùa Dạm đã được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa từ cấp Quốc gia năm 1962.

Chùa Dạm hay còn có tên gọi khác là chùa Rạm, chùa Bà Tấm, chùa Cao, chùa Trăm Giam. Chùa được xây dựng có hướng nhìn về sông Đuống và dựa vào núi Dạm. Danh lam thắng cảnh này có từ thời Lý và đến nay đã có lịch sử gần 1.000 năm hình thành và bảo tồn.

Cuốn "Đại Việt sử ký toàn thư" và "Đại Nam nhất thống chí" có ghi chép lại: Năm Quảng Hựu thứ nhất (1905) Thái hậu Ý Lan trên đường ngắm cảnh, nhìn thấy vị trí đẹp với sông núi non nước hữu tình và nảy sinh ý định xây dựng tháp. Đến năm 1086 tức vào đời Quảng Hựu thứ 2, vua Lý Nhân Tông ra lệnh xây dựng chùa ở núi Đại Lãm.

Vào thời nhà Lý, chùa được xây dựng liên tục trong vòng 8 năm trên mảnh đất có quy mô lớn với diện tích 8.000 m². Nhà Vua từng đến đích thân đến để khảo sát và kiểm tra tiến độ thi công cũng như cầu sự bình an trong quá trình xây dựng.

Chùa chính thức hoàn thành năm 1094. Trong chùa có 3 tòa tháp lớn trước sân với quy mô lớn do chính nhà vua ban tặng tên. Không chỉ là nơi thờ phụng, đề cao tinh thần Phật giáo của đời nhà Lý, ngôi chùa còn cho thấy sự tự tin của nhà vua và khẳng định chủ quyền của đất nước.

Tổng diện tích của toàn ngôi chùa là 7.200 m² với bốn cấp kéo dần theo trục dài 120m bám vào triền dốc của núi Dạm. Nền được xếp đá để chống sạt lở, dáng chân hơi choãi, cao 5-6m và choãi khoảng 70 độ. Mỗi đường xuống của từng cấp có 23 bậc đá được xếp và đẽo gọt vuông vắn có chiều rộng khoảng 50 cm - 60 cm.

Các bậc thềm lát đá được dùng để nối các tầng nền với nhau. Ở tầng nền được lắp gạch ngói từ thời Lý chạm khắc hoa văn hình rồng, phượng, hoa sen - những biểu tượng tiêu biểu của văn hóa chạm khắc Việt Nam. Chân cột có kích thước 0,75 x 0,75m làm bằng đá và được chạm nổi hoa văn hình hoa sen rất tinh tế và đầy tính nghệ thuật.

Ở cấp nền thứ nhất được gọi là Bãi Hội, du khách đến tham quan được đi bằng một lối cửa, tầng bậc cao và toàn bộ khoang rộng 16m. Lên đến lớp nền thứ 2 có ba lối hẹp hơn và tầng bậc cũng thấp hơn. Ở lớp nền thứ 3 và thứ 4 chỉ còn hai lối hẹp. Nền chùa chính là kê đá ở cấp nền thứ 2. Trên kê đá đó được chạm khắc hình hoa văn sóng nước.

Bên phải chùa có khu đất vuông xây dựng một tấm bia đặt trên lưng rùa. Nhìn sang phía đối diện và bên trái cũng có khu đất nổi hình tròn với chiều cao khoảng 1m, đường kính khoảng 4,5m. Tại đây cũng có một bia đá được chạm hoa văn sóng nước - một họa tiết nổi bật của thời Lý.

Lễ hội của chùa Dạm vào ngày mùng 8 tháng 9 (âm lịch), các làng quanh chùa Dạm tưng bừng mở hội và có tục rước kiệu thành hoàng làng lên chùa Dạm yết kiến Thánh Mẫu (hay vua bà Ý Lan).



Dấu tích chùa Dạm còn sót lại (Nguồn ảnh: Internet)

<https://voh.com.vn/du-lich/nhung-ly-do-ban-nen-den-tham-quan-chua-dam-bac-ninh-335974.html>

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_D%E1%BA%A1m

CHÙA ĐÁP CẦU

Chùa Đáp Cầu nằm ở triền đê bờ nam sông Như Nguyệt, phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Đáp Cầu đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia (quyết định số: 188/QĐ-BT).

Chùa vốn được khởi dựng vào thời Lê, song kiến trúc hiện còn thuộc thời Nguyễn gồm nhiều công trình như: Tam Bảo, nhà Mẫu, nhà Tổ, hành lang, nhà khách, gác chuông. Tòa Tam Bảo có kiến trúc kiểu chữ Đinh, gồm Tiền đường 7 gian và Thượng điện 6 gian với bộ khung gỗ Lim to khỏe vững chắc. Cạnh tòa Tam Bảo là tòa gác chuông và gác khách, được dựng theo kiểu chồng diêm hai tầng, tám mái đao cong, mềm mại.

Chùa hiện nay còn gìn giữ được những pho tượng và một số đại tự, câu đối tạo tác từ thời Nguyễn.



Chùa Đáp Cầu

<http://bacninh.gov.vn/news/-/details/20182/chua-ap-cau-bao-uyen-tu>

CHÙA ĐIỀU SƠN



Chùa Điều Sơn

Chùa Điều Sơn nằm dưới chân núi Điều Sơn, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh. Chùa Điều Sơn đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1990 (trong đó có cả đền Điều Sơn).

Chùa Điều Sơn nằm cạnh đền là công trình kiến trúc có từ thời Nguyễn có kết cấu kiến trúc chữ Đinh gồm 5 gian Tiền đường và 3 gian Thượng điện. Hiện nay, chùa còn giữ gìn được những di vật thời Nguyễn như: tượng, chuông đồng, đại tự, câu đối bia đá.

<http://bacninh.gov.vn/news/-/details/20182/cum-di-tich-en-chua-ieu-son>

CHÙA HỒNG LÔ

Chùa Hồng Lô, còn gọi là Hồng Lô tự, chùa ở thôn Trần, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Hồng Lô đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia (quyết định số: 295-QĐ/BT).

Chùa được khởi dựng từ lâu đời, đến thời Nguyễn được trùng tu, nổi tiếng là danh lam cổ tự, còn bảo lưu được cây hương, bia đá thời Lê-Nguyễn.

CHÙA HỒNG AN

Chùa Hồng An, còn gọi là chùa Bình Than, nằm ở phía đông làng Đình Than, xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Hồng An đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá vào năm 1986.



Nhiều bia đá chùa Hồng Ân ghi dấu tích về hội nghị Bình Than

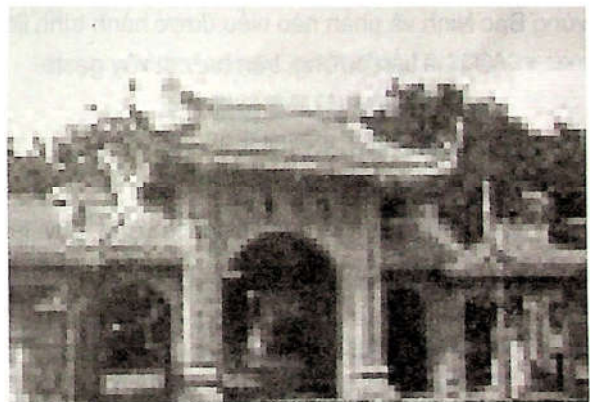
Than của Vương triều Trần triệu tập, tổ chức bàn kế sách chống quân Nguyên vào năm 1282.

Là một di tích tiêu biểu và cổ kính, chùa luôn được nhân dân trong vùng và du khách thập phương quan tâm chiêm bái; góp công, góp sức trùng tu tôn tạo ngày một khang trang, tổ hảo. Những năm gần đây địa phương đã hiến đất và các công trình công công liền kề, mở rộng diện tích để xây dựng các hạng mục như nhà tổ, nhà mẫu, nhà khách... tạo thành một quần thể kiến trúc theo lối cổ tự rộng rãi, phong quang, cảnh quan hài hoà, đẹp đẽ. Chùa được ly sư trụ trì và bà con phật tử thường xuyên chăm chút việc khói hương, kính lễ tôn nghiêm, xứng là nơi tu hành từ bi, đắc đạo.

<http://bacninh.com/xem-tin-tuc/49890/di-tich-lich-su-chua-hong-an-noi-luu-giu-nhieu-di-tich-lich-su.html>

CHÙA ĐÔNG XÁ

Chùa Đông Xá (có tên chữ là Linh Quang tự), ở xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Đông Xá đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 10/3/1994 (cùng với đình Đông Xá). Chùa Đông Xá, theo các cụ cao niên và một số tài liệu cho biết chùa được khởi dựng vào thời Lê năm Vĩnh Hựu 4 (1738) do quan nội giám Lưu Lộc là Nguyễn Đắc Danh người thôn Chi Long cung tiến 20 quan tiền sử và 4 sào 8 thước ruộng để xây dựng chùa. Đến thời Nguyễn chùa được tu bổ lớn và còn giữ được kiến trúc đến ngày nay, hiện trên câu đầu còn dòng niên đại "Tự Đức nguyên niên" (1850) là thời điểm sửa chữa chùa. Hiện nay chùa có kiến trúc kiểu chữ đình, gồm 5 gian tiền đường và 3 gian thượng điện.



Cổng chùa Đông Xá

<http://www.bacninh.gov.vn/web/ubnd-xa-dong-phong/di-tich-lich-su-van-hoa>

CHÙA HÀM LONG

Chùa Hàm Long (chữ Hán: 寺含龍) hay Long Hàm tự (chữ Hán: 龍頤寺) là một ngôi chùa cổ tại thôn Thái Bào, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, chùa nằm cách trung tâm thành phố Bắc Ninh khoảng 7 km về phía Đông Nam. Chùa Hàm Long đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1994.

Theo một số bảng giới thiệu tại chùa hiện nay thì chùa được khởi lập năm 1158 bởi Lý Quốc sư Nguyễn Minh Không dưới triều vua Lý Anh Tông. Thời phong kiến chùa nằm ở xã Lãm Sơn Dương, tổng Lãm Sơn Nam, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Chùa được xây dựng sau chùa Dạm ở xã Lãm Sơn

Trung gần đó khoảng hơn nửa thế kỷ và sau chùa Phật Tích ở Tiên Du khoảng một thế kỷ. Tuy nhiên, xét về quy mô và diện tích lúc đó thì chùa không được to lớn như chùa Dạm và chùa Phật Tích.

Chùa nằm trên một khu đất có hình thể như 6 hiền sĩ hội tụ, thể tứ linh (long, ly, quy, phụng). Phía Đông Nam và Tây Nam là hình thể của phượng châu, quy bái. Phía Tây Bắc là quy phục uy nghi một dải Thần Long rủ đầu xuống ngôi chùa, vì thế nên mới gọi tên chùa là Hàm Long. Nhưng thời Lý - Trần, chùa Hàm Long chưa có quy mô kiến trúc lớn.

Đến đầu thế kỷ XVIII thời Lê trung hưng, xuất hiện vị Trịnh Hòa thượng là con trai của Tấn Quang vương Trịnh Bính đến tu hành tại chùa, ngài có thể danh là Trịnh Thập, pháp danh là Như Trừng tự Lân Giác hiệu là Cứu Sinh, ngài là đệ tử của Thiền sư Chân Nguyên ở núi Yên Tử. Vốn dĩ ngài là em trai của chúa Trịnh Cương và là phò mã của Thái thượng hoàng Lê Hy Tông. Tuy thân sống trong lầu son gác tía, mà tâm hằng gởi gắm trong cửa Thiền. Sau đó ngài xin triều đình cho thoát tục xuất gia, chuyển tư dinh ở huyện Thọ Xương thành *chùa Liên Tông* để tu hành (tức là chùa Liên Phái hiện nay).^[note 3] Sau đó ngài cũng đến tu hành tại chùa Hàm Long, trong giai đoạn này chùa được trùng tu xây dựng quy mô lớn với nhiều công trình: tiền đường, tam bảo, tổ đường (nhà tổ), nhà tăng, vườn tháp,... Sinh thời, ngài sáng lập ra chi phái Liên Tông thuộc phái Thiền Trúc Lâm. Trước khi viên tịch, ngài chỉ định Thiền sư Tỉnh Ngạn làm trụ trì chùa Hàm Long. Sau khi niết bàn (viên tịch) thì Thiền sư Như Trừng Lân Giác là vị Tổ sư thứ nhất trong số 18 vị tổ sư của chi phái Liên Tông được thờ tại chùa.

Tháng 2 năm 1928 (niên hiệu Bảo Đại năm thứ 2), chùa được trùng tu với công sức đóng góp của tăng ni, phật tử đến từ 21 tỉnh trong cả nước. Điều này được ghi lại trong văn bia "Trùng tu Long Hạm tự bi" dựng vào ngày tốt tháng trọng xuân (仲春) tức tháng 2 năm Mậu Thìn

Hiện nay, chùa còn lưu giữ được một số tượng Phật cổ và 14 tháp mộ cổ từ thời Trần, Hậu Lê, Nguyễn. Trong đó có bốn pho tượng bằng đồng đặc sắc về cả thủ pháp nghệ thuật và kỹ thuật đúc đồng: tượng đức Phật Thích Ca cao 2,10 m; tượng A-nan và Ca-diếp cao 1,86 m (2 người trong số Thập đại đệ tử nổi tiếng của đức Phật); tượng Hoàng hậu Maya cao 1,58 m (mẹ của đức Phật). Các pho tượng đều được đúc đồng tại địa phương, mang thần thái rất ung dung tự tại, khiến cho mọi du khách đều cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản mỗi khi thăm viếng cảnh chùa.

Ngoài ra, một số cặp câu đối còn lưu giữ tại chùa có thể phản ánh tâm thức Phật giáo của người dân vùng Bắc Ninh và phần nào hiểu được hành trình lịch sử mà chùa đã trải qua. Có thể kể đến một số cặp sau:

- Ở nhà tiền đường, trên hai cột xây gạch:

保嶺奇觀龍鳳龜麟鍾秀氣
含談曆史東西南北說名藍

Phiên âm:

Bảo lĩnh kỳ quan long, phượng, quy, lân chung tú khí.
Hàm đàm lịch sử đông, tây, nam, bắc thuyết danh lam.

Tạm dịch:

Núi quý kỳ quan Long, Phượng, Quy, Lân làm nên tú khí.
Bàn trong lịch sử Đông, Tây, Nam, Bắc nổi tiếng danh lam.

- Tại hai cột đồng trụ phía trước Ly trần viện:

阮園師修真伊然佛迹
鄭覺祖救劫自在神孚

Phiên âm:

Nguyễn Quốc sư tu chân y nhiên Phật Tích.
Trịnh Giác tổ cứu kiếp tự tại Thần Phù.

Tạm dịch:

Nguyễn Minh Không Quốc sư tu hành vẫn còn dấu xưa trên chùa Phật Tích.
Trịnh Hòa thượng Giác tổ cứu đời còn lưu bóng dáng cửa Thần Phù.

- Tại Hậu cung của Ly trần viện:

始開山於龍嶺柱持鍾遇孔路國師之心法界當春而神接並域
初化盈於蓮派之禪中受戒珠安子之宗封繼措下於佛迹名籃
(男子冬; 孝靈九年造, 本邑茂材撰)

Phiên âm:

Thủy khai sơn ư Long Hạm trụ trì chung ngộ Khổng Lộ quốc sư chi tâm pháp giới đương xuân nhi thần tiếp tịnh vực.

Sơ hóa doanh ư Liên Phái chi thiền trung thụ giới, Châu An Tử chi tông phong kế thổ ư Phật Tích danh lam.
(Giáp Tý đông, Hiếu Linh cửu niên tạo; bản áp Mậu Tài soạn).



Chùa Hàm Long

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_H%C3%A0m_Long

CHÙA QUẢ CẨM

Chùa Quả Cẩm (còn gọi là chùa Kim Sơn), ở xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Quả Cẩm đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia

Chùa Quả Cẩm (tức kim sơn tự) tọa lạc trên núi Kim Sơn, hướng ra sông Ngũ Huyện Khê, là công trình có kiến trúc thời Nguyễn được trùng tu vào năm 1998. Đặc biệt là tượng thân mẫu của bà chúa Sành, tượng quan Đề Lĩnh tứ thành người Chi Long và nhiều cổ vật như chuông đồng, bia đá. Chùa còn là một trong những địa điểm thuộc phòng tuyến sông Như Nguyệt trong kháng chiến chống giặc Tống năm 1077.

Chùa Quả Cẩm có tòa tam bảo được kiến trúc chữ Đinh gồm 5 gian 2 dĩ tiền đường và 4 gian thượng điện, các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo mang tính cộng đồng của nhân dân Quả Cẩm thường tập trung diễn ra tại Đình, Đền chùa chủ yếu vào các ngày lễ hội và các sự kiện đình đám trong năm.

<http://www.bacninh.gov.vn/web/xahoalong/di-tich-lich-su>

CHÙA XUÂN ĐỒNG

Chùa Xuân Đồng ở xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Xuân Đồng đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia

Chùa Xuân Đồng tên chữ là Linh Quang Tự nằm ở phía Đông Bắc của làng cùng khu với đình làng, khu khuôn viên của chùa, tòa Tam quan, Tòa tam bảo, nhà tổ, nhà Mẫu, gác chuông, nhà khách được bố trí

phong thủy hữu tình. Chùa là trung tâm diễn ra các sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng của toàn dân tập trung trong những ngày tổ chức các lễ hội, sự lễ đình đám theo phong tục của làng Xuân Đông diễn ra hàng năm.



Chùa làng Xuân Đông

<http://www.bacninh.gov.vn/web/xahoalong/di-tich-lich-su>

CHÙA BỒ VÀNG

Chùa tọa lạc ở thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Bồ Vàng đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 18/1/1988 (chung cụm di tích lịch sử Phòng tuyến sông Như Nguyệt).

Chùa nằm bên bờ sông Như Nguyệt, địa điểm trọng tâm của phòng tuyến sông Như Nguyệt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống năm 1077. Dấu tích kiến trúc còn lại cho thấy chùa có niên đại khởi dựng từ thời Lý (1010 - 1225) được trùng tu mở rộng với quy mô lớn dưới thời Lê Trung Hưng.

Ngôi chùa cổ bị phá hủy hoàn toàn trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn (1945 - 1954). Khi hòa bình lập lại một ngôi chùa nhỏ được dựng lên ngay sát bờ đê gần sông Cầu để làm nơi thờ phật. Năm 1992 địa phương xây dựng ngôi chùa hiện nay trên khu nền đất chùa xưa. Chùa gồm 2 hạng mục công trình kiến trúc chính: Toà Tam bảo có mặt bằng kiến trúc hình chữ Đinh là sự liên kết của 5 gian Tiền đường và 2 gian Thượng điện, nhà Tổ 5 gian - theo phong cách nghệ thuật kiến trúc truyền thống khu vực đồng bằng châu thổ sông Hồng. Toàn bộ khung nhà làm bằng gỗ, các bộ vì kết cấu theo kiểu thức thượng chông dường giá chiêng, hạ kẻ truyền, trang trí chạm khắc chủ yếu trên các cấu kiện gỗ là đề tài tứ linh, tứ quý, vân mây và hoa lá cách điệu.

Hệ thống hiện vật cổ giá trị ở chùa Bồ Vàng gồm: 8 pho tượng gỗ có niên đại tạo tác vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX), 2 tấm bia đá lớn, mỗi tấm chạm hình hai tượng hậu ở mặt trước và mặt bia phía sau khắc chữ Hán, nội dung chính ghi chép về việc gửi giỗ hậu vào chùa, văn bia được dựng khắc vào năm Chính Hòa thứ 07 (1686). Đặc biệt trong khuôn viên chùa Bồ Vàng hiện nay còn bảo lưu được một số loại vật liệu kiến trúc như: tầng kê chân cột chất liệu đá xanh và đá nhám cùng nhiều viên đá kê móng có niên đại vào thời Lý. Trong đó tiêu biểu và giá trị nhất là chiếc chân tầng tạc bằng đá xanh hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh. Chân tầng có đường kính mặt rộng 75cm, cao 35cm, bề mặt chính chạm hình một bông sen đang nở rộ, ở giữa chân tầng là một vòng tròn đường kính 45cm, xung quanh chạm nổi 16 cặp cánh sen kép, cánh sen mập mạp có độ dài trung bình 12cm, rộng 10cm, bên trên bề mặt mỗi cánh sen chính chạm khắc đôi rồng uốn khúc hình "sin" ở thế đối xứng - sản phẩm đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc thời Lý (thế kỷ XI) còn sót lại tới ngày nay. Loại hình chân tầng đá này giống với kiểu chân tầng của chùa Dạm (xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh), chùa Phật Tích (xã Phật Tích, huyện Tiên Du) và chùa Tịch Lưu (xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình) vốn là ba ngôi chùa có niên đại khởi dựng cùng thời với chùa Bồ Vàng.

Những dấu tích vật chất vô cùng quan trọng chứng minh chùa Bồ Vàng có niên đại khởi dựng từ thời nhà Lý (khoảng thế kỷ XI), những di sản văn hóa vật chất quý báu này hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại chùa

Bồ Vàng và Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh. Thông qua hiện vật độc đáo này góp phần giới thiệu tới công chúng khách tham quan trong và ngoài tỉnh nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật điêu khắc đá trong các công trình kiến trúc Phật giáo thời Lý. Thiết nghĩ các cấp chính quyền cần sớm có một dự án khôi phục lại quy mô kiến trúc của chùa Bồ Vàng sao cho xứng tầm với giá trị vốn có của nó. Dự án khôi phục ấy còn thiết lập nên một hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh nhằm phục vụ khách tham quan du lịch và hành hương, qua đó góp phần hình thành nên tour du lịch từ Đền Đô, qua đền thờ Thái úy Lý Thường Kiệt rồi qua chùa Bồ Vàng, đó như là một sự trở về với nguồn cội của dân tộc.



<http://dulich24.com.vn/du-lich-huyen-yen-phong/chua-bo-vang-id-5357>
<http://www.baobacninh.com.vn/web/bbn/chi-tiet-bac-ninh-xua-va-nay/-/details/20182/du-tich-kien-truc-thoi-ly-o-chua-bo-vang>

CHÙA PHẤN ĐỘNG

Chùa Phấn Động ở xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Phấn Động đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 18/1/1988 (cùng với Đền Phấn Động).



Chùa Phấn Động

CHÙA LÀNG ĐẠI LÂM

Chùa làng Đại Lâm (còn gọi chùa Thiên Phúc) tọa lạc bên bờ nam sông Cầu thuộc thôn Đại Lâm, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chùa làng Đại Lâm đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 21/1/1989 (cùng đình, đền, nghề Đại Lâm).

Chùa Thiên Phúc cổ kính thâm nghiêm, phản ánh bề dày lịch sử, văn hiến của quê hương nơi đây. Theo văn bia của chùa Thiên Phúc thì ngôi chùa này vốn được khởi dựng từ lâu đời, đến thời Lê-Mạc được trùng tu mở rộng với quy mô lớn tòa ngang dãy dọc. Chùa bị phá trong Tiễu thổ kháng chiến chống Pháp. Sau đó, dân làng đã phục dựng tòa Tam Bảo và một phần nhà Tổ. Năm 1994, chùa tiếp tục được trùng tu tôn tạo và hoàn thiện.

Trải qua thời gian, chùa Thiên Phúc được khôi phục và trùng tu tôn tạo, song vẫn bảo lưu được những viên "gạch rỗng" mang đậm phong cách nghệ thuật thời Lê-Mạc.

Chùa Thiên Phúc còn nổi tiếng bởi những cổ vật bảo lưu được như: rỗng đá, lân đá thời Lê-Mạc và đặc biệt là hệ thống bia đá thời Lê-Nguyễn. Trong đó có một tấm bia "Thiên Phúc tự bi" được dựng khắc vào ngày 15 tháng 6 năm Thành Thái thứ 6 (1894), nội dung cho biết khá rõ về lịch sử ngôi chùa và quá trình trùng tu chùa. Đây là những di vật đáng quý, làm giàu thêm giá trị văn hoá lịch sử của di tích chùa Thiên Phúc.

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?pid=N0JDRDBCMDgwNw&key=Thi%C3%AAn+Ph%C3%BAc&type=A0>

CHÙA LINH ỨNG

Chùa Linh Ứng ở thôn Phú Mẫn, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Giang. Năm 1994, chùa Linh Ứng được Nhà nước xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

Chùa Linh Ứng được xây dựng từ thời Lê (1506-1516) với kiến trúc nghệ thuật tinh xảo, được đánh giá là ngôi chùa đẹp nổi tiếng xứ Bắc. Tương truyền chùa có 100 gian gồm nhiều hạng mục: Tam Bảo, nhà Tổ, nhà Phạm Đạt, nhà Đại Bái, nhà Tịnh gia, nhà khách, nhà tăng, nhà ni, gác chuông, giếng đá, ao sen... Nhưng phần lớn bị tàn phá trong chiến tranh. Hiện nay, chùa Linh Ứng còn lưu giữ hơn 30 pho tượng Phật cổ mang phong cách nghệ thuật thời Lê, Nguyễn cùng nhiều hiện vật quý như Bia "Linh Quang tự bi" dựng năm 1827, bia "Hội chủ hưng công" khắc năm 1634 và 1691, quả chuông đồng nặng 350kg đúc năm 1801...

Chùa Linh Ứng được tôn tạo, tu sửa nhiều lần nhưng một số hạng mục hiện đã xuống cấp. Để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của người dân, tháng 9-2018, được cấp phép của các cấp, ngành chức năng, cán bộ và nhân dân địa phương thống nhất triển khai trùng tu xây dựng lầu Quan Âm Bồ Tát, Tam quan, Khuôn viên sân vườn và tu sửa một số hạng mục khác như Tam Bảo, Gác chuông... từ nguồn kinh phí xã hội hóa.



Lầu Quan Âm Bồ Tát tọa lạc giữa ao chùa Linh Ứng.

<http://www.baobacninh.com.vn/news/-/details/20182/hoan-thanh-lau-quan-am-bo-tat-chua-linh-ung>

CHÙA PHÚ MẪN

Chùa Phú Mẫn còn có tên là Linh Quang Tự, chùa ở làng Phú Mẫn, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Phú Mẫn đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 12/02/1994 (cùng với đình Phú Mẫn).

Chùa Phú Mãn xưa có 100 gian, được xây dựng từ năm 1506 – 1516 (thời Lê), với kiến trúc tinh xảo, là ngôi chùa đẹp của xứ Bắc.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, phần lớn chùa bị tháo dỡ phục vụ yêu cầu “tiêu thổ kháng chiến”. Năm 1997, chùa được trùng tu nâng cấp. Hiện nay, Chùa Phú Mãn còn lưu giữ hệ thống tượng phật cổ phong phú với trên 30 pho tượng mang phong cách nghệ thuật thời Lê, Nguyễn. Gác chuông chùa có treo quả chuông đồng nặng 350 kg, đúc năm Cảnh Thịnh thứ 9 (năm 1801). Ngoài ra, chùa còn nhiều hiện vật quý như: tấm bia, “Hội chủ hưng công” khắc năm 1934 và 1691, bia “Linh Quang tự bi” dựng năm 1827...

<http://www.bacninh.gov.vn/web/ubnd-thi-tran-cho/news/-/details/20785180/di-tich-lich-su-van-hoa>



Cây Di sản Việt Nam – cây thị ở đình, chùa Phú Mãn

CHÙA VỌNG NGUYỆT

Chùa Vọng Nguyệt (còn gọi là chùa Khai Nghiêm), ở thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Vọng Nguyệt đã xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo quyết định số 35/2005/QĐ-BVHTT ngày 22 tháng 8 năm 2005.

Chùa Vọng Nguyệt xưa được xây dựng với 3 toà gồm toà Tam Bảo, toà nhà Điện và toà nhà Mẫu với hệ thống nhà khách, nhà sắp cỗ. Trong Tam Bảo có nhiều bức hoành phi và nhiều đôi câu đối cổ. Trên nóc Tam Bảo có 3 chữ lớn “Khai Nghiêm Tự” tức chùa Khai Nghiêm. Cùng trong Tam Bảo có nhiều pho tượng phật cổ được tạc bằng gỗ có giá trị. Phía trước sân Tam Bảo là ngôi Tam Quan với gác chuông có treo một quả chuông lớn bằng đồng do bà Trần Thị Lựu là phu nhân quan nghè Nguyễn Duy Thức đứng ra hưng công năm Đinh Tỵ (1797). Ngày ấy mỗi khi nhà chùa thỉnh chuông lại vang vọng cả xóm làng. Chuông chùa quý giá ấy vẫn còn lưu giữ đến ngày nay. Đặc biệt ở về phía Tây Tam Bảo có ngôi miếu thờ bên trong là tấm bia đá lớn có giá trị lịch sử vì được ghi văn bia của nhà Hàn Lâm Học Sĩ Trương Hán Siêu thời Trần triều. Theo văn bia: “Chùa Khai Nghiêm ở xã Thứ Nhi (tức làng Vọng Nguyệt ngày nay) giáp Như Ngột thuộc Bắc Giang Lộ – Thượng Ban là ngôi chùa do công chúa Nguyệt Sinh triều Lý xây dựng. Xung quanh: Núi Tiên Sơn châu Phía Nam, sông Đầm Giang bao bọc phía Bắc, cảnh đẹp cả một vùng, thực đã quy tụ ở nơi đây. Nhưng tiếc thay xây dựng trước đã đổ nát chẳng còn được bao nhiêu. Lúc đó Chu Tuế làm chức nội nhân Hoá Đầu (Viên quan lớn trong triều thời Trần) dắt dẫn dân làng góp công, góp của xây dựng lại. Khởi công từ năm Quý Dậu, niên hiệu Khai Hựu thứ 5 (1333) đến năm Ất Hợi (1335) niên hiệu Khai Hựu thứ 7 thì xong. Ngày làm lễ khánh thành già trẻ trong cả một vùng đều nắm tay nhau reo hát, tưởng như công chúa Nguyệt Sinh sống lại”.

Mùa đông năm Mậu Dần Chu Tuế thân hành để Phủ Thiên Trường xin nhà Hàn Lâm Học Sĩ Trương Hán Siêu viết cho bài ký và đã được khắc lên bia đá với nội dung thứ nhất đã nêu ở phần trên. Với nội dung thứ hai văn bia của nhà Hàn Lâm Học Sĩ Trương Hán Siêu có giá trị lịch sử lớn. Ông đã đứng trên quan điểm chính thống của Nho giáo do thành triều ban: “Phải đưa hoạt động đạo phật theo đúng hướng, phải sửa đổi phong tục dị đoan mà dựa vào nhà chùa làm những điều không lành, để cho chính đạo phải được phục hưng”.

Như vậy Chùa Khai Nghiêm Vọng Nguyệt đã có trên 700 năm lịch sử và tồn tại, do khắc nghiệt của thiên nhiên và một phần do chiến tranh đã làm cho ngôi chùa xuống cấp, chùa đã trải qua một số lần trùng tu để được như ngày hôm nay.

<https://ngolentoc.com/gioi-thieu/bia-khai-nghiem-va-chua-vong-nguyet-213.html>



*Chùa Vọng Nguyệt còn gọi là chùa Khai Nghiêm
(ở Bắc Ninh)*

CHÙA PHẢ LẠI

Chùa Phả Lại, tên chữ là Chúc Thánh tự, thuộc xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Phả Lại đã được xếp di tích lịch sử văn hóa Quốc gia ngày 21/01/1989.

Chùa Phả Lại tọa lạc trên đỉnh núi Phả Lại hướng ra cửa sông Lục Đầu (Lục Đầu Giang) phong cảnh hữu tình là một trong những Danh Lam Cổ Tự, chùa được xây dựng vào thời Lý ở thế kỷ XI. Chùa thờ hai vị thiền sư và cũng là hai vị quốc sư nối tiếp nhau có công với nước của vương triều này là Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không, được nhân dân địa phương chọn làm thành hoàng làng, thờ cúng qua nhiều thế kỷ.

Các thiền sư Chân Không (1046-1100), Dương Không Lộ đã trụ trì ở đây. Theo truyền thuyết truyền thuyết, Minh Không thiền sư chữa khỏi bệnh cho vua Trung Quốc, nên được vua Trung Quốc cho đồng về đúc chuông. Thiền sư chỉ dùng túi vải nhỏ mà đựng hết cả kho đồng rồi hoá phép dùng nón lá chõ đồng về đúc chuông lớn, được coi là một báu vật thời Lý trong An Nam tứ khí. Về sau gác chuông sứt lở, chuông rơi xuống sông Lục Đầu. Nơi quả chuông rơi xuống, người ta gọi là "Vũng chuông rơi" (chữ Hán là: 墮鍾瀨 - đọa chung lại).

Nguyễn Sưởng (thế kỷ XIV) thời Trần, Thái Thuận (1440-?) thời Lê Sơ, có thơ đề vịnh cảnh chùa. Bài của Nguyễn Sưởng (hiệu Thích Liêu) nhan đề *Phả Lại sơn tự*. An Đô Vương Trịnh Cương thời Lê Trung Hưng... có thơ đề vịnh cảnh chùa. Chùa đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá.

Chùa có 1 tấm bia đá rất đẹp ("Phả Lại tự bi").

Hàng năm chùa mở Lễ hội từ ngày 12 - 14 tháng 8 Âm lịch.



Tấm bia đá "Phả Lại tự bi" ở chùa Phả Lại

<https://pagodas.org/chua-pha-lai/>

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Ph%E1%BA%A3_L%E1%BA%A1i

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?pid=NOJDQjAyMDg&key=Chu%CC%81c+Th%C3%A1nh&type=A0>

CHÙA NGHIÊM XÁ

Chùa Nghiêm Xá thôn Thắng cảnh, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Nghiêm Xá đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 10/3/1994.



Chùa Nghiêm Xá

CHÙA MINH LƯƠNG

Chùa Minh Lương tọa lạc tại thôn Hiền Lương, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Minh Lương đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia tháng 3, năm 2016.

Chùa Minh Lương có từ thời Pháp thuộc. Người dân thường gọi là chùa Hiền Lương, đa số chùa ở trong làng quê thì người ta lấy tên làng để gọi tên chùa. Xã Phù Lương trước kia là xã Lê Lợi, sau đó thập kỷ 70 đổi tên xã Phù Lương.

Dân gian có câu "đất vua chùa làng" là vậy. Nằm trên đồi cao của làng, khoảng đất 2.000 mét vuông, không gian tĩnh lặng, cách biệt dân làng. Chùa Minh Lương có nghĩa là hiền lương và sáng trong, nơi mà dân làng đến học đạo sáng trong, học sự từ bi và hiền lương.

Tháp quan trong triều tên Trần Đình Miên, gốc ở Hiệp Hoà - Bắc Giang, ông tên trong triều phong là Quận Thảng. Ông có công chiêu dân lập ấp sáng lập tên làng Minh Lương sau đó 1970 được đổi tên thôn Hiền Lương, trước đó có hai vị sư làm trụ trì chùa Minh Lương.



Ngôi chánh điện chùa Minh Lương - Ảnh: Đào Viên

<https://phathocdoisong.com/ai-ve-bac-ninh-tham-chua-minh-luong.html>

CHÙA LIM

Chùa Lim còn gọi là Hồng Ân Tự, chùa ở thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Lim đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 12/2/1999

Chùa Lim là thờ phật, thờ mẫu Liễu Hạnh. Ngày nay, chùa thu nhỏ nhưng nhờ hội Lim mà chùa vẫn được đông khách thập phương đến lễ. Hội Lim là một trong những lễ hội lớn nhất tỉnh Bắc Ninh

Hội Lim là hội của chùa Lim Bắc Ninh. Hội Lim trở thành hội hàng tổng (hội vùng) vào thế kỷ 18. Khi quan trấn thủ xứ Thanh Hóa Nguyễn Đình Diễn là người thôn Đình Cả, Nội Duệ, xứ Kinh Bắc, có nhiều công lao với triều đình, được phong thưởng nhiều bổng lộc, đã tự hiến nhiều ruộng vườn và tiền của cho tổng Nội Duệ trùng tu đình chùa, mở mang hội hè, gìn giữ thuần phong mỹ tục. Ông còn cho xây dựng trước phần lẫm mộ của mình đặt tên là lăng Hồng Vân trên núi Lim. Do có nhiều công lao với hàng tổng và việc ông đặt hậu ở chùa Hồng ân, nên khi ông mất nhân dân tổng Nội Duệ đã tôn thờ làm hậu thần, hậu Phật hàng tổng. Văn bia lăng Hồng Vân có tên Hồng Vân từ bi ký cho biết khá rõ lai lịch, công trạng và việc thờ phụng hậu hàng tổng Nguyễn Đình Diễn mỗi năm hai dịp vào "ngày sinh" và "ngày hóa" của ông tại lăng Hồng Vân và chùa Hồng ân trên núi Lim.

Trải tháng năm lịch sử, hội Lim đã có nhiều lớp văn hóa, trong đó người ta chỉ tổ chức tế lễ hậu thần vào một dịp là ngày 13 tháng giêng trùng với *hội chùa Lim Bắc Ninh*. Chính vì vậy mà có hội Lim và đây là hội hàng tổng.

Hội chùa Lim Bắc Ninh được mở đầu bằng lễ rước. Đoàn rước với đông đảo người dân tham gia trong những bộ lễ phục ngày xưa, sắc sỡ sắc màu và cũng vô cùng cầu kì, đẹp mắt kéo dài tới cả gần km. Trong ngày lễ, có nhiều nghi lễ và tục trò dân gian nổi tiếng, trong đó có tục hát thờ hậu. Toàn thể quan viên, hương lão, nam đình của các làng xã thuộc tổng Nội Duệ phải tề tựu đầy đủ tại lăng Hồng Vân để tế lễ hậu thần. Trong khi tế có nghi thức hát quan họ thờ thần.

Để hát thờ, các liên anh, liên chị quan họ nam và nữ của tổng Nội Duệ đứng thành hàng trước cửa lãg hát vọng vào. Trong khi hát, họ chỉ được hát những giọng lẻ lối để ca ngợi công lao của thần. Hội chùa Lim đi vào lịch sử và tồn tại và phát triển cho đến ngày nay được hàng tổng chuẩn bị tập rượt rất chu đáo từ ngày 9 và 10, rồi được diễn ra từ ngày 11 đến hết ngày 14 tháng giêng. Chính hội chùa Lim Bắc Ninh là ngày 13, với các nghi thức rước, tế lễ các thành hoàng các lãg, các danh thần liệt nữ của quê hương tại đền Cổ Lũg, lãg Hồng Vân, lãg quận công Đỗ Nguyên Thụy. Trong các nhà thờ họ Nguyễn, họ Đỗ ở lãg Đình Cả, dâng hương cúng Phật, cúng bà mụ Á ở chùa Hồng Ân.



Đại lễ Phật đản tại chùa Lim

<http://chuanoitieng.com/chua-noi-lieng-viet-nam/chua-noi-lieng-mien-bac/chua-lim-bac-ninh-chua-noi-lieng-mien-bac/>

CHÙA LÀNG CỔ LŨNG

Chùa làng Cổ Lũg (hay còn gọi là chùa Chũng), ở thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chùa làng Cổ Lũg đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 2/2/1993.

Chùa Cổ Lũg xưa nằm trên khu đất rộng khoảng 1 mẫu, kiến trúc kiểu "nội Đình ngoại Quốc" gồm tiền đường, tam bảo, hai dãy hành lang, phía sau tam bảo là hậu đường, trên có gác chuông. Ngoài nhìn ra còn có nhà điện, nhà khách, nhà mẫu, khu công trình phụ gồm gần 70 gian.

Trải qua thời gian, chùa xưa đã bị phá huỷ nhiều trong kháng chiến chống Pháp, nay chỉ còn lại toà Tam Bảo. Hoà bình lập lại, dân làng Đình Cả đã phục hồi lại công trình này theo lối kiến trúc cổ truyền mang bản sắc dân tộc.

Trong chùa hiện nay còn bảo lưu được nhiều tượng Phật, chuông đồng, cây hương đá dựng năm Chính Hoà 16 (1695), bia "Hậu Phật bi ký" dựng năm Chính Hoà 15 (1694), bia tứ điện dựng năm Minh Mạng 19 (1839).

Hệ thống tượng Phật phong phú tại chùa Cổ Lũg được bài trí ở toà chính điện, toà tiền đường, hành lang, nhà hậu đường, nhà mẫu... là một trong những di vật cổ quý giá tạo nên nét đẹp thâm nghiêm cho chốn thiền Cổ Lũg.

Tiêu biểu như tại toà chính điện có 5 lớp tượng. Ở vị trí cao nhất sát tường hồi phía trong là lớp tượng Tam thế, đó là Thích Ca (ở giữa), A Di Đà (bên trái), Di Lạc (bên phải).

Lớp thứ hai là lớp tượng Di Đà: ngồi giữa là tượng A Di Đà, bên trái là Đại Thế Chí Bồ Tát, bên phải là Thanh Tịnh Bồ Tát. Cùng thuộc lớp tượng thứ hai, nhưng đứng sát hai bên là tượng Quan Âm chuẩn để có 24 tay và Quan Âm địa tạng.

Tại lớp tượng thứ ba, ngồi giữa là Thích Ca thuyết pháp, bên trái là Thích Ca cầm bát, bên phải là Thích Ca thuyết pháp độ sinh tại cõi sa bà và ấn chứng cho Ca Diếp.

Tại lớp tượng thứ tư, ngồi giữa là Ngọc Hoàng thượng đế, bên trái là Nam Tào, bên phải là Bắc Đẩu. Lớp tượng thứ tư là toà Cửu Long, thể hiện cảnh tượng khi đức phật Thích Ca Mâu Ni mới đản sinh có 9 con rồng phun nước tắm rửa cho ngài và có các chư Thiên, chư Phật... chứng kiến.

Ngang với toà Cửu Long, gần vị trí Văn Thù và Phổ Hiền là tượng A Nạn (bên trái) và Ca Diếp (bên Phải).

Toà tiền đường có 4 pho tượng hộ pháp, trong đó hai pho nhỏ đứng ở gian giữa là hộ pháp chư Thiên, hai pho lớn đứng hai gian bên là tượng Trường ác và Khuyến thiện. Hai dãy hành lang là tượng 16 vị La Hán (mỗi bên 8 vị), tượng mẹ con Quan Âm Thị Kính và Quan Âm Toạ Sơn.

Ngoài ra còn có các pho tượng đặt ở toà hậu đường, nhà thờ Bác Hồ, nhà Mẫu, hay tượng Đức thánh Trần (Trần Hưng Đạo), tượng ông Hoàng Bảy, ông Hoàng Mười, ông Hoàng Bơ, cậu Triều con vua Lê, tượng Tam tổ Trúc Lâm gồm vua Trần ngồi giữa, Pháp Loa ở bên phải, Huyền Quang ở bên trái,... cùng nhiều bức hoành phi, câu đối trang trọng, tạo nên vẻ đẹp linh thiêng riêng có cho không gian cổ kính của chùa Cổ Lũng.



Chùa làng Cổ Lũng

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=C%E1%BB%95%20L%C5%A9ng&type=A1>
<http://tiendu.bacninh.gov.vn/danh-sach-cac-di-tich-lich-su-a-uoc-xep-hang>

CHÙA BÚT THÁP

Chùa Bút Tháp (Ninh Phúc tự 寧福寺) nằm ở bên đê hữu ngạn sông Đuống, thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Bút Tháp đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích cấp quốc gia theo quyết định số 313-VH/VP ngày 28 tháng 4 năm 1962. Đến năm 2013, được thủ tướng Chính Phủ cấp bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt và Pho tượng Phật “ Thiên thủ thiên nhãn – Nghìn mắt nghìn tay” được cấp bằng công nhận là bảo vật quốc gia.

Phát tích ngôi chùa có từ TK- XIII, được khởi dựng vào Thời vua Trần Thánh Tông, Do sư Huyền Quang sau khi đỗ trạng nguyên rồi từ quan đã về tu ở đây (Sách Chùa Bút Tháp - Bùi Văn Tiến, cũng nói đến vị trụ trì chùa thời Trần là Thiên sư Huyền Quang, Trúc Lâm đệ tam tổ).

Trải qua thời gian, chùa đã nhiều lần trùng tu, tôn tạo. Nhưng lần trùng tu lớn nhất là vào đầu TK –XVII, thời Lê – Trịnh. Khi ấy trụ trì chùa là vị sư Chuyết Chuyết (Từ 1633-1644), cùng đệ tử của ông là thiền sư Minh Hạnh (Từ 1633-1659) đã trùng tu lại toàn bộ ngôi chùa với quy mô lớn, kiến trúc theo kiểu “ Nội công, ngoại quốc” và có sự đóng góp công đức to lớn về tiền của, ruộng lộc của hoàng thái hậu - Diệu Viên, Trịnh Thị Ngọc Trúc (Con gái của Thanh vương Trịnh Tráng) cùng Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên pháp danh Diệu Tuệ và Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ (Những vị này về sau cũng đã được lập phủ thờ, tạc tượng đặt trong khám, thờ tại chùa Bút Tháp cho đến ngày nay).Đợt trùng tu này kéo dài từ 1644 đến 1647 chùa mới hoàn thành và có tên chữ là “Ninh Phúc thiền tự”.

Sang đầu thế kỷ 18, chùa Bút Tháp lại được tu sửa với quy mô lớn hơn trước. Bia “Ninh Phúc thiền tự bi ký” và “Khánh Lưu bi ký” dựng năm Vĩnh Thịnh 10 (1714) chép rằng “chùa được các quan viên cho tu sửa

thêm, chẳng tiếc ngàn vàng sắm mua toàn gỗ tốt, lại được dân làng góp sức và mời thợ cắt dựng sửa sang, Với Điện thờ ngự nga, chùa chiền rộng rãi, trang điểm một bầu thế giới Lưu ly". So với trước thì chùa có thêm dãy nhà riêng ở phía sau Phật đường, quy mô đã to lớn hơn nhiều. Đến năm 1876, khi vua Tự Đức kinh lý qua đây, thấy có ngọn tháp hình dáng không lồ nên gọi tên là chùa Bút Tháp từ đó.

Quần thể kiến trúc chùa Bút Tháp, nổi bật giữa đồng lúa mênh mông. Chùa quay theo hướng Nam là hướng của trí tuệ, bát nhã trong triết lý nhà Phật. Ngoài cùng là tam quan, tiếp đó là gác chuông 2 tầng 8 mái. Khu trung tâm bao gồm 7 nếp nhà đều nằm ngang, chạy song hành được bố trí trên một trục dọc - Đường thần đạo. Bên trong nội tự, nằm giữa hai dãy hành lang (mỗi dãy gồm 26 gian) là 7 tòa nhà nối tiếp nhau từ ngoài vào, gồm: Tiền Đường, Thiêu Hương, Thượng điện, vắt nối giữa Thượng Điện và Tích Thiện Am là chiếc cầu đá bắc ngang hồ sen (Cầu dài 4m gồm 3 nhịp uốn cong vồng. Mặt cầu lát đá xanh, hai bên cầu có 12 bức phù điêu đá chạm chim muông, hoa lá công phu, tinh xảo). Tòa Tích Thiện Am, như tên gọi có nghĩa là chứa điều lành. Trong Tích Thiện Am, có tòa cửu phẩm liên hoa - tháp bằng gỗ, 9 tầng, 8 mặt, 9 đài sen tượng trưng cho 9 cấp tu hành chính quả của Phật giáo. Rồi tiếp đến nhà Trung, phủ thờ và cuối cùng là hậu đường, tổng chiều dài hơn 100m. Phía sau nhà Hậu Đường là hàng tháp đá, trong đó có tháp đá Tôn Đức 5 tầng, cao 11m là nơi đặt xá lị thiền sư Minh Hạnh, vị tổ thứ hai của chùa. Bên trái chùa có nhà thờ vị tổ thứ nhất Chuyết Chuyết và ngôi tháp đá Báo Nghiêm tám mặt, 5 tầng cao 13m là nơi táng xá lị của thiền sư Chuyết Chuyết. Hai bên phía đầu ngoài, dọc theo toà Tiền đường là hai nhà bia. Mỗi một công trình kiến trúc của ngôi chùa này là một tác phẩm nghệ thuật khéo léo với các họa tiết trang trí được làm bằng các chất liệu phong phú và đa dạng như đá, gỗ, gạch. Nó thể hiện sự kết hợp hài hoà giữa kiến trúc và môi trường thiên nhiên. Nhìn tổng thể ngôi chùa được bố trí cân xứng, chặt chẽ ở khu vực trung tâm, nhưng lại rất tự nhiên thoáng mở ở khu vực xung quanh, nên chùa Bút Tháp có nét riêng có và vô cùng độc đáo.



Chùa Bút Tháp

Đặc biệt, trong hệ thống các pho tượng cổ của chùa Bút Tháp phải kể đến một báu vật cổ, được xem là độc nhất vô nhị ở Việt Nam. Đó chính là tượng Phật "Thiên thủ thiên nhãn - nghìn mắt, nghìn tay". Tượng cao 3,7m, ngang 2,1m, có 11 đầu, 46 tay lớn và 954 tay nhỏ, dài ngắn khác nhau, nở khối vươn cao như ánh hào quang. Đây được coi là một kiệt tác về tượng Phật và nghệ thuật tạc tượng đương thời. Tượng được đặt trên tòa sen rồng đội, với dáng hành đạo, thư thái.

Điều đặc biệt, độc đáo của ngôi chùa mà không đâu trên đất nước ta có được, đó chính là ngọn bảo tháp bằng đá cao lớn, uy nghiêm, vươn lên trời xanh, có tên là tháp Báo Nghiêm, nổi bật hẳn giữa vùng đồng bằng rộng lớn. Tháp Báo Nghiêm giống như cây bút khổng lồ, vươn thẳng tới trời cao thanh vắng. Tháp cao 13,05m, 5 tầng với một phần đỉnh xây bằng đá xanh, 5 góc của 5 tầng có 5 quả chuông nhỏ, xung quanh tháp được trang trí hoa văn sinh động và độc đáo. Lòng tháp có một khoang tròn đường kính 2,29m. Tầng dưới cùng của tháp này có 13 bức chạm đá, chủ yếu là hình các con thú. Tháp thể hiện tài ghép đá và nghệ thuật điêu khắc tuyệt vời của người thợ Việt Nam xưa. Lùi về phía sau có tháp Tôn Đức cao 11m, nơi đặt xá lị thiền sư Minh Hạnh, vị tổ thứ hai của chùa. Tháp được xây dựng từ giữa thế kỷ 17, 4 mặt tháp đều bít kín bằng đá,

mới đây trong lòng tháp người ta vừa tìm thấy được 2 cuốn sách đồng cổ, viết/ khắc kinh Phật. Máy thế kỷ đã trôi qua, song những gì còn lại ở chùa Bút Tháp cho thấy đây là một trong những trung tâm Phật giáo có ảnh hưởng lớn tại vùng Kinh Bắc xưa, là một trong số ít những ngôi chùa còn giữ được khá nguyên vẹn khối kiến trúc, đồ thờ, tượng thờ cổ của nước ta.

Trải qua bao thăng trầm lịch sử, chùa Bút Tháp luôn được bảo vệ, giữ gìn và tôn tạo ngày càng đẹp hơn trở thành một trong những điểm thăm quan – Du lịch tâm linh nổi tiếng ở vùng Bắc Ninh – Kinh Bắc. Hàng năm, mọi người dân trong vùng và du khách gần xa luôn nhớ và trở về dự lễ hội chùa, được tổ chức vào ngày 24 tháng 3 (Âm Lịch). Hội chùa Bút Tháp được diễn ra trong niềm vui náo nức và lòng sùng kính của khách phật phương mỗi khi đến với chùa.

<https://disanvanhoathuanthanh.vn/Tourism/Places/11/Chua-But-Thap.html>

CHÙA DÂU

Chùa Dâu, còn có tên là Diên Ứng (延應寺), Pháp Vân (法雲寺), hay Cổ Châu, là một ngôi chùa nằm ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Dâu đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 2383/QĐ-TTg ngày 09/12/2013).

Theo thư tịch cổ, chùa được khởi dựng ở vùng Dâu (Luy Lâu) vào thế kỷ II đầu Công nguyên, thời kỳ Sĩ Nhiếp (nhà Hán) làm Thái thú quận Giao Châu. Đây được coi là trung tâm Phật giáo đầu tiên của nước ta, là dấu tích quan trọng gắn với quá trình hình thành và phát triển Phật giáo Việt Nam.

Chùa tọa lạc trên một khu đất cao, rộng, bằng phẳng, cảnh quan đẹp, quay về hướng Tây, có bình đồ kiến trúc kiểu “nội Công ngoại Quốc”, gồm các hạng mục: tam quan, tiền thất (bái vọng đường), tháp Hoà Phong, Tam bảo, hậu đường, hai dãy hành lang và các công trình phụ trợ, như: nhà Mẫu và Tổ, nhà khách, vườn tháp, ao chùa, hệ thống tường bao.

Tam quan gồm 3 gian, bộ khung gỗ gác trên 4 hàng chân cột, kết cấu vì nóc kiểu “con chông, giá chiêng, cốn, bẩy”. Các cấu kiện đều được bào trơn đóng bén, mái lợp ngói, tường hồi bít đốc, mở thông thoáng cả 3 gian.

Tiền thất (bái vọng đường) gồm 7 gian, 2 chái, với mái lợp ngói, đầu đao cong, bộ khung gỗ, các vì nóc đều được kết cấu theo dạng “tiền kê, hậu kê, câu đầu, trụ nóc”, tỉ lệ trên 4 đầu cột. Hầu hết cấu kiện ở tòa này đều được bào trơn đóng bén, chỉ có những đầu kê ở gian giữa được chạm hoa lá cách điệu. Nội thất bày một số bộ bàn ghế để khách thập phương sắp lễ, trước khi vào lễ Phật.

Hai dãy hành lang: song song với nhau, nối tiền thất và hậu đường. Mỗi dãy gồm 22 gian và được chia thành 2 phần: hành lang phía trước 12 gian và hành lang phía sau 10 gian, được ngăn cách bởi một bộ cửa ván bưng. Hành lang phía sau là nơi thờ 18 vị La Hán.

Tháp Hoà Phong: được dựng ở giữa sân chùa. Theo thư tịch cổ, vào thời Trần, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi cho trùng tu chùa Dâu, xây tháp cao 9 tầng, nhưng kiến trúc của tòa tháp hiện còn là của thời Lê Trung Hưng. Tháp được xây bằng gạch nung già, với 3 tầng, cao 15m. Tầng thứ nhất, mỗi cạnh rộng 6,75m, cao 4,5m, bốn mặt đều có cửa, xây cuốn vòm. Tầng thứ hai cao 4m, mỗi cạnh rộng 6,15m, có 4 cửa cuốn vòm. Trên cùng là vòm mái, được xây cuốn bằng gạch, đánh khum như long đình. Đỉnh tháp được tạo hình như một bình nước cam lộ. Trong lòng tháp, phía dưới có bệ thờ “Tứ trấn” (Tứ Thiên Vương), bằng gỗ phủ sơn, cao 1,60m. Phía trên treo khánh đồng, chuông đồng. Phía trước tam cấp cửa phía Tây có 2 tượng sóc đá, mang phong cách nghệ thuật thời Lê Trung Hưng. Bên trái có một tượng cừu đá (dấu ấn của văn hoá phương Bắc, phản ánh sự hiện diện của Thái thú Sĩ Nhiếp khi đóng trị sở ở thành Luy Lâu). Trên tháp Hoà Phong hiện còn một tấm biển bằng đá xanh gắn ở phía Tây (tầng hai) có đề 3 chữ “Hòa Phong tháp”.

Tiền đường: được dựng trên nền thấp hơn thượng điện 0,60m, có chiều rộng 9,50m, chiều dài 21m, cao 0,37m, gồm 7 gian, 2 chái, hai hồi xây bít theo kiểu cột trụ cánh phong. Tòa này có 8 bộ vì kèo kiểu “câu đầu, trụ, nóc, cốn, tiền kê, hậu bẩy”, kết cấu khung đỡ mái tỉ lệ trên 32 đầu cột. Trên các đầu kê, bẩy, cốn đều được chạm nổi hoa văn dạng mây lá, tứ linh, tứ quý, trện dây. Trước nền nhà là tam cấp chạy suốt 5 gian giữa. Ở gian chính giữa có 2 thành bậc đá chạm rồng, dài 2,15m, cao 0,65m, mang phong cách nghệ thuật thời Trần. Tại tiền đường có các ban thờ Hộ Pháp, Đức Ông, Đức Thánh Hiền, Bát Bộ Kim Cương.

Thiền hương: còn được gọi là ống muống, nối liền thượng điện và tiền đường, có chiều dài 9,40m, rộng 5,55m, mặt nền thấp hơn thượng điện, gồm 3 gian. Hệ thống đỡ hoành mái gồm 4 bộ vì, mỗi vì đều được gác trên 4 đầu cột. Trong tòa này đặt các ban thờ Thập điện Diêm Vương, Mạc Đĩnh Chi và Thái tử Kỳ Đà.

Thượng điện: được dựng trên nền cao 1,27m, có mặt bằng hình chữ nhật, dài 13,90m, rộng 10,65m, gồm 1 gian, 2 chái, vói 4 bộ vì, 4 mái đao cong. Đặc biệt, tại tòa này còn bảo lưu được hai bộ vì nóc kiểu "giá chiêng", vói khoảng giữa gắn hình lá đề chạm nổi đôi rồng châu mặt trời và hai trụ trốn bên chạm nổi hình phỗng. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, đây là những bộ phận kiến trúc/trang trí mang phong cách nghệ thuật thời Trần; cũng có nhà nghiên cứu lại cho rằng kiến trúc mang phong cách nghệ thuật thời Mạc, tương tự như ở chùa Thái Lạc và Bối Khê. Thượng điện có các ban thờ Đại Thánh Pháp Vân Phật (gọi tắt là Pháp Vân), tượng Bà Trắng, Bà Đò, Thạch Quang Phật, Quan Âm Thiên thủ Thiên nhân...

Hậu đường: gồm 9 gian, 2 dĩ, bộ khung gỗ, vì nóc được kết cấu theo kiểu "trụ, quá giang, kê". Đây là nơi thờ Đức ông, Quan Âm, Thánh Hiền, Địa Tạng Vương, Hậu Phật. Trung tâm điện Phật có các tượng Tam Thế, Quan Âm chuẩn đề.

Nhà Tổ: nằm sát bên trái hậu đường. Đây là tòa nhà 5 gian, tường hồi bit đốc, bộ khung gỗ, vì kèo kiểu "con chông, giá chiêng, kê truyền". Tòa này thờ Tổ và thờ Mẫu.

Nhà Khách: gồm 7 gian, tường xây bit đốc, bộ khung gỗ lim, vì nóc kiểu "con chông, giá chiêng, quá giang, bẩy".

Vườn Tháp: hiện còn 8 tháp gạch của các sư từng tu tại chùa, có niên đại từ thời Lê đến thời Nguyễn.

Chùa Dâu in đậm dấu ấn kiến trúc, điêu khắc của nhiều thời kỳ lịch sử, với hệ thống tượng pháp mang nghệ thuật đặc sắc của thời Lê - Nguyễn, đặc biệt là hệ thống tượng Tứ Pháp. Đây là một minh chứng sống động của sự dung hội giữa Phật giáo Ấn Độ khi du nhập vào nước ta với tín ngưỡng bản địa của người Việt, đã tạo nên một trung tâm tín ngưỡng, tôn giáo mang bản sắc dân tộc.



Chùa Dâu

<http://dsvh.gov.vn/di-tich-kien-truc-nghe-thuat-chua-dau-huyen-thuan-thanh-tinh-bac-ninh-2981>

CHÙA TỔ

Chùa Tổ có tên chữ là "Phúc Nghiêm tự" thuộc thôn Mãn Xá (Làng Mèn), tổng Khương Tự, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc. Nay là thôn Mãn Xá, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Tổ đã được Bộ Văn Hóa và Thông Tin xếp hạng và công nhận là di tích cấp Quốc Gia từ năm 2001.

Từ lâu đời, chùa Tổ đã nổi tiếng cổ kính thâm nghiêm với truyền thuyết về Phật mẫu Man Nương. Chùa nằm trên một khu đất cao, thoáng, rộng thấp thoáng dưới những tán cây cổ thụ, bao quanh là nhà cửa dân cư và những cánh đồng lúa, hoa màu tươi tốt.

Theo thư tịch cổ và truyền thuyết dân gian, cụ thể là truyền tích "Cổ Châu Phật bán hạnh" chùa Tổ thờ Phật mẫu Man Nương là người "sinh" ra Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện) từ thế kỷ II đầu Công nguyên. Truyền rằng, chùa được xây trên nền nhà cũ của ông bà Tu Định - thân phụ và Ưu Di - thân mẫu của Man Nương (Tại làng Mãn Xá Đông hiện có nhà thờ Họ Man, trong giao phả và các tài liệu thư tịch

mà dòng họ Man hiện còn lưu giữ cũng có ghi chép về gia đình ông bà Tu Định và A Man/ Man Nương). Khi ông bà Tu Định hiển Thánh thì ngôi nhà trở thành chùa (Bán Gia vi Tự). Chùa Tổ vốn được khởi dựng từ lâu đời và được nhiều triều đại trùng tu, đến nay chỉ còn tòa Tam Bảo thượng (Thượng điện) là công trình kiến trúc của thời Nguyễn còn bảo lưu khá nguyên vẹn. Trung tâm điện Phật (Tòa thượng điện) là nơi thờ Phật mẫu Man Nương. Tượng Phật mẫu Man Nương được tạo tác trong tư thế tọa thiền trên tòa sen, cao gần 1,70m, được tạo giống với các tượng Tứ Pháp, khuôn mặt từ bi thánh thiện, toàn thân phủ một lớp sơn màu mận chín đầy vẻ huyền bí linh thiêng. Phía trên cao hơn là tượng ông bà Tu Định là thân phụ và thân mẫu của Man Nương, toàn thân sơn màu nâu sẫm, áo cà sa khoác ngoài trùm kín đùi. Góc bên phải của Thượng điện tượng sư tổ Khâu Đà La, đầu trọc để trần, khuôn mặt từ bi, ngồi thiền trên tòa sen, áo cà sa khoác ngoài.

Hiện chùa Tổ còn bảo lưu được nhiều tài liệu cổ vật quý giá như: tượng thờ, bia đá, sắc phong, hoành phi, câu đối... Trong đó, sắc phong triều vua Cảnh Hưng thứ 14 (1786) phong cho sư tổ Khâu Đà La và một sắc phong triều vua Khải Định thứ 8 (1923) phong cho Phật Mẫu Man Nương. Các tài liệu cổ vật quý giá đó đã minh chứng sự có mặt của hai con người Khâu Đà La và Man Nương là có thật, và chính họ đã tạo nên Sơn môn Dâu cùng hệ thống Tứ Pháp đầu Công nguyên. Đặc biệt chùa còn bảo lưu được một tấm bia đá còn khá nguyên vẹn, có kích thước (cao 172,5cm, rộng 98cm, dày 15cm) trán bia chạm nổi hình lưỡng long châu nguyệt, diềm chạm hoa lá, vân mây cách điệu, tên bia "Phúc Nghiêm tự sự tích bi" được dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 12, đến năm Tự Đức 26 (1873) được khắc lại, nội dung cho biết sự tích của Phật mẫu Man Nương và hệ thống Tứ Pháp, nội dung có thể tóm tắt như sau:

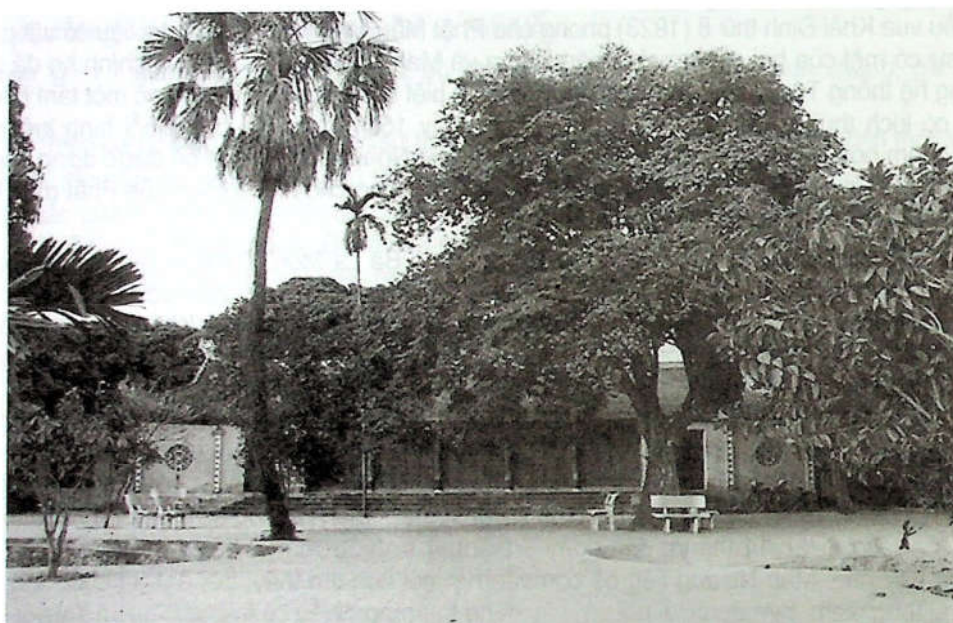
Xưa, sư Khâu Đà La người nước Thiên Trúc hành đạo Bà La Môn. Từng ở trên núi cao, không cần tu viện lớn mà chu du khắp bốn biển. Bấy giờ, vào thời Hán đã đến thành Luy Lâu nước ta. Bên cạnh thành Luy Lâu có ông bà Tu Định người làng Mãn Xá rất kính mộ phép thuật của nhà sư. Khâu Đà La thường ngồi tĩnh tọa không ăn uống. Trong lòng Tu Định biết là Phật xuất thế nên rất kính cẩn mến mộ. Tu Định có một người con gái xinh đẹp nét na, đã cho theo thầy học đạo. Nhà sư nói với Tu Định rằng: "Ông nhập Phật Pháp của ta là sớm có duyên, Man Nương có đạo ngày kia sẽ thành Đại pháp khí" và còn giúp Tu Định phép thuật lấy nước cứu hạn giúp dân, rồi nói lời từ biệt vào trong núi tu hành. Một hôm, Man Nương đến bỗng có rồng mây cuốn quanh mình rồi cảm động mà mang thai. Man Nương sợ hãi nói rõ sự việc với cha mẹ. Ông bà Tu Định kinh ngạc vào núi để nói rõ sự tình với Đà La. Nhà sư bảo rằng: "Man Nương có thai là do nhân thiên hợp khí". Man Nương có mang được 14 tháng, đến ngày 8 tháng 4 sinh được một bé gái, trong phòng hương thơm khác lạ lan tỏa đầy nhà. Man Nương liền bế con vào nơi núi non tìm thầy, trời âm u không thấy rõ ràng, chỉ nghe thấy tiếng tụng niệm, bèn quay lại nói với cây dung thụ rằng: "Nếu có thiêng hãy ôm lấy hài nhi này". Cây bèn mở thân, bèn đặt đứa bé vào đó, cây khép lại...

Sau đó, trời mưa to gió lớn giật đổ cây dung thụ trôi đến cửa bến thành Luy Lâu, trong cây như có tiếng nhạc, ánh sáng chiếu rọi, mùi hương thơm phức, mọi người đều thấy. Sĩ Vương trong thành thấy lạ, bèn lệnh cho quan quân xem xét, quả nhiên như vậy, đến đêm mộng thấy một vị Thần nói rằng: "Cây này là thần mây, mưa, sấm, chớp". Vương bèn ban bố với quần thần trong triều tạc tượng Phật để thờ và lệnh cho thợ cắt cây làm bốn đoạn tạc thành bốn tượng. Khi tượng tạc xong đã lệnh cho nhân dân sáng lập các chùa: Thiên Định - Diên Ứng (Dâu), Thành Đạo (Đậu), Phi Tướng tự và chùa Phương Quan (Dần) Trí Quả để thờ phụng. Lúc khánh thành khi còn chưa đón vào chùa thì gặp đại hạn. Vương bèn cầu khẩn, bỗng nhiên mưa to. Ví thể nhớ mộng trước bèn đặt tên là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Đến khi rước vào chùa, ba tượng xe chở rất nhẹ, còn tượng Pháp Vân nặng không thể được. Vương cho thợ tạc tượng đến hỏi, thợ tâu trong cây có hòn đá đã vút xuống sông, lại lệnh cho ngư dân đi mò tìm vì biết cây đó chứa con của Man Nương và tạc thành tượng Thạch Quang để thờ. Vương lại lệnh cho nhân dân tạc tượng Tam tổ sáng lập chùa Phúc Nghiêm.

Thời Tam quốc, Đào Hoàng làm thái thú Giao Châu nghe thấy tiếng Tứ Pháp linh thiêng, đã lệnh cho xây đàn lớn, không được xâm phạm, hương hoà cung kính; mỗi khi gặp dịch bệnh thì phụng quốc mệnh cầu đảo, tai ương lập tức qua khỏi. Thời Tấn, Đào Khản làm thái thú Giao Châu, muốn rước tượng về nước, lấy hàng ngàn vàng hối lộ sứ hợp sức di chuyển cũng không được. Thời Tùy, sai Lưu Phương đến châu của ta tìm đến Tam tổ chùa Tứ Pháp yết bái để thoả sự mong mỏi. Đường Xương khi rời qua châu của ta đã đích thân đến chùa Phúc Nghiêm, lệnh cho chép lại sự tích để dâng lên vua Đường. Nước ta đến mùa thu năm đầu thời Lý Nhân Tông, mưa mãi không tạnh, ngài đã đích thân đến cầu mưa tạnh. Năm Thái Ninh thứ 3 gặp đại hạn, vua lệnh cho rước tượng Phật vào Thủy Tinh điện, thân cung pháp phục dâng hương bái lạy, đêm ấy trời đã đổ mưa. Quân Tống đến cướp nước, tướng Cao Quý định áp sát lấy tộm mang về. Khi đến cánh đồng Vũ Bình đã bị quân ta truy đuổi đánh cho tan tác, mọi người trong nước đều nghĩ Phật đã bị mất. Mùa đông năm ấy thả lửa đốt đồng, chỉ có đức Phật ở đó vẫn xanh tươi. Vua nghe thấy thế liền lệnh cho đón về chùa. Thời vua Lý Anh Tông gặp đại hạn, liền đón về chùa Báo Thiên, nhà vua và Thái hậu đích thân hành lễ cầu mưa, khi xa giá trở

về trời đã đổ mưa lớn. Đến thời vua Lê chúa Trịnh, hàng năm sai quan triều đình đến cúng tế để giữ mạch đất nước lâu dài. Năm Canh Thân lại đại giá thân chinh đặc mệnh cho Thuyên nghĩa hầu Lê Kim Hội đến lấy trống làm hiệu, khi đại định lại gia ban áo gấm mũ trụ. Tiếp nối về sau, phàm việc cầu tạnh, cầu mưa, trước tiên đến đón Tứ Pháp về bái yết chùa Phúc Nghiêm và chùa Diên Ứng cầu đảo ba ngày. Sau mới đón Tam tổ hội cùng tế cáo, đặt làm lệ mãi như vậy. Nước Việt ta có Phật khởi phát ở nơi này.

Chùa Tổ và hệ thống chùa Tứ Pháp vùng Dâu huyện Thuận Thành là tinh hoa của sự dung hội giữa Phật giáo Ấn Độ khi du nhập vào nước ta với tín ngưỡng bản địa của người Việt cổ thờ các lực lượng tự nhiên (mây, mưa, sấm, chớp), để tạo nên một trung tâm tín ngưỡng tôn giáo mang đậm sắc thái dân tộc. Từ trung tâm Dâu, Phật giáo đã lan tỏa đi khắp các vùng miền của cả nước. Vì vậy, chùa Tổ và hệ thống của Tứ Pháp đã trở thành dấu tích quan trọng của quá trình hình thành và phát triển Phật giáo Việt Nam.



Chùa Tổ

<https://disanvanhoathuanthanh.vn/Tourism/Places/6/Chua-To.html>

CHÙA XUÂN QUAN

Chùa Xuân Quan (tên chữ là *Huệ Trạch tự*) còn gọi là Chùa Dàn Xuân Quan là ngôi chùa nằm trong quần thể chùa Tứ pháp nhưng được xây dựng muộn hơn, chùa nằm ở thôn Xuân Quan, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Xuân Quan được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia ngày 31 tháng 1 năm 1992.

Chùa được các nhà nghiên cứu xếp vào quần thể chùa Tứ pháp tại vùng Dâu - Bắc Ninh, tuy nhiên thời điểm xây dựng chùa được xác định muộn hơn bốn chùa kia rất nhiều, tương truyền vào khoảng thế kỉ XIII.

Bia đá ở chùa Đại Trạch (thôn Đại Trạch, xã Đình Tổ) có tên *Đại Thánh Pháp Thông Phật phả lục* do Hàn Lâm Viện Đông các Nguyễn Bính soạn thời Lê Trung Hưng có ghi lại truyền thuyết về Đại Thánh Pháp Thông Phật và ông Trần Hưng Hồng, là con người vợ thứ hai của Trần Hưng Đạo đã cho dựng chùa Xuân Quan để tạ ơn Phật Pháp Thông phù trợ đánh giặc Nguyên như sau:

Vua Trần Thánh Tông sai ông Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn làm đại nguyên súy thống lĩnh ba quân đem quân đánh giặc, Hưng Đạo Vương sai con Trần Hưng Hồng Vương cầm quân tiến về đạo Kinh Bắc. Qua chùa Xuân Quan, Vương có vào làm lễ để xin phù hộ đánh giặc Nguyên.

Làm lễ xong đã chiếu, Vương đóng quân tại đấy, Đức An phủ, đến nửa đêm thấy trong chùa sáng rực hương xạ thơm lừng. Thấy một vị tiên nữ từ trên trời đi thẳng xuống, mình mặc áo vàng, đi thẳng vào ngồi ở trước điện nói rằng, Ta là Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật, Ngọc Hoàng sai ta coi giữ tứ Pháp trường, Phong Vũ chi Thần, làm chủ tế địa phương này. Thấy nước nhà có giặc Nguyên xâm lược, Vua sai quan quân đi đánh, ta nguyện giúp đỡ để thấy rõ sự linh ứng, nói xong thì biến. Ông Trần Hưng Hồng liền vào làm lễ bái

ta, lập tức cử binh tiến đánh. Quân tiến đến cõi giặc, chưa đánh giặc đã tự tan, người cùng tất cả các danh tướng chém được Ô Mã Nhi, từ đó giặc Nguyên không dám xâm chiếm nữa.

Kéo quân thắng trận trở về, viết biểu dâng Vua nói lên sự linh ứng ở chùa Xuân Quan đã có công giúp phá giặc. Vua trần bèn phong sắc chỉ nguyên theo lời tâu phong là Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật linh ứng. Sai quan đem sắc chỉ về dâng tế lễ, cho nhân dân tiền để sửa sang tượng Phật phụng sự.

Về sau rất là linh ứng, cầu phong đảo vũ rất là linh nghiệm. cho nên được sắc phong đời đời hương hỏa, cho muôn đời sau không bao giờ dứt, chuẩn cho Phương Lan xã, Xuân Lan thôn, và Đại Trạch xã cùng phụng sự.

Hội Tạ Ân và nghi lễ thờ Trần Hồng Hưng cùng mẹ ngài là Quế Hoa Nương vẫn được duy trì ở làng Đại Trạch và làng Ư Tri (xã Đình Tổ) gần làng Xuân Quan.

Chùa Xuân Quan thực chất là một tổ hợp thờ tự đình - đền - chùa trong cùng một quần thể kiến trúc. Có ba tuyến thờ chính, được bố trí theo ba trục dọc của di tích:

- Tuyến giữa là nơi thờ Phật chủ Pháp Thông (Đền)
- Tuyến bên trái (nhìn từ trong ra) là nơi thờ Phật tương tự như tòa Tam bảo ở các ngôi chùa khác (Chùa)
- Tuyến bên phải là nơi thờ Thành hoàng làng (ngài Linh Nại đại vương, một nhân vật thời Hùng Vương) (Đình)

Chùa còn lưu giữ được hiện vật cổ nhất là tấm bia tứ diện, đặt trước cửa chùa, được làm năm Chính Hòa thứ 20 (1699) cho biết việc xây dựng gác chuông và đúc quả chuông lớn của chùa vào thời gian này. Đến nay, cả gác chuông và chuông đều không còn. Ở chỗ gác chuông xưa, nay chỉ còn 5 chân tảng lớn (0,70m x 0,70m). Như vậy, bước đầu có thể biết rằng ít nhất là ở cuối thế kỷ XVII, chùa Xuân Quan đã là một ngôi chùa lớn trong vùng.

Chùa hiện còn ba tòa nhà chính: tiền đường, thiêu hương và thượng điện. Tòa thượng điện được ngăn cách với khối kiến trúc phía trước bằng một rãnh thoát nước nhỏ, vì thế cả mái và nền của thượng điện thực ra đã được xây dựng tách riêng với khối kiến trúc phía trước.

- Tòa tiền đường: gồm 5 gian, 2 chái, có quy mô lớn nhất, với chiều dài 19,6m, chiều rộng 7,95m. Nhà xây bốn mái, có tường bao quanh, bốn góc mái là bốn đầu đao cong vút, trên bờ nóc mái có đắp hình lưỡng long châu nguyệt, ở giữa là ba chức Hán lớn: "Huệ tự Trạch". Bộ khung gỗ lim còn khá chắc chắn, có kết cấu theo kiểu chông rường - giá chiêng, tiền bẩy, hậu bẩy. Riêng hai vì giữa, phần khung gỗ phía trên câu đầu và các xà đui không phải là kết cấu con chông, mà được thay bằng các mảng cốn để thực hiện các đồ án trang trí trên đó.
- Tòa thiêu hương: gồm 3 gian, kết nối với tòa tiền đường bằng 2 gian ống muống. Bộ khung gỗ của tòa này cũng được làm theo kiểu chông rường - giá chiêng, nhưng quy mô nhỏ hơn tòa tiền đường.
- Tòa thượng điện: gồm 3 gian, nằm tiếp sau tòa thiêu hương. Đây là tòa nhà có kiểu dáng kiến trúc khá đẹp, theo kiểu nhà chông diêm 8 mái - 8 góc mái là 8 đầu đao cong thanh thoát, khiến tổng thể công trình như một bông sen lớn, với các cánh sen là những đầu đao đang vươn nở giữa không trung, dâng lên cõi Phật. Phần khung gỗ của tòa này có kết cấu theo kiểu kê truyền, đơn giản nhưng khá chắc chắn.

Ngoài Tượng Pháp Thông và hai đạo sắc phong, chùa còn hệ thống tượng thờ phong phú cùng nhiều đồ thờ tự và các di vật tiêu biểu là: 30 pho tượng Phật, tượng Đức Thánh Tái (niên đại khoảng giữa thế kỷ XIX), ngài gỗ thời Lê, hai bia đá khắc năm 1679 và 1876, chuông đồng Huệ Trạch tự chung đúc năm 1826 và nhiều đồ thờ tự bằng gỗ, đá, kim loại khác.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Xu%C3%A2n_Quan

CHÙA LINH ỨNG

Chùa Linh Ứng (gọi tắt là chùa Khám) thuộc thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Linh Ứng đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

Theo một số di vật còn lại ở chùa và nghiên cứu cho thấy rằng chùa được xây dựng từ thời nhà Trần nổi tiếng linh thiêng trong vùng. Trải qua năm tháng, Chùa bị đổ nát, đến đây dân làng được ông Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Thái lộc hầu Lê Đình Chất trợ duyên công đức xây dựng gác chuông và tôn tạo lại tiền đường thờ Phật, xây tả hữu hành lang, xây nhà thiêu hương, tô lại tượng Phật. Nhờ đó quy mô của Chùa được mở rộng lộng lẫy trang nghiêm, khách thập phương nô nức đến chiêm bái lễ Phật đông như trẩy hội.

Từ đó Chùa Linh Ứng lại trở thành vùng danh lam đệ nhất trong vùng, hàng năm cứ đến ngày mùng 7 tháng 4 âm lịch dân làng mở hội đón khách thập phương về chiêm bái. Vào giữa thế kỉ XX năm 1952, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chùa bị phá hủy hoàn toàn chỉ còn duy nhất 3 pho tượng đá trên nền chùa. Từ đó, chùa trở nên hoang phế và đi vào quên lãng.

Sau này giải phóng miền Nam, đất nước thống nhất, chùa lại được Đảng và nhà nước quan tâm. Ba pho tượng cổ bằng đá quý được khôi phục lại, đưa vào gian chính. Dân làng Ngọc Khánh nhờ sự giúp đỡ của chính quyền và khách thập phương trợ tư công đức đã xây dựng một tòa Tam Bảo, dựng cổng Tam Quan, trồng cây, lát gạch xây tường, giúp cho cảnh chùa thêm khang trang tổ hảo. Ngôi chùa hiện nay được xây dựng lại trên nền chùa cũ vào năm 1986.

Đối với bất kỳ một công trình kiến trúc nào của người Việt thì việc lựa chọn hướng và thế đất là công việc hết sức quan trọng, đặc biệt đối với đình, chùa đây là những công trình linh thiêng nên nó được quan tâm một cách đặc biệt.

Ngôi chùa Linh Ứng được xây dựng ngoảnh mặt về hướng nam- một trong hai hướng quan trọng nhất. Nếu như hướng tây được người ta tin rằng ổn định nhất, vì hướng Tây hợp với sự vận hành của âm dương, khiến cho thần linh không rời bỏ nghĩa vụ vì chúng sinh đau khổ thì hướng nam được coi là hướng của Đế vương "Thánh nhân nam diện nhi thính thiên hạ". Thánh nhân mặt quay về hướng Nam mà nghe lời tấu trình của thiên hạ. Theo triết lý âm dương là phía sáng của đầy dương tính. Vì vậy Phật ngài quay hướng Nam để nghe lời kêu cứu của chúng sinh trong kiếp đời tục lụy, đặng dùng pháp lực vô biên, từ bi, hỷ xả.

Trong không gian của di tích, ngoài việc chọn đất, chọn hướng thì cây cối cũng đóng một vai trò rất quan trọng. Cây cỏ được ví như "bộ quân áo đẹp" tô điểm cho di tích, làm cho chúng hòa quyện với môi trường và không cách biệt. Mặt khác cây cỏ còn như nhấn mạnh một điểm cơ bản xác nhận mảnh đất có di tích là tốt thích ứng với đất thiêng, đất lành của muôn loài. Hơn nữa khi bước vào di tích được bao bọc bởi cây cỏ, tâm hồn của người hành hương như tươi mới, hòa vào thiên nhiên đất trời. Với ý nghĩa như vậy, chùa Ngọc Khám đã trồng khá nhiều các loại cây lâu năm, cây ăn quả, cây cảnh. Phía ngoài cửa chùa là ba cây mít và một cây nhãn, hai cây đại hai bên cùng nhiều cây cảnh, tuy thân cây không to nhưng tán của nó tỏa rộng khắp, vươn cao lên như đón nhận sự tinh túy và sức sống từ bầu trời để che chở cho tâm hồn những người hành hương.

Bên cạnh những cây lâu năm, trong sân chùa còn trồng các loại cây cảnh làm cho cảnh quan xung quanh thoáng đãng, mát mẻ; tạo không khí linh thiêng, tĩnh mịch sự giao hòa giữa trời và đất.

Trải qua diễn trình lịch sử hàng mấy thế kỷ với nhiều biến cố thăng trầm, đến năm 1986 ngôi chùa được xây dựng lại theo bố cục chữ Đinh theo lối kiến trúc cổ. Ngôi chùa hiện nay bao gồm các đơn nguyên kiến trúc như: Tam quan, 5 gian Tiền đường, Thượng điện, 3 gian nhà Mẫu, 1 dãy hành lang bên phải, 3 phòng dành cho sư trụ trì ở bên trái. Hệ thống tượng Phật cùng đồ thờ cúng trong chùa đầy đủ có giá trị.



Mặt trước ngôi chùa Linh Ứng, Bắc Ninh.

Bước vào khu di tích chùa Linh Ứng ta có thể cảm nhận một vùng không gian linh thiêng với tòa Tam quan uy nghi mới được xây dựng lại năm 1997. Đi sâu vào bên trong qua một khoảng sân nhỏ là năm gian Tiền Đường 4 mái cong vút rồi đến Thượng Điện được đặt thờ 5 hàng tượng với bộ tượng tam thế bằng đá. Phía sau Nhà Tổ là ba gian nhà Mẫu xây theo kiểu kiến trúc hiện đại nên mái cao và rất thoáng. Xung quanh khu di tích là những cây xanh cho bóng mát và góp phần tạo bầu không khí linh thiêng, dịu nhẹ và thoát tục cho du khách đến nơi đây.

Như vậy các đơn nguyên kiến trúc cùng các yếu tố cảnh quan không gian của ngôi chùa tạo nên sự hài hòa tạo nên bố cục hoàn chỉnh cho di tích.

<http://langvietonline.vn/Lang-Pho/142661/Chua-Linh-Ung—bau-vat-Kinh-Bac.html>

CHÙA PHÚC LINH

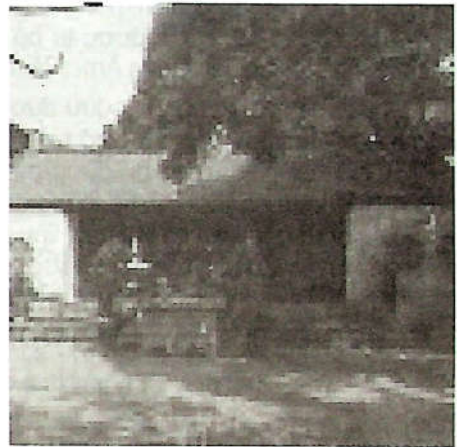
Chùa Phúc Linh hiện tọa lạc ở thôn Trung Thành, xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, cách trung tâm huyện 6 km về phía Đông Nam. Chùa Phúc Linh đã được nhà nước xếp hạng là di tích lịch sử văn hoá, theo quyết định số: 502/QĐ – BT, ngày 28 tháng 4 năm 1994.

Chùa Phúc Linh được xây dựng lớn vào thế kỷ thứ 18. Hiện nay khu vực xung quanh chùa còn lưu lại những dấu tích xưa cũ, tiêu biểu như Khu di chỉ lò gốm cổ, có niên đại khoảng từ thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 6.

Hiện nay kiến trúc của chùa mang nhiều nét nghệ thuật dân gian truyền thống, trang trí các nét vân mây, hoa lá chạm nổi. Chùa Phúc Linh tuy mới được trùng tu lại vào năm 2003 nhưng vẫn bảo lưu được nguyên vẹn kiểu kiến trúc ban đầu, mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn.

Trải qua bao biến động của lịch sử, chùa Phúc Linh vẫn còn lưu giữ được khối lượng hiện vật mang giá trị nghệ thuật cao, có 16 pho tượng, 1 bia đá khắc năm 1832, một quả chuông đồng đúc năm 1846, ngoài ra còn có các bức đại tự, câu đối, hương án, kiệu, các đồ thờ bằng gốm, sứ, đồng, bằng gỗ được sơn son thếp vàng lộng lẫy.

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?pid=N0JDRDA5MEEwMg&key=Ph%C3%BAc+Linh&type=A0>



CHÙA DIÊN PHÚC

Chùa Diên Phúc có tên chữ là “Diên Phúc tự” thuộc xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Diên Phúc đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, theo quyết định số 1570/VH-QĐ, ngày 5/9/1989.

Chùa Diên Phúc ngoài chức năng thờ Phật, đây còn là nơi lưu niệm sâu sắc về danh nhân Nguyễn Công Hiệp, người có nhiều công lao với đất nước, quê hương; đặc biệt ông có công lớn trong việc trùng tu đình, chùa, làm cầu quán cho dân, chính vì vậy ông đã được tạc tượng thờ ở đình Văn Lãng và là hậu Phật chùa Diên Phúc.

Về hậu thân Nguyễn Công Hiệp, trong gia phả họ Nguyễn (Công) ở Đại Bái cho biết: Nguyễn Công Hiệp sinh vào thời Lê - Trịnh, năm Hoàng Định thứ 17 (1617) ông vào làm việc tại phủ chúa, do có công nên được thăng chức rất nhanh. Đặc biệt vào các năm Phúc Thái thứ 3 (1645), Phúc Thái thứ 6 (1648) với công đánh dẹp sự xâm lấn của nhà Nguyễn (đàng trong), Nguyễn Công Hiệp đã được vua (Lê) khen rằng: Công Hiệp thật là người “Văn võ kỳ tài” và lập tức phong cho ông là: Dực vận tán trị công thần đặc tiến kim tử, vinh lộc đại phu, phụ quốc Thượng tướng quân, trung quân đồ đốc, thiên sự, tước Gia quận công; sau đó lại được phong Đô đốc đồng tri thượng trụ quốc; rồi vua Lê Thần Tông lại phong: Phụ quốc bảo dân Minh Tuệ đại vương.

Là một đại công thần dưới thời vua Lê - chúa Trịnh, nhưng Nguyễn Công Hiệp vẫn luôn có sự quan tâm đặc biệt với quê hương Đại Bái. Ông cùng với cha mẹ mình đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc trùng tu chùa Diên Phúc và đình Văn Lãng, xây cầu Bái Giang, nhiều lần miễn tô thuế cho dân, khuyến khích phát triển

nghe gõ đồng ở làng. Vì những công lao to lớn, tình cảm sâu nặng của Nguyễn Công Hiệp với dân làng, nên sau khi ông mất dân làng đã tôn ông làm Á Thánh (Thánh thứ 2) thờ tại đình làng. Cũng do có công lớn trong việc trùng tu chùa Diên Phúc, ông đã được tạc tượng đặt tại nhà tổ của chùa. Hiện nay tại đình Văn Lãng làng Đại Bái còn hệ thống bia đá: “Văn Lãng đình bi” dựng vào năm Khánh Đức thứ 4 (1652), “Bái Giang kiều bi” dựng năm Phúc Thái thứ 2 (1644) và bia “Bái giang thạch kiều bi” dựng năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) cho biết rõ công lao của Quận công Nguyễn Công Hiệp và gia đình đối với dân làng Đại Bái, được nhân dân tôn kính phụng thờ.

Theo nhân dân địa phương, chùa Diên Phúc vốn xây dựng từ lâu đời, đến thời Lê (1647-1648) được trùng tu mở rộng với quy mô lớn bao gồm các công trình: Tam quan 3 gian, kiến trúc kiểu chông diêm 8 mái, nhà thập điện 7 gian, hậu cung gắn vào nhà thập điện, gác chuông, nhà tổ (nơi thờ Nguyễn Công Hiệp và cha mẹ ông cùng những người có công trong việc trùng tu chùa), nhà tả, hữu vu mỗi bên 10 gian nối từ nhà thập điện đến hết nhà tổ, nhà khách 5 gian, nhà mẫu 3 gian 2 dĩ. Với quy mô này, người dân Đại Bái vẫn tự hào rằng chùa Diên Phúc sánh ngang chùa Bút Tháp và chùa Dâu. Tiếc rằng năm 1948, chùa đã bị phá huỷ hoàn toàn để tiêu thổ kháng chiến; hoà bình lập lại, dân làng phục dựng ngôi chùa trên nền xưa đất cũ. Năm 1993, Tam bảo chùa Diên Phúc được tu bổ tôn tạo lớn, chùa còn được xây thêm các công trình mới như gác chuông, nhà khách, lầu Quan Âm... làm cho ngôi chùa ngày một khang trang.

Chùa Diên Phúc còn bảo lưu được hệ thống tài liệu cổ vật rất phong phú, độc đáo và quý hiếm như: tượng phật, tượng chân dung có niên đại thời Lê và Nguyễn, chuông chùa Diên Phúc đúc năm Tự Đức 30 (1877), bia “Diên Phúc tự bi” dựng năm Khánh Đức 2 (1650), bia “Diên Phúc tự bi” dựng năm Đức Long (1629-1639), bệ đá thời Lê, hệ thống đại tự, câu đối có nội dung ca ngợi Phật pháp và người được thờ hậu. Trong số những tài liệu cổ vật này, tiêu biểu nhất là hai pho tượng chất liệu đá Quận công Nguyễn Công Hiệp và ông Nguyễn Công Kế, những người có công lớn trong việc tu bổ chùa. Tượng Nguyễn Công Hiệp được tạc năm “Khánh Đức nhị niên” (1650), tượng Nguyễn Công Kế tạc năm “Vĩnh Thọ tứ niên” (1661).

Lễ hội chùa Diên Phúc diễn ra vào ngày 26 tháng 3 âm lịch hàng năm.

<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?pid=N0JDRTBBMDI&key=Di%C3%AAAn+Phu%CC%81c&type=A0>

CHÙA ĐẠI BÍ



Cổng chùa

Chùa Đại Bí ở xã Thái Bào, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Đại Bí đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo quyết định số 34/VH-QĐ ngày 9 tháng 1 năm 1990.

Chùa Đại Bí còn có tên là chùa Tổ hay chùa Tảo tọa lạc trên bãi bồi cách bờ nam sông Đuống khoảng gần 1km, cách chân đê Đuống phía ngoài khoảng 100m, nay thuộc thôn Vạn Ty, xã Thái Bào, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Ngoài chức năng thờ Phật, đây còn là nơi lưu niệm sâu sắc về Trúc Lâm đệ tam tổ Huyền

Quang, một nhà sư và cũng là một nhà thơ lớn thời Trần, người đã cùng với vua Trần Nhân Tông, thiền sư Pháp Loa sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm- một thiền phái Phật giáo mang đậm sắc thái Việt Nam.

Truyền thuyết kể rằng vua Trần Nhân Tông muốn thử thách đạo tâm của Huyền Quang, bèn sai cung nữ Nguyễn Thị Điểm Bích cải trang đến quyến rũ, nhưng không lay chuyển được. Thấy Huyền Quang quả là bậc chân tu, Trần Nhân Tông mới lập làm quốc sư, trụ trì ở chùa Thanh Mai, rồi chùa Côn Sơn. Năm 1313, Thiền sư trở về làng Vạn Tải thăm cha mẹ, dựng lại chùa Đại Bi ngay sát cạnh nhà.

Ngôi chùa hiện đang được xây vào thời Nguyễn. Chùa gồm 5 gian Bái đường, 3 gian Hậu cung. Nhà Tổ 3 gian được xây dựng khá công phu, ngoài cửa có bức hoành phi "Lương quốc Trọng nguyên từ". Chùa còn quả chuông lớn đúc năm 1924. Trong vườn chùa còn hai tấm bia đá xanh, một tấm có ghi "Lý trạng nguyên hành trạng", cao 1,69m, rộng 0,81m, 1 ngọn bảo tháp và cây hương đá.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, ngôi chùa đã qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo, dấu ấn sớm nhất trên kiến trúc hiện nay là của thời Lê và Nguyễn.

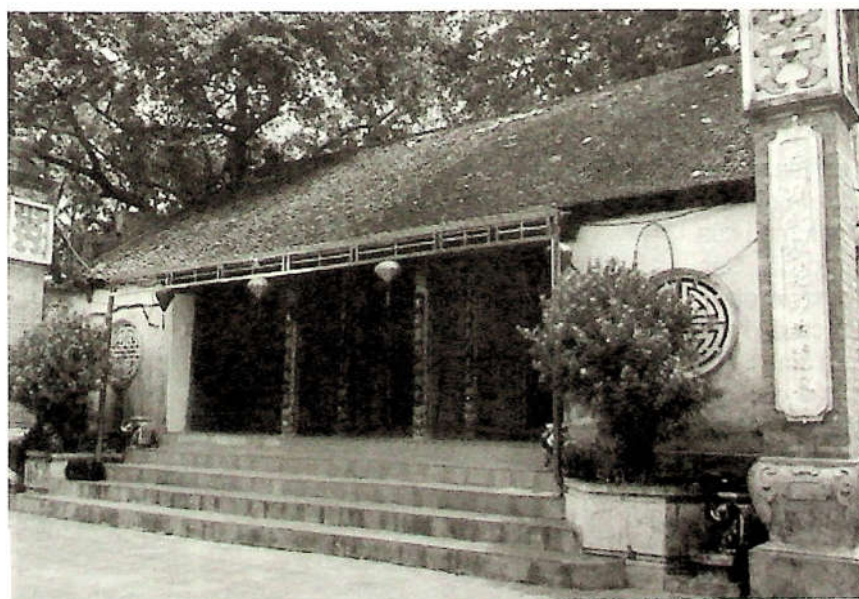
<http://toquoc.vn/bac-ninh-tu-bo-ton-tao-di-lich-chua-dai-bi-99204828.htm>
<http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=ch%C3%B9a+%C4%90%E1%BA%A1+Bi&type=A0>

CHÙA ĐỒNG KỶ

Chùa Đồng Kỵ (còn gọi là Tây Am Tự) ở phường Đồng Kỵ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Đồng Kỵ đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo QĐ số 15/VH-QĐ ngày 13/3/1974.

Công trình ở phía bên phải đình làng. Đây là một kiến trúc cổ và có quy mô to lớn, gồm một loạt các hạng mục công trình: Nhà Tam bảo, tòa Tiền đường, Thượng điện, hậu đường, hành lang, nhà tổ, nhà mẫu, tầng phòng, nhà khách, trong một bình đồ khép kín, có tường bao và cổng ra vào. Các công trình thờ tự đều kết cấu khung gỗ lim, mái lợp ngói. Dao cong mềm mại, chạm khắc, đắp vẽ trang trí nhiều đồ án hoa văn đẹp, mang đậm phong cách kiến trúc nghệ thuật và điêu khắc trang trí thời Lê - Nguyễn, tiêu biểu là các pho tượng Phật đặt ở các Tòa Tam bảo, Thượng điện, các pho tượng La Hán ở hành lang, các pho tượng Tổ.

Đặc biệt, trong cao trào cách mạng giải phóng dân tộc thời kì 1939 - 1945 và cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, chùa Đồng Kỵ là cơ sở hoạt động và làm việc của nhiều đồng chí lãnh đạo Trung ương như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị... Sự kiện tiêu biểu là tại nhà khách chùa Đồng Kỵ ngày 9/3/1945, đứng vào thời điểm Nhật đảo chính Pháp, Thường vụ Trung ương đã họp hội nghị mở rộng và Quyết định ban hành chỉ thị lịch sử: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", mở đầu cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa lật đổ chính quyền thực dân phong kiến, giành lại nền độc lập của dân tộc. Chùa Đồng Kỵ trở thành di tích tiêu biểu trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng, của dân tộc và quê hương Bắc Ninh.



Chùa Đồng Kỵ

Chùa làng Đồng Kỵ là Trung tâm sinh hoạt văn hóa tâm linh, tín ngưỡng và văn hóa của nhân dân Đồng Kỵ mang đậm bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc, tiêu biểu là lễ hội rước pháo vào ngày mùng 4 Tết Nguyên đán thu hút hàng vạn du khách tới tham quan chiêm ngưỡng và tìm hiểu về truyền thống lịch sử - văn hóa và sự phát triển kinh tế - thương mại điển hình của quê hương Bắc Ninh.

<http://thixatuson.vn/new/cum-di-tich-lich-su-cach-mang-o-phuong-dong-ky.html>

CHÙA LÀNG ĐỒNG HƯƠNG

Chùa làng Đồng Hương hay còn gọi Tôn Linh Tự, ở thôn Đồng Hương, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chùa làng Đồng Hương đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo quyết định số 1460/VH-QĐ, ngày 28/6/1996.

<http://tuson.bacninh.gov.vn/danh-sach-cac-di-tich>

CHÙA LÀNG PHÙ LƯU

Chùa làng Phù Lưu (hay còn gọi là Pháp Quang tự), ở 123 Phù Lưu, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chùa làng Phù Lưu đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 138/BVH, ngày 31/01/1992.

Chùa làng Phù Lưu liền với đình về phía đông bắc. Theo nhiều nguồn tư liệu, nhất là gia phả họ Ngô ở Trang Liệt, văn bia dựng đài Kính Thiên, cho biết chùa Pháp Quang đã có từ lâu, đến thế kỷ XV – XVII đã là ngôi chùa lớn có nhiều tượng phật. Kiến trúc chùa Pháp Quang hiện nay là công trình được sửa dựng vào thời Nguyễn, dưới thời vua Thành Thái, năm Kỷ Hợi, riêng tòa gác chuông kiến trúc chồng diêm tám mái được dựng vào năm Bảo Đại thứ 8 (1933), qua khảo sát, một số nhà nghiên cứu cho rằng chùa xưa có mặt bằng “Nội công ngoại quốc”, trong quá trình sửa chữa lại, những người xây dựng đã cất rời tòa ống muống, biến thành tòa thượng điện. Tượng của chùa cũng bị phá hủy nhiều, đáng chú ý nhất là ba pho tượng Tam thế, chùa còn có tượng Thích Ca sơ sinh, tượng Di Lạc, hai pho tượng phật bằng đá đặt ở sân trước cửa chùa và một số tượng khác.

<http://tuson.bacninh.gov.vn/danh-sach-cac-di-tich>

<http://daidoanket.vn/van-hoa/phu-luu-lang-van-hoa-dat-kinh-bac-tintuc445627>

<http://quehuongonline.vn/ban-sac-van-hoa/phu-luu-lang-que-van-hien-20170719141531967.htm>

CHÙA NGUYỄN THỤ

Chùa Nguyễn Thụ (hay còn gọi là Diên Phúc tự) ở Nguyễn Thụ, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Nguyễn Thụ đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 74/VH-BT ngày 2/2/1993.

<http://tuson.bacninh.gov.vn/danh-sach-cac-di-tich>

CHÙA DƯƠNG LÔI

Chùa Dương Lôi ở Dương Lôi, phường Tân Hồng thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Dương Lôi đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 74/VH-BT, ngày 2/2/1993.

Chùa làng Dương Lôi (Cha Lư tự) tên chữ là Cha Lư tự, được khởi dựng từ lâu đời, là nơi thờ Phật, đồng thời thờ bà Phạm Thị - thân mẫu của Lý Công Uẩn, người quê làng Dương Lôi. Căn cứ vào bia “Cha Lư trùng tu bi ký” khắc dựng năm Vĩnh Trị thứ 6 (1625) cho biết chùa được trùng tu, mở rộng bao gồm nhiều công trình : Tòa tiền đường, Tòa Tam bảo, Nhà tổ, gác chuông, tháp... Qua thời gian và sự tàn phá của thiên tai và chiến tranh, nay còn lại Tòa Tam bảo và Nhà Thượng điện hình chữ Đinh, mái lợp ngói, khung gỗ lim. Ngoài ra còn nhà thờ Tổ và nhà thờ Mẫu. Tất cả các công trình có cấu trúc đơn giản. Giá trị lịch sử, văn hóa của chùa Cha Lư là nơi thờ tự cổ kính, đồng thời lưu giữ nhiều tài liệu cổ vật quý



Chùa Dương Lôi

như bia đá, cây hương đá thời Lê, chuông đồng thời Nguyễn, hệ thống tượng thờ và các bức hoành phi câu đối, nói về chùa Cha Lư và làng Dương Lôi - mảnh đất địa linh là ấp thang mộc của nhà Lý.

Cùng với việc tôn thờ bà Phạm Thị ở chùa Cha Lư, tại Dương Lôi còn một loạt di tích như chùa Minh Châu, chùa Càn Nguyên, các địa danh, truyền thuyết về cuộc đời bà Phạm Thị, về việc tu hành của Thiền sư Khánh Vân, Vạn Hạnh, về việc bà Phạm Thị mang thai và sinh nở Lý Công Uẩn, về việc tôn thờ bà Phạm Thị của gia tộc họ Phạm làng Dương Lôi. Đặc biệt là đền thờ Lý triều Thánh Mẫu tức đền thờ bà Phạm Thị được xây dựng từ xưa, đến thời Lê Trung Hưng được trùng tu mở rộng nhưng bị tàn phá trong chiến tranh, ngại vàng và tượng Thánh Mẫu được chuyển về thờ ở chùa Cha Lư.

Nhân kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (1010-2010) chùa Cha Lư đã được trùng tu và Đền Lý triều Thánh Mẫu đã được tu dựng lại trên nền đền xưa.

<http://thixatuson.vn/new/dinh-chua-lang-duong-loi-va-di-tich-ve-than-mau-ly-cong-uan-va-cac-vua-nha-ly.html>

CHÙA TAM SƠN

Chùa làng Tam Sơn có tên là Cảm Ứng tự, dựng trên đỉnh núi Chùa, thuộc xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chùa đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1992.

Chùa được dựng từ thời Lý, là một trung tâm Phật giáo lớn gắn với cuộc đời của vị vua khai mở triều Lý và các công chúa nhà Lý. Công trình liên tục được tu bổ, tôn tạo, mở rộng vào các triều Trần, Lê và Nguyễn thành ngôi chùa trăm gian, kiểu thức " nội công ngoại quốc" với hàng chục công trình được xây dựng quy mô: Tam quan, Tiền đường, Trung đường, gác chuông, tiền tế, Tam bảo hậu, hành lang, đền Đông, đền Tây, nhà Tổ, nhà Tăng, nhà mẫu, vườn tháp... khiến chùa Tam Sơn trở thành danh lam cổ tự nổi tiếng của Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Nét độc đáo của chùa Tam Sơn không chỉ là nơi thờ Phật mà còn thờ các công chúa nhà Lý và đặc biệt là thờ các danh nhân khoa bảng của làng được suy tôn là hậu Phật, thể hiện truyền thống đặc sắc của làng Tam Sơn nổi tiếng hiếu học và khoa bảng.

Những pho tượng đặt thờ trong chùa đều là những tác phẩm điêu khắc mẫu mực cho nghệ thuật tạc tượng Phật thời Lê Nguyễn. Đồng thời chùa còn lưu giữ nhiều cổ vật tài liệu quý như chuông đồng, khánh, cây hương đá, đặc biệt là tấm bia "Tam sơn xã đăng khoa bi ký" khắc đầu thế kỉ XX ghi danh 16 vị đại khoa làng Tam Sơn, những danh nhân có đóng góp to lớn cho dân tộc và quê hương Tam Sơn.

Niềm vinh dự lớn của chùa và nhân dân Tam Sơn là được đón tiếp Hồ Chủ tịch về thăm và nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân địa phương ngày mồng một tết Đinh Mùi (1967) và trồng cây lưu niệm tại chùa.

Năm 1972, chùa Tam Sơn đã bị máy bay Mỹ ném bom phá hủy.



Chùa Tam Sơn

Với sự quan tâm của nhà nước, chùa Tam Sơn đã được phục dựng lại theo quy mô và kiến trúc xưa, nhằm phục vụ nhu cầu tâm linh của nhân dân đồng thời lưu giữ những kỷ niệm về nhà Lý và vua Lý Thái Tổ, về Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với làng Tam Sơn giàu truyền thống văn hiến và cách mạng.

<http://thixatuson.vn/new/chua-tam-son.html>

CHÙA TIÊU

Chùa Tiêu có tên là chùa Thiên Tâm còn gọi là Tiêu Sơn tự, chùa nằm trên lưng chừng núi Tiêu. Nay thuộc xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Chùa Tiêu đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 154/BVH, ngày 25/01/1991.

Chùa thường gọi là chùa Tiêu, xưa có tên là chùa Lục Tổ, tọa lạc ở sườn núi Tiêu, thuộc xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cách Hà Nội 20km về phía Bắc dọc theo quốc lộ 1A. ĐT: (0241)833946. Chùa thuộc hệ phái Bắc tông.

Chùa được dựng từ thời Lý. Chùa là nơi tu thiền và giảng pháp của nhiều cao tăng thời Lý, như Thiền sư Vạn Hạnh. Ở chùa có tấm bia đá cao 0,68m, ngang 0,40m, khắc bốn chữ: "Lý Gia Linh Thạch". Sách Từ điển di tích văn hóa Việt Nam (Hà Nội, 1993) giới thiệu chùa này xưa là nơi trụ trì của Thiền sư Vạn Hạnh đồng thời cũng là nơi sinh của vua Lý Thái Tổ. Sử xưa cho biết ở Viện Cảm Tuyền chùa Thiên Tâm có con chó đẻ con sắc trắng đốm đen thành hình hai chữ "Thiên tử" điều đó ứng với việc vua Lý Thái Tổ sinh năm Giáp Tuất rồi lên làm vua.

Chùa được trùng tu nhiều lần. Cổng chùa hiện nay được xây năm 1986.

Chùa xưa từng lưu giữ ván in sách Thiền uyển tập anh, một tác phẩm ghi chép về các danh tăng Việt Nam có giá trị về văn học, sử học, triết học.



Vườn tháp Tổ

<http://dulich24.com.vn/du-lich-huyen-tu-son/chua-tieu-thien-tam-id-3953>

BẾN TRE

CHÙA TUYẾN LINH

Chùa Tuyên Linh tọa lạc ở ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Chùa Tuyên Linh đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1994.

Chùa được xây dựng vào năm Tân Dậu (1861) gần rạch Tân Hương, có tên là Tiên Linh do truyền thuyết có một phụ nữ tên Tiên bị cọp bắt ăn thịt. Oan hồn của bà hiển linh, thường hiện về vào chùa nghe kinh hoặc ngồi ở gốc cây đa trước chùa. Tác giả Suối Nghệ (Báo Giác Ngộ TP. Hồ Chí Minh ngày 27-11-2003) cho biết vị trụ trì đầu tiên của chùa là Hòa thượng Thích Khánh Phong. Ngài viên tịch năm 1905. Năm 1907, Phật tử bốn đạo thỉnh Hòa thượng Thích Khánh Hòa về trụ trì. Hòa thượng đã trùng tu và đổi tên chùa là Tuyên Linh năm 1924. Năm 1941, Hòa thượng tổ chức trùng tu, mở rộng ngôi chùa.

Hòa thượng Thích Khánh Hòa (1877 – 1947) là người chủ xướng “Phong trào chấn hưng Phật giáo” ở miền Nam từ những năm 1920. Năm 1920, Hòa thượng cùng quý Hòa thượng khác lập ra Hội Lục Hòa, nhằm tạo sự đoàn kết, tương thân trong giới tăng, ni theo chánh pháp. Ngài đã mở nhiều trường gia giáo để đào tạo tăng, ni, trong đó, có trường Phật học ở chùa Tuyên Linh. Ngài còn dịch nhiều kinh sách từ chữ Hán ra chữ quốc ngữ để phổ cập trong quần chúng. Năm 1932, Ngài làm Chủ nhiệm tạp chí Từ Bi Âm của Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học.

Chùa đã được Hòa thượng Thích Thành Lệ đứng ra xây dựng sau năm 1975. Đến năm 1983, Sư Bà Diệu Ninh trùng tu thành ngôi tự viện khang trang hơn.

Ngày 24 – 12 – 2000, Thượng tọa Thích Nhựt Tấn, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bến Tre đã đứng ra vận động ngôi chùa di tích trang nghiêm. Ngày 24 – 10 – 2003, chùa đã tổ chức lễ cúng nghinh đại hồng chung cao 1,7m nặng trên 330kg do quý thầy chùa Thiên Tôn và chùa Phước Long (TP. Hồ Chí Minh) hỷ cúng.

Ở vườn chùa, có bảo tháp ghi tên ba vị tổ: Hòa thượng Khánh Phong, Thiền sư Minh Bảo và Pháp sư Khánh Hòa.

Điện Phật được bài trí tôn nghiêm. Bàn thờ giữa tôn trí tượng đức Phật Thích Ca, đức Phật A Di Đà, đức Phật Dược Sư, tượng Đản sanh và các vị Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Địa Tạng... Bàn thờ hai bên thờ tượng Bồ tát Quan Thế Âm và Bồ tát Địa Tạng. Đặc biệt, chùa có tượng đức Hộ Pháp bằng đồng, cổ, cao 0,70m.



Chùa Tuyên Linh – 2003

<http://dulich24.com.vn/du-lich-huyen-mo-cay-nam/chua-tuyen-linh-id-4074>

BÌNH ĐỊNH

CHÙA THẬP THÁP

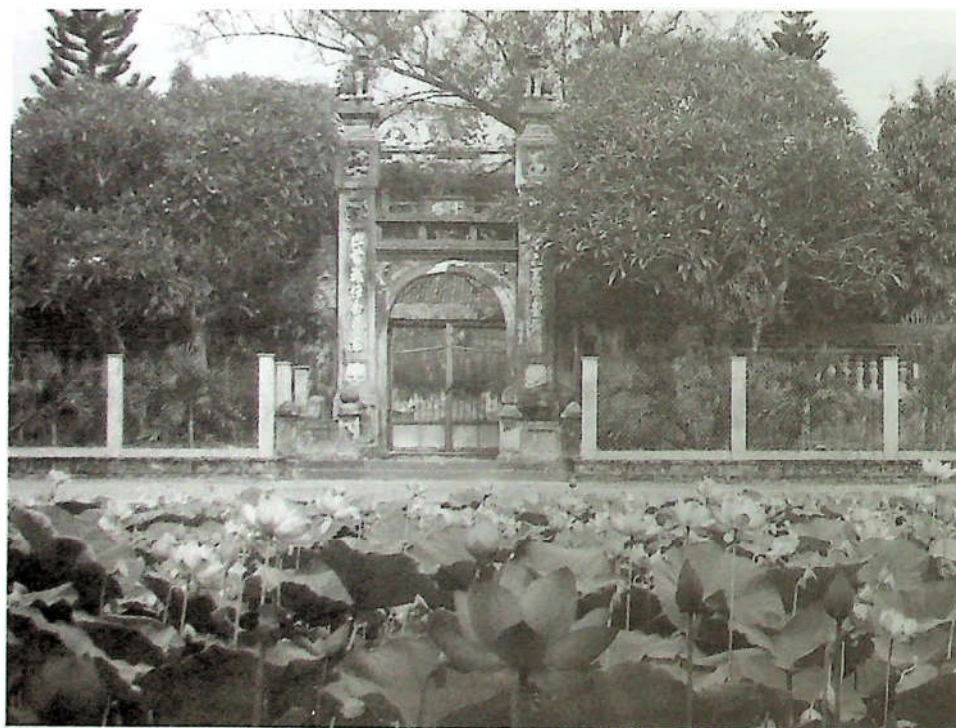
Chùa Thập Tháp (còn gọi là chùa Thập Tháp Di Đà) tọa lạc ở thôn Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Chùa Thập Tháp đã được Bộ Văn hóa công nhận là Di tích lịch sử, văn hóa quốc gia.

Chùa Thập Tháp được hòa thượng Nguyên Thiều dựng vào năm 1683, trên gò đất có mười ngôi tháp Chàm. Đây là ngôi chùa cổ nhất thuộc phái Lâm Tế, được trùng tu bốn lần vào các năm 1820, 1849, 1877 và 1924. Đến nay chùa vẫn giữ được tổng thể hài hòa, tôn nghiêm, cổ kính. Nằm khuất trong vườn cây cổ thụ sum suê cành lá và quanh năm đắm chìm trong màu xanh của ao đầm, của cây cỏ, chùa Thập Tháp từ lâu đã trở thành danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Bình Định, thu hút nhiều khách thập phương về hành hương, cúng tế, lễ bái hoặc tham quan, khảo cứu vì đây là ngôi cổ tự xưa nhất ở miền trung.

Chùa nằm phía bắc thành cổ Đồ Bàn, kinh đô của nước Chiêm Thành ngày xưa, gần Quốc lộ I và cách thành phố Quy Nhơn độ 28km. Thời xa xưa, trên gò đất cao ấy có đến mười ngôi tháp Chàm cổ kính nằm án ngữ mặt bắc Đồ Bàn cho nên người ta mới gọi là gò Thập Tháp. Kể từ khi vào trấn đất Thuận Hóa và mở mang bờ cõi xa dần về phía nam, ngoài việc chăm lo về chính trị, kinh tế, quân sự và văn hóa trong hơn hai trăm năm, các chúa Nguyễn đều coi trọng đạo Phật cho xây dựng nhiều chùa chiền, đúc nhiều chuông, nhiều tượng Phật.

Bấy giờ có Tế Viên Hòa thượng, Giác Phong lão tổ đều là người Trung Hoa tham gia truyền bá đạo Phật ở Việt Nam. Năm Ất Tỵ (1665) đời chúa Nguyễn Phước Tần, có vị thiền sư người Trung Hoa đến Việt Nam, ở lại đất Quy Ninh (Bình Định ngày nay) để tìm đất cất chùa. Ông cho phá hủy mười ngôi tháp Chàm đã bị sụp đổ để lấy gạch xây dựng chùa thờ Phật gọi là chùa Thập Tháp.

Chùa được xây dựng vào năm Quý Hợi (1683) niên hiệu Chánh Hòa nhà Lê và vị thiền sư có công xây dựng chùa chính là hòa thượng họ Tạ, húy là Nguyên Thiều, quê quán ở Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Ông tu về Thiền Tông thuộc phái Lâm Tế. Năm Tân Mùi (1691) nhà Lê, chúa được vua Lê Hiến Tông ban cho biển ngạch đề "Thập Tháp Di Đà tự". Sau khi xây dựng chùa Thập Tháp Di Đà, hòa thượng Nguyên Thiều mở trường truyền đạo. Được ít lâu, ông giao cho đệ tử trông coi rồi ra Thuận Hóa lập chùa Phổ Thành ở Hà Trung, vào Gia Định lập chùa Giác Duyên, sau đó trở ra Thuận Hóa lập thêm chùa Quốc Ân.



Cổng chùa Thập Tháp Di Đà

Dưới đời chúa Nguyễn Phước Trấn (1687-1691) ngài phụng mệnh nhà chúa trở về Trung Hoa tìm mời thêm các danh tăng và cung thỉnh pháp tượng, pháp khí đem về miền trung Việt Nam. Chùa Thập Tháp Di Đà xây bằng gạch Chàm, lợp ngói âm dương, bốn vòm, ba gian, hai chái, kiến trúc theo hình chữ khẩu, có hai lớp tường bao bọc chung quanh. Những khu vực chính của chùa gồm có khu chính điện, khu phương trượng, khu tây đường và đông đường, có dãy hành lang rộng lớn nối liền, bao bọc một sân rộng, có lát gạch vuông, bày đủ các thứ cây cảnh. ở khu chính điện, kết cấu chủ yếu là gỗ quý được chạm trổ rất tinh xảo, công phu với những họa tiết hoa cuộn, hoa sen, rồng, phượng cách điệu. Đầu tám hàng trụ cột và đầu kèo được chạm,

trang trí cổ tự. Ngoài những công trình chính, bên cạnh chùa còn có 24 bảo tháp lớn nhỏ mang hình thái kiến trúc nhiều thời khác nhau. Trước chùa còn có ao sen rộng, xây bằng đá ong xưa.

Trong chùa có ba tạng kinh, giấy khổ rộng, chữ to bằng ngón tay út. Bộ kinh hết sức cổ, có lẽ do sư tổ Nguyễn Thiều đã thỉnh từ Trung Hoa sang vào lúc phụng mệnh chúa Nguyễn về nước vào cuối thế kỷ 17. Ngoài ra, chùa còn có hai tượng Hộ Pháp và 36 tượng La Hán bằng gỗ chạm khắc tinh vi. 36 tượng La Hán, mỗi vị cao nửa mét, thờ hai bên án cạnh bàn thờ Phật, mỗi bên 18 vị, mỗi vị có khuôn mặt và dáng điệu khác nhau. Còn hai tượng Hộ Pháp đặt ở hai bên cửa bước vào cao đến hai mét. Tại chùa còn có quả chuông đồng kính 70cm, nặng 500kg, đúc từ năm 1893.

Trong tất cả chùa chiền ở miền trung được xây cất từ thời các chúa Nguyễn, thì chùa Thập Tháp Di Đà ở Bình Định là chùa cổ nhất thuộc phái Lâm Tế và được xem như là chùa tổ. Nhưng về sau, ngài Nguyễn Thiều ra trụ trì ở Thuận Hóa và tịch ở đó cho nên đệ tử mới lấy chùa Quốc Ân làm chùa tổ thay cho chùa Thập Tháp Di Đà. Còn ngài Nguyễn Thiều sau khi tịch (1729) được chúa Nguyễn Phước Chu ban thụy hiệu là "Hạnh Đoan Thiền Sư" và có bài minh khắc vào bia đá ca ngợi đạo đức của hòa thượng.

Qua nhiều lần trùng tu, tái tạo, cái cũ và cái mới đan xen, nhưng chùa vẫn giữ được tổng thể hài hòa, tôn nghiêm cổ kính. Chùa được trùng tu cả bảy bốn lần. Lần trùng tu đầu tiên vào năm Minh Mạng thứ nhất (1820), lần thứ hai vào năm Kỷ Tỵ (1849) dưới thời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, lần thứ ba vào năm Bình Tuất (1877) dưới thời vua Tự Đức và lần thứ tư vào năm Giáp Tý (1924) dưới triều vua Khải Định. Năm 1924, hòa thượng Phước Huệ là tổ thứ 40 phái Lâm Tế và là tổ thứ 13 của phái Nguyễn Thiều đứng ra xây dựng, mở rộng chùa và dựng thêm cổng Tam quan như ngày nay.

<https://www.binhdingh.gov.vn/inetcloud/portal/main/page/travel/ditichlichsuvanhoa.ivt?int=vi>

CHÙA SƠN LONG (CHÙA HANG)

Chùa Hang là tên thường gọi của Thiên Sanh Thạch tự (hay còn gọi là Thạch Cốc), nằm ở lưng chừng núi Chùa thuộc thôn Hội Khánh, xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Chùa Hang đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 2005.



Chùa Hang (còn gọi là Thạch Cốc tự, Thiên Sanh Thạch tự)

Chùa Sơn Long, đã được thành lập hơn 300 năm và là một ngôi chùa cổ thứ nhì của tỉnh Bình Định, chỉ đứng sau chùa Thập Tháp (An Nhơn). Chùa Sơn Long nguyên là Giang Long Thiên Thất, tọa lạc trên sườn núi Trường Úc. Sau đó, chùa được tái thiết trên một khu đất hình thang sát chân núi (Trường Úc), cách cầu

Trường Úc khoảng 700m về hướng Đông, nay thuộc phường Nhơn Bình, TP Quy Nhơn. Bạn sẽ gặp một ngôi chùa cổ nép mình bên núi Trường Úc, cổng tam quan khiêm nhường hòa mình cùng hàng rào cây lá xanh mướt xưa kia nay đã lùi vào trong, nhường chỗ cho đôi cổng mới được thiết kế quy mô và hiện đại hơn nhưng ngôi chùa vẫn giữ được những nét rêu phong, cổ kính ban sơ của nó. < Kiến trúc chùa đã có nhiều thay đổi nhưng khuôn viên chùa vẫn giữ như cũ. Mặt tiền hình cánh cung niêng, mặt hậu đất đá lồi lõm sát vách núi. Chính về mộc mạc, hoang sơ của khuôn viên chùa đã phần nào tạo nên vẻ u huyền cổ kính cho chùa. Tương truyền, dưới chân núi phía sau chùa, xưa kia có một tảng đá rất lớn trông như miệng rồng có hàm trên, hàm dưới với một cái lưỡi nhỏ đưa ra ở chính giữa. Vào những tiết hạn hán, các cụ tiên chỉ trong vùng thường đến đây ăn chay, đập đất để cầu mưa thuận, gió hòa. Tảng đá đó có tên gọi đá Hàm Long, nay không còn nữa vì nạn chẻ đá. Trong chùa có 15 ngôi mộ tháp lớn nhỏ, có những ngôi mộ vẫn còn giữ nét rêu phong, cũ kỹ của mấy trăm năm về trước, có mộ tháp đã được trùng tu khàng trang hơn. Theo Đại Thích Đồng Đức, đang trụ trì chùa, năm 1992, chùa đã cho xây dựng thêm tượng Bồ tát Quan âm ở hướng Tây. Năm 1996, xây tượng Thích ca Mâu Ni tọa thiền phía tây bắc... mang lại sắc khí mới cho chùa.

Đến Sơn Long, bạn còn được chiêm ngưỡng bức tượng Phật Lò 7 đầu rồng bằng đá nặng 1,5 tấn, cao 3,1 m với chạm khắc hoa văn sau lưng. Bức tượng được xác định của người Chăm pa tạc từ thế kỷ thứ VIII... Dù đáng về còn khiêm tốn nhưng Sơn Long vẫn đập diu khách phương xa đến thăm thú, lễ bái, văn cảnh... đặc biệt là trong những dịp đầu năm mới.

<https://www.binhdingh.gov.vn/inetcloud/portal/main/page/gov/chitietdanhmuc.ivt?intl=vi&id=55619e169ec5d3761e4717e3>

CHÙA LONG KHÁNH

Chùa tọa lạc tại số 141 đường Trần Cao Vân, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Chùa Long Khánh đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

Chùa được kiến trúc theo hình chữ "Khẩu" phía trước có chánh điện gồm Thượng điện và Hậu điện. Phần Thượng điện thờ Phật Adiđã và Quan âm Chuẩn đề, Hậu điện thờ Phật tổ Thích Ca. Hai bên có Đông phòng và Tây phòng. Hai dãy này là chỗ dành riêng cho tăng ni. Phía sau là Tổ đình, thờ các vị khai sơn phá thạch.

Kiến trúc nguyên thủy của chùa không còn nữa. Ngôi chùa hiện nay về cơ bản được xây dựng lại vào năm 1956 và hoàn thiện vào năm 1972. Phong cách kiến trúc này mang dáng dấp kiểu chùa của cư dân miền Nam Trung Hoa. Về giá trị kiến trúc, chùa Long Khánh không có gì độc đáo, nhưng với lịch sử hình thành và phát triển của Quy nhơn, chùa Long Khánh có một vị trí khá đặc biệt.

Minh văn khắc trên chuông và ghi chép trong cuốn Lịch sử chùa Long Khánh hiện được lưu giữ tại chùa cho biết chùa Long Khánh thuộc thôn Vĩnh Khánh, phủ Quy Nhơn, do thiền sư Tích Thọ đời thứ 38 của thiền phái Lâm Tế tên là Nguyễn Trinh Tường khởi dựng. Quả chuông được đúc vào năm Gia Long thứ 4, tức năm 1805. Điều này tương đối phù hợp với ghi chép trong Đại Nam Nhất Thống chí. Nhưng theo các nguồn tài liệu Phật giáo khác thì người có công khởi dựng chùa Long Khánh là thiền sư Đức Sơn. Thần vị của hòa thượng này hiện được thờ tại Tổ đình. Ông là Tổ thứ 35 của dòng Lâm Tế Chánh tông, sinh năm Kỷ Mùi, viên tịch ngày 2 tháng Chạp năm Tân Dậu.

Cũng theo các tài liệu Phật giáo, thiền sư Đức Sơn đến lập ra ngôi Tổ đình Long khánh của dòng Lâm Tế, vùng đất này còn mang địa danh Quy Ninh. Đối chiếu với lịch sử, địa danh này tồn tại trong khoảng thời gian từ năm 1651 đến năm 1742. Trong chùa, ngoài quả chuông, còn có một hiện vật cổ được các sư tặng cho là bảo vật của chùa.

Như trên đã nói, Hòa thượng Đức Sơn đến Quy Ninh trong thời gian từ 1651 đến 1742. Trong khoảng thời gian này chỉ có một năm Ất Mùi là năm 1715. Như vậy, chùa Long Khánh được xây dựng muộn nhất là năm 1715, thời điểm Hòa thượng Đức Sơn cho đúc chiếc khánh, chứ không phải năm 1807 như Đại Nam Nhất Thống chí và các tài liệu gần đây xác định. Hòa thượng Nguyễn Trinh Tường không phải là người kiến lập chùa mà chỉ là người có công tôn tạo chùa và đúc quả chuông vào năm 1805. Về hệ phái Hòa thượng Nguyễn Trinh Tường thuộc đời 38 của dòng Lâm Tế và nếu Hòa thượng Đức Sơn là Tổ thứ nhất thì ông là đời thứ 4 của Tổ đình Long Khánh.

Từ đây, có thể kết luận rằng, chùa Long Khánh được xây dựng trên đất làng Vĩnh Khánh, phủ Quy Ninh vào khoảng năm 1715. Giữa thế kỷ XVIII phủ Quy Ninh đổi thành Quy Nhơn, đến cuối thế kỷ 19 làng Vĩnh Khánh đổi thành làng Cẩm Thượng, thuộc huyện Tuy Phước, phủ Quy Nhơn đổi thành tỉnh Bình Định. Các tác giả Đại Nam Nhất Thống chí đã ghép chùa Long Khánh vào địa danh cuối cùng này.

Mặc dù đã qua bao lần trùng tu, tái tạo, chùa Long Khánh vẫn là một di tích lịch sử - văn hóa có giá trị. Đó là một trong hai ngôi chùa có niên đại cổ kính nhất ở Bình Định.



Toàn cảnh chùa

<http://www.baobinhding.com.vn/ditich-Festival/2008/3/56391/>

CHÙA LINH PHONG

Chùa Linh Phong tại núi Bà, ở thôn Phương Phi, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Chùa Linh Phong đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

Chùa được xây dựng từ năm Quý Sửu (1733), nhưng nay đã thành phế tích. Gần đây, ngôi chùa được dựng lại bề thế, dân địa phương và đông đảo du khách thăm cảnh cũ, nhớ lại sự tích chùa xưa.

Vào năm thứ 23 đời vua Lê, niên hiệu Chính Hòa (1702) nhà sư Mộc Y Sơn Ông (Ông Núi) tu tại nơi này. Ông kết võ cây làm áo, sống trong hang đá. Nơi sườn núi phía bắc vẫn còn di tích một hang đá rộng lớn ẩn sâu vào lòng núi mà ngày nay người ta gọi là hang Tổ. Đó là nơi Ông Núi tu trì ngày trước.

Theo khảo tự phổ của chùa Linh Phong cùng bài vị các đời trụ trì thờ tại chùa ghi tên ông là Lê Bản, tức thiền sư Tịnh Giác Thiện Tri. Ông ở núi này được vài năm rồi chọn lưng chừng núi, chỗ có con suối sâu và dài cất một am, đặt tên là Dũng Tuyền Tự.

Tương truyền, ban ngày Ông Núi ở trong rừng đốn củi, bó thành bó lớn chỉ có sức ông mới gánh nổi mang xuống chân núi, để ở ngã ba rồi trở lên. Người dân quanh vùng đem gạo, muối đến để đó rồi gánh củi về dùng. Hôm sau ông hoặc đồng tử xuống núi lấy thực phẩm, nhiều ít không cần biết. Mỗi khi trong vùng có dịch bệnh thì tự nhiên nhà sư đem thuốc xuống cứu chữa. Chữa xong rồi đi ngay, không nhận bất cứ một sự trả công nào.

Vào năm Quý Sửu (1733), chúa Nguyễn Phúc Chú khen ông là bậc chân tu, xây lại chùa. Từ chùa tranh thành chùa ngôi bắt đầu từ đây. Chúa ban tên chùa là "Linh Phong Thiền Tự", một câu liễn, và ban cho Sơn Ông hiệu: "Tịnh giác, thiện tri Đại lão thiền sư".

Vào năm Tân Dậu (1741), chúa Nguyễn triệu Sơn Ông về kinh để hỏi giáo lý đạo Phật. Khi già từ, chúa ban cho Sơn Ông một bộ áo cà sa vòng ngọc, móc vàng. Trong các cuộc giao tranh giữa quân Nguyễn và quân Tây Sơn, chùa bị đổ nát, Sơn Ông viên tịch. Tăng chúng các chùa họp lại lo việc mai táng ông, bửu tháp xây bên hữu chùa vào năm 1785.

Năm 1888, Đào Tấn - một nhà văn hóa lớn của nước ta, đã đến cư trú tại chùa Linh Phong một thời gian. Ông có bài phú đề nơi vách núi (dịch):

Một cảnh khói hoa trời tự tại
Mười năm hồ hải giác quy lai
Đây học trò lành âu cũng Phật
Đó chùa tên Ông Núi ngỡ chốn Tiên.

Nhiều thập kỷ nơi đây hoang phế, chỉ còn lại cổng tam quan ở mặt đông và một bửu tháp. Ngôi chùa mới dựng trên vị trí của chùa Linh Phong ngày xưa, làm thỏa lòng mong đợi khách mộ đạo. Điều lý thú vẫn còn một dòng suối từ núi cao đổ xuống, chảy vào khuôn viên chùa tạo một cảnh quan gần gũi với thiên nhiên hoang dã. Chính dòng suối này cùng với hang Tổ đã làm cho khách hành hương gọi nhớ nhiều về kiến trúc của ngôi chùa trước đây. Từ xưa, người đến ngắm cảnh chùa Linh Phong không phải là ít. Họ đến với nhiều mục đích khác nhau. Nhưng có tận hưởng không khí trong lành, mới cảm thấy lòng thanh thản.

Ngày hội chùa Linh Phong vào dịp đầu năm âm lịch.



Chùa Linh Phong

<https://nhandan.com.vn/vanhua/item/7466202-.html>

CHÙA NHẠM SƠN

Chùa Nhạm Sơn ở xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Chùa Nhạm Sơn đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 2001 và chùa có hai tượng Hộ pháp vinh dự được công nhận là bảo vật quốc gia vào năm năm 2019.

Chùa Nhạm Sơn là một tổ đình nơi có danh lam thắng tích. Năm 1977, đoàn khảo cổ xác định di tích này có từ thế kỷ thứ XIII. Chùa Nhạm Sơn được thành lập vào thế kỷ thứ XVI, được sắc từ thời Tự Đức năm thứ 17 và thời Bảo Đại năm thứ 18, do Ngài Hòa thượng Chi Mẫn khai sáng. Nơi đây đã xuất hiện nhiều danh tăng thực đức.

Ngôi chùa nằm dưới bóng một vườn xoài, nằm dưới chân đồi núi Long Cốt hay Gò Ba Tháp. Chùa Nhạm Sơn có giá trị lớn về lịch sử và nghệ thuật, là sự giao thoa giữa văn hoá Chăm bản địa và văn hoá Việt.

Đặc biệt là hai pho tượng bằng đá sa thạch khổng lồ thờ bên trong khuôn viên chùa. Đây là hai tượng Dvarapalla (Môn Thần) với ý nghĩa người bảo vệ cho đạo pháp, đứng đối xứng nhau 2,3m rất sống động mang phong cách điển hình của nghệ thuật điêu khắc Chămpa thế kỷ XII, XIII.

Hai pho tượng đá cao khoảng 2,8m, một vị sơn đỏ, một vị sơn đen tượng trưng cho ông thiện và ông ác trong tín ngưỡng của người Việt. Theo sử liệu xưa của sử gia Bùi Văn Lãng Bình Định địa sử chí, hay Việt Nam nhất thống chí cũng như sử nay "Nước non Bình Định" của cụ Quánh Tấn, có viết vị sơn đỏ là Huỳnh Tấn Công, quê ở Quảng Nam và vị sơn đen là Lý Xuân Điền, quê ở Quảng Bình.

Vị đồ là con của một nhà hàn nho nghèo, trên đường ra kinh đô Hà Nội thi, ra đến Quảng Bình bị bệnh thiên thời (trên mưa dưới chầy) nên kiệt sức xỉu bên vệ đường. Thân sinh của vị đen là một đại điền chủ đi thăm ruộng thấy một người khôi ngô tuấn tú nằm xỉu bên vệ đường mới đem về chữa trị. Khi bình phục hỏi lai lịch mới biết trên đường đi thi. Ngay lúc đó, trong nhà vị điền chủ có một người con cũng sắp đi thi, nên cho hai vị cùng đi thi. Hai người cùng đi thi thấy nhiều điểm tương đồng ý hợp kết làm bạn chí thân như câu chuyện Lưu Bình – Dương Lễ.

Sau khi thi đậu về, vị đồ đậu quan Văn, vị đen đậu quan Võ. Quan Văn nên tay cầm cây giăng là một cây lệnh có nghĩa xuất nhập bất cấm, tức ra vào trong triều không ai dám gạn hỏi, người có uy tín tuyệt đối với nhà vua mới được ban cây lệnh đó. Quan Võ nên tay cầm kiếm lệnh, tức tiền trạm hậu tấu, nghĩa là bất bình việc gì với ai có quyền chém trước tâu với vua sau, người có uy tín tuyệt đối với nhà vua, vị này làm việc đều đặn đo cân nhắc không oan, không sai một ai mới được ban kiếm lệnh này.

Khi vào thăm vua Chăm gặp lúc vua Chăm bị bệnh, hai vị sơn đồ, đen dùng thuốc nam chữa khỏi bệnh cho vua. Tiếp đến Xiêm La (Thái Lan) lấn chiếm biên giới Chăm Pa và Việt Nam, hai vị xin vua cầm quân dẹp giặc, đánh quân Xiêm thua chạy, nhưng vị đen là ông Lý Xuân Điền bị bắt làm tù binh. Thái tử Xiêm La cầu hôn em gái ông đồ. Lấy cơ hội hôn lễ, ông đồ đòi trả lại vị tướng bị bắt là ông đen. Nhớ công ơn của hai vị đen, đồ, vua Chăm đã mời thợ điêu khắc giỏi nhất nước tạc tượng hai ông để tỏ lòng cảm mến, biết ơn và lưu niệm cho hậu thế.



Cổng mặt trước chùa Nhon Sơn

<https://baotainguyenmoitruong.vn/binh-dinh-hai-tuong-ho-phap-chua-nhan-son-la-bao-val-quoc-gia-298399.html>

BÌNH DƯƠNG

CHÙA NÚI CHÂU THỜI BÌNH

Chùa Núi Châu Thời ở xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (cách trung tâm TP. Hồ Chí Minh 30km). Chùa Núi Châu Thời được đã được xếp hạng là Di tích danh lam thắng cảnh Quốc gia vào ngày 21/4/1989.

Tọa lạc trên núi Châu Thời, nên chùa cũng mang tên núi. Nhìn từ xa đã thấy ngôi chùa ở độ cao 82m (so với mặt nước biển), ẩn hiện sau rặng cây cối xanh rì, xung quanh có nhiều hồ nhân tạo rất đẹp. Để lên chùa núi Châu Thời, có hai con đường. Một là đi bộ lên 220 bậc thang xi măng, hai là chạy xe thêm một đoạn nữa sẽ thấy con đường dành cho xe đi thẳng lên núi.



Chùa Núi Châu Thới

Có tài liệu cho rằng chùa do thiền sư Khánh Long xây vào khoảng năm 1612, ban đầu chỉ là một thảo am nhỏ. Sau đó, thảo am được gọi là chùa Hội Sơn, rồi đổi tên thành chùa Núi Châu Thới. Tuy nhiên lại có những tư liệu cho thấy ngôi chùa này được lập vào năm 1681. Nhưng cho dù được thành lập vào thời điểm nào thì chùa núi Châu Thới ở huyện Dĩ An hiện nay vẫn là ngôi chùa xưa nhất tại Bình Dương. Không những thế còn là ngôi chùa được hình thành sớm vào hàng đầu ở Nam Bộ.

Dưới chân núi là một hồ nước rộng, phong cảnh nên thơ. Từ sân chùa núi Châu Thới có thể ngắm nhìn phong cảnh của các vùng xung quanh thành phố Biên Hòa cùng dòng sông Đồng Nai uốn quanh.

Kiến trúc chùa chính gồm một quần thể bao gồm: ngôi chánh điện, nhà Tổ, điện Thiên Thủ Thiên Nhân, miếu thờ Linh Sơn Thánh Mẫu, điện thờ Diêu Trì Kim Mẫu và Ngũ Hành Nương Nương (thuộc tín ngưỡng dân gian) và cả điện thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Cấu trúc mái trên chánh điện theo kiểu tứ tượng. Chùa núi Châu Thới sử dụng những mảnh gốm sứ đắp lên các con rồng ở cuối các đầu đao của mái chùa. Trên đỉnh mái, có chín con rồng nhìn ra nhiều hướng. Mặt tiền được đắp gốm sứ tạo các loại hình như tứ linh, thủ quyền, đức Phật đàn sanh...

Du khách tới đây tham quan sẽ được tận mắt chiêm ngưỡng những pho tượng Phật, Quán Thế Âm lớn được đúc bằng đồng hoặc đá cẩm thạch. Đặc biệt, nơi đây còn lưu giữ ba pho tượng Phật bằng đá cổ và một tượng Quan Âm bằng gỗ mít có tuổi đời hơn 100 năm.

Điểm nhấn của chùa chính là tượng Phật Quán Thế Âm Bồ Tát ngự trên đài hoa sen, trên tay cầm dương liễu vẩy nước cam lồ trong bình thanh tịnh trông thật đẹp mắt. Những ngày rằm, mùng một, ngày nghỉ hoặc lễ chùa luôn có đông khách thập phương đến viếng thăm và lễ Phật.

Mặc dù ngôi chùa được trùng tu nhiều lần nhưng vẫn giữ được kiến trúc cổ kính của nó, hài hòa với cảnh quan u nhã, thoát phàm tại đây.

<https://dulich.petrotimes.vn/cung-tim-hieu-chua-nui-chau-thoi-binh-duong-ngoi-chua-co-nhat-dong-nam-bo-545695.html>

CHÙA HỘI KHÁNH

Ngôi chùa Hội Khánh tọa lạc dưới chân đồi, số 35 đường Bác sĩ Yersin, phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một (cách trung tâm thị xã Thủ Dầu Một 500m về hướng Đông), Chùa Hội Khánh đã được công nhận di tích lịch sử – văn hóa cấp Quốc gia ngày 07/01/1993.

Chùa xây dựng từ thế kỷ XVIII (1741), 1861 chùa đã bị giặc Pháp thiêu hủy. Đến năm 1868, chùa được xây dựng lại ở vị trí hiện nay với diện tích xây dựng 1.211m². Năm 2007 chùa xây dựng thêm ngôi tháp 7 tầng

cao 27 mét và tái tạo lại Phật tích "Tứ động tâm", gồm có: Vườn Lâm Ti Ni (nơi Phật ra đời), Bồ Đề Đại Tràng (nơi Phật hành đạo), Vườn Lộc Uyển (nơi Phật thuyết pháp đầu tiên), Ta La Song Thọ (đức Phật nhập niết bàn) có ý nghĩa sâu sắc về đạo pháp.

Năm 2008, Phật đài quy mô lớn, cao 22m được xây dựng ở khu đất phía trước chùa. Tầng trệt là dãy nhà chiều dài 64m, chiều ngang 23m dùng làm Trường Phật học, Thư viện ... Tầng trên tôn trí đại tượng đức Bổn sư Thích Ca nhập Niết bàn cao 12m, dài 52m. Đây là một công trình mỹ thuật đáng tự hào của Phật giáo Bình Dương, được khánh thành trọng thể vào ngày Rằm tháng Hai năm Canh Dần (30-3-2010) mừng 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Tuy đã được sửa chữa, trùng tu nhiều lần nhưng về cơ bản đây là ngôi chùa hiếm hoi vẫn còn giữ được phần lớn kiến trúc ban đầu. Nét nổi bật của ngôi cổ tự này là giá trị phong phú về mặt lịch sử văn hoá, nghệ thuật kiến trúc, đặc biệt phần lớn những di tích, cổ vật hàng mấy trăm năm được bảo tồn lưu giữ cho đến nay. Hội Khánh còn được xem là ngôi chùa tiêu biểu cho đặc điểm chung của các ngôi chùa cổ Bình Dương

Về cấu trúc chùa gồm bốn phần chính: Tiền điện – chánh điện; giảng đường kiến trúc này có 92 cột gỗ quý; Đông lang và Tây lang chùa bố trí theo kiểu "sắp đôi" nối liền nhau với kiến trúc "trùng thềm, trùng lương". Đây là biến tấu đặc biệt trong kiến trúc theo truyền thống chùa cổ xứ Nam Kỳ. Chánh điện với kèo cột, vách gỗ và ba bộ cửa bức màn, còn có gần 100 tượng gỗ, các vị La Hán và thập điện Minh Vương dáng vẻ khác nhau được tạo bằng gỗ mít sơn son thếp vàng. Đặc biệt có hai bức phù điêu chạm hình 18 vị La Hán và các vị bồ tát, tạo nên một công trình điêu khắc tuyệt mỹ, có giá trị nghệ thuật cao mang đặc trưng của phong cách điêu khắc gỗ Bình Dương xưa. Đây là công trình mang dấu ấn những bàn tay tài nghệ độc đáo của lớp thợ xứ Thủ (TDM) ở cuối TK XIX (trong đó phải kể đến các thợ như thợ phèn, đường, Trương Văn Cang, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Văn Xù, Sáu Nhông, Chính Trí...)

Về phần liễn đối, thơ văn còn lưu giữ phong phú, giá trị khó có ngôi chùa nào sánh kịp. Nơi chánh điện có những câu liễn đối tiêu biểu cho đạo vị thiền học được nhiều người nhắc đến:

*"Nhược thực nhược hư trúc ảnh tảo giai trần bất động
thị không thị sắc nguyệt xuyên hài để thủy vô ngân"*

(Như thực như hư, bóng trúc quét thềm, bụi trần chẳng động.

Là không là sắc, ánh trăng xoáy biển, nước biển không trôi)



Mặt tiền chùa

Ngoài ra, nhiều người cũng nhắc đến câu đối của cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc còn lưu ở chùa Hội Khánh, với ý nghĩa ngôn từ hàm súc của thiền học: "Đại đạo quảng khai thổ giác khuê đàm để nguyệt. Thiên môn giáo dưỡng, qui mao thần thụ đầu phong" (Tạm dịch: mở rộng đạo lớn như sừng thỏ như mò trắng đầy nước. Nuôi dưỡng mái chùa như lông rùa như cột gió đầu cây).

Về phần nghệ thuật trang trí nội thất, tranh tượng tự khí thờ phượng được điêu khắc, chạm trổ rất công phu, sắc sảo... đặc biệt phải kể đến bộ bao lam "thập bát La Hán" (tạo tác 1921), bức phù điêu "tứ thời" ốp vào hai cột trước chánh điện; các bàn thờ chạm trổ tinh vi hoàn thành vào năm Ất Sửu (1925). Nhà chùa còn giữ được bộ mộc bản in kinh cách đây trên 120 năm

Đại hồng chung của chùa được đúc vào năm Quý Mùi (1883) do Bồ đạo Dương Văn Lúa hiến cúng. Điều đó cho thấy đạo Phật đã phát triển khá sớm và khá vững mạnh tại địa phương này.

Từ khi thành lập đến nay chùa đã trải qua 10 vị trụ trì (9 vị đã viên tịch) trong đó không ít vị cao tăng, đạo đức tài năng nổi danh cả Nam Bộ.

Trong những năm 1923 -1926, chùa Hội Khánh Thủ Dầu Một còn là nơi ẩn náu qui tụ các nhân sĩ: nhà nho, nhà sư yêu nước cùng lập ra "Hội danh dự" với sự tham gia của chính hoà thượng Từ Văn, Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (Thân phụ của bác Hồ), cụ Tú Cúc... mục đích của Hội là cổ vũ cho lối sống đề cao đạo đức, coi trọng danh dự và lòng yêu quý đồng bào đất nước. Dù Hội chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn nhưng đã gây được ảnh hưởng đáng kể.

Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, chùa Hội Khánh là trụ sở Hội Phật giáo cứu quốc tỉnh Thủ Dầu Một, đã góp nhiều công sức tâm huyết kể cả xương máu của các nhà tu, Phật tử nhà chùa. Trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân địa phương từ 1953, chùa là trụ sở Phật giáo yêu nước tỉnh Bình Dương và đến 1983 chùa Hội Khánh là trụ sở của tỉnh Hội Phật giáo Bình Dương.

<https://www.binhduong.gov.vn/gioi-thieu/2010/08/122-Chua-Hoi-Khanh>

CHÙA LONG SƠN

Chùa Long Sơn (hay còn gọi Ông Mỡ) thuộc xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Chùa Long Sơn có di tích Đốc chùa đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích khảo cổ học cấp Quốc gia vào ngày 28/12/2001.

Vào khoảng năm 1927- 1930, thiền sư Như Lương có công cùng bà con Phật tử dời ngôi chùa đến ngọn đồi xây dựng lại chùa Long Sơn (Ông Mỡ) tọa lạc tại đây cho đến nay. Trong thời gian sư Như Lương trụ trì chùa, ngài xiển dương, truyền bá Phật pháp đem lại cho nhân dân vùng đất này có nơi nương tựa về mặt tâm linh. Dân làng rất mến mộ và sùng kính. Sư Như Lương - Thiện Hạnh viên tịch vào ngày 9 tháng 6 năm Tân Tỵ (1941). Kế thế trụ trì là thầy Yết Ma Thích Thiện Chỉ là đệ tử của Thiền sư Như Lương thế hệ thứ 42 thuộc dòng Lâm Tế. Trong thời gian trụ trì, thực hiện theo lệnh tiêu thổ kháng chiến, vào tháng 12-1946, sư Thiện Chỉ cùng tăng chúng đốt chùa chống giặc.

Trong suốt thời gian từ 1946 đến 1975, do 2 cuộc chiến tranh nên chùa không có điều kiện xây dựng lại. Mãi đến tháng 10-1997 do lòng kính mộ các bậc cao tăng và ngôi chùa cũ nên đồng bào Phật tử đã đứng ra xin phép xây dựng lại ngôi chùa trên nền cũ.

Sự tích về Ông Mỡ

Theo truyền thuyết dân gian, ở phủ Đồn Sứ, Tân Uyên thì vùng đất Tân Hòa - Tân Lộc - Thường Lang - Tân Tịch là một vùng đất rừng thiêng nước độc. Từ buổi đầu dân cư khai hoang, vùng này có rất nhiều loài thú. Khi người dân phát hoang làm rẫy, lương thực mang theo để dùng trong lúc lao động đều bị thú rừng ăn hết. Trong khu này có một cây khô khá to, có một khối u lớn chia ra ngoài hình dạng giống một cái mỡ. Trong lúc người dân làm rẫy đem theo lương thực máng vào mỡ cây và có lời xin gửi mỡ cây giữ giùm thì ngày đó lương thực còn nguyên vẹn không bị thú rừng đến ăn. Hôm nào quên, không nói lời xin gửi thì lương thực bị các thú rừng ăn hết. Thấy điều kỳ lạ, dân chúng đến khấn cầu cây mỡ phù hộ cho được trúng mùa thì theo ý nguyện. Do đó, dân làng nơi đây gọi gốc cây thiêng này bằng tên "Ông Mỡ" cho đến nay.

Cũng ngôi chùa này, tên gọi "chùa Ông Mỡ" theo nhà hoạt động cách mạng Huỳnh Văn Nghệ trong truyện ký Chùa Ông Mỡ thì vào năm 1867 sau khi giặc Pháp chiếm được Phủ - Đồn - Sứ của quân dân ta thì đồng bào ở đây và nghĩa quân rút về các làng ở Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc để xây dựng căn cứ tiếp tục kháng chiến... Chòi gác được cất trên những ngọn cây sấu to, trên quả đồi cao nhất của làng Tân Hòa. Người gác có thể quan sát tất cả tàu chiến của giặc một cách rõ ràng để báo động cho nghĩa quân bằng tiếng mõ. Người phụ trách gác là hai vợ chồng ông Sáu, trước kia làm nghề chài trên sông Đồng Nai. Từ ngày chiếc thuyền chài của ông bị tàu giặc bắn chìm thì ông không muốn làm nghề khác mà xin vào đồn Mỹ Lộc gia nhập nghĩa quân.

Với tiếng mõ trong tay làm vũ khí, ngày đêm đứng gác cho quê hương, mỗi tiếng mõ báo động của ông Sáu giúp nghĩa quân được bình an tránh giặc và tiếng mõ của ông là tiếng súng bắn vào đầu giặc. Vào một buổi sáng như những lần trước, đợi đến khi tàu địch đến thật gần trạm gác thì ông Sáu mới chịu xuống mang mõ băng rừng chạy đón đầu nó ở trạm gác trên. Nhưng không hiểu tại sao lần này tàu địch chạy quá chậm, ông đánh mỏi cả tay và tàu địch vẫn chưa chạy đến. Thấy tàu địch đến trạm gác, ông dồn sức đánh ba tiếng mõ cuối cùng.

Không ngờ một toán giặc đi đường bộ phát hiện đến bao vây gốc sấu. Tên quan chỉ huy toán giặc chĩa súng lên đề nghị ông Sáu đánh mõ báo an. Ông Sáu bảo: "Giặc còn đầy nước sao lại báo an, già này thà chết làm thần nghĩa chứ không thèm sống làm Việt gian...". Sau đó, tên giặc Tây nổ súng bắn vào cánh tay phải làm văng dùi mõ. Máu ông Sáu chảy ròng ròng đỏ cả áo quần và cành sấu nhưng ông không hề sợ hãi. Ông nhìn xuống lũ giặc, tay trái ông siết chặt chĩa mõ tre, từ trên cao ông bỗng lao người như một mũi tên bay xuống nhắm vào đầu thằng Tây chỉ huy. Thằng Tây bị vỡ sọ chết không kịp trở. Ông Sáu hy sinh, đồng bào và nghĩa quân thương tiếc người gác mõ anh hùng bèn cất chùa tại gốc sấu thờ ông Sáu và chiếc mõ của ông. Đến nay câu chuyện chùa Ông Mõ vẫn mãi mãi còn in sâu vào tâm trí của mọi người tại vùng đất anh dũng này.

Đến với chùa Long Sơn (chùa Ông Mõ) hôm nay theo con đường dọc bờ sông Đồng Nai, thấp thoáng ta thấy ngọn đồi với cổng tam quan khiêm tốn, nép mình hòa quyện vào tán cây với từng bậc thang lên chánh điện. Một không gian tĩnh lặng, thánh thoát với địa thế phong thủy hữu tình, trước chùa là dòng sông Đồng Nai, sau lưng là đồi cao tạo nên một thế đứng vừa hùng vĩ mà thoát tục, là điểm đến lý tưởng cho những người muốn tịnh tâm, tu dưỡng...



Cổng chùa

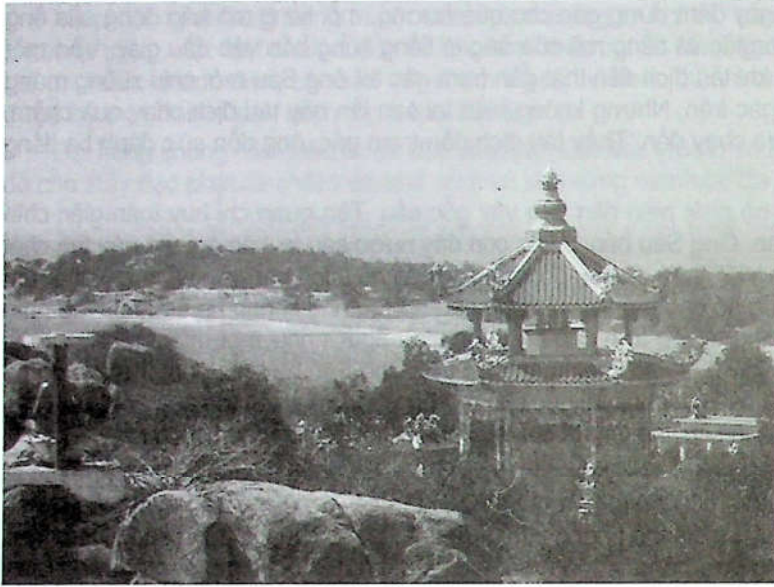
<http://baobinhduong.vn/long-son-co-tu-ngoi-chua-voi-nhieu-su-tich-a78311.html>

BÌNH THUẬN

CHÙA CỔ THẠCH

Chùa Cổ Thạch (còn gọi chùa Đá Cổ, hay *chùa Hang Bình Thuận*) tọa lạc ở xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Chùa Cổ Thạch đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào năm 1993.

Chùa là một am nhỏ do thiền sư Bảo Tạng thuộc đời thứ 40 thiền phái Lâm Tế khai sơn năm 1835. Chùa qua nhiều đời được sửa sang và trùng tu, ngày nay nó đã trở nên rộng lớn hơn và khang trang hơn nên được đổi thành *chùa Cổ Thạch*.



Chùa Cổ Thạch nằm ở độ cao 64m so với mặt nước biển, mang một vẻ đẹp nguyên sơ độc đáo, gói đầu trên vùng đồi núi với hàng ngàn phiến đá và hang động muôn màu đa dạng vô cùng huyền bí. Nơi đây quanh năm chan hòa ánh nắng, khí hậu mát mẻ trong lành được chất lọc bởi những luồng gió biển mặn mà, mát lạnh. Tất cả tạo nên một thiên cảnh trầm lặng lý tưởng cho việc tu hành của các nhà sư và trở thành điểm du lịch thú vị cho người phàm trần. Ngược dòng thời gian trở về những năm 1835 – 1836, lúc ấy có vị Thiền sư Bảo Tạng tìm đến Bình Thạnh lấy việc đạo hạnh, tu tịnh để cứu vớt người đời khỏi bể trầm luân trong lúc xã hội phong kiến Triều Nguyễn nhiều

loạn quá nhiều mâu thuẫn. Ông đã chọn địa điểm khai lập nên *Chùa Cổ Thạch* và trụ trì nơi đây 5 năm.

Sau đó, vị Thiền sư giao chùa cho các đệ tử trông coi, ông tiếp tục độc hành vào phía Nam của tổ quốc và dừng chân ở miền Đông Nam Bộ (Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu). Để tưởng nhớ công lao của vị Thiền sư Bảo Tạng có công khai sơn lập nên Cổ Thạch Tự, nhà chùa lấy ngày 25.05 làm ngày giỗ Tổ hàng năm. Gần 170 năm đã trôi qua, Cổ Thạch Tự từ một thảo am nhỏ đã được tôn tạo theo thời gian và mở rộng thêm một số công trình phụ cảnh để phục vụ cư dân bản địa và khách du lịch. Vẻ đẹp thiên nhiên hiếm có của chùa từ lâu đã trở nên nổi tiếng được nhiều người khắp nơi biết đến, khách du lịch thường xuyên hành hương về chùa viếng Phật và tham quan.

Ngoài vẻ đẹp tự nhiên của hang động kết hợp với sự sáng tạo của con người, nơi đây có nhiều di sản văn hoá Hán Nôm, liên, đối, hoành phi và những tài liệu có từ ngày tạo lập chùa. Một số cổ vật có giá trị lịch sử văn hoá khác như Đại Hồng chung, trống sấm đều có niên đại từ nửa đầu thế kỷ 19 Mỗi hang động thờ một vị Phật, hoặc Bồ tát, hoặc một nhà sư đã viên tịch.

– Hang thờ Tổ khai sơn Cổ Thạch Tự là nhà sư Bảo Tạng, có tượng nhà sư và nhiều bài vị của những người có công lao xây dựng chùa. Hang thờ Phật Mẫu Chuẩn Đề là một hang động bên trong có tượng Phật 8 tay và nhiều tượng cổ. Hang Tam Bảo thờ 23 pho tượng Phật cổ với nhiều kích thước và niên đại khác nhau...

Chùa có hơn 100 năm tuổi, toàn bộ ngôi chùa có diện tích khoảng 1200m², bao gồm: Khu chánh điện, khu tam quan ngoại và các công trình phụ cảnh khác.

– Khu vực *chùa Cổ Thạch* là một quần thể kiến trúc, am, điện, cột liên hoàn với nhau trên khu đồi đá rộng hơn 4 ha. Chánh điện chùa nằm trong quần thể núi đá tự nhiên, có khi nằm lọt thỏm giữa những tảng đá to. Kế đó là các nhà thiền, từ đường, nhà tổ, gác chuông, lầu trống, am cốc thờ tự, với những câu liễn phi, hoành đối khá ấn tượng và bảo quản tốt.

– Lối vào chùa qua cổng Tam quan quay về phía Tây Nam là con đường có 36 bậc thang được gắn kết với nhau bằng phiến thạch. Dưới chân bậc thang là đôi rồng uốn lượn hai bên được đúc bằng xi-măng như chào đón những ai có duyên đến viếng chùa. Bên phải chiếc cầu gần cổng Tam quan là bức tượng hình Hồ ngỗng và bên trái là tượng Voi nằm được tạc tạo tinh vi.

Ba phiến đá tự nhiên nổi lên cao xếp thành hàng ngang ở phía trước khu Chánh điện làm nổi bật con cá Kinh bằng đá tự nhiên (theo Kinh của Phật gọi là con “ma kiệt”, một loài thủy quái được xem là hóa thân từ Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát để giúp đỡ ngư dân khi gặp nạn ở biển khơi). Nếu chui vào từng hang đá trong khu Chánh điện, du khách mới thấy hết sự trang nghiêm của Phật đường. Mỗi hang động là mỗi vẻ đẹp tự nhiên kết hợp với kiến trúc cổ trở nên huyền bí một cách lạ lùng.

Chùa Hang Bình Thuận ngoài cảnh đẹp còn là địa danh gắn liền với hai cuộc kháng chiến vừa qua của dân tộc. Nhà chùa đã đóng góp nhiều công sức cho cách mạng đến ngày thắng lợi.

<https://saigonstartravel.com/xem-tin/ghe-tham-chua-hang-binh-thuan/>

CHÙA LINH QUANG

Chùa Linh Quang (hay còn gọi Linh Quang Tự) nằm trên địa phận thôn Mỹ Khê, xã Tam Thanh, huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận. Chùa Linh Quang được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng thắng cảnh cấp Quốc gia tại Quyết định số 51 QĐ/BT ngày 12/01/1996.

Linh Quang Tự được xây dựng vào năm 1747 đến nay chùa đã có niên đại 265 năm, là một trong những ngôi chùa cổ nhất của tỉnh Bình Thuận. Tương truyền, chùa Linh Quang do Thiền sư Nguyễn Cảnh khai sáng.



Chùa Linh Quang

Ban đầu Chùa Linh Quang chỉ là một thảo am do ông Nguyễn Cảnh dựng lên để làm nơi tu hành, đồng thời cũng là nơi nương tựa tâm linh giữa biển khơi mênh mông của người dân xứ Đảo. Theo Thiền phái Chùa Linh Quang còn lưu giữ lại cho biết trước khi mất ông Nguyễn Cảnh đã giao lại cho con là Nguyễn Khách ngôi thảo am này với một số pháp khí: 3 bộ kinh, 12 pho tượng Quan Thế Âm bằng đồng, 1 pho tượng Địa Tạng bằng gỗ, 1 chuông đồng, 19 đĩa sứ, 10 chén sứ và 6 cổ bông bằng sứ.

Qua nhiều thế hệ nhà sư trụ trì với nhiều lần tu bổ, tôn tạo, ngôi chùa được biến đổi dần cả về diện tích của các công trình kiến trúc và trang trí nghệ thuật để phù hợp với quá trình phát triển của đảo cùng với sự gia tăng dân cư. Đến cuối thế kỷ XVIII do sơ suất chùa bị cháy và gần như toàn bộ di sản trong chùa bị tiêu hủy, chỉ còn lại hàng chục pho tượng cổ bằng đồng, đất nung.

Sau khi ngôi chùa bị cháy, nhân dân trên đảo Phú Quý tỏ lòng thành kính và đã bỏ công sức, của cải xây dựng lại chùa. Đang trong quá trình xây dựng, bất ngờ tại hòn Tranh, một hòn đảo nhỏ cách đảo Phú Quý chừng 2 hải lý về phía đông nam, bỗng xuất hiện một Linh thạch (tảng đá thần) cứ vào ngày lành tháng tốt lại nổi lên, sau đó lại biến mất. Ngư dân trên đảo phát hiện và cho rằng đó là "tảng đá thần". Các ngư dân đã bơi thuyền sang hòn Tranh lấy đá thần về xây chùa, tạc tượng để tôn thờ. Từ đó sự tích Phật "Thiên Sanh" hình thành tại chùa, cao 121cm, nặng 300kg được đặt trước tượng Phật tổ, tượng được tồn tại và lưu truyền trên đảo cho đến hôm nay.

Qua nhiều lần trùng tu, lần cuối cùng vào năm 1992, chùa được tạo thành một quần thể kiến trúc thẩm mỹ, vừa duy trì đường nét cổ kính, vừa mang tính hiện đại. Chùa được xây dựng quay về hướng Tây, bố trí theo dạng chữ Đinh gồm tòa Chánh điện, cổng Tam Quan, nhà Hội quán và nhà Tăng.

Linh Quang Tự là một công trình văn hóa lâu đời có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần của nhân dân huyện đảo. Ở đây danh lam với thắng cảnh là một, vườn chùa cùng với chùa đóng vai trò quan trọng đưa kiến trúc Phật giáo hòa nhập với thiên nhiên tạo cho ngôi chùa cổ nét gần gũi, thân quen mà

không biệt lập. Giữa biển khơi nhìn về đảo, ngôi chùa nổi lên như một toà lâu đài cổ kính. Mùa Lễ hội là vào dịp rằm tháng 4 âm lịch (Lễ Phật đản). Tết thanh minh và rằm tháng 7 âm lịch (Lễ Vu lan), đây là dịp cảnh chùa tung bừng nhộn nhịp, chăng đèn kết hoa đón tiếp mọi người dân trên Đảo và các nơi ở đất liền đến chiêm vái phật.

Chùa hiện còn lưu giữ rất nhiều cổ vật, ngoài một số pho tượng đồng, gỗ, đá chùa có một Đại Hồng Chung có chu vi 101cm, cao 79cm do Hòa Thượng Quảng Thành tạo với 5 Đạo Sắc do các Vua triều Nguyễn: Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định sắc phong. Trong chùa còn có một chiếc trống da, có tên là trống Bát Nhã. Thân trống là một khúc gỗ sao tròn liền thân, đường kính rộng gần 1m mà không ghép.

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Linh_Quang_\(B%C3%ACnh_Thu%E1%BA%ADn\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Linh_Quang_(B%C3%ACnh_Thu%E1%BA%ADn))

CHÙA NÚI TÀ CÚ

Chùa núi Tà Cú (người địa phương hay gọi đơn giản là chùa Núi), ngôi chùa tọa lạc trên núi Tà Cú ở độ cao hơn 400 m, thuộc thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Chùa núi Tà Cú đã được xếp di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 11/9/1993.

Nguyên vào hậu bán thế kỷ XIX, có một thanh niên thuộc gia đình vọng tộc ở Phú Yên, sau khi cha mẹ mất đã dong thuyền vào Nam tâm sự học đạo. Nơi anh đến đầu tiên là chùa Bửu Lâm thuộc phái Thiền Lâm Tế (Phan Thiết), được ngài Trí Chất nhận cho thọ giới và ban pháp danh Thông Ân. Sau khi vị bổn sư viên tịch, thầy Thông Ân đã đến xứ Bà Trâm dựng am vừa tu học vừa bốc thuốc phục vụ người dân trong vùng. Cảm mến ân đức của thầy, người dân đã giúp thầy dựng chùa Kim Quang. Tại đây thầy đã mời Tổ Bảo Tạng về lập giới đàn truyền Cụ túc giới, đặt pháp hiệu Hữu Đức.

Năm 1872, sau khi được thọ giới, nhà sư Hữu Đức đã dốc tâm tìm đến nơi thâm sơn cùng cốc để trì chú tu hành, và đã chọn ẩn tu trong một hang đá trên ngọn núi Tà Cú. Tương truyền tại đây nhà sư đã cảm hóa được một bạch hổ ở trong rừng. Hang đá này ngày nay được gọi là hang Tổ.

Vào năm Tự Đức 33 (1880), khi hoàng thái hậu Từ Dũ bị bệnh nặng, các thái y trong triều đã hầu như bất lực. Có người biết tiếng nhà sư Hữu Đức là một thầy thuốc giỏi đã tâu trình xin rước thầy về triều giúp trị bệnh. Do quyết tâm ẩn tu và không có ý định hạ sơn, sư thầy chỉ kê toa gửi sứ mang về trị bệnh cho hoàng thái hậu. Nhờ vào thuốc mà nhà sư Hữu Đức kê toa, bệnh của hoàng thái hậu đã được chữa khỏi. Để tạ ơn, vua Tự Đức đã ân tứ sắc phong "Linh Sơn Trường Thọ" và ban gọi nhà sư là "Đại lão hòa thượng", từ đó chùa mang tên Linh Sơn Trường Thọ.

Khi nhà sư Hữu Đức viên tịch vào ngày 5 tháng Mười năm Đinh Hợi (1887), thọ 76 tuổi, tháp mộ đã được xây cạnh chùa, gần đó có ngôi mộ nhỏ của bạch hổ tương truyền đã được nhà sư Hữu Đức thuần hóa. Trước và sau chùa còn có tháp mộ của các đệ tử truyền thừa như Tâm Tố, Tâm Hiền, Thanh Minh, Quảng Thành, Tường Vân, Ân Tâm, Thực Thọ, Minh Nhật...

Năm 1890, nhà sư Tâm Hiền Viên Huệ (1846-1924) đã khai sơn chùa Linh Sơn Long Đoàn ở phía dưới gần ngay cạnh chùa Linh Sơn Trường Thọ. Nhiều người quen gọi chùa Long Đoàn là chùa "Dưới" để phân biệt với chùa "Trên" tức chùa Linh Sơn Trường Thọ. Chùa Long Đoàn đã được trùng tu vào các năm 1932, 1938, 1960.

Phía trên chùa, cách hang Tổ khoảng 50 m là tượng Phật Thích Ca nhập Niết Bàn dài 49 m, cao 7 m. Tác phẩm do ông Trương Định Ý chủ trì, được đúc bằng bê tông cốt thép trong đợt trùng tu năm 1963. Cách pho tượng khoảng 50 m về phía dưới là nhóm tượng Di Đà Tam tôn^[1] xếp thành hàng ngang, xây trên đài sen: tượng A Di Đà ở giữa cao 7 m, bên trái là tượng Quán Thế Âm và bên phải tượng Đại Thế Chí đều cao 6,5 m.



Chùa núi Tà Cú

Tháp mộ của Tổ và của các nhà sư trụ trì đã qua đời được chia thành hai cụm ở trước điện thờ và sau điện thờ. Tháp Tổ nằm trước điện thờ, bên cạnh có mộ con cọp tương truyền là đã được sư Hữu Đức thuần hóa.

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_n%C3%B0ai_T%C3%A0_C%C3%BA
<https://sites.google.com/site/webdulichphanthiet/diem-du-lich/chua-ta-cu>

CÀ MAU

CHÙA PHẬT TỔ

Chùa Phật Tổ (còn gọi là *Sắc Tứ Quan Âm Cổ Tự*) tọa lạc tại phường 4, Thành phố Cà Mau, cách trung tâm Thành phố Cà Mau khoảng 1,5km về hướng Tây. Chùa Phật Tổ được Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch) công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật vào ngày 24/11/2000.



Chùa Phật Tổ

Truyền thuyết kể lại khoảng năm 1840 vùng Cà Mau là vùng lau sậy, theo dòng người đi khai hoang mở đất có người thanh niên tên Tô Quang Xuân tìm đến bờ kênh Quảng Lộ, Phụng Hiệp để dựng một ngôi am nhỏ thờ Đức Quan Thế Âm. Lúc dựng am ông vừa tu vừa bắt mạch bốc thuốc cho nhân dân quanh vùng. Tiếng lành đồn xa mọi người đến bắt mạch hốt thuốc và học đạo với ông rất đông. Một hôm trong lúc đang giảng đạo cùng các đệ tử thì có một con cọp xuất hiện, mọi người rất hoảng sợ vì Cà Mau xưa kia là vùng đất hoang vu "dưới sông sấu lội trên rừng cọp um". Trong lúc mọi người hoảng sợ thì cọp cọp đến nằm phủ phục xuống chân ông, thì ra con cọp đang bị thương. Ông cho băng bó và chữa trị vết thương cho cọp, sau khi lành hẳn nó về rừng, ít lâu sau cọp quay lại và ở hẳn lại chùa hàng ngày nghe giảng kinh cùng các đệ tử khác.

Một số tên lang băm đã cấu kết với tên Đỗ Văn Viễn là Hương Hào trong vùng đem chuyện làm thuốc của ông cũng như chuyện dựng chùa của ông tâu với quan trên tận Gia Định, nói rằng: "có tên Tô Quang Xuân, chính thật là gian đạo sĩ" quan trên từ Gia Định đã phái quân lính xuống tận vùng Cà Mau để bắt ông. Họ đem ông về Sài Gòn để quản thúc. Tại Sài Gòn đạo hạnh của ông đã làm các quan trên kính phục và rất kinh ngạc, và tại đây họ không tìm thấy ở ông ý đồ phản nghịch như tên Đỗ Văn Viễn đã báo bèn giải ông về Huế. Tại Huế ông thọ giới xuất gia với hòa thượng ở chùa Kim Chường – đây cũng là một điều lạ vì từ lúc dựng chùa đến nay ông chưa từng thọ giới. Tại Huế, huệ căn của ông được các vị Cao Tăng biết đến, họ báo lên vua nhà Nguyễn. Vua cho ông vào gặp và thử thách rất nhiều (bày yến tiệc thết đãi, trải chiếu hoa có hình Phật cho ông ngồi...), nhưng tất cả đều được ông ứng xử đúng chuẩn mực của người tu hành. Sau khi ông thọ giới

được 7 ngày ông mất tại chùa Kim Chưởng (Huế). Hàn Lâm Viện theo chiếu chỉ của Vua sắc phong cho ông làm “Hòa Thượng”, đồng thời ban cho gấm vóc và đưa về đến tận Cà Mau.

Tương truyền ngày đưa thi hài ông về nhập tháp, chim chóc trong vùng kéo đến rất đông, cộp cộp mà ông cứu ngày nào cũng đến phủ phục bên tháp và ở mãi nơi đó cho đến chết. Hiện nay tháp của con hổ ấy vẫn còn và ở phía sau chùa, đệ tử trong chùa gọi là tháp Sư Cẩu.

Sau khi nhập tháp, dân trong vùng tôn kính ông nên gọi ngôi chùa ông trụ trì là chùa Phật Tổ – xem ông như Phật Tổ. Hiến Tổ Chương Hoàng Đế thấy được sự đặc đạo của ông đã xuống chiếu sắc phong cho ngôi chùa của ông với tên gọi là “Sắc Tứ Quan Âm Cổ Tự”

Trải qua thời gian chùa đã được tu sửa nhiều lần, tuy nhiên về cơ bản vẫn giữ được hiện trạng của ngôi chùa cổ và các hiện vật phụng thờ, sắc phong của Vua ban vẫn còn lưu giữ cho đến ngày nay.

Hai cổng chùa các đôi câu đối phiến âm vẫn còn nguyên vẹn. Bức vách bên hông chùa tạc hình ảnh theo thứ tự thời gian, kể sự tích Tổ khai sơn Thích Trí Tâm trên đường đặc đạo, các bức tranh này có giá trị thẩm mỹ tôn tạo thêm giá trị nghệ thuật của ngôi chùa.

Khuôn viên chùa được bố trí hài hoà, tượng Quan Thế Âm lộ thiên đứng trên tòa sen, tay cầm tịnh bình, nét mặt hiền hòa nhìn về dòng rạch chùa. Chánh điện với diện tích 12m², nền cao 8cm được lát gạch bông làm từ năm 1937. Ngôi Tam Bảo thờ nhiều tượng Phật, các tượng đều được làm bằng xi măng, chia thành 3 tầng, trên cùng là tượng Thích Ca Mâu Ni với kích thước lớn, tầng kế tiếp thờ tượng Đạo sư A Di Đà Phật, tất cả có 9 tượng Phật lớn nhỏ. Nét đặc sắc trong đường nét kiến trúc ở Ngôi Tam Bảo là việc dùng đồ sứ ốp vào các họa tiết có chất liệu bằng xi măng tạo thành một án thờ có đường nét là hình ảnh các linh vật Long – lân – Quy – Phụng được gắn lên tạo thành bao lam bao quanh ngôi chánh điện như một chiếc lọng che lấy các tượng Phật, mặc dù vật liệu xây dựng không làm từ chất liệu gỗ nhưng các họa tiết trang trí cổ điển tạo được nét hài hòa trong trang trí nghệ thuật của ngôi chánh điện.

Án thờ Tổ Sư Hòa Thượng Thích Trí Tâm được đặt trong một bệ xi măng, cao lối 1,47m, rộng 1,52m bao lam án thờ bằng gỗ. Đây là một công trình nghệ thuật đặc sắc còn sót lại trong ngôi chánh điện, nét trạm trổ họa tiết hoa điều, bao lam được che kính điều khắc cách điệu khá thoáng và sinh động, chen vào đó ở giữa bao lam là hai câu đối: “*Nhất Tự Quyền Hành Năng Chấn Tĩnh! Chúng Tăng Bảo Chương Vĩnh An Hòa*”, nét chữ qua năm tháng vẫn còn giữ được nét sắc sảo. Ngoài ra hai bên bệ thờ còn có hai cây bê, dài lối hai mét, theo các sư trong chùa cho biết thì đây là vật dụng được dùng khi có đại lễ hoặc khi vào lễ cúng Tổ Sư Hoà Thượng Thích Trí Tâm. Điều đặc biệt ở bệ thờ này có bia đá được dựng lúc xây lại chùa năm 1937, đây là bản khắc bằng chữ Hán ghi nguyên văn sắc phong của vua Thiệu Trị thứ II (1842) cho chùa.

Hàng năm, vào các ngày rằm tháng Giêng, rằm tháng Bảy, Chùa tổ chức Lễ Nguyên Tiêu và Lễ Vu Lan rất lớn.

<https://giapha.org/chua-phat-to-sac-tu-quan-am-co-tu-phuong-4-thanh-pho-ca-mau-tinh-ca-mau/>

CHÙA CAO DÂN

Chùa Cao Dân ở Ấp 7, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (cách trung tâm thành phố Cà Mau khoảng 16 km về phía Bắc). Chùa Cao Dân đã được xếp di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia ngày 29/12/2017.

Chùa Cao Dân được xây dựng năm 1922 trên diện tích 4 ha, ở ngã 3 rạch Đường Cày, do bà Diệp Thị Lài hiến. Lúc bấy giờ nhân dân thường gọi là Chùa Châu Trắng (Bạch Ngưu). Qua nhiều lần bị địch đốt phá, đến năm 1998, Chùa Cao Dân được xây dựng mới. Bên trong chánh điện chùa có một bàn thờ lớn, thờ duy nhất Phật Thích Ca. Đối diện với chánh điện là tháp Hoà thượng Hữu Nhem, được xây dựng năm 2003, cao 17m, diện tích 12 m².

Năm 1954, Hiệp định Giơ – ne – vơ được ký kết, ta phải đưa một bộ phận cán bộ và con em cốt cán tập kết ra Bắc, chọn Chùa Cao Dân làm điểm tập trung học tập cho số cán bộ và con em cốt cán trong tỉnh để đưa ra miền Bắc. Số cán bộ cốt cán còn lại sử dụng hết mức thể hợp pháp, số cán bộ chưa bị lộ cài vào hàng ngũ của địch. Số cán bộ bị lộ chuyển vùng hoạt động hoặc rút vào bí mật. Các đoàn thể cách mạng cũng được sắp xếp lại và biến tướng cho phù hợp với tình hình lúc bấy giờ. Mặt khác, Chùa Cao Dân được sự chỉ đạo của Đảng dời ra cạnh lộ cầu số 6 (Quốc lộ 63), để tránh sự dòm ngó của địch. Đồng thời, có nhà cửa nhân dân làm lá chắn về an ninh để hoạt động dễ dàng hơn.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Ban Quản trị cùng các chư tăng, phật tử Chùa Cao Dân gắn bó mật thiết với cách mạng. Chùa Cao Dân là cơ sở bí mật của cách mạng. Trong đó, Hòa thượng Hữu Nhem, nguyên trụ trì chùa đã viên tịch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, từng giữ chức vụ Phó Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng Khu Tây Nam Bộ, tích cực vận động các nhà sư, Ban Quản trị các chùa và đông đảo đồng bào dân tộc kinh - hoa - khmer ở địa phương tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Địch đã nhiều lần dội bom tàn phá ngôi chùa; nhiều chư tăng, phật tử đã anh dũng hy sinh. Ngày nay, tại Chùa Cao Dân vẫn còn nhiều hố bom chưa san lấp, như chứng minh sự tàn phá của kẻ địch không thể làm lu mờ tinh thần quật khởi, yêu nước của phật tử, chư tăng.

Hàng năm có 3 lễ hội lớn diễn ra tại chùa:

- Tết Chol Chnam Thmay, từ ngày 14/4-16/4 dương lịch;
- Lễ Sene Dolta, từ ngày 29/8 - 01/9 âm lịch;
- Lễ Ok Om Bok, vào ngày 15/10 âm lịch.



Chánh điện chùa Cao Dân

<http://camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=gioithieu.chitiet&urile=wcm%3Apath%3A/camaulibrary/cama-uofsite/gioithieu/tongquan/lichsuvanhoa/ditichquocgia/dfghrstyerer6s>

CAO BẰNG

CHÙA ĐÀ QUẬN

Chùa Đà Quận (hay còn gọi là chùa Viên Minh) tọa lạc tại khu cổ đô Cao Bình, xã Xuân Lĩnh, châu Thạch Lâm (nay thuộc xóm Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng). Trong chùa Đà Quận còn lưu giữ đôi chuông cổ, một chuông đặt ở chùa Viên Minh, một chuông đặt ở đền Quan Triều. Năm 2016, chuông cổ đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia (hai quả chuông được xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia năm 1995).

Theo sử sách, chùa Đà Quận là một trong ba ngôi chùa cổ nhất của Cao Bằng. Tương truyền, chùa được xây dựng từ thời nhà Lý. Đến cuối thế kỉ XVI, nhà Mạc lên Cao Bằng đóng đô đã trùng tu, xây dựng lại. Đến thời Hậu Lê chùa được trùng tu bổ, mở rộng tiền đường, sửa sang phật điện, trở thành một nơi linh thiêng và là nơi văn cảnh nổi tiếng.

Trong khuôn viên quần thể di tích còn có đền Quan Triều thờ Dương Tự Minh, một danh tướng dân tộc Tày. Ông đã có những đóng góp to lớn trong việc đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ vững chắc vùng biên cương phía Bắc nước Đại Việt.

Trong đền còn thờ Hồng Liên công chúa, con gái vua Lý Anh Tông, phu nhân của danh tướng Dương Tự Minh. Đền Quan Triều được phong mỹ tự: "Quan triều - Hồng Liên công chúa, thông diệu linh cảm, trợ quốc trấn biên, hoài phục tụy lĩnh, phụng công vĩ liệt đại vương".

Quần thể di tích Đà Quận là nơi bảo tồn và lưu giữ đôi chuông quý. Trên chuông có ghi niên hiệu là Long Phi, Càn Thống, chi thập cửu niên Tân Hợi cốc nhật (tạm dịch là: Ngày lành năm Tân Hợi, niên hiệu Càn Thống thứ 19 (tức năm 1611)).

Chuông ở chùa Đà Quận là loại chuông lớn, cao 160cm (thân cao 132cm, quai cao 28cm), đường kính rộng 95cm (miệng). Về trang trí họa tiết hoa văn, phần thân tạo thành ba lớp đường viền cân xứng từ trên xuống, ba lớp đường viền tròn chạy quanh thân chuông; những đường viền này giao tiếp nhau, ở chính điểm giao tiếp được trang trí các nùm chuông, các nùm chuông này được bố cục gồm 6 nùm bao quanh thân chuông, đúc nhô cao để gõ tạo sự ngân vang; phần diềm xung quanh nùm chuông trang trí hình cánh sen,

biểu tượng của sự trường tồn của nhà Phật. Phần quai chuông được trang trí họa tiết biểu tượng con rồng quấn quanh tạo thành 4 chân trụ rất chắc để treo chuông, đây chính là 4 chân của con rồng.

Chuông đền Quan Triều, về cơ bản giống chiếc chuông ở chùa Viên Minh, nhưng về kích thước to hơn. Chuông cao 178cm (thân cao 142cm, quai cao 36cm), đường kính 106cm (miệng). Nhân dân địa phương thường gọi quả chuông này là chuông đực (chuông chùa Viên Minh là chuông cái). Về họa tiết hoa văn, trang trí các đường viền ngang, dọc chạy xung quanh thân chuông và được tiếp nối bởi các đường giao nhau là các nùm chuông. Trang trí con rồng ở phần quai cũng giống với họa tiết hoa văn con rồng ở chuông chùa Viên Minh. Hiện chiếc chuông này một chân của con rồng ở phần quai đã bị mất.

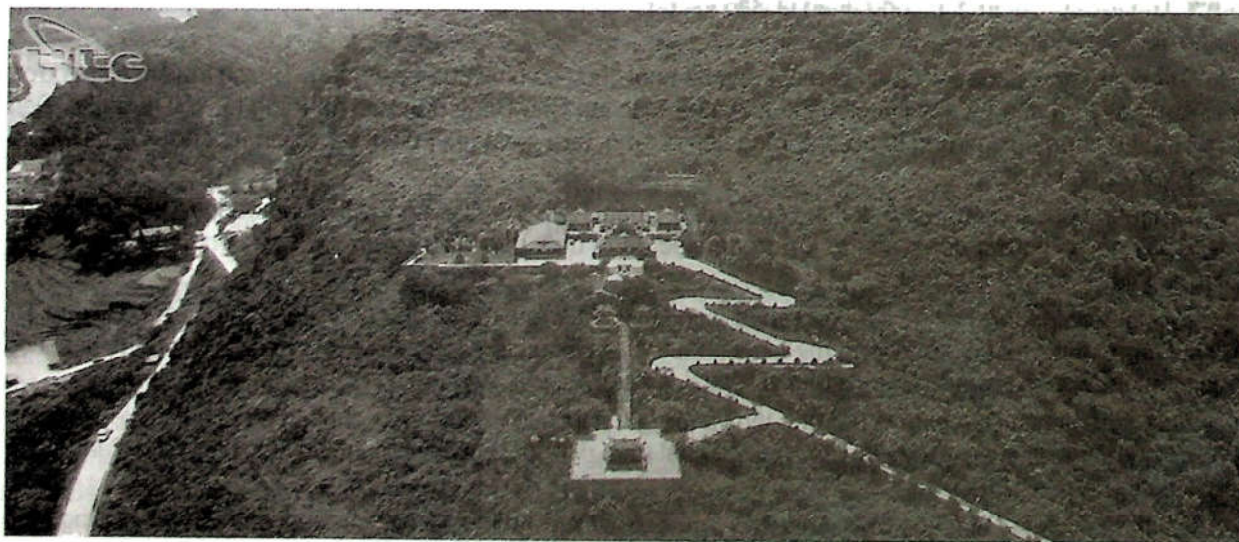
Hàng năm, vào ngày 9 tháng giêng chùa mở hội, nhân dân khắp nơi về trải hội với nhiều trò chơi dân gian được tổ chức như: cờ tướng, bịt mắt đập bóng, tung còn, cờ người...



Khuôn viên chùa Đà Quan. Ảnh: Trang Lê

<http://tapchidulich.net.vn/chua-da-quan-noi-luu-giu-bao-vat-quoc-gia.html>
<https://baotintuc.vn/van-hoa/chuong-co-chua-vien-minh-tai-cao-bang-duoc-cong-nhan-bao-vat-quoc-gia-20170205084205691.htm>

CHÙA PHẬT TÍCH TRÚC LÂM BẢN GIÓC



Toàn cảnh chùa

Chùa Phật tích Trúc lâm Bản Giốc ở tại xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Chùa nằm trong địa phận Thác Bản Giốc, là thắng cảnh đã được xếp hạng cấp Quốc gia năm 1997.

Chùa Phật tích Trúc lâm Bản Giốc được xây dựng theo lối kiến trúc thuần Việt trên diện tích 3 ha do UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt. Được khởi công từ tháng 6/2013, chùa Phật tích Trúc lâm Bản Giốc gồm các hạng mục chính: Cổng tam quan, lầu chuông, lầu trống, bia đá và tam bảo, nhà thờ Tổ, nhà thờ Mẫu, đền thờ các anh hùng dân tộc, Nam Việt Triệu Tổ Hùng Vương các đời, nhà khách cùng các hạng mục cảnh quan phụ trợ.

Đây là ngôi chùa đầu tiên được xây dựng tại nơi biên cương phía Bắc của Tổ quốc. Chùa Phật tích Trúc lâm Bản Giốc được xây dựng nguy nga và khang trang trên ngọn núi Phia Nhảm, thuộc bản Giốc, xã Đàm Thủy, cách thác Bản Giốc khoảng 500m. Từ trên chùa có thể nhìn bao quát được toàn bộ Thác Bản Giốc và một vùng không gian rộng lớn phía dưới.

Chùa Phật tích Trúc lâm Bản Giốc là công trình thiết thực, phục vụ nhu cầu tôn giáo tâm linh và có tầm quan trọng trong việc phát triển Khu du lịch thác Bản Giốc thành Khu du lịch trọng điểm Quốc gia.

<https://dantri.com.vn/xa-hoi/chiem-nguong-chua-phat-tich-truc-lam-ban-gioc-ben-dong-thac-noi-tieng-1419175896.htm>
<http://caobangtv.vn/tin-tuc-n17115/thac-ban-gioc-hung-vi-giua-dai-ngan.html>

CHÙA SÙNG PHÚC

Chùa Sùng Phúc (còn gọi là chùa Sùng Khánh), thuộc làng Huyện Ru, thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Chùa Sùng Phúc được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1993.

Chùa Sùng Phúc là một ngôi cổ tự, được xây dựng từ thời vua Trần Nhân Tông (1278 - 1293). Nguyên ban đầu chùa được dựng trên núi Pò Kiền và có tên là Trùng Khánh, đến thời Lê Hiến Tông niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1786) chùa mới được dời đến vị trí hiện nay. Tương truyền vào năm Vĩnh Tộ 1 thời vua Lê Thần Tông (1619), một quả chuông lớn của chùa bị rơi xuống đầm nước phía dưới chùa nên từ đó về sau đầm này được gọi là đầm "chuông".



Năm Cảnh Hưng 43, chùa được trùng tu và đổi tên thành Sùng Phúc tự. Tại đây, ngoài việc thờ Quan Âm bồ tát còn phối thờ Thiên Vương đại thần tức Hoàng Nghê ở châu Tư Lang (Hạ Lang), người đã tham gia chống quân Nguyên Mông lần thứ ba, bảo vệ ba tổng Lệnh Cầm, Vĩnh Thọ, Phong Đăng; Thành hoàng Nguyễn Thành Vương (tức Nguyễn Đình Bá, quê thôn Bình Dân, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, là tri châu Tư Lang, sau làm Đốc đồng ở Cao Bằng; vi đồ Nguyễn thị Duệ (vi: hàn vi; đồ: thầy dạy học), người đã cải nam trang đi học và đỗ tiến sĩ năm 20 tuổi thời Mạc Kính Cung, sau này khi dẹp yên nhà Mạc, vua Lê Thần Tông đã trọng dụng đón về Thăng Long năm Tân Mùi (1631).

Trong thời vua Lê Hiến Tông, vào năm Sửu triều đình đã ban sắc phong cho khu liên phụng tự này và về sau ba triều vua nhà Nguyễn là Duy Tân, Đồng Khánh, Khải Định cũng đều có sắc phong. Hiện nơi đây còn một tấm bia đá có nội dung bằng chữ Hán, khắc năm Cảnh Hưng thứ 43 ngày mùng một tháng Tư, ghi lại lịch sử và việc trùng tu chùa, truyền thống bảo vệ tổ quốc cùng sự linh hiển chở che của vị thần bảo hộ đã đem lại cuộc sống ấm no thái bình cho nhân dân...

Hàng năm chùa mở hội Tam Tổng vào các ngày 14, 15, 16 tháng Giêng thu hút khá đông khách thập phương đến trải hội.

https://www.aseantraveller.net/tin-tuc/404_chua-sung-phuc-cao-bang.html

ĐỒNG NAI

CHÙA ĐẠI GIÁC

Chùa Đại Giác (còn gọi là chùa Phật Lớn) thuộc ấp nhị Hòa, xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2km). Chùa Đại Giác được Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử nghệ thuật cấp quốc gia theo Quyết định số 993/QĐ ngày 28 tháng 9 năm 1990.

Sách *Đại Nam nhất thống chí*, phần Biên Hòa Gia Định chỉ ghi "chùa Đại Giác ở xã Tân Hưng, huyện Phước Chánh không biết xây dựng năm nào, gần đây có người cúng tẩm biển khắc ba chữ "Đại Giác Tự" chữ ấy thếp vàng, bên tả khắc: Minh Mạng nguyên niên mệnh đông cốc đán (ngày lành tháng mệnh đông (tháng 10) niên hiệu Minh Mạng nguyên niên (1820) bên hữu khắc Tiên triều hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ánh (bà Nguyễn Thị Ánh công chúa thứ ba, hoàng nữ tiên triều)". Đến nay chùa Đại Giác đã truyền trên mười đời trụ trì.

Tương truyền rằng: chùa Đại Giác ban đầu chỉ là một ngôi chùa nhỏ, thấp, vách ván, cột cây, mái lợp ngói âm dương. Năm 1779, Nguyễn Thị Ngọc Ánh - con gái thứ ba của Nguyễn Ánh trên đường chạy trốn quân Tây Sơn đã đến lánh nạn và tu ở chùa Đại Giác một thời gian.

Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi (1802) lấy niên hiệu là Gia Long đã nhớ ơn ban chiếu chỉ trùng tu ngôi chùa. Vua Gia Long còn chỉ dụ cho quan quân địa phương cho thợ đến xây cất và cho voi đến dậm nền chùa. Do vậy chùa Đại Giác còn gọi là "chùa Tượng" (chùa voi). Vua Gia Long còn cúng cho chùa pho tượng Phật A Di Đà bằng gỗ, tượng cao 2,25m nên nhân dân địa phương còn gọi chùa Đại Giác là "chùa Phật lớn". Hiện nay pho tượng vẫn còn thờ tại chánh điện.

Năm 1820, vua Minh Mạng tiếp tục cho tu sửa mở rộng nhà giảng. Công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh đã cúng tẩm biển tên chùa Đại Giác tự sơn son thếp vàng, bên phải khắc: Tiên triều Hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ánh - bên trái khắc: Minh Mạng nguyên niên, mệnh Đông, Cốc Đán. Tẩm biển vẫn được treo trước chánh điện.

Năm 1952 (Nhâm Thìn), sau cơn đại hồng thủy chùa bị xuống cấp nghiêm trọng. Năm 1959, được sự đóng góp của nhân dân trong vùng, Hòa thượng Thiện Hỷ (1921- 1979) trụ trì đã cho xây cất lại toàn bộ ngôi chùa theo lối kiến trúc cổ nhưng bằng vật liệu hiện đại: tường gạch, cột bê tông cốt thép, mái lợp ngói vẩy cá. Sau nhiều lần trùng tu từ kiến trúc theo kiểu chữ Đinh (J) chùa Đại Giác đã được thay đổi thành chữ tam (I) với ba dãy nhà ngang nối liền nhau.

Mặt tiền chùa quay theo hướng Tây bắc nhìn ra sông Đồng Nai nên đón nhận được nhiều luồng gió mát. Giữa sân trước chùa là một cây bồ đề lớn, do Hòa thượng Đinh Tổng trồng vào ngày rằm tháng 11 năm Kỷ Mão (1939). Đứng từ ngoài nhìn vào, chùa Đại Giác có lối kiến trúc hiện đại.

Chùa thấp và có vẻ lụp xụp vì mái chùa thấp xuống phía ngoài hiên, nhưng khi vào bên trong kết cấu ngôi chùa lại hoàn toàn theo kiến trúc chùa xưa ở Đồng Nai với các cột tròn to và cao, nhìn lên mái ngói thấy cao vút, không gian thoáng đãng. Các cột phía trước đều có cầu đối, các cặp cầu đối đều bắt đầu bằng chữ Đại và chữ Giác ở mỗi vế.

Đại điện huy hoàng ưu bát hoa khai ngưỡng thụ nhựt

Giác lâm tinh mịch bồ đề thụ tương tống xuân phong

Chánh điện là căn nhà ba gian rộng lớn: gian ở giữa là điện thờ trung nghiêm, ở trên cao là bức tượng Phật Di Đà bằng gỗ cao 25m, phía dưới là bộ Di Đà Tam Tôn, tượng Phật Thích Ca, Ca Diếp, A Nan Đà, Hộ pháp, tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào và Bắc Đẩu.

Phía trước gần cửa ra vào là dàn đèn Phật Dược Sư gồm 49 cây đèn dầu nhỏ với 49 tượng Phật bằng gỗ nhỏ. Gian bên trái là khánh thờ Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma. Gian bên phải là khánh thờ Quan Thánh đế quân. Hai bên tường (tả, hữu) có bệ thờ năm vị Diêm vương và hai vị phán quan. Phía sau chánh điện là bàn thờ Tổ sư Hoằng Hóa ở chùa Đại Giác, gồm nhiều long vị của chư Tổ xưa, nhất là Thiền sư Thành Đăng (phái Lâm Tế đời 34), Thiền sư Phật Ý - Linh Nhạc và Giác Liễu Thiệt Truyền (đời 35), Tổ Ấn Mật Hoằng (đời 36)...



Mặt tiền chùa

<https://giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=5E7610>

CHÙA ÔNG

Chùa Ông (còn được gọi là Thất Phủ cổ miếu), chùa Ông tọa lạc trên một sở đất rộng thuộc xã Hiệp Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chùa Ông đã được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch) xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào ngày 19 tháng 01 năm 2001.

Chùa Ông được xây dựng vào năm 1684. Đây là ngôi chùa Hoa được xây dựng sớm nhất ở Nam Bộ, gắn liền với sự thịnh vượng của lịch sử cộng đồng người Minh Hương ở vùng đất phương Nam. Tọa lạc trên một khu đất đẹp, rộng khoảng 3000m², bên tả ngạn sông Đồng Nai, thuộc ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa (cũ Lao Phố) thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2 km. Sách Gia Định thành thống chí có viết "Ở phía Nam cũ Lao Phố, phía Đông đường tam giai, ngó đến sông Phước, miếu điện nguy nga có đắp tượng cao hơn một tượng, phía sau là quán quan âm, ngoài bao tường gạch có con lân bằng đá ngồi bốn góc... Mùa thu năm Ất Ty, ở Trấn Biên có lụt lớn, tượng thờ bị ngâm rã, rường cột mái ngói có nhiều chỗ mục nát. Năm Đinh Sửu (1817) người làng hội họp bàn định trùng tu mà không đủ sức, mời tôi (tức Trịnh Hoài Đức) làm chủ việc ấy vì tôi là người sở tại: nơi miếu cũ (...) Nên tôi chỉ quyết chỉ kêu gọi chúng dân hợp tác làm miếu mới, đắp lại pho tượng, sửa sang đồ thờ, nay cũng tạm được gọi đầy đủ"... Như vậy chùa Ông được trùng tu lần thứ nhất năm 1817. Trên tám bia đá khắc dòng chữ Hán ốp vào tường trong chùa ghi tên những người đóng góp tiền của trùng tu, niên đại Đồng Trị Mậu Thìn (1868). Đây là lần trùng tu thứ hai. Trên gan đá và các bức gốm men xanh trang trí trên góc chùa ghi niên đại cung tự Giáp Ngọ (tức 1894) có lẽ đây là niên đại cuối cùng của di tích. Tuy nhiên trên các tấm bao lam trong chùa còn ghi: Trung Hoa mẫu quốc 57, Trung Hoa dân quốc 58 (tức 1968 - 1969) cho thấy đây là những lần trùng tu nhỏ, trang trí nội thất trong chùa.

Đứng trước cổng chùa nhìn bao quát toàn bộ ngôi chùa, chúng ta thấy điểm nổi bật là một tổng thể kiến trúc đồ sộ, lộng lẫy, nhiều màu sắc và rất dễ dàng nhận ra đây là ngôi chùa người Hoa, cấu trúc của ngôi chùa, màu sắc trang trí và các mảng đề tài bằng gốm men màu trang trí trên nóc chùa.

Chùa Ông gồm ba tòa nhà riêng biệt liên kết với nhau có cấu trúc theo kiểu "nội công ngoại quốc" gồm một tòa nhà ở chính giữa hay còn gọi là điện thờ chính hình chữ công (4) ba dãy nhà bao quanh hình chữ khẩu. Tòa chính điện thờ Quan thánh Đế quân. Tòa nhà bên trái xưa kia là hội quán Phước Châu nay sử dụng làm nhà bếp và thờ thần tài. Tòa nhà bên phải xưa kia là hội quán Quảng Đông nay sử dụng làm nơi tiếp khách và nhà kho. Phía sau điện thờ chính là tòa nhà hai tầng kiến trúc hiện đại thờ Phật bà Quan Âm còn gọi



là Quan Âm các. Chính điện gồm: Tiền điện, trung điện và hậu điện nối tiếp với nhau theo một trục thẳng từ ngoài vào trong như sau:

Tiền điện chính là mặt tiền của chùa, được xây dựng bằng nguyên vật liệu khá chắc chắn, mái lợp ngói theo kiểu âm dương đại hay còn gọi là ống ngó, trước kia là mái lưu ly nay đã ngả màu rêu phong, thâm u cổ kính. Đây là mái đặc trưng của ngôi chùa Hoa. Bộ khung kéo đều làm bằng gỗ lim, gỗ sao. Hệ thống vì kèo của tiền điện là một dạng biến thể "chồng rường giả chiêng" con nhi. Đây là một kết cấu xuất hiện sớm nhất vào cuối thế kỷ XIX. Đặc biệt là hệ thống "đầu" dựa trên đầu cột làm chức năng kết cấu đỡ mái đưa ra xa chân cột khá độc đáo. Nóc tiền điện

được trang trí các bức phù điêu gồm men xanh (gốm Đồng Nai) do lò gốm Bửu Nguyên ở Sài Gòn (Gia Định) sản xuất vào năm Quang tự Giáp ngọ (1894). Hàng trăm tượng người, ngựa, xe cộ... bằng óm men xanh thể hiện các đề tài truyền thống trung Hoa như: vinh quy bái tổ, cá vượt vũ môn, múa hát cung đình, phụng ngậm cuốn thư, ông Nhật, bà Nguyệt... tượng trưng cho thái bình, thịnh vượng, phước lộc, trường tồn... vẫn nguyên vẹn sắc màu, đường nét chinh phục lòng người.

Điểm nổi bật của chùa Ông là thể hiện ở kết cấu và trang trí ở hành lang trước chùa. Các thanh xà ngang, vì kèo và con sơn ngoài nhiệm vụ chống đỡ một phần mái chùa còn là nơi thể hiện đề tài trang trí. Những phiến đá, gỗ to, gỗ ghè thô kệch đã được chạm khắc rất tinh vi, sắc sảo với các đề tài cổ điển như: cúng lễ, múa hát cung đình, hươu nai, rồng phụng...

Tiền điện có diện tích 62,13m². Trên mỗi cột đều có treo liễn đối và hoành phi. Là nơi thờ Mã đầu tướng quân (người giữ ngựa cho Quan Công) và ngựa xích thố (con ngựa mà Quan Công thường cưỡi) ngoài ra còn thờ ông Phước Đức. Là nơi để tấm bia ghi tên những người đóng góp trùng tu chùa năm Mậu Thìn (1868).

Trong điện có diện tích 149,33m² chiếm phân nửa diện tích điện thờ chính, được xây dựng theo phong cách nhà Tiền Điện. Hậu điện là nơi linh thiêng, bao trùm tất cả, hầu như mọi đối tượng thờ đều tập trung ở đây. Không gian kín đáo, mờ ảo cùng với khói nhang nghi ngút bao phủ các bức hoành phi, liễn đối "Tứ linh" ẩn hiện trong mây cùng các bức tượng khuôn mặt nghiêm nghị đặt trang nghiêm bệ thờ tất cả đã tạo nên sự linh thiêng huyền bí.

Chùa Ông không chỉ thờ Quan Công mà còn thờ Châu Xương, Quan Bình là hai người con nuôi và là dũng sĩ trung thành của ông. Ngoài ra còn thờ Thiên Hậu, Nguyên Quân, Kim Huệ thánh Mẫu, Mẹ Độ, Mẹ Sanh, Quan Âm Bồ tát, Triệu Huyền Đàn, Thái Thế ... Di tượng cổ nhất là tượng Thiên hậu Nguyên Quân. Đến thăm chùa Ông chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng một công trình kiến trúc hoàn mỹ với những tác phẩm điêu khắc đá, gỗ độc đáo và những phù điêu, tượng gốm tinh tế giàu chất dân gian. Sức sống mãnh liệt, phồn thịnh của một đô thị (Thương cảng Cù lao Phố).

<http://www.vista.net.vn/di-tich-lich-su-van-hoa/chua-ong-dong-nai.html>

CHÙA LONG THIÊN

Chùa Long Thiên tọa lạc ở số K2/3B ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chùa đã được Bộ Văn hóa – Thông tin công nhận là Di tích lịch sử – văn hóa quốc gia ngày 14 tháng 6 năm 1991.

Đây là một trong ba ngôi chùa cổ nhất ở Đồng Nai, nằm bên hữu ngạn sông Đồng Nai, thuộc ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (trước kia thuộc thôn Bình Long, huyện Phước Long, dinh Trấn Biên). Nằm cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 1km về hướng tây. Theo tài liệu lưu tại Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai, chùa Long Thiên được xây dựng vào năm 1664 do tổ sư Thành Nhạc từ miền Trung vào khai sáng.

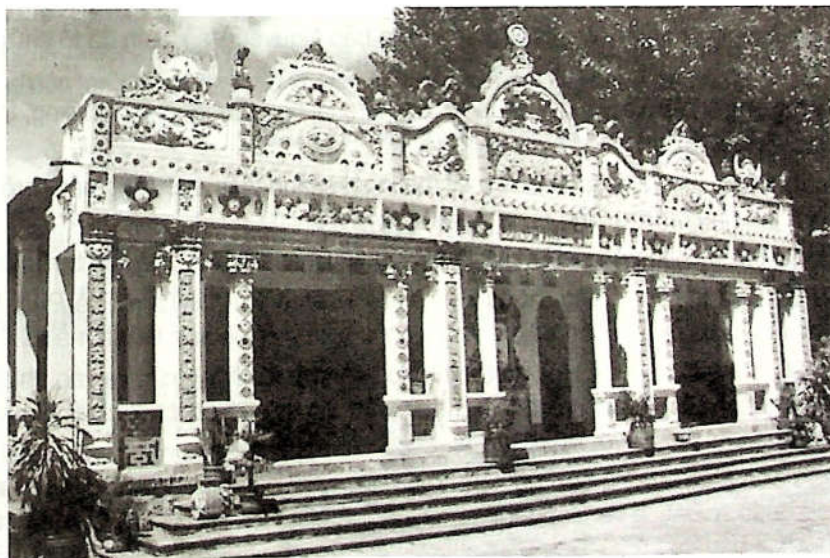
Chùa Long Thiên ban đầu chỉ là ngôi chùa nhỏ, cột gỗ vách ván, mái lợp dứa nước, nền đất sét. Theo đánh giá của các nhà sư chùa Long Thiên tọa lạc trên một vùng đất có long mạch tốt. Trước chùa có sông Đồng Nai, sau lưng chùa có núi Châu Thới, từ chùa tỏa ra quanh vùng, từ xã Hóa An đến Thạnh Hội là "long

mạch của Thanh Long" còn núi Châu Thới dựng lên như cánh đuôi rồng, chùa Long Thiên biểu trưng miệng rồng, núi Bửu Long biểu thị "Trái Châu" vì như rồng ngậm trái châu.

Ngôi chùa được Khang trang và tồn tại đến ngày nay đã trải qua ba lần trùng tu vào các năm 1748, 1842 và năm 1952 chùa được trùng tu lần thứ ba do hòa thượng Thích Huệ Thành chủ trì. Lần trùng tu này đã đem lại cho ngôi chùa diện mạo mới. Giảng đường, khách đường, tăng đường được xây dựng mở rộng thêm. Mái lợp ngói tây, riêng nhà trụ lợp tôn xi măng, tường được xây dựng bằng gạch thẻ, nền lát gạch tàu và gạch bông, giảng đường có gác lửng, chánh điện được tôn cao thêm 1m. Mặt chính chùa hướng ra sông theo hướng đông bắc, sân chùa có nhiều cây cổ thụ tỏa bóng mát. Dưới gốc cổ thụ có tượng Di Lạc tọa thiền, bên tả là nhà tăng, bên hữu là hòn giả sơn phổ đá, tượng Phật Quan Âm đứng uy nghi với nét mặt nhân từ, khoan dung và phúc hậu. Khuôn viên chùa là khu vườn rộng có nhiều tháp cổ trong đó có bảo tháp của tổ sư Thành Nhạc. Từ ngoài nhìn vào ta thấy sự uy nghi bề thế của ngôi chùa chánh điện, nhà thờ tổ, giảng đường, nhà trụ nối tiếp nhau. Tùy theo chức năng của từng nơi mà bài trí khác nhau. Phần chánh điện uy nghi tôn kính. Bộ thờ chính thờ Phật Di Đà, Thích Ca, Ngọc Hoàng, Tam thế Phật, Đức Địa tạng, Ông Tiêu và các vị Bồ Tát. Đối xứng hai bên thờ gia lam, linh sơn cùng thập điện diêm vương. Đối diện bàn thờ chính là bàn thờ thờ liên điện đại sĩ, tam châu hộ pháp cùng đức thiên thư, thiên nhã, những hàng cột thứ trong chánh điện chạm khắc tinh tế các đề tài: hoa điều, bát tiên, lý ngư hóa long, nhật nguyệt, tứ linh... Trên khắp xà ngang treo hoành phi khắc chữ Hán, sơn son thếp vàng sắc sảo với nội dung về chánh pháp, khuyên nhủ con người với lòng từ bi bác ái.

Chùa Long Thiên được xem như cái nôi của trung tâm truyền bá Phật giáo Nam Bộ và là minh chứng cho sự hiện diện của người Việt ở xứ Đồng Nai. Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm chùa Long Thiên có rất nhiều đóng góp, vào những ngày sôi động cướp chính quyền mùa thu năm 1945, hòa thượng Thích Huệ Thành trụ trì chùa đã đứng ra triệu tập Đại hội Phật giáo thiết lập Hội Phật giáo cứu quốc tỉnh Biên Hòa và chùa là trụ sở của Hội. Trong kháng chiến chống Mỹ hòa thượng lại tiếp tục lãnh đạo chư tăng Phật tử kêu gọi trí thức đấu tranh chính trị góp phần vào công cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc.

Là một công trình kiến trúc tôn giáo, cái nôi của trung tâm Phật giáo xứ Đàng Trong cùng với sự đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng nước nhà, chùa Long Thiên xứng đáng với vị trí trong truyền thống, lịch sử của vùng đất Đồng Nai.

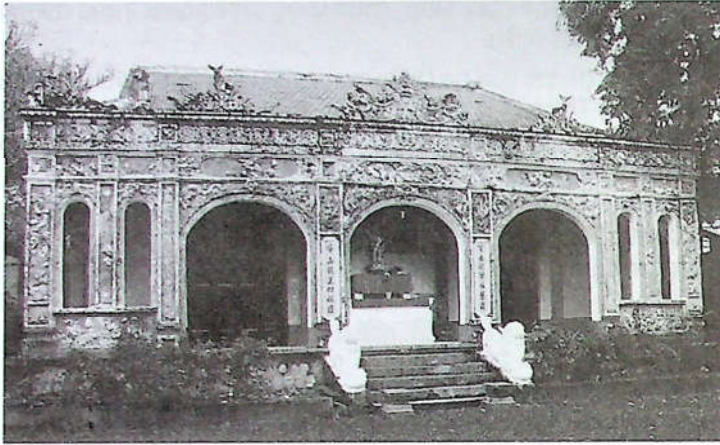


Mặt tiền chùa

<http://phatgiaodongnai.org/dong-nai-chua-long-thien.html>

CHÙA BỬU PHONG

Chùa Bửu Phong tọa lạc trên núi Bửu Long, thuộc xã Tân Bửu, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, (gần khu du lịch Bửu Long). Tháng 4 năm 1991, chùa Bửu Phong đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng là Di tích Lịch sử - Văn hoá cấp Quốc gia.



Bửu Phong Tự là một trong ba ngôi chùa cổ có niên đại sớm của tỉnh Đồng Nai, nơi minh chứng cho sự hiện diện của người Việt ở đất Đồng Nai từ giữa thế kỷ XVII, trước khi chúa Nguyễn quan tâm đến vùng đất Đàng Trong, có nghĩa là người Việt đã có mặt ở đất Đồng Nai trước khi nhóm khai khẩn Trần Thượng Xuyên đến (năm 1679) hay Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược phía Nam (năm 1698).

Tương truyền rằng, ngay từ đầu thế kỷ XVII, nhà sư Bửu Phong đã đến vùng núi non cấm tú (vùng Bửu Long, thành phố Biên Hòa ngày nay) dựng một am tranh đặt tên là Bửu Phong. Sau này, nhà sư Thành

trí Pháp Thông được xem là người có công lớn trong việc xây dựng chùa Bửu Phong. Và là một trong những người đầu tiên đưa dòng Lâm Tế của tổ Nguyễn Thiệu vào hoàng hóa ở Đàng Trong. Vì thế, Bửu Phong Tự là một trong những trung tâm đầu tiên tiếp nhận và truyền bá Phật giáo từ Đàng Ngoài vào, cũng từ đây đạo Phật được truyền đi khắp các tỉnh Nam bộ.

Bửu Phong Tự hay còn gọi là Chùa Bửu Phong, chùa Bảo Phong,... Theo các nhà nghiên cứu, chùa Bửu Phong có lẽ là được xây dựng vào năm Bính Thìn niên 1676, sau chùa Long Thiền (1664) và chùa Đại Giác (1665).

Từ khi xây dựng đến nay, Bửu Phong Tự đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa. Theo tác giả Lương Văn Lựu trong "Biên Hòa sử lược toàn biên" (quyển II - "Biên Hùng oai dũng"), lần trùng tu thứ nhất là: "năm 1679 một nhóm dân binh Trung Quốc thuộc hạ của Tổng lãnh binh Trần Thượng Xuyên nhà Minh chống Thanh triều thất bại xin tỵ nạn xây cất lại bằng gạch ngói và thỉnh đại sư chùa Hoàng Long, hiệu Thành Chí đến trụ trì và tôn là tổ khai sơn". Ngược dòng lịch sử chúng ta sẽ thấy, chùa Bửu Phong đã trùng tu thêm nhiều lần nữa:

- Năm 1829, Tham tướng Nguyễn Văn Hiệp và Hương bảo Nguyễn Văn Tâm đã tổ chức xây cất mở rộng ngôi chùa.

Năm 1869, hoà thượng Pháp Truyền tự là Chơn Ý tu sửa lại nhà thờ tổ, giảng đường, trang trí lại nội thất, chạm khắc lại các bức hoành phi, liễn đối.

Năm 1944, hoà thượng Huệ Quang trụ trì lợp lại mái ngói chánh điện, mở rộng hậu đường, xây dựng liêu phòng ni phái tách biệt với nhà dưỡng tăng.

Năm 1963, Yết Ma Thiện Giáo trang trí lại giảng đường và xây đài Quan Thế Âm trước chùa.

Năm 1964, Đại lão hoà thượng Tăng thống Huệ Thành xây thêm đài Tam Thế Phật trên cụm tảng đá thiên nhiên xếp chồng lên nhau ở phía bên trái của ngôi chùa và điện Linh sơn thánh mẫu.

Vào các năm 1986, 1989 Ni sư Huệ Hương trụ trì cho làm mới hệ thống cửa ra vào phía Nam chùa, trang trí lại toàn bộ hệ thống hoành phi, liễn đối, bao lam, hương án, bệ thờ, xây cất tượng phật bà Quan âm, tượng Di lặc, xây dựng mới Tịnh thất thờ Xá lợi Phật,...

Năm 2009, trước tình trạng xuống cấp nghiêm trọng, sự xâm hại của môi mọt và rêu mốc lên hệ thống các cấu kiện gỗ, Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai thực hiện tu bổ tôn tạo các hạng mục nhà giảng, điện phật nhập niết bàn,...

Lần cuối cùng là vào năm 2013, do nhà tăng và giảng đường bị xuống cấp nghiêm trọng, đặc biệt là hệ thống mái nhà chịu lực kém, ngói bị trôi dạt, nứt vỡ nên hiện tượng thấm, dột vào mùa mưa ảnh hưởng đến các hiện vật gốc của di tích. Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai đã thực hiện tu bổ, tôn tạo hạng mục nhà tăng và nhà giảng.

Qua những đợt trùng tu, kiến trúc chính của chùa Bửu Phong không những được gia cố, bảo tồn và nhiều hạng mục kiến trúc được xây dựng, mở rộng. Từ kiến trúc kiểu chữ Tam gồm chánh điện, giảng đường và nhà thờ tổ, sau nhiều lần trùng tu, chùa chuyển thành kiểu kiến trúc chữ Đinh do thêm nhà dưỡng tăng, nhà khách, nhà bếp, nhà cốt, miếu bà chúa xứ, hệ thống thờ trong khuôn viên, đường nội bộ,... và các bảo tháp bên hông chùa.

Phía bên hông và sau chùa có rất nhiều Bảo tháp. Bảo tháp đa phần là theo lối kiến trúc lục giác hoặc vòng tròn. Được xây dựng rất kiên cố và thẩm mỹ. Trên các cạnh của Bảo tháp thường được trang trí bằng các hoa văn từ đơn giản đến cầu kỳ. Trên đỉnh của Bảo tháp là hình bông sen hay là các Bảo tháp nhỏ xếp chồng và hình quả bầu hồ lô ở trên cùng. Ở mỗi góc tường bao quanh bảo tháp là hình nụ sen được xây cất rất công phu. Vật liệu xây cất chủ yếu là hợp chất, đá ong, sỏi ít là gạch thẻ tô vôi. Bảo tháp mang một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong văn hóa tâm linh của người Việt, là chốn an nghỉ vĩnh hằng cho các tổ sư sau khi đã từ trần. Vì vậy, con người vô cùng tôn kính và dùng hết tài năng để xây dựng nên những tòa Bảo tháp tuyệt đẹp.

Nghệ thuật trang trí chùa Bửu Phong tập trung nhiều ở mặt chính diện như một đặc điểm riêng biệt, nổi bật mà các ngôi chùa khác ở Đồng Nai không có. Với đề tài phong phú, bằng nghệ thuật ghép sành sứ độc đáo thường thấy ở công trình kiến trúc cổ ở Huế đã làm cho kiến trúc chùa mang một phong thái khác lạ. Bằng bàn tay tài hoa của các nghệ nhân xưa, đề tài trong kiến trúc trang trí của chùa Bửu Phong luôn thể hiện khát vọng mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, nuôi trồng và đánh bắt thuận lợi, cầu cho quốc thái, dân an, cuộc sống thịnh vượng, giàu sang, phú quý, tài lộc nhưng thanh tao, bình dị,...

Phía trước cửa chùa Bửu Phong, dưới chân núi là cánh đồng xanh mướt. Phía sau chùa có sông Đồng Nai uốn khúc. Bên trái có đá Thanh Long (còn gọi là Hàm Rồng), bên phải có hang Bạch Hổ và đài Tam thế Phật. Xung quanh chùa có nhiều cây cối mọc um tùm, rậm rạp. Nhiều tảng đá to nhỏ tạo hình kỳ dị. Tảng nhỏ có hình như voi, thấp như rùa, cá và nhiều pho tượng lộ thiên khá lớn. Cảnh sắc thiên nhiên nơi đây đã tạo cho chùa một không gian cách biệt, thoáng đãng, thanh tịnh.

Đặc biệt, giếng nước phía sau chùa do vua Gia Long cho đào để lấy nước sử dụng trong thời gian trốn chạy do quân Tây Sơn đến nay vẫn còn. Ngoài ra, Chùa còn giữ lại nhiều binh hoa, chén, đĩa, bát nhang cổ từ đời Thanh và một số tượng Phật nhỏ bằng đồng.

Không chỉ như vậy, hệ thống tượng thờ trong chùa Bửu Phong vô cùng phong phú và đa dạng: Bộ tượng Tam thế Phật được tạc trong tư thế ngồi niết bàn, đặt ở vị trí cao nghiêm nhất, luôn được các phật tử tôn kính; Bộ tượng Di Đà Tam Tôn gồm: tượng Đức Phật A Di Đà ngồi chính giữa, tượng trưng cho sự sáng suốt – tức là Trí; Quan Thế Âm Bồ Tát, tượng trưng cho tình thương yêu muôn cứu khổ chúng sinh – tức là Bi; Đại Thế Chí Bồ Tát, tượng trưng cho sức mạnh của ý chí – tức là Dũng. Thờ Di Đà Tam Tôn còn có nghĩa là giúp con người phát triển ba đức tính đại trí, đại bi, đại dũng của đức Phật.

Cứ mỗi độ rằm, ba mươi, mừng một, lễ tết, lễ Vu lan báo hiếu, lễ Phật Đản,... chùa tổ chức nghi thức cúng lễ, luôn mở rộng cửa đón tăng ni, phật tử, du khách đến với chùa gửi gắm tâm tư, tình cảm vào Phật pháp.

<http://www.thuviendongnai.gov.vn/baiviet2015/vanhoavnpp/Lists/Posts/Post.aspx?ID=32>

ĐỒNG THÁP

CHÙA KIẾN AN CUNG

Chùa Kiến An Cung, tục gọi là chùa ông Quách, tọa lạc tại trung tâm thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (chùa đối diện với con rạch Cái Sơn). Chùa Kiến An Cung đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào ngày 27/4/1990.

Đây là một ngôi chùa Hoa cổ được xây dựng từ năm 1924 và đến năm 1927 thì hoàn thành. Chùa được xây dựng từ những người di cư từ Phúc Kiến bắt đầu với chế độ nhà Mãn Thanh của Trung Quốc lúc bấy giờ.

Ngôi chùa được ông Huỳnh Thuận vận động người dân gốc Hoa bấy giờ ở Sa Đéc góp tiền xây dựng. Sở dĩ chùa



Chùa Kiến An Cung

còn có cái tên Ông Quách là vị thờ thần Quách Thần Vương Công. Ông là người nhà Tấn với nhiều công lao đất nước, con người chính trực, hiểu thảo nên được hoàng đế bấy giờ sắc phong.

Một ngôi chùa người Hoa lúc bấy giờ luôn có ý nghĩa to lớn. Nó không chỉ là một nơi thể hiện tôn giáo mà còn là nơi hội họp, bàn bạc và giao lưu văn hóa giữa những người Hoa di cư lúc bấy giờ.

Chùa mang đậm nét kiến trúc Trung Quốc, với tổng thể là hình chữ Công (工) gồm ba gian: Đông lang, Tây lang và khu chính điện thì rộng hơn. Mái ngói gồm 3 lớp, mặt trên ngói, giữa gạch, dưới là ngói. Ngói được lợp theo gợn sóng rờn, trải nền cho những ngọn sóng cong vút lên cao, tạo mái ngói theo kiểu "ngũ hành". Mỗi đầu ngọn sóng là một cung điện thu nhỏ, bao gồm có 6 cung điện. Toàn bộ chùa không có kèo, chỉ có đòn tay ráp mộng lại chịu lực trên những cột gỗ tròn. Trên những bức tường của chùa là những hình ảnh trong *Tây du ký*, *Tam Quốc Diễn Nghĩa*,... Phía cổng vào là hai con Ki Lân bằng đá xanh rất lớn, phía trên là tám hoành phi sơn son thếp vàng lộng lẫy.

Tại chính giữa chánh điện là gian thờ đức Quảng Trạch Tôn Vương, tượng ông được đúc bằng đồng đồ với gương mặt phúc hậu, tay cầm đai ngọc, bên cạnh là hai vị thần khác. Phía tay phải của ông là nơi thờ đức Thanh Thủy Tổ Sư, bên trái là Bảo Sanh Đại Đế. Còn hai gian ngoài tức Đông Lang và Tây Lang là nơi thờ một số vị thần khác như Quan Thánh Đế Quân...Phía trên các khánh thờ có một hoành phi đề bốn chữ Hán "Phú bảo an đông". Hai bên cột có đôi liễn:

Đông thôn chúc thánh đức thành cung hách trạc thịnh trùng tu

Phú Mĩ tạ thần án, khánh hạ nguy nga hưng miếu tự

Từ khi xây dựng đến nay, chùa đã được trùng tu ba lần nhưng vẫn nằm tại vị trí cũ. Mỗi năm chùa có hai lễ hội lớn vào ngày 22-2 Âm lịch và 22-8 Âm lịch đón tiếp nhiều khách thập phương.

<https://nucuoimekong.com/chua-kien-an-cung>

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_An_Cung

CHÙA BỬU HƯNG

Chùa Bửu Hưng (tục gọi là chùa Cả Cát) tọa lạc tại xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Chùa cổ Bửu Hưng có giá trị lịch sử và nghệ thuật cao, đã được công nhận là di tích lịch sử, văn hóa cấp Quốc gia vào ngày 3 tháng 8 năm 2007.

Theo tư liệu của chùa thì năm 1777, thiền sư Nguyễn Đăng từ kinh thành Huế vào đây dựng chùa với vật liệu tạm bợ là tre trúc, vách đắp bùn, lợp lá dừa nước.

Chùa Bửu Hưng hiện tọa lạc trong một khu vườn rộng, phía trước là một con rạch nhỏ. Chùa xây dựng theo kiểu chữ "tam" (三), ngang 15 m, dài 50 m, gồm Tiền đường, Chánh điện và nhà Hậu Tổ.

Tiền đường và Chánh điện nối liền nhau. Chánh điện gồm ba gian hai chái rộng lớn kiểu tứ trụ, có bao lam, Thần vọng chạm trổ tứ linh rất tinh xảo và công phu. Giữa Chánh điện là tượng Phật A Di Đà bằng gỗ cao 2,5 m do triều đình nhà Nguyễn gửi vào cúng dường năm Minh Mạng thứ 2 (1821).

Phía sau Chánh điện là một sân lộ thiên (sân thiên tỉnh) hình chữ khẩu (口), có hành lang hai bên (Đông lang, Tây lang) nối với nhà Hậu Tổ.

Trong vườn trúc cạnh chùa là khu tháp cổ. Đây là nơi an trí nhục thân của các nhà sư đã từng tu tập tại chùa. Bên ngoài lối vào khu tháp có đôi liễn chữ Hán như sau:

苾草凋殘猶未死

曇花落去有餘香

Phiên âm:

Bật thảo điêu tàn do vị tử

Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương.

Trong khu tháp, hiện vẫn còn ngôi tháp của Thiền sư Nguyễn Đăng (Tổ khai sơn chùa), tháp của Thiền sư Tịnh Châu (đời trụ trì thứ 2) và 10 ngôi Bảo đồng của 10 nhà sư đến tu vào thời của sư Tịnh Châu...

Tuy đã được sửa chữa lớn nhỏ nhiều lần, nhưng chùa Bửu Hưng vẫn còn giữ được diện mạo của lần đại trùng tu vào những năm 1909-1911, lần gần đây nhất vào năm 1977.



Chùa Bửu Hưng

Trong khu tháp, hiện vẫn còn ngôi tháp của Thiền sư Nguyễn Đăng (Tổ khai sơn chùa), tháp của Thiền sư Tịnh Châu (đời trụ trì thứ 2) và 10 ngôi Bảo đồng của 10 nhà sư đến tu vào thời của sư Tịnh Châu...

Tuy đã được sửa chữa lớn nhỏ nhiều lần, nhưng chùa Bửu Hưng vẫn còn giữ được diện mạo của lần đại trùng tu vào những năm 1909-1911, lần gần đây nhất vào năm 1977.

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_B%E1%BB%ADu_H%C6%B0ng_\(%C4%90%E1%BB%93ng_Th%C3%A1p\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_B%E1%BB%ADu_H%C6%B0ng_(%C4%90%E1%BB%93ng_Th%C3%A1p))
<http://trian.vn/tin-tuc/van-hoa-van-nghe-3576/buu-hung-%E2%80%93-ngoi-chua-thieng-co-nhat-dong-thap-156740>

HÀ GIANG

CHÙA NẬM DẦU

Chùa Nậm Dầu thuộc địa phận thôn Ngọc Thanh, xã Ngọc Linh (là di tích phân bố trên gần đỉnh núi Nậm Dầu), huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Ngày 16 tháng 11 năm 2009, chùa Nậm Dầu được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là di tích cấp Quốc gia.

Chùa được khởi dựng từ thời Trần, khoảng nửa cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV, với kiến trúc đẹp, lộng lẫy, cầu kỳ, độc đáo với nét riêng có của vùng cao núi đá Hà Giang nhưng vẫn mang tính phổ biến thống nhất trong nền văn hóa, văn minh Đại Việt.

Theo truyền thuyết, đời Chùa là nơi rất linh thiêng, có một công trình kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo do ai dựng nên thì không ai biết, không còn di vật hoặc ghi chép lại niên đại xây dựng, đến nay công trình cũ đã bị sập đổ, vì các lý do khác nhau là các văn bia, đồ thờ tự bị thất lạc. Ngôi chùa nằm nằm giữa sự bao quanh của sắc xanh cây lá. Phía trước mặt ngôi chùa (phía Đông) nhìn ra Sông Lô, đằng sau (Phía Tây) có núi Voi bao bọc, phía bắc có núi Bút che chở, phía nam có dòng suối Nậm Dầu chảy bao quanh, nhìn từ trên cao sống dòng suối uốn quanh hiền hòa như một dải ngân hà bao bọc và che chở cho ngôi chùa.

Mấy chục năm trở lại đây, các cụ cao tuổi ở thị trấn Vị Xuyên và các vùng lân cận đã cất dựng lên gian nhà nhỏ để thờ phụng trên nền kiến trúc xưa. Năm 2007, bảo tàng tỉnh Hà Giang kết hợp với Viện Khảo cổ học Việt Nam tiến hành khai quật xung quanh khu vực ngôi chùa và xác định: Chùa Nậm Dầu là một công trình kiến trúc, được kết cấu bởi các vật liệu bằng đất nung như ngói mũi sen, ngói vát, ngói bò, gạch nung, tượng rồng, lá đề... với số lượng nhiều những di vật đất nung này mang phong cách kiến trúc thời Trần thế kỷ XIII- XIV.

Các nhà khoa học đã tìm ra các trang trí kiến trúc như: tượng rồng gắn trên ngói úp nóc, tượng uyên ương, đầu sư tử, tượng chim (phượng hoàng hoặc hạc), tất cả bằng đất nung. Điều đặc biệt hơn cả là trong số

những di vật tìm thấy tại kiến trúc chùa Nậm Dầu có những di vật chỉ thấy có mặt tại Hoàng thành Thăng Long, hoặc ở các công trình lớn và quan trọng của triều đình, và có những di vật lần đầu tiên phát hiện được ở Việt Nam và ở miền Biên cương vùng núi phía Bắc: Đầu đao hai mặt tạo nổi hình rồng với kích thước khá lớn, tượng rồng, cá chép, uyên ương,... được trang trí đẹp mắt.

Hiện, công trình có kiến trúc một ngôi chùa mang đậm nét văn hóa thời Trần nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung. Chùa Nậm Dầu hoàn thành đưa vào sử dụng theo tôn chỉ "nhập thế phụng sự, tốt đời đẹp đạo", không chỉ là địa chỉ tu tập quen thuộc, mà còn là nơi thường xuyên tổ chức các Phật sự nhập thế giáo dục văn hóa và từ thiện, nhằm mang lại hạnh phúc cho cộng đồng. Đồng thời chùa góp phần vào thực hiện mục tiêu phát triển văn hóa du lịch tâm linh trên vùng cực Bắc tổ quốc.



Chùa Nậm Dầu

<https://vanhien.vn/news/ha-giang-di-san-van-hoa-thoi-tran-tai-chua-nam-dau-huyen-vi-xuyen-52166#:~:text=N%C4%83m%202009%2C%20ch%C3%B9a%20N%E1%BA%ADm%20D%E1%BA%A7u,theo%20ho%E1%BA%A1%20%C4%91%E1%BB%99ng%20c%E1%BB%A7a%20ch%C3%B9a>

CHÙA BÌNH LÂM BẢO

Chùa Bình Lâm ở xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Chùa Bình Lâm lưu giữ chuông chùa được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật Quốc gia tại Quyết định số 2599/QĐ-TTg ngày 30.12.2013.

Chùa Bình Lâm (tên chữ là Bình Lâm Tự) khang trang hiện nay được phục dựng lại từ năm 2007. Trước đó, chùa chỉ còn lại phần nền ở phía chân núi đối diện với ngôi chùa hiện nay. Một ngôi chùa khá khiêm nhường ở vào một vị trí cũng khiêm nhường, nép bóng vào chân núi của một bản Mường tại thôn Mường Nam, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Trong chùa còn hiện có một quả chuông đồng được mệnh danh là "trái tim" Bình Lâm Tự.

Chuông chùa Bình Lâm do người đứng đầu địa phương lúc đó tổ chức đúc. Viên thủ lĩnh Nguyễn Anh và vợ là Nguyễn Thị Ninh cùng đồng đạo tín Phật tử trong vùng.vào ngày rằm tháng ba năm Ất Mùi (1295) thời Trần, đời vua Trần Anh Tông đúc chuông này.

Theo các nhà chuyên môn, đây là một trong những quả chuông thuộc loại sớm nhất trong lịch sử chuông đồng ở ta. Chuông là một khối trụ khuôn vòm liền khối bằng đồng có đường kính miệng 59cm, chiều cao 101cm (quai chuông cao 17cm, thân cao 84 cm) nặng 193kg. Quai Chuông đúc nổi đôi rồng đầu thân vào nhau, mỗi rồng có 2 chân, mỗi chân có 4 móng sắc nhọn quắp chặt xuống nóc chuông. Thân rồng mập mạp phủ kín vẩy cá chép, chắc khỏe, uốn cong tạo thành núm treo chuông. Đỉnh quai chuông trang trí hình búp sen.

Phía ngoài thân chuông trang trí 6 núm gỗ được bố trí thành 2 tầng, tầng thứ nhất ở dưới đế chuông có 2 núm đối xứng cách đều nhau 78cm. Tầng thứ 2 có 4 núm tạo thành 2 cặp đối xứng qua trục trung tâm của thân chuông, các núm này cách đều nhau 39cm. Các núm chuông tròn nổi đều bằng nhau, có đường kính